

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Truyền thuyết
dân gian người Việt

Quyển 5



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUYỀN THUYẾT
ĐỊA DANH – PHONG TỤC
VÀ TRUYỀN THUYẾT KHÁC

Quyển 5

**Viện nghiên cứu Văn hóa
và Nhà xuất bản Khoa học xã hội
giữ bản quyền sách này**

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TRUYỀN THUYẾT
ĐỊA DANH - PHONG TỤC
VÀ TRUYỀN THUYẾT KHÁC

Quyển 5

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2009

Chủ biên
GS. TS. KIỀU THU HOẠCH

Nhóm biên soạn
KIỀU THU HOẠCH
TRẦN THỊ AN
MAI NGỌC HỒNG

LỜI GIỚI THIỆU

Vietnam là nước có truyền thống văn học. Bộ sách *Tổng tập văn học Việt Nam* do GS. Đinh Gia Khánh làm Chủ tịch Hội đồng biên tập, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2000 (gồm 42 tập) là minh chứng cho truyền thống đó. Đây là bộ *Tổng tập văn học* viết của cả người Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam từ thế kỷ X cho đến ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Về văn học dân gian, từ năm 2002 đến năm 2006, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã hợp tác biên soạn và xuất bản trọn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, gồm 20 quyển). Hiện nay, hai đơn vị đang hợp tác biên soạn và theo kế hoạch đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc công bố bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* gồm 23 tập. Bộ sách giới thiệu diện mạo văn học dân tộc thiểu số nước ta theo từng thể loại và được xuất bản với hình thức song ngữ (ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc thiểu số).

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 20 quyển) là bộ sách lần đầu tiên được biên soạn tương đối thống nhất về phương pháp, giới thiệu diện mạo văn học dân gian người Việt theo thể loại. Trong *Tổng tập*, mỗi một thể loại được giới thiệu như sau: Bài Khải luận (trong bài trình bày, giới thiệu thể loại, lịch sử sưu tầm, nghiên cứu, giá trị nội dung và hình thức); phần biên soạn các tác phẩm; thư mục. Các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, vè, ca dao được dành hai tập cho một thể loại. Còn các thể loại sau được thể hiện với dung lượng mỗi tập một thể loại: câu đố, truyện ngụ ngôn, giai thoại văn học, truyện nôm bình dân, kịch bản chèo sân đình, kịch bản tuồng dân gian. Người Việt cổ có thần thoại và có thể có sử thi, nhưng vì lý do lịch sử, sử thi bị mai một, thần thoại chỉ còn những mảnh vụn, không còn hệ thống.

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* trước hết và chủ yếu được biên soạn dành cho giới nghiên cứu. Để đáp ứng nhu cầu rộng rãi của bạn đọc, được sự cho phép của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, sự đồng ý của các soạn giả, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Nhà xuất bản Khoa học xã hội chủ trương trên cơ sở đảm bảo nội dung cơ bản, lược bỏ phần dị bản của các tác phẩm, in thành những quyển sách có khuôn khổ và độ dày phù hợp nhằm phục vụ độc giả cả nước. Những quyển này nằm trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*. Khi từng quyển sách này đến tay bạn đọc, sau khi thưởng thức trí tuệ mẫn tiệp trong các câu tục ngữ, sự hóm hỉnh trong câu đố, sự sảng khoái trong các truyện cười, tính chất ý nhị trong các giai thoại văn học, những rung động thiết tha qua lời ca dao trữ tình.... xin bạn đọc hiểu rằng đó là tài sản văn hóa tinh thần quý báu của cha ông, việc sưu tầm, gìn giữ nó không chỉ do các soạn giả được ghi tên ở trong sách, mà còn do nhiều thế hệ, nhiều nhà sưu tầm thực hiện, tên tuổi và các công trình của họ đã được ghi nhận đầy đủ trong bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc từng quyển trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*.

Hà Nội, tháng 8 năm 2008

Giám đốc

Tổng biên tập

NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

TS. Võ Quang Tho

Viện trưởng

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ

Chủ tịch Hội đồng biên tập
Tổng tập văn học dân gian người Việt
GS. TS. Nguyễn Xuân Kính

I. SỰ TÍCH CỐ ĐÔ VIỆT THƯỜNG

Ngày nay, nói đến kinh đô cũ nước Việt, ta thường nghĩ đến đất Phong Châu, đến dãy Nghĩa Linh, dãy Hy Cương. Nhưng theo ông bà kể lại thì kinh đô cũ đầu tiên của nước Việt ta ở đất Việt Thường, dưới chân núi Hồng Linh.

Tục truyền, cha của Long Vương là Dương Vương khi mới mở nước, đi xem phong cảnh núi sông, tìm nơi xây dựng kinh đô. Khi về phương nam, đến vùng Ngàn Hồng, thấy cảnh núi non trùng trùng điệp điệp, 99 ngọn cao vút trời xanh, chân núi vươn tới của Hội Thống, có thể rồng vây hổ châu, Dương Vương rất lấy làm vừa ý. Vương bèn quyết định đắp thành dưới núi, lấy nơi này làm kinh đô. Cứ như ngày nay thì vị trí thành cổ ấy là đất các xã Nội, Tả, Hữu Thiên Lộc, thuộc Châu Hoan.

Xây dựng xong đô thành, Dương Vương lại cưỡi thuyền thẳng về hướng bắc, tiếp tục đi xem phong cảnh đất nước. Thuyền đang đi, bỗng có người con gái "tóc dài, ngài đẹp, da phấn, mặt hoa" từ dưới nước nổi lên, tự xưng là Thần Long. Sau khi chào hỏi ân cần, Vương mời nàng lên thuyền. Đôi bên chuyện trò rất ăn ý. Dương Vương bèn đưa Thần Long về kinh thành Ngàn Hồng và cưới làm vợ.

Dương Vương lại tiếp tục cuộc tuần du phương bắc. Đến vùng Sơn Tây xưa, Vương thấy phong cảnh núi sông thật là hùng vĩ, đặc biệt Ngā Ba Hạc là nơi thủy bộ tiện lợi, xem ra nhiều chỗ ưu việt hơn đất Châu Hoan. Vương bèn cho xây dựng một đô ấp ở dãy Nghĩa Linh, từ Ngā Ba Hạc đến dãy Hy Cương làm nơi hành tại của nước Việt Thường.

Dương Vương lại lên vùng Tuyên Quang ngày nay. Ở đây, Vương lấy một người con gái họ Mã tên là Ngọc Nương làm vợ lẽ. Vua xây một cung sở cho Ngọc Nương ở. Cung sở đó, xưa là đất Tiên Cát, gần thành phố Việt Trì ngày nay.

Dương Vương ở cung sở Tiên Cát ít lâu thì về đô thành Ngàn

Hồng. Lúc này, nàng Thần Long đã đến ngày mahn nguyệt, sinh con trai đầu lòng. Đó là Long Vương, con trưởng Dương Vương, tức là vua Hùng thứ nhất, sau này gọi là Hùng Hiền Vương.

Khi Long Vương lớn lên, Dương Vương bèn giao cho ra kinh thành Nghĩa Lĩnh trông coi việc nước ở phía bắc và thay cha phụng dưỡng bà vợ thứ của Dương Vương là nàng Mã Ngọc Nương. Trong thời gian ở kinh thành Nghĩa Lĩnh, nhân một chuyến đi tuần thú, Long Vương gặp nàng Âu Cơ, một cô con gái ở vùng Sơn Tây cũ và lấy làm vợ. Vua đưa nàng Âu Cơ về ở động Hy Cương, còn mình thì ở luôn Phong Châu (gần Ngã Ba Hạt) làm việc nước. Về sau, Long Vương bỏ đô cũ ở Ngàn Hồng, lấy Phong Châu làm kinh đô chính, đặt tên nước là Văn Lang, chia làm mười lăm bộ.

Để điểm tô cho thủ đô mới của đất nước, Long Vương cho xây dựng mấy chục tòa lâu đài to đẹp, kéo dài từ Ngã Ba Hạt đến núi Hy Cương.

Và cũng từ đó, cố đô Việt Thường bị thời gian xóa dần hết dấu vết, nhưng không sao xóa được hình ảnh kinh thành Ngàn Hồng trong ký ức nhân dân Châu Hoan. Ngọc phả đèn Hùng còn ghi một câu đối:

*Hoan châu thăng địa kiến lập đô thành;
Nghĩa Linh hình cường trùng tu miếu điện.*

Nghĩa là:

Hoan Châu cảnh đẹp xây dựng đô thành;
Nghĩa Linh hình oai sủa sang miếu điện.

2. HÙNG VƯƠNG CHỌN ĐẤT ĐÓNG ĐÔ

Vua Hùng đi nhiều nơi để tìm đất đóng đô của nước Văn Lang. Vua đi tới một miền phong cảnh đẹp đẽ, đất phẳng mà rộng, có nhiều khe suối. Vua cho là thế đất chưa đủ, bèn sai chín đại bàng đắp 100 quả gò, hẹn trước khi trời sáng phải

xong. Chim đại bàng khuân đá đắp được 99 quả gò, chợt có con gà ngủ mơ gáy sáng, chim đại bàng ngỡ trời đã rạng, vỗ cánh bay đi. Vua Hùng đi tìm đất khác.

Lại tới nơi khác, vua thấy có một ngọn núi cao sừng sững như cái trụ chống trời vươn lên giữa hàng trăm quả đồi vây quanh. Vua thúc ngựa lên ngọn núi, dừng ngựa đứng trông bốn phương tám hướng, rộng hẹp thấp cao, rừng trải xa xa, khe ngòi quanh lượn, vua đẹp lòng vừa ý, mới dong ngựa từ từ xuống núi. Chợt con ngựa quay đầu, vó ngựa đập mạnh, núi lở xuống, sạt mất một góc. Vua chê thế đất không vững, bèn bỏ đi.

Lại tới một tòa núi dài đầu cao, đuôi thấp nằm giữa 100 quả đồi nhỏ như con giao long bơi lượn trên mặt sông. Trên núi có đường lên trời, có hang xuống đất. Vua bước vào hang chợt gặp một con rắn trắng chấn đường, cho là điềm gở bèn bỏ đi.

Theo sông Thao, tới một vùng, thấy trước mặt là sông lớn, sau lưng là núi cao, đầm nước mênh mông bao bọc những hòn đảo nhỏ. Vua đứng ngắm cảnh, chợt có con rùa vàng hiện lên mặt nước, lưng như tấm phản, gật đầu chào vua, tự xưng là chúa đầm này. Vua cưỡi lên lưng rùa. Rùa đưa vua đi thăm đủ 99 ngách, cây cối lòa xòa, nước trong xanh, các loài thủy tộc chào đón vua. Vua khen cảnh đẹp nhưng không đủ một trăm ngách và không có thể mở rộng để dựng cung điện họp muôn dân nên lại bỏ đi.

Lại tới sông Đà, sóng xô cuồn cuộn, núi Tân Viên绵绵 một dải, ven sông cây xanh bát ngát, địa thế rất đẹp. Vua truyền lệnh cho chim phượng hoàng đào một trặc chiếc hồ, chọn đây làm đất đóng đô. Đào được 99 cái thì chợt có tiếng phượng đực kêu ở đằng xa, phượng cái vỗ cánh bay theo, cả đàn con bay lên. Vua thấy không đủ 100 cái hồ nên cũng bỏ đi.

Vua đi mãi nơi này nơi khác mà chưa chọn được nơi nào có thể định đô. Đi tới một vùng, trước mặt có ba sông tụ hội, hai bên có Tân Viên, Tam Đảo chầu về, có đồi núi gần xa, có đồng ruộng tươi tốt, có dân cư đông vui. Lại giữa vùng đồi có một quả núi cao

hắn lên như đầu một con rồng, còn những dây kia như những khúc rồng uốn lượn. Vua cả mừng thấy núi non kỳ tú, đất tốt, sông sâu, cây cối xanh tươi. Vua Hùng chọn nơi đây làm đất đóng đô, có thể hiểm để giữ, có thể để mở, có chỗ cho muôn dân tụ hội.

Đó là kinh đô Văn Lang xưa.

3. TRUYỆN MỘC TINH

Đất Phong Châu thời thượng cổ có một cây lớn gọi là cây chiên đàn cao hơn ngàn nhẫn¹, cành lá xum xuê, không biết che rợp tới mấy ngàn dặm. Có chim hạc đến đậu nên đất chõ đó gọi là đất Bạch Hạc². Cây trải qua hàng mấy ngàn năm khô héo mà biến thành yêu tinh, thường thay ánh đổi dạng, rất dũng mãnh, có thể giết người hại vật. Kinh Dương Vương dùng nhạc mà đánh thắng yêu³, yêu hơi chịu nhún nhưng vẫn nay đây mai đó, biến hóa khôn lường, thường ăn thịt người. Dân phải lập đền thờ, hàng năm tới ngày 30 tháng chạp, theo lệ phải mang người sống tới nộp, dân mới được yên ổn. Dân thường gọi yêu là thần Xương Cuồng⁴. Biên giới tây nam giáp liền với nước Mi Hâu⁵, vua Hùng Vương sai dân man Bà Lộ (nay là phủ Diễn Châu) hàng năm bắt giống người Lão tử⁶ sống ở khe núi tối tiến, không

1. Một đơn vị đo lường xưa, bằng 4 thước ta. Nhiều bản chép là trượng (1 trượng là 10 thước ta).
2. Nay là đất Bạch Hạc (gần Việt Trì) thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.
3. Bản A. 1752, bản A. 1200 và bản A. 2914 chép: "Kinh Dương Vương dùng thần thuật mà đánh giặc yêu".
4. Nguyên chữ Xương Cuồng có nghĩa là hành động một cách bạo ngược, tàn ác, không thể tránh áp được.
5. Mi Hâu: còn gọi là Hồ Tôn, tức nước Chiêm Thành (nay là các tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị).
6. Lão tử: sách *Bắc vật chí* chép "Dân sống ở dải đất từ tây nam Kinh Châu tới đất Thục gọi là Lão tử". Theo sách *Tây dương tạp trổ* thì Lão tử là giống người sống ở các khe động miền Linh Nam, đêm tới đều bay đi mất, đến sáng lại trở về cho nên còn có hiệu là Phi đầu Lão tử.

thể thay đổi được lệ ấy. Kíp tới khi Trần Thủy Hoàng bổ Nhâm Hiêu làm quan lệnh ở Long Xuyên, muôn bỏ lệ ấy đi. Thần Xương Cuồng tức giận vật chết Hiêu, vì thế về sau lại phải phụng thờ cẩn thận. Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng có pháp sư Văn Du Tường vốn người phương Bắc, đức hạnh thanh cao, đã từng đi qua nhiều nước, biết được tiếng các dân man, học được thuật làm nanh vàng và răng đồng, năm hơn 80 tuổi sang nước Nam ta. Tiên Hoàng lấy lễ thầy trò mà tiếp, pháp sư bèn dạy cho nghệ tạp kỹ để làm trò vui cho thần Xương Cuồng xem mà giết y. Đoàn tạp kỹ này có Thượng Ky, Thượng Can, Thượng Hiểm, Thượng Đát, Thượng Toái, Thượng Câu. Hàng năm tới tháng 11 lại dựng lâu Phi Vân cao 20 thước, dựng một cây đứng ở trong, tết vỏ gai làm dây chao dài 136 thước, đường kính rộng 2 tấc, lấy mây mà quấn ngoài rồi chôn hai đầu dây xuống đất, giữa gác lên cây. Thượng Ky đứng lên trên dây mà chạy nhanh ba, bốn lần, đi đi lại lại mà không ngã. Ky đầu đội khăn đen, mình mặc quần đen. Dây của Thượng Can dài 150 thước, có một chỗ mắc chac ba. Can hai tay cầm hai cán cờ. Hai người đi trên dây, gặp nhau ở chỗ chac ba thì lại tránh, lên xuống mà không ngã. Khi thì Thượng Đát lấy một tấm gỗ lớn rộng 1 thước 3 tấc; dày 7 tấc đặt lên trên cây cao 17 thước 3 tấc. Đát đứng ở trên nhảy hai, ba cái, tiến tiến lùi lùi điên đảo. Khi thì Thượng Toái lấy tre đan thành lồng hình như cái lò bắt cá, dài 5 thước, tròn 4 thước rồi chui vào đứng thẳng mình mà lăn. Khi thì Thượng Câu vỗ tay nhảy nhót, la hét kêu gào, chuyển động chân tay, vỗ dùi vỗ bụng, tiến lùi lên xuống hoặc cưỡi ngựa bôn tẩu, cúi mình xuống lấy vật ở dưới đất mà không ngã. Khi thì Thượng Hiểm ngả mình nằm ngửa lấy thân đỡ một cái gậy dài rồi cho đứa trẻ trèo lên mà không rớt xuống. Khi thì cho bọn ca hát gõ trống khua chiêng, ca múa rầm rĩ. Lại giết súc vật mà tế. Thần Xương Cuồng tới, thấy thế bèn đến xem, pháp sư đọc mật chú rồi lấy kiếm mà chém. Thần Xương Cuồng cùng bộ hạ đều chết hết, không thể trở lại thành yêu nữa. Lệ tiến lễ hàng năm bèn bỏ, dân lại sống yên lành như xưa.

4. TRUYỆN NGƯ TINH

Ở biển đông có con tinh Ngư xà (còn gọi là Ngư tinh) dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hóa vạn trạng, linh dí khôn lường, khi đi thì ầm ầm như mưa, lại ăn được thịt người nên ai cũng sợ. Đời thương cổ có con cá dung mạo như người, đi tới bờ Đông hải, sau biến thành người, biết nói năng, dần dần lớn lên, sinh ra nhiều con trai con gái, hay bắt cá, tôm, sò, hến mà ăn. Lại có giống Đản nhân sống ở một cái gò dưới bể, chuyên nghề bắt cá, sau cũng biến thành người, giao dịch với man dân đổi lấy thóc gạo, dao, búa, thường qua lại ở Đông hải. Có hòn đá Ngư tinh, răng đá lởm chởm cắt ngang bờ bể, ở dưới đá có hang, Ngư tinh sống ở trong đó. Vì sóng gió hiểm trở, không có lối thông, dân muôn mở một đường đi khác nhưng đá rắn khó đẽo. Thuyền của nhân dân đi qua chỗ này thường hay bị Ngư tinh làm hại. Đêm kia có bọn người tiên đục đá làm đường đi để cho hành nhân có chỗ qua lại. Ngư tinh bèn hóa làm con gà trống gáy ở trên núi. Quần tiên nghe tiếng ngõ rằng đã rạng đông bèn cùng bay lên trời. Tới nay người ta còn gọi lối đi ấy là Phật đào hạng (ngõ Phật đào).

Long Quân thương dân bị hại bèn hóa phép thành một chiếc thuyền của thường dân, hạ lệnh cho quỷ Dạ Thoa ở Thủy phủ cầm Hải thần không được nổi sóng, rồi chèo thuyền đến bờ hang đá Ngư tinh, giả cách cầm một người sắp ném vào cho nó ăn. Ngư tinh há miệng định nuốt. Long Quân cầm một khôi sắt nung đỏ ném vào miệng cá. Ngư tinh chồm lên quãy mình quật vào thuyền. Long Quân cắt đứt đuôi cá, lột da phủ lên trên núi nay chỗ đó gọi là Bạch Long Vĩ, còn cái đầu trôi ra ngoài biển thành con chó. Long Quân bèn lấy đá ngăn bể rồi chém nó. Nó biến thành cái đầu chó, nay gọi là Cầu Đầu sơn. Thân trôi ra ngoài Mạn Cầu, chỗ đó nay gọi là Mạn Cầu thủy (còn gọi là Cầu Đầu thủy).

5. HẠT LÚA THẦN

Tục truyền ngày xưa khi vua Hùng mới dựng nước, ven các con sông Thao, sông Đà, sông Lô đất đai màu mỡ, cây cối tốt tươi. Cư dân Văn Lang vẽ chàm vào người xuống đồng bắt cá về ăn. Vùng đồng kẻ Giáp, kẻ Vây cá nhiều vô kể, ăn cá mồi cũng chán. Các cụ già làng thường thấy trên những bãi bồi hàng năm nở lên những vật cây tốt rất nhanh, lá giống lá mía, thân như thân lau, nở từng bụi sum suê, bông trĩu, quả to, có quả như cái thuyền con, khi quả chín rụng xuống đất, chim chóc cứ mổ mà ăn không xuể.

Các già làng liền rủ nhau lấy rìu bỗn ăn thử, ăn vào đến đâu thấy dẽ chịu đến đấy, nếu đem cho vào ống nấu dốt như nấu khoai mài, ăn thấy càng thơm ngon. Thấy vậy, dân làng rủ nhau đi nhặt về để dành ăn vào mùa đông rét mướt.

Nhưng có năm cây vẫn tốt, lúc ra hoa trời nắng bông lại lép kẹp, bông thì to nhưng cứ giờ thảng lên trời như những mũi mác, cả làng cả bản tha hồ đốt cây trầm hương gọi vía, gọi hồn hạt cũng không to, bông cũng không trĩu xuống.

Vua Hùng thấy vậy, cùng các già làng tìm một ngọn núi cao im lặng trèo lên trên đỉnh, đốt hương khấn vái bốn phương mong Long Quân về phù hộ. Vua Hùng cùng các già làng cầu khấn mãi từ sáng đến hết đêm. Sáng hôm sau, bông nhiên trời nổi sấm sét, mưa từ đâu như trút nước xuống, rồi từ trong đám mưa có vị thần nói to lên rằng: "Từ nay trở đi cứ sáng mồng một tết, nhà nào cũng phải quét sạch nhà cửa cổng ngõ sân bãi đến giờ dần sẽ có lúa thần về mới được ăn, bằng trái ý là lúa bay đi".

Tan cơn mưa, vua Hùng và các già làng như tỉnh giấc mộng, nhìn thấy ngay trước mắt mình một hạt lúa thần thật to bằng chiếc thuyền ba cảng.

Từ đó về sau năm nào cũng vậy, cứ khoảng tháng bảy, tháng tám khi nước các con sông rút đi là tất cả cư dân Văn Lang cùng với vua Hùng nghe theo lời thần dạy, ra những bãi

bồi ven sông cày bừa vun xới, chăm chút nâng niu những cây lúa thắn. Từ đấy năm nào lúa cũng về đều đặn, dân cư no lành, vui mừng ca hát, nhảy múa. Nhưng bỗng một năm có hai vợ chồng nhà quan lang còn trẻ, chị vợ ngủ trưa, khi mở mắt ra những tia sáng của thần trời đã le lói chiếu qua khe liếp nhà, mới vội vàng cầm chổi đi quét sân. Chị vợ đang quét thì lúa tới giờ đã lăn từ ngoài bãi bồi lăn về. Hạt lúa thật to, thật đẹp, nhưng cổng nhiều rác quá, lúa không vào được, chị vợ sợ chồng mắng, mới quay ra mắng lúa: - "Lúa gì mà chưa đến giờ đã mò về". Lúa giận rồi bỏ đi. Trước khi đi, lúa còn bảo: "Nhà chị lười quá, từ nay cứ lấy ngoèo tre, lưỡi cắt từng bông chứ đừng hòng ta lăn về cho mà ăn nữa".

Chị vợ hối hận chạy theo van nài, nói thế nào cũng không được. Lúa thần bay đi, cư dân Văn Lang lại lao đao vì thiếu cái ăn. Vua Hùng lại phải cùng các già làng lên đỉnh núi cầu khấn trời đất, thắp hương suốt ngày đêm, gọi vía lúa, lúa thần vẫn không về. Còn những cây lúa hàng năm vẫn chăm sóc ở bãi bồi ven sông thì lá bé đi, bông nhỏ lại chỉ bằng phần nghìn, phần vạn hạt lúa thắn và phải lấy cái ngoèo tre, đóng một miếng sắt đi cắt từng bông một mang về.

Từ đó, hàng năm cứ sắp đến mùa lúa nở, cư dân Văn Lang và vua Hùng lại cầu khấn thần lúa. Và mỗi khi nước sông rút đi, lại ra sức chăm sóc những cây lúa ven sông rồi mang ngoèo tre, lưỡi sắt đi cắt từng bông lúa mang về.

6. BÀ TỐ NGHỀ DỆT LÚA

Tục truyền, thời Hùng Vương, có một công chúa xinh đẹp là Hoàng Phủ Thiếu Hoa không thích ở vùng Nghĩa Linh, nơi đất vua cha mà lại ưa cuộc sống nông tang nên xuôi theo sông Hồng về cư trú ở một làng ven triền sông, gần ngọn núi Tân. Công chúa tuổi ngày một cao nhưng vẫn không muốn lấy chồng, chỉ một lòng chuyên nghề canh củi. Vua Hùng thấy vậy, bèn ép gả

công chúa cho một quan phụ đạo¹. Công chúa không ưng ý bỏ trốn sang trang Cổ Sắt. Đến đây, thấy đất đai màu mỡ, công chúa dạy dân trồng dâu nuôi tằm và dệt lụa. Hết dạy cho dân Cổ Đô, Vân Sa lại còn mang nghề sang truyền bao cho hơn 60 làng xung quanh. Vì vậy mà sau này, làng Cổ Đô và Vân Sa dệt lụa nổi tiếng là đẹp và bền, nhân dân vùng Sơn Tây cũ còn truyền tụng lại câu ca:

Lụa này thật lụa Cổ Đô²

Chính tông lụa công, các cô ưa dùng.

Tương truyền, nghề canh củi này dần dần được lan truyền sang các vùng khác trong đất Hà Tây và truyền tới nhiều làng thuộc các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình ngày nay. Hầu hết các làng có nghề dệt củi này đã lập đền thờ để tỏ lòng tưởng nhớ công đức của bà Hoàng Phú Thiếu Hoa và coi đó như là thủy tổ nghề dệt lụa của mình.

7. VUA HÙNG ĐI SĂN

Vua Hùng đi tới rừng Rầm trang Lỗ Trì³, dân làng theo rất

-
1. Một chức vụ thời Hùng Vương.
 2. Cổ Đô thuộc Quảng Oai (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây).
 3. Nay là xã Phù Lỗ, huyện Phong Châu, Phú Thọ. Trước đây dân làng có tục cầu hèm như sau: Mỗi giáp sửa soạn một con lợn đen, tới ngày cầu thi trống mõ inh ôi rước ra bãi cầu. Chủ tế phân công các trai tráng cùng đi, người chặt vầu, người chặt nứa để làm ống luộc lợn và làm mâm dan. Lợn để cả con treo lên cành cây quanh bãi Cầu. Lê vật còn có xôi nén vào ống tre, bánh ót, lại cắt giấy đỏ thành mắt vuông buộc vào các cây sào tượng trưng tấm lưới săn. Cúng tế xong dân làng cùng nhau ăn uống ngay tại bãi. Ăn xong, thắp hết tuần nhang thì ông chủ tế ra hiệu cho dân làng vào cướp lưới và khiêng lợn về. Các giáp chia nhau các mảnh lưới giấy cướp được đem về dán vào lưới ở nhà. Mọi người tin rằng làm như vậy trong năm làm ăn sẽ gặp nhiều may mắn, săn bắn được nhiều muông thú. Trước Cách mạng tháng Tám, xã Phù Lỗ vẫn còn truyền thống săn bắn. Với các lệ tục đặc sắc: người đi qua chỗ săn chỉ ới một tiếng cũng nhớ phần thịt thú, đàn bà có mang được chia hai phần...

đông. Vua Hùng đem theo lưới săn, lại có dân làng theo săn nên được nhiều muông thú.

Tới một bãi bằng giữa rừng có khe nước chảy, vua truyền nghỉ chân. Lúc đó mọi người mổ thịt chim và thú ăn được, lấy bộ lồng bỏ vào ống nứa mà đốt, thịt thì nướng trên lửa. Lại ngả tre đan phên thưa lót lá lên trên. Thịt nướng xong, bày trên lá ăn với cơm nấu trong ống và cơm nắm. Ăn xong, dân làng rủ nhau xem lưới săn của vua. Vua Hùng dạy dân cách săn bằng lưới, cách bện lưới bằng dây rừng, và cho dân Lỗ Trì một cỗ lưới.

Vua chia các thứ săn được cho dân mang về nhà để vợ con cùng ăn.

8. VUA HÙNG DẠY DÂN CẤY LÚA

Thời xưa, nhân dân chưa biết cày cấy làm ra thóc gạo mà ăn, chỉ sống bằng thịt thú rừng, rễ cây, quả cây và các loại rau dại, lúa hoang nhặt được.

Các vùng đất ven sông hằng năm được phù sa bồi thêm màu mỡ. Vua Hùng thấy đất tốt mới gọi dân đến bảo tìm cách đắp bờ giữ nước. Vua thấy lúa mọc hoang nhiều, mới bày cách cho dân gỡ hạt, gieo mạ. Khi mạ lên xanh thì đem cấy vào các tràn ruộng có nước.

Lúc đầu dân không biết cấy, tìm hỏi vua. Vua Hùng nhổ cây mạ lên, đem tới ruộng nước, lội xuống cấy cho dân xem. Mọi người làm theo. Cấy tới mặt trời đứng bóng, vua cùng mọi người lên gốc cây đà lớn¹ nghỉ ngơi ăn uống.

1. Tục truyền rằng xã Minh Nông (Việt Trì ngày nay) là nơi vua Hùng dạy dân cấy lúa. Xã ấy ngày xưa có tên tục là kẽ Nú. Hằng năm có lệ đến đầu mùa cấy làm lễ tế vua Hùng ở cây đa Đồn, cử một cụ già lội xuống ruộng cấy trước vài chiếc mạ rồi mới làm lễ tế vua.

9. CHÀNG ÚT SOI

Truyện kể rằng, ngày xưa có một năm trời nắng to lấm, nắng mài, cây cối chết cháy gần hết, đồng ruộng khô cạn nứt nẻ, muông thú chạy hết lên núi đi tìm nước, nhiều con chết gục bên những dòng sông phơi cả đáy. Khắp mặt đất không còn một giọt nước.

Vua Hùng cùng các lạc hầu, lạc tướng lên đỉnh núi Nghĩa đánh trống đồng, cầu trời và Long Quân ban mưa xuống cho dân làng. Cầu khấn liền mấy ngày mà trời vẫn không một gợn mây. Vua Hùng liền hỏi các quan lang và lạc hầu, lạc tướng. Mọi người đều chưa biết làm thế nào, trời đã cầu, Long Quân đã khấn mà vẫn chịu. Lúc ấy có người con út của vua Hùng tên là Út Soi tâu rằng: "Những ngày mưa to nước tràn ngập cánh đồng rồi cũng chui xuống đất mất cả. Bây giờ trời nắng to, ở dưới đất vẫn còn, đào lên khắc thấy". Vua cho là phải, bảo Út Soi và dân làng đào đất xem có tìm thấy nước không?

Út Soi và dân làng ra sức đào hết nơi này đến nơi khác, đào thành ao thành hồ, đất đổ lên thành gò, thành núi mà vẫn không thấy nước. Mồ hôi Út Soi chảy ra tầm tã, chảy mãi tràn ngập cả đất, chảy vào ao vào hồ, chảy thành khe thành suối tươi cho bao bản làng lúa má tươi tốt, người và vật vui mừng nhảy múa bên dòng nước. Còn Út Soi thì tan hết cả người ngấm vào bãy bồi bên sông bón cho rau màu tươi tốt.

10. ĐINH THIÊN TÍCH

Ở Bích Đại và Đồng Vệ, vào thời vua Hùng, có một người con trai tên là Đinh Thiên Tích, không rõ bố mẹ là ai, có sức khỏe khác thường, đấm vỡ được hòn đá lớn. Trong nước có giặc. Chàng rủ trai làng đi đánh giặc. Đánh chưa được, chàng lại trở về làng rủ thêm người. Nửa đêm về tới làng, thấy đói bụng, mới

tìm đến nhà một bà cụ già ở cuối làng xin ăn. Ăn xong, chàng tìm dân làng rủ cùng theo đi đánh giặc.

Khi đuổi xong giặc, Đinh Thiên Tích đem quân trở về làng, đám trâu ăn mừng. Nhân trong cuộc vui, dân làng nói với Tích tìm cách cho làng mỗi ngày một thêm đông người nhiều của.

Đinh Thiên Tích bày ra một phép rước cầu. Mọi người mặc quần áo xanh, đỏ, vác cày bừa và bên trâu bằng rơm rucker đi. Lại làm một cái chòi, một cụ già nhất trong làng cầm một cái túi đựng thóc, ngô, đỗ, kê trèo lên chòi khấn trời đất phù hộ rồi ném các thứ hạt đó ra cho mọi người nhặt. Sau đó cụ già lại tung chày khenh đều dèo bằng gỗ vông, mo dài làm bằng mo cau cho mọi người cướp, gọi là cướp con. Ai cướp được thì năm đó sẽ sinh nở.

Dân đều tin, dâng lê tế trời đất và làm theo.

11. SỰ TÍCH HÁT XOAN

Vợ vua Hùng mang thai đã lâu, tới ngày sinh nở, đau bụng mài mà không đẻ được. Người hầu tâu rằng có nàng Quế Hoa xinh đẹp, múa giỏi hát hay, nên đón về múa hát có thể làm cho đỡ đau và sinh nở được. Vợ vua nghe lời, cho mời nàng Quế Hoa tới.

Quế Hoa ở gần thành Phong Châu, vâng theo lời triệu đến châu vợ vua Hùng. Bấy giờ vợ vua đang lên cơn đau dữ dội, mới bảo nàng Quế Hoa đứng trước giường múa hát. Quế Hoa hát hay, tay uốn chân đưa, người mềm như tơ, dẻo như bún, ai cũng phải mê. Vợ vua mải nghe hát xem múa không thấy đau nữa, sinh được ba người con trai khôi ngô đẹp đẽ. Khi ấy đang mùa xuân.

Vua Hùng vui mừng, hết lời khen ngợi Quế Hoa, mới bảo các mỹ nương học lấy các điệu múa hát và gọi là hát Xuân (tục gọi là hát Xoan).

12. RAU CÂN VÀ TỤC THỜ CƠM SỐNG

Người dân xã Cao Xá còn kể rằng, vào thời Hùng Vương thứ 18 quân Thục từ đông bắc thường kéo đến xâm lấn đất đai. Vua Hùng Duệ Vương đã nhiều lần đem quân chống giữ. Một lần, vua Hùng đưa quân đi đánh giặc đã đến đất Cao Xá (nay là xã Cao Xá, huyện Phong Châu) và cho quân nghỉ lại. Hôm đó là ngày mồng 6 tháng giêng âm lịch, dân làng vừa vui tết xong. Mọi người tất bật làm cơm và lấy rau cần làm thức ăn để khoản đãi vua Hùng và quân tướng. Từ đó trở đi, dân làng Cao Xá có tục kiêng ăn rau cần trong sáu ngày đầu năm.

Ở làng Đồng Luận (huyện Tam Thanh), vua Hùng cũng có lần cho quân dừng chân nghỉ ngơi cơm nước. Đang lúc cơm sôi, nghe tin quân giặc sắp đến, vua Hùng và quân lính vẫn bắc ra ăn rồi mau chóng ra đi. Về sau, để tưởng nhớ ngày vua qua đây, người dân Đồng Luận có tục lệ nấu cơm không chín và đem ra bát mang lên thờ.

13. HỘI HÁT HUÂY DÔ

Vào thời Hùng Vương thứ 18 dân chúng ở các miền núi cao đã chuyển dần xuống các vùng ven theo các triền sông và tiến dần ra phía biển. Một lần bộ tướng của Hùng Duệ Vương là Sơn Tinh và các bộ hạ đi chơi xuân qua vùng sông Tích (nay là xã Liệp Tuyết huyện Ba Vì, Hà Tây) thấy ruộng đất phì nhiêu bèn gọi dân làng đến dạy cách chọn hạt lúa to làm giống đem gieo. Song việc, Tân Viên cùng bộ hạ lại đi du chơi qua các nơi khác, hẹn đến ngày lúa chín sẽ quay về. Đến kỳ lúa chín, dân làng đem liềm hái gặt về. Thóc gạo chất khắp mọi nhà, người người vui mừng chờ đón vị ân nhân. Nhưng ngóng chờ mỏi mắt vẫn chẳng thấy. Ba mươi sáu năm sau, Tân Viên mới quay trở lại thì thấy dân làng đã giàu có, người người đông đúc. Tân Viên liền cho gọi trai gái trong làng ra dạy hát múa mở hội tung bừng, mừng dân no ấm. Được năm ngày đêm, Tân Viên lại từ

giã ra đi. Từ đó trở đi, dân làng cho xây đền thờ để nhớ công ơn Tản Viên và cứ ba mươi sáu năm lại mở hội hát một lần vào dịp mồng mười đến mười lăm tháng giêng âm lịch. Trong các chặng hát người dân thường đồng thanh xướng lên những tiếng "huày dô", còn người múa thì múa bơi chèo. Vì vậy người đời sau gọi đó là hội múa dô hay hội múa hoای dô.

14. ĐẤP THÀNH NGĂN NƯỚC

Tương truyền, khi vua Hùng mới dựng nước Văn Lang thì trời sai một chàng trai trẻ, có sức đội đá vá trời xuống giúp đắp thành quanh núi Nghĩa.

Mới chưa đầy một đêm chàng đã gánh đất, đá đắp từ đồi Chẽ Cao női vào Hốc Cọc¹. Chàng định gánh một gánh nữa từ Gò Đrei, Gò Đội về đắp vào hốc Cò Kẻ để ngăn con nước chảy từ Ba Khe, Hốc Chồng cho dâng vào quanh núi. Nhưng mới gánh lên vai bước được vài bước thì trời đã sáng, sợ lộ "thiên cơ" chàng phải ra An Thái nằm nghỉ chờ đêm tối đắp tiếp. Nhưng chàng may ngày hôm sau đỡ nắng to quá, chõ chàng nằm rắn chắc lại, chàng biến vào trong đất, vì thế đến nay chõ đất chàng nằm có hình người, mặt hướng về núi Nghĩa, hai sọt đất chàng gánh thành hai núi Sông Lớn, Sông Con. Chiếc đòn gánh chàng để giữa biến thành đồi Đòn Gánh női liền hai núi Sông. Chỗ chàng lấy đất sâu thành khu vực Đầm Đrei, thuộc xã Kim Đức, huyện Phong Châu bây giờ.

15. BA CHÀNG QUAN LANG ĐI SẴN (Sự tích núi Nghĩa, núi Văn, núi Nỏn)

Ngày xưa có ba chàng quan lang đi săn, đến nghỉ chân ở Ké Đrei. Trời đã trưa mà ba chàng vẫn không săn được con cầm thú

1. Những đồi gó quanh núi Hùng.

nào. Dân Đời bèn mổ hươu vàng do dân trang săn được từ mấy ngày trước còn lại, lấy thịt làm cỗ mời các quan lang cùng dân trang ăn uống. Ăn xong, ba chàng nghỉ bức mình vì vẫn chưa săn được con gì, liền xách cung tên đi ngay. Đến đầm Thọ Quang gần trang Phú Mãn, giữa lúc nắng chiều oi bức, thấy đầm nước trong mát, chàng út mừng quá liền mang khăn xuống đầm rửa mặt, rồi phơi khăn trên bụi hoa mua hoa sim. Khi ấy trên trời có con diều hâu to lấm, đôi cánh dang bằng sải tay, bay liệng mấy vòng rồi đột nhiên lao xuống cặp lấy chiếc khăn bay lên núi. Chàng út không sao đuổi kịp. Út mất khăn, nhìn chim, kêu khóc nức nở. Chàng cả định xách cung tên theo chim lấy khăn. Nhưng chàng hai đã nhanh nhẹn: "Xin đuổi". Chàng cả chưa kịp trả lời, chàng hai đã lao lên núi. Lên đến đỉnh, chim lại bay sang núi khác. Thấy chim bay đi vẫn cặp chiếc khăn, chàng cả lại xông lên núi Đón. Vừa leo lên đến đỉnh, định giương cung bắn thì chim lại bay sang núi phía nam. Hai người anh mệt quá, nằm thiếp đi ở hai đỉnh núi. Chàng út chờ hồi lâu không thấy hai anh trở về, bèn xách cung tên theo hướng chim bay, băng qua bụi rậm, khe sâu đuổi chim. Thấy chim liệng sà xuống đỉnh núi phía nam, chàng xông thẳng lên đỉnh núi, bắn. Nhưng chim lại vút bay cao rồi thả tấm khăn xuống đỉnh núi, biến mất.

Út mừng rõ, hú liền mấy tiếng báo tin vui. Không thấy hai anh trả lời, chàng chột dạ, đoán chắc hai anh gặp sự chẳng lành, cầm tấm khăn mà nước mắt đầm đìa, chan chứa, rồi uể oải ngồi xuống một phiến đá dưới gốc cây suối già trên đỉnh núi, vừa ngắm nhìn chiếc khăn vừa hướng về phía hai anh ngóng chờ tin tức.

Người anh cả nằm lặng trên đỉnh núi cao nhất. Nghe tháv em báo tin mừng, chàng cũng mừng thầm, cố lấy sức hú to để đáp lại lời em, rồi lịm đi. Bên núi phía bắc, người anh thứ hai nghe vọng tiếng hú của anh cả, cũng cố hú lên vài tiếng báo tin cho anh. Hú xong, cũng lịm đi trên đỉnh núi, dưới gốc cây lim xanh.

Trên đỉnh núi phía nam, chàng út nghe được tiếng hú trả lời của hai anh thì vô cùng mừng rỡ. Nhưng tiếng hú nhỏ dần rồi lịm đi. Chàng buồn bã hú trả lời, nhưng không thành tiếng, rồi cũng hóa luôn trên tảng đá lớn.

Ngay đêm đó, vua Hùng nghỉ ở "Nội minh đường" mộng thấy có thần nhân đến báo: ba chàng quan lang đã từ giã cõi đời.

Về sau, đời nọ truyền đời kia không ai dám phá ba ngọn núi đó cả và đặt tên là núi Nghĩa, núi Vận và núi Nỗn (Đồn), gọi là tam đỉnh cẩm địa, cây cối xanh tốt quanh năm.

Nhân dân các làng: Đơi, Trung, Hợi, Thét¹, Ngọc Trù, Phú Mân, Thọ Quang² nhớ ba vị quan lang nên lập đền thờ ngày đêm hương khói.

Trước đây, những ngày tiệc, các thôn làng đó có lệ phải đi săn hươu về làm cỗ cúng, về sau săn hươu khó mới mổ bê vàng thay làm cỗ cầu.

16. MỤ GIẠ

Thuở ấy nước ta gọi là nước Văn Lang do vua Hùng làm chủ. Nước Văn Lang bấy giờ chưa được rộng lớn như ngày nay. Bấy giờ ở phía nam, nước ta giáp với nước Tiết Hầu. Nước này cũng là một nước người đông của lấm. Hai nước Văn Lang và Tiết Hầu cùng chung biên giới nên núi liền núi, sông liền sông vì thế nhiều lúc không phân biệt được đâu là ranh giới. Đã có nhiều ý kiến là phải mở một cuộc chiến tranh để phân chia rõ ràng địa giới. Hai ông vua của hai nước đều là những ông vua hiền không muốn để xảy ra một cuộc đao binh bèn thỏa thuận bằng một phương pháp giải quyết lành mạnh và hòa bình: mỗi bêr cử ra một người, cùng một giờ, một ngày, ra đi từ nước mình sang

1. Các làng này thuộc xã Phù Ninh (Phong Châu).
2. Các làng này thuộc xã Kim Đức (Phong Châu).

phía nước bên kia. Hết hai người này gặp nhau ở đâu thì lấy nơi đó làm giới hạn biên cương của mỗi nước.

Nhà vua cho người đi rao khắp nơi, tìm người tài giỏi để đảm nhận trọng trách này, nhưng gần đến ngày hẹn vẫn chưa tìm được ai vừa ý. Lúc ấy, ở một làng quê hẻo lánh, có một người đàn bà khỏe mạnh, chỉ sống có một mình. Vì ở cô độc lẻ loi nên mãi tới ngày cuối cùng sứ giả nhà vua mới tìm tới được. Khi biết tin này, bà ta sốt sắng nhận lời ngay. Thấy bà người to cao, khỏe mạnh khác thường, sứ giả khấp khởi mừng thầm vội đưa ngay bà về yết kiến nhà vua. Vua vui vẻ cử ngay bà vào cuộc thi đì bộ hôm sau. Suốt đêm ấy, người ta chuẩn bị cơm nước cho bà, và mụ Giạ - tên người phụ nữ ấy đã ăn liền mấy nong cơm lớn để tờ mờ sáng là bắt đầu vào cuộc thi đấu.

Rạng canh năm, khi gà vừa gáy báo canh tiếng thứ nhất, mụ Giạ đã khởi hành. Bà đi nhanh như chim bay, mỗi bước của bà vượt qua hai ba trái núi cao, năm sáu ngọn đồi lớn. Chưa đầy nửa buổi, bà đã đi được mấy trăm dặm đường. Đến quá trưa, chân bà đã đặt tới dãy Khai Trường (núi Giăng Màn) ở Nghệ An, và cuối cùng bà đã gặp người của nước bên kia ở phía nam một con đèo. Từ đó ngọn đèo trở thành biên giới phía tây nam của nước Văn Lang. Ngọn đèo ấy thuộc dãy núi Nam Giới, nằm giữa đất Tân Ấp của Hà Tĩnh và đất Bản Thong Kham của nước Lào ngày nay.

Nhà vua nhớ công ơn mở mang bờ cõi của bà bèn lấy tên bà đặt luôn cho ngọn đèo ấy. Chính là đèo Mụ Giạ ngày nay.

17. BÀ TĂNG MÁ

Tại làng La Phù ở ven sông Đà, vào đời Hùng Vương thứ 18 có một người đàn bà nghèo khổ, sống đơn độc trong một cái lều cổ ven sông. Bà đã già mà vẫn chưa có chồng con và không biết vì sao mọi người đều gọi là bà Tăng Má.

Một hôm, vừa đi cắt cỏ về, bà thấy trong người nóng bức, bà

rẽ xuống tắm dưới sông. Bỗng có một con rắn nổi lên bên cạnh, bà sợ hãi vội vàng ra về, không dám nói với ai; và cũng từ đó, bà thấy trong người mệt mỏi, bụng mỗi ngày một to ra. Bà càng thêm lo sợ. Chín tháng sau vào một ngày mưa to gió lớn, bà trở dạ và sinh ra ba quả trứng. Được ít lâu, ba quả trứng nở thành ba con rắn con. Bà rất kinh sợ nhưng cũng không nỡ giết đi. Ngày ngày, mỗi khi đi làm, bà lại đặt chúng vào một cái giỏ tre và mang theo. Trong khi bà làm, chúng thường bò ra quấn quýt quanh chân. Một lần, trong khi cuốc đất, chẳng may bà bỏ lỡ cuốc trúng phải một con làm đứt mất khúc đuôi. Cả ba con bỗng kêu khóc âm ī. Bà lo hãi và sợ dân làng biết nên đem thả chúng xuống sông. Ba con rắn trở thành Hà Bá ở ba khúc sông Đà. Hai con dài ở ghềnh La Phù và ghềnh Trung Hà, còn con cộc ở ghềnh Ba Triệu.

Vì tình mẹ con nên tuy đã xuống ở dưới nước, đàn rắn vẫn động lòng nhớ bà Tăng Má. Hàng năm, vào mùa mưa, đàn rắn thường dâng nước lên cao để bơi về thăm mẹ. Nước dâng lên đã gây ra cảnh ngập lụt khắp cả một vùng. Người dân khổn khổ đau và cất lời oán thán.

Thấy cảnh tình này, bà Tăng Má vội vàng lấy đất, đá ném đuổi và khuyên đàn con trở lại lòng sông cho nước rút đi. Người dân ven sông cũng bắt chước bà, lấy đất đá ném theo. Chẳng bao lâu, năm này qua năm khác, những tảng đất đá ấy chồng chất cao dần và kéo thành một dải tạo nên con đê lớn kéo dài ven sông Đà như ngày nay. Cũng từ đó trở đi, nhân dân thoát khỏi nạn lụt khủng khiếp hàng năm. Để tỏ lòng biết ơn, người dân trong vùng đã lập đền thờ bà Tăng Má ở ven sông.

Khi bà Tăng Má chết đi, hàng năm cứ vào khoảng tháng sáu, tháng bảy âm lịch, ba chàng rắn lại dẫn dắt con cháu làm mưa làm gió để về ăn giỗ mẹ. Vì thế, quãng sông kéo dài từ nơi chúng ở đến nơi bà Tăng Má chết, vào dịp đó thường nổi sóng dữ dội. Người dân luôn luôn phải tôn cao thêm đê và cất cử nhau ngày đêm canh giữ. Nhất là ghềnh Ba Triệu nơi con Cộc trấn

giữ (nơi này vực sâu và nước to là do con Cộc bị đau đuôi nên nóng tính và hung tợn).

18. VUA BÀ

Tục truyền rằng, cũng là con do bà Tô Cô đẻ ra, nhưng Nhữ Nương khác hẳn các chị em sinh cùng một bọc. Ai cũng môi son má đỏ, da trắng tóc dài, thân hình đầy đặn dịu dàng nổi tiếng xinh đẹp. Còn Nhữ Nương đã thấp gầy, da lại đen. Lúc bình thường, trông cô gái lờ đờ, ngơ ngác, tưởng như hồn vía để đi đâu mất rồi. Vậy mà nhập vào cuộc hát ca, Nhữ Nương trông linh hoạt, duyên dáng hẳn lên. Khuôn mặt người ngồi tĩnh cảm, khi nhí nhảnh vui tươi lúc mặn mà đầm thắm. Giọng Nhữ Nương đã trong lại ấm, như rót vào tai người nghe. Lời ca Nhữ Nương đặt ra vừa bay bổng vừa chân thực, khi ngộ nghĩnh hồn nhiên, khi thầm thia ân tình. Giọng hát, lời ca của Nhữ Nương đã tạo cho cô một khuôn mặt mới, kỳ ảo và mê đắm lòng người.

Rời nơi mẹ sinh, Nhữ Nương lưu lạc tới vùng Viêm Xá sông Cầu. Nhà giàu trong làng mướn cô làm người ở. Nhữ Nương lắc đầu từ chối:

- Ta tuy tú cốc vô thân, nhưng không muốn làm con chim hót tiếng đau xót trong lồng giam?

Người nghèo nhìn cảnh cô bơ vơ, nay trú nhờ nhà này, mai ở tạm nhà khác, thì tỏ lòng ái ngại. Nhữ Nương cười bảo:

- Ai thương ta trơ trọi đơn độc, liệu có đồng bâu bạn thân thích bằng ta không? Ta có trời đất làm cha mẹ, có núi sông làm anh chị, còn chim, bướm, hoa cỏ đều làm bạn bè... Còn ai sướng hơn ta nữa!

Ngày ngày Nhữ Nương lặn lội khắp đồng xa đồng gần mò tôm bắt cá, kiếm con cua con ốc mang về đổi lấy lẻ gạo sống qua bữa. Suốt ngày ướt sũng, lấm lem bùn đất, Nhữ Nương vẫn vui. Vừa làm nàng vừa nhảm nhũng câu hát chợt nghĩ ra. Có khi

hứng chí, Nhữ Nương hát to lên một khúc. Giọng ca âm vang trên mặt sóng đồng không.

Mùa khô ruộng cạn nứt toác chân chim. Nhữ Nương rời đồng lên núi Quả Cảm cắt cổ gianh cổ giàng về bán cho lò gốm ven sông. Từ những sườn đồi cổ mọc lút đâu, tiếng ca Nhữ Nương vút lên hòa với tiếng líu lo chim ngàn, tiếng rì rào bờ sông nước chảy...

Khi ngơi công việc, bên bếp lửa quây quần bạn gái bạn trai đồng lúa tuổi, tiếng hát Nhữ Nương càng say xưa, biến hóa. Người già nghe thấy trẻ lại, người trẻ nghe thấy chân tay tự nhiên gõ nhịp miệng mấp máy hát theo...

Nhữ Nương thường khuyến khích các bạn trong làng:

- Cứ hát đi! Đừng ngại không có giọng. Cốt nhất trong lòng mình muốn hát lên...

Nói như thế nhưng Nhữ Nương rất để tâm uốn nắn cho các bạn cùng hát. Chả bao lâu, khắp làng đều vang lên tiếng hát. Bên gái bên trai họp thành bọn, hát đoi đáp thâu đêm.

Nhà giàu trong làng lắc đầu, bức tức:

- Hát hỏng suốt ngày, còn lúc nào làm ăn được nữa!

Lời thở than, dậm dọa của nhà giàu ngập chìm trong tiếng bước chân trâu rầm rập ra đồng cày bừa, tiếng thóc ngả rào rào vào tay liềm tay hái...

Trai gái nhà giàu trong làng nắm tay hậm hực:

- Chả nhẽ chúng mình lại chịu lép lũ khổ dây ấy ư? Phải tổ chức cuộc thi hát, cho Nhữ Nương biết tay!

Cuộc thi kéo dài, phần hơn thua chỉ trông vào cuộc đấu tài giữa Nhữ Nương và cô tiểu thư nhà giàu đầu bọn.

Vào cuộc, cô tiểu thư ra trước. Đã xinh đẹp, tiểu thư lại trang điểm đủ thứ gấm vóc lụa là, ngọc đắt vàng đeo đầy người, trông càng rực rỡ, xúng xính chả kém gì các nàng công chúa con vua. Tiếng hát tiểu thư cất lên lanh lót, thánh thót ngân rung... Đến lượt Nhữ Nương, đứng bên tiểu thư càng bị lấn át. Đã đến

thấp, lại ăn mặc nâu sồng chân quê. Tiếng Nhữ Nương run run đưa lên nhè nhẹ, mới đầu còn như thủ thỉ tâm tình rồi đột nhiên tiếng hát vút cao lồng lộng. Khuôn mặt Nhữ Nương bừng bừng như nắn nỉ, như mời gọi, mỗi lúc một thêm rạng rỡ, nở nang. Đang cao vời, tiếng hát chợt lặng đi, mãi mới khắc khoải nỗi vào những tiếng thở than nửa thương nửa trách, lưu luyến vấn vít... Người nghe nín thở, tất cả dồn sự chăm chú vào khuôn mặt linh động kỳ ảo của Nhữ Nương. Lúc này không ai còn nhớ đến cô tiểu thư như phán như bột kia nữa...

Giành được sự chú ý về mình, Nhữ Nương lại khéo léo chuyển sang phần hát đối. Ngay từ câu hát đầu, Nhữ Nương đã làm cho đối thủ lúng túng. Lời của cô đặt ra, khi châm chọc, khi ngoắt ngoéo làm cho tiểu thư không biết đáp lại cách nào, đành đỏ mặt đứng đực ra đấy. Nhữ Nương đã thật sự làm chủ cuộc hát, với phần thắng chắc chắn về mình.

Tục truyền rằng, sau cuộc thi ấy, Nhữ Nương thành người nổi tiếng khắp vùng. Trai gái các làng lân cận cùng rủ nhau thành bọn sang kết bạn với Nhữ Nương.

Một hôm trời đã nhá nhem tối, Nhữ Nương cùng các bạn đang ngồi hát ở bến sông, mải mê quên cả giờ về. Đột nhiên từ dưới mặt nước vang lên tiếng hát đáp lại, giọng nam trầm sâu thẳm. Giọng hát cứ tiến đến mỗi lúc một gần hơn. Nhìn ra thấy ba người con trai hình dáng thanh tú đi tới. Cả ba đều trùm khăn thâm che kín mặt. Thấy thế, Nhữ Nương và các bạn cũng bỏ khăn vuông xuống giấu mặt đi. Rồi cuộc hát lại tiếp tục, giọng nam nữ đan xen nhau, nâng đỡ nhau, hòa quyện khăng khít. Chưa bao giờ Nhữ Nương gặp người hát đối tài tình đến thế. Tép hát bên nam cũng như được chấp thêm cánh, chưa bao giờ thả sức phơi phới đến thế. Hát mãi, hát mãi tối khi tiếng gà gáy sáng hai bên mới chịu dừng dằng già bạn, ba người con trai quay xuống bờ sông xin về.

Rồi cả ngày hôm ấy, Nhữ Nương như đi trên gió đứng trên mây, tâm trí chảng lảng bất định. Không hiểu những người con

trai ấy là ai? Các chàng học ở đâu được những câu hát hay thế? Liệu tôi nay các chàng có trở lại không? Mỗi câu hỏi đều thắc thòm, vương vấn nỗi nhớ niềm thương. Chờ mãi đến khi chiều tối, Nhữ Nương lại rủ các bạn ra bến sông. Câu hát bên nữ vừa bắt vào trổ đầu thì từ dưới mặt nước giọng nam lại vang lên. Giọng hát cứ tiến đến mỗi lúc một gần hơn. Và ba người con trai khẽ thâm trùm mặt lại xuất hiện. Cuộc hát đêm qua lại nối tiếp, càng sôi nổi, mê mải hơn.

Rồi đêm thứ ba, đêm thứ tư cũng thế. Từ đêm thứ năm trở đi, những người đi theo đều cạn bài đối đáp, chỉ còn Nhữ Nương và người con trai thường đi giữa dáng thanh tú hơn là vẫn tiếp tục hát. Tới đêm thứ chín, những người đi theo không đủ sức thức liên tục, chỉ còn Nhữ Nương và người con trai đầu bợn đọ tài với nhau thôi. Gần cuối đêm hát, thấy người con trai tự nhiên ngừng lại, cúi đầu, Nhữ Nương hỏi:

- Chắc chàng đã mệt rồi. Thôi chúng ta tạm dừng ở đây...

Chàng trai thú thật:

- Đúng là phải dừng rồi. Dừng đêm nay và hàng năm nữa may mới lại có dịp hát với nhau. Nàng không biết đâu, tôi chính là hoàng tử con út của vua Thủy Tề. Có lần đi dưới khúc sông này, nghe tiếng hát nàng, tôi mê quá nên cố nhầm thuộc. Rồi bao nhiêu lần nàng hát nơi bến sông này, tôi cũng đều ở dưới nước lắng nghe. Dịp vừa qua vua cha có việc đi vắng nên tôi mạo muội kéo vài thủ hạ lên bờ, hát với nàng. Nay thời hạn đã hết, mà thật khó lòng già bạn. Nàng, nếu nàng ưng thuận cho tôi kết duyên với nàng trên bờ này, tôi sẽ xin được phép vua cha cho gần gũi luôn luôn với nàng. Tôi nhớ lần đầu tiên thấy nàng vừa cất cỏ vừa hát, từng đám mây ngũ sắc đến che trên đầu...

Lời chàng hoàng tử con vua Thủy Tề tha thiết quá, làm sao Nhữ Nương từ chối cho được. Ít lâu sau, đám cưới do tiếng hát xe duyên đôi trai gái người trên cạn kề dưới nước được cử hành ngay trên đất Kẻ Diêm - Viêm Xá. Dân làng tôn Nhữ Nương là

đức Vua Bà. Mỗi cuộc hát quan họ đều được mở đầu bằng câu:

Thủy tổ Quan họ làng ta

Những lời ca xướng Vua Bà sinh nê...

19. THÁNH MÃU THƯỢNG NGÀN

Nước Văn Lang thời các vua Hùng đã có núi cao, sông rộng, trời đẹp nắng vàng, nhưng đồng ruộng vẫn còn rất hẹp, người ở còn thưa thớt lắm. Vua Hùng vương thứ mười bốn cùng hoàng hậu An Nương sớm ngày chăm chỉ dạy dân làm ruộng, chăn thú, dệt sợi, đúc đồng... Vì mải mê công việc mà mãi ba năm sau khi có mang, An Nương mới sinh ra Quế Nương công chúa. Dịp ấy nhầm ngày 11 tháng 3.

Tới tuần cập kê thì sắc đẹp của công chúa Quế Nương đã nghiêng thành nghiêng nước. Nàng lại nổi tiếng là người khéo tay, hay làm, nết na thuỳ mị. Vua cha vô cùng yêu quý công chúa. Hoàng thái tử các nước chỉ nghe tiếng nàng đã đua nhau tìm đường đến xin cầu hôn. Nhưng, tất thảy nàng đều từ chối khéo, chẳng để mắt lòng ai.

Nào ngờ, công chúa chưa kịp xây tổ ấm thì mẫu hậu bỗng đang không bệnh mà chết! Nói sao hết nỗi đau đớn của nàng công chúa. Vua cha còn đó mà nhiều lúc nàng không khỏi cảm thấy bơ vơ. Vì thế, ít ngày sau khi mẹ mất, Quế Nương đã xin cha cho đi du sơn ngoạn thủy. Được vua cha ưng lời, Quế Nương liền mang mười hai thị nữ lên đường. Họ thường đến những nơi non thanh cảnh vắng, sống chay tịnh mong vịt nỗi buồn.

Cho đến một ngày kia, công chúa và đoàn thị nữ đặt chân đến vùng đất Khả Lê (xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam). Thấy non thanh, cảnh tú, họ liền dừng lại thưởng ngoạn. Đêm hôm đó, công chúa nằm mơ thấy một tiên ông hiện về. Tiên ông khuyên nàng hãy bỏ chốn phồn hoa đô hội, nơi vua cha đang ngóng đợi từng ngày, mà ở lại đây thực lòng theo đạo. Khi tỉnh dậy, công chúa nghĩ lại, thấy lời khuyên thật hợp ý mình, bèn

cho lập một cung ở cạnh vực Mõ và nghỉ lại đó. Công chúa mang hết số tiền của hộ thân ban phát cho thị nữ cùng dân trong vùng để mua sắm dụng cụ khai sơn phá thạch, lập làng. Công việc làm ăn bắt đầu. Theo nếp mẹ truyền, nàng công chúa tài khéo sớm hôm chuyên cần dạy dân làm đủ các việc: cày ruộng, phát nương, dệt vải, chăn thú, rèn sắt luyện đồng, làm đồ gốm, chống thú rừng... Những người nghèo khổ đều được công chúa cứu mang hết lòng. Bởi thế, cả trăm họ trong vùng đều vô cùng kính trọng Quế Nương.

Chẳng bao lâu, nơi đây đã trở nên trù phú. Lúa vàng khắp ruộng, sắn ngô xanh mướt trên nương, chim chóc đua nhau bay về núi rừng quanh bản, rộn hót suốt đêm ngày...

Bỗng một sớm mai, công chúa vừa tỉnh dậy đã thấy trong người khác lạ. Nàng bèn ngược dòng suối Mõ, leo mãi lên dãy Huyền Sơn rồi hóa ở đó.

Nhân dân nghe tin, vô cùng thương tiếc nàng công chúa nhân hậu đã mang lại cho muôn người cuộc sống no lành. Họ cùng nhau lập các đền thờ dọc theo suối Mõ (đền Hạ, đền Trung, đền Thượng), còn chính nơi nàng qua đời thì lập chùa, gọi là chùa Hóa, để bốn mùa hương hỏa thành kính vong linh nàng. Nhân dân lại suy tôn nàng là Thánh mẫu thượng ngàn.

Kể từ ngày đó, suốt từ tháng giêng đến tháng ba hàng năm, du khách bốn phương lại náo nức hành hương về đây trẩy hội. Đó chính là dịp để mọi người cùng thưởng ngoạn cảnh đẹp thiên nhiên vùng suối Mõ và tưởng nhớ Thánh mẫu thượng ngàn - công chúa Quế Nương.

20. RỪNG MỌC TỪ VÔ ĐẬP ĐẤT

Xưa kia, ở miền Võ Giàng có một bà mẹ sinh đôi được hai người con trai giống nhau như đúc. Khi hai anh em vừa đến tuổi trưởng thành, cha mẹ liền cho họ ra ở riêng: người anh ở làng Cán (Can Vũ), người em ở làng Ngườm (Nghiêm Xá).

Cả hai anh em họ cùng chăm chỉ làm ăn. Cuộc sống của họ chẳng mấy chốc đã trở nên khấm khá. Nhưng rồi một sớm mai kia, khi hai anh em đang mê mải đập đất ngoài đồng, bỗng thấy từ phía xa, một đoàn quân đông ngàn ngạt đang ào ào phi ngựa về phía họ. Vó ngựa làm rung chuyển mặt đất, bụi cát bay mù trời. Hai anh em liền rủ nhau chạy tới ven đường hỏi han và được biết đó là đoàn quân ông Gióng trên đường đi đánh giặc Ân. Hai ông bèn xin theo. Gióng ưng thuận. Hai người bèn vứt luôn chiếc võ đang cầm trong tay ra ruộng để nhập vào đoàn quân.

Sau khi thắng giặc, Gióng cưỡi ngựa phi thẳng tới đỉnh núi Sóc rồi bay lên trời. Hai anh em nhà kia lại cùng nhau trở lại quê nhà tiếp tục cấy lúa, trồng khoai. Ít lâu sau, họ cùng mất một ngày.

Tại cánh đồng hai anh em nhà kia vứt võ để theo Gióng ra trận, sau đó mọc lên hai cánh rừng. Chiếc võ của người em bằng tre đã biến thành rừng tre, còn chiếc võ của người anh do làm bằng gỗ nên đã biến thành rừng gỗ. Đó là cánh rừng tre mọc quanh khu đền người em ở làng Nguồm và cánh rừng gỗ mọc quanh đền anh ở làng Cán mà mãi đến gần đây vẫn còn.

21. CHÙA TRẦN QUỐC

Chùa này theo truyền thuyết có một lịch sử rất lâu đời. Trước đây chùa có tên là An Quốc. Chùa An Quốc sau đổi là Trần Quốc vốn xưa ở ngoài đê sông Nhi, thuộc địa phận làng Yên Phụ. Năm 1615, dân làng mới dời vào trong đảo Cá vàng tức địa phận hiện nay. Chùa An Quốc có tên cổ nữa là chùa Khai Quốc, là tên từ thời Lý Nam Đế (thế kỷ thứ VI). Nhưng theo truyền thuyết thì chùa đã có từ trước thời này và có tên là chùa An Trí. Sách *Tây hồ chí* chép rằng chùa An Trí có từ thời Hồng Bàng, bà Lạc phi vợ Lạc Long Quân đã cầu tự ở đây. Thuyết này dĩ nhiên còn phải nghiên cứu, nhưng ta có

thể khẳng định rằng chùa Trấn Quốc mà tiền thân của nó là chùa Khai Quốc - chùa An Quốc ở bờ sông Nhị, là một trong những ngôi chùa cổ nhất - nếu không nói là ngôi chùa cổ nhất của Hà Nội.

Theo sách *Hà thành linh tích cổ lục* thì việc đặt tên là chùa Trấn Quốc có từ đời Lý, nơi đây trước kia là một hành cung. Lý Thường Kiệt trước khi tiến quân đánh châu Khâm, châu Liêm của nhà Tống để phá hủy căn cứ tập trung binh lực của bọn xâm lược (1075) đã đến nghỉ tại đây và mộng thấy thần nhân bảo: "Tướng quân đi l่าน này có thể tỏ uy lực giữ yên được nước (Trấn Quốc chỉ uy) ta sẽ hiển linh giúp". Sau khi phạt Tống thành công, Lý Thường Kiệt tâu lên vua. Vua bèn cho bỏ hành cung, dựng ngôi chùa gọi là chùa Trấn Quốc.

22. THẦN TRẤN VŨ

Thần Trấn Vũ có một sứ mệnh quan trọng là phải kiềm chế con cáo ở hồ Tây, không cho nó quấy nhiễu đời sống yên vui của nhân dân. Như vậy là truyện Trâu vàng hồ Tây gắn với truyện thần Trấn Vũ, mà có thể lúc đầu là hai truyện khác nhau. Đền thờ Trâu vàng tức Kim ngưu vẫn còn ở làng Tây Hồ (xã Quảng An), còn quán Trấn Vũ xưa ở làng Yên Quang, nay ở góc hồ Tây và đường Quán Thánh. Truyện *Trâu vàng hồ Tây* có chỗ gắn với truyện *Long vương đánh cáo chín đuôi* và truyện *Trâu vàng Tiên Du* trong sách *Lĩnh nam chích quái*, còn truyện Trấn Vũ lại có chỗ gắn với truyện Nguyễn Minh Không mà theo sách cũ dẫn, thì truyện Nguyễn Minh Không này không dính gì đến truyện Trâu vàng cả.

Riêng truyện *Trâu vàng hồ Tây* gắn với truyện *Trâu vàng Tiên Du* (Hà Bắc) thì dễ hiểu, vì hồ Tây vốn chỉ là một cái bến của sông Hồng, mà con Trâu vàng tượng trưng cho hiện tượng thiên nhiên đó có thể di chuyển trong một vùng rộng như vậy. Mặt khác, thủ đô Long Biên xưa, mãi cho đến thời Lục Triều và

Tuỳ, Đường lại ở phía Bắc sông Đuống, tức vùng thị xã Bắc Ninh hiện nay, do đó, người kể chuyện Trâu vàng Tiên Du vẫn có thể lấy Long Biên làm điểm chuẩn. Truyền đó kể như sau: "Xưa đất Long Biên có núi đá nhỏ, dưới núi có huyệt, có con cáo chín đuôi sống hơn nghìn năm, có thể thành yêu quái, biến hóa muôn hình, khi thành người, khi thành quý, ở khắp dân gian"¹. Và con cáo chín đuôi ấy có thể biến thành trâu, chạy từ Long Biên về Thăng Long như truyện Trâu vàng Tiên Du đó đã kể: "Núi Tiên Du có con trâu vàng, nửa đêm thường tỏa ra ánh sáng. Có nhà sư lấy tích trượng² yểm lên trán trâu, trâu vàng bỏ chạy, húc vào đất làm sụp thành cái hồ, nơi này sau gọi là thôn Húc. Trâu chạy đến địa phận Văn Giang (Hưng Yên), vì vậy ở đây có cái vũng lớn gọi là vũng Trâu đầm³. Trâu chạy qua các xã Như Phượng, Như Loan, Đại Lan, Đa Ngưu... Các xã này có tên như vậy, là vì có vết chân trâu đi tới. Trâu lại từ trong bến ra sông Cái (tức sông Hồng) đến Ninh Giang, men phủ Lý Nhân (Hà Nam), ven sông Cái, tới sông Tô Lịch, chỗ ấy chính là hồ Tây".

Các cụ già quanh hồ Tây kể rằng: xưa kia ở khu rừng lim chính là mặt hồ hiện nay, tương truyền có con yêu tinh hay hiện lên quấy nhiễu nhân dân, nhân dân phải lập đền thờ, đền Kim ngưu thuộc về loại đó. Lời kể này phù hợp với truyện con tinh cáo trong sách đã dẫn nói rằng: Dưới chân núi Tản, có con cáo chín đuôi hay làm hại dân. Long quân bèn ra lệnh cho lục bộ thủy phủ dâng nước phá hang đá của nó. Cáo chín đuôi bỏ chạy, quân thủy phủ đuổi theo, phá hang bắt cáo mà nuốt ăn. Nơi này trở thành cái đầm sâu, gọi là đầm Xác cáo, tức hồ Tây ngày nay. Nay ở vùng Xuân Đỉnh còn có làng Cáo, mang tên với ý nghĩa lịch sử đó.

1. *Lĩnh Nam chích quái*.

2. Gậy của sư dùng để làm phép mầu nhiệm.

3. ở Văn Giang còn nhiều di tích về Trâu vàng, thí dụ có xóm Trâu, chợ Trâu...

Về sau, nhân có cái quán thờ Huyền thiên (tức Trần Vũ), nhân dân lại sáng tạo ra truyện thần Trần Vũ được nhà trời phái tới trừ con cáo chín đuôi đó. Truyện kể rằng: Trần Vũ vốn là một người có tài, và có công trừ yêu diệt giặc nhiều phen, nhưng không chịu làm quan, chỉ muốn đi tu cho đủ chín kiếp mươi đời để thành Phật. Về việc Trần Vũ đi tu, có nhiều giai thoại khác nhau, như Phật Bà hóa thành cô gái đẹp để thử Trần Vũ, nhưng Trần Vũ từ chối, Phật Bà lại hóa thành người đàn bà trở dạ để giữa đường, Trần Vũ sợ đã để phải đựng vào đàn bà, bèn bỏ đi, nên Phật Bà phê phán Trần Vũ là bản linh tu hành chưa cao tránh khó khăn và gay cấn, nên bắt Trần Vũ tu thêm một kiếp nữa. Trần Vũ đã có ý chán nản, đi đường gặp một cụ già đục đá, hỏi chuyện cụ già đó, thì cụ cho biết cụ đục đá sáu mươi năm, ngay từ thuở xanh đầu. Lại đi một chặng đường nữa, Trần Vũ gặp một bà cụ đang mài cái răng bừa sắt vào mặt đá xanh bên bờ suối, Trần Vũ lại hỏi chuyện, bà cụ cho biết là mài như vậy đã ba mươi năm mà chưa thành kim khâu. Trần Vũ rút được bài học kiên nhẫn đó, lại tiếp tục tu hành cho trở thành vừa có đạo đức cao siêu, vừa có phép thuật cao siêu.

Bấy giờ, ở phương Bắc có bà hoàng bị hủi, không ai chữa nổi, nhà vua cho người đi cầu thầy thuốc giỏi, Trần Vũ được mời đi chữa bệnh và chữa khỏi bệnh¹. Khi được ban thưởng thánh Trần Vũ không nhận gì cả, chỉ xin một túi đồng đen², nhà vua bàng lòng, nhưng khi thánh đưa "túi thần" ra đựng đồng thì bao nhiêu cũng hết. Khi thánh sắp về, nhà vua tiếc đồng quá, hạ lệnh không được ai chở giùm, mà mặc kệ thánh mang được thế nào thì mang. Thánh đã dùng nón thần biến thành thuyền, và tự mình chở lấy. Về nước, thánh dùng đồng đen đúc một cái

1. Về đoạn này, theo cụ Tấn ở Quảng Bá và bà cụ Hai Đãi ở Nghi Tâm, thì vua phương Bắc lúc đầu mời Nguyễn Minh Không, nhưng Minh Không chưa không được, mới phải mời Trần Vũ đi. Cũng có sách, đoạn này nói là chuyện Nguyễn Minh Không.
2. Tượng Trần Vũ cũng bằng đồng đen.

chuông rất lớn. Chuông đúc xong, thánh đánh thử, thì tiếng rền vang, dội sang cả phương Bắc. Có con trâu vàng bên ấy nghe tiếng chuông đồng, tưởng là tiếng vang của mẹ nó, nên nó chạy lồng sang nước ta. Đến nơi, nghe tiếng chuông đồng dâng, nó lại càng lồng lộn, đi tìm mẹ nó, nhưng không thấy, bèn dãm nát cả khu rừng lim, biến rừng thành hồ, đường đi của trâu thành sông Kim Ngưu, một nhánh của sông Tô Lịch. Từ đó, trâu đành phải nằm dưới hồ, không trở về gặp mẹ được nữa. Có những ngày nó nổi lên mặt nước, làm sáng rực cả một vùng, lại có khi trông giống như nó nằm trên một chiếc sập vàng. Có người tham vàng, tìm cách bắt trâu, nhưng chưa ai bắt được. Có kẻ đến cầu thánh Trần Vũ, thánh đưa ra nhiều điều kiện là phải để được mười con, cho đến khi chúng lấy vợ lấy chồng mà đôi bên phụ mẫu song toàn:

*Năm trai năm gái là mười
Năm dâu, năm rể là đôi mươi tròn.
Hai bên phụ mẫu song toàn
Rồi ra kéo được trâu vàng hồ Tây...*

Lại nói chuyện con yêu tinh chín đuôi dưới hồ, thỉnh thoảng lại hiện hình quấy rối nhân dân, nên người ta cầu thánh trừ yêu. Thánh sai làm một cái thuyền và một bộ dây thật bền; thánh tự buộc mình vào đầu dây, lặn xuống hồ; yêu tinh nuốt thánh vào bụng; thánh giật dây cho dân làng kéo thánh lên và dùng dao nhọn mổ bụng yêu để thánh ra. Mọi việc xong xuôi, có một lần buổi tối trên đường về nhà, thánh gặp một người con gái xin vào trú mưa. Không may đến đêm, người con gái đó phát cơn đau bụng, nguy kịch; thánh xoay xở hết cách, cuối cùng, nhớ có câu truyền lại là:

*Đau bụng lấy bụng mà chườm,
Nhược bằng không khỏi, hoặc hương với gừng...*

Liền đó, Phật Bà hiện ra, vì người con gái đó chính là Phật Bà giả dạng, cho rằng thánh còn có bụng trần tục. Thánh bị oan ức quá, tự mổ bụng, lấy ruột gan vứt ra mọi nơi, mãi về sau, mới

được Phật Bà xét lại, cho tu đến thành quả. Ruột thánh vứt xuống hồ thành Bạch xà (rắn trắng), tức địa bàn thôn Quảng Bá, dạ dày vứt xuống thành Kim quy (rùa vàng) tức địa bàn thôn Tây Hồ. Hai con vật này lại trở thành yêu tinh, giết hại dân làng, xương chất thành đống, nơi địa điểm trường Chu Văn An hiện nay. Trời lại sai thánh hóa phép thu hồi hai con yêu tinh đó, con Kim quy thì thánh dẫm dưới chân, còn con Bạch xà thì thánh quấn vào chân bên kia. Từ đó nhân dân ven hồ Tây được yên ổn làm ăn. Và thánh Trần Vũ được xem như thần Thành hoàng các làng chung quanh đó như Yên Quang, Thụy Chương, Yên Thái, Yên Phụ...

23. TRUYỆN CON TRÂU VÀNG Ở HUYỆN TIỀN DU

Ngày xưa, đời thượng cổ, có người Vương Chất đi đốn củi ở trong núi gặp hai tiên đồng đang đánh cờ. Hai tiên đồng cho Chất một hạt táo, Chất ăn khỏi đói rồi gác rìu mà ngồi xem đánh cờ. Tiên đồng bảo Chất: Cán rìu của ngươi nát rồi". Chất cuí xuống, lúc ngẩng lên thì không thấy tiên đồng đâu. Kíp đến khi trở về nhà thì không còn gặp lại những người thân cũ ở trần gian nữa. Do tích đó, người đời bèn gọi quả núi này là núi Lạn Kha (núi rìu nát), còn gọi là núi Tiên Du (núi chơi tiên) rồi nhân lấy tên ấy để đặt tên huyện. Ở huyện Tiên Du nay vẫn còn vết cũ.

Núi Tiên Du có tinh trâu vàng (Kim ngưu) nửa đêm thường tỏa ra ánh sáng. Có nhà sư lấy tích trượng yếm lén trán trâu, trâu vàng bỏ chạy húc vào đất làm sụp thành cái hồ. Nơi này sau gọi là thôn Húc. Trâu chạy đến địa phận Văn Giang, vì vậy ở đây có cái vũng lớn gọi tên là vũng Trâu Đầm. Trâu chạy qua các xã Như Phượng, Như Loan, Đại Lạn, Đa Ngưu. Các xã này sở dĩ tên như vậy là vì có vết chân trâu đi tới. Trâu lại từ trong bến ra sông Cái, đến Ninh Giang, đi men phủ Lý Nhân, theo

ven sông Cái tới sông Tô Lịch, chỗ ấy chính là Tây Hồ. Người đời truyền tụng rằng Cao Biền giỏi thuật số, thông địa lý, thường cưỡi diều giấy bay trên không trung để yểm các nơi thăng cảnh. Biền thấy trâu đi vào hồ Dâm Đàm (nay là Tây Hồ) rồi thoát không thấy trâu đâu nữa. Trên đường trâu chạy, khắp nơi biến thành khe, ngòi, rãnh, lạch.

Người xưa đã có thơ rằng:

*Kim ngưu do ẩn tại hồ trung,
Thủy hạt nan tằm bắt kiến tung.
Đại Việt nan an tôn thánh chủ,
Cao Biền hạ bút hận vô cùng.*

Tạm dịch ý như sau:

Trâu vàng còn ẩn tại trong hồ,
Nước cạn khôn tìm, chẳng thấy đâu
Nước Việt bình yên nhờ Thánh chủ
Cao Biền hạ bút hận còn sâu.

24. TRUYỀN HỒ TÂY

Cái hồ ấy, đời nhà Hán đặt tên là Lãng Bạc, đời nhà Trần đặt tên là Dâm Đàm, ở phủ Hoài Đức, huyện Vĩnh Thuận, bên tây tiếp hạt huyện Từ Liêm, Sơn Tây, sông Nhị Hà ôm ở bên Bắc, sông Tô Lịch quanh ở bên Nam.

Ngày xưa có một cái núi nhỏ, mà núi ấy có con cáo 9 đuôi, người ở chỗ ấy, phải khổ về con cáo ấy.

Rồi ông thần Long Đỗ lấy việc tâu дâng Thượng Đế, дâng Thượng Đế cả giận sai vua Long Vương giết con cáo, vua Long Vương đem các loài ở dưới nước, từ sông Nhị Hà mà lên bắt, do đó cái núi lở thành ra cái đầm.

Sau người Mã Viện nhà Hán sang đánh, bà Trưng Trắc bà Trưng Nhị đóng quân ở hồ ấy.

Đến đời nhà Đường, người Cao Biền nhận cái chõ ấy, là đất hay của nước Nam, coi là cái cách con Phượng hoàng uống nước, đưa vào bǎn sờ tâu vua.

Có một ngày vua Anh Tông nhà Lý nước Nam, chèo thuyền đi chơi, khi bấy giờ có quan Thái sư tên là Lê Văn Thịnh giả hóa ra hình con hổ, cưỡi thuyền lại bức vua, rồi người đánh cá tên là Mục Thận, lấy cái mác mà ném, rồi phá được cái kế người Lê Văn Thịnh, nay ở bên hồ đang còn cái đền người Mục Thận.

Đến đời nhà Lê đổi tên là Tây Hồ, chúa Trịnh lại đổi tên là Đoái Hồ, chúa Trịnh trồng sen ở trong hồ, để làm cái nơi đi chơi.

25. SỰ TÍCH NÚI CÁNH DIỀU

Ngày xưa ở Trung Quốc có Cao Biền rất giỏi nghề địa lý. Tiếng đồn vang khắp nơi, những phép hô thần tróc quỷ hán đều thông thạo. Hoàng đế Trung Quốc nghe tiếng đồn liền triệu Biền vào cung uỷ thác cho việc kiếm một mảnh đất để xây lăng tẩm. Cao Biền vâng lệnh và sau năm năm tìm tòi hán đã kiếm được một kiểu đất quý mà theo hán có thể giữ ngôi nhà Đường vững như bàn thạch.

Sau khi công việc hoàn thành, Hoàng đế Trung Quốc rất khen ngợi, sai ban phát nhiều vàng bạc và phong tước lớn cho Biền. Nhưng Biền vốn biết trong kho tàng nhà vua có một ngọn bút quý có phép thần màu nhiệm mà chính nhà vua và quân thần không ai biết cả. Vì thế Biền không nhận vàng bạc. hán nói:

- Tâu bệ hạ, hạ thần không muốn lấy vàng bạc của bệ hạ, chỉ muốn xin một kho trong trăm nghìn kho đồ dùng của bệ hạ, bằng cách là để hạ thần rút trong chùm chìa khóa, nhầm chìa kho nào thì lấy đồ kho ấy.

Hoàng đế nghe nói ngạc nhiên nhưng vỗn trọng tài Biền lại

thấy ý kiến hay hay, nên bằng lòng để hắn làm chuyện may rủi xem thế nào. Quả nhiên kho mà Biền chỉ đúng là kho đựng toàn bút lông của triều đình. Khi được sử dụng, hắn đem hàng vạn cây bút lông đến một tảng đá, lần lượt đem ra chọc mạnh từng ngòi vào đá, nhưng chẳng có ngòi nào được toàn vẹn. Mỗi lần thấy toè ngòi hắn lại vứt đi và tiếp tục chọc ngòi khác vào đá, cứ như thế cho đến lúc trong kho sắp vơi cả bút, thì bỗng có một cây bút chọc thủng cả đá mà ngòi lông vẫn không hề toè. Biền mừng quá reo lên:

- Ta tìm được cây bút thần rồi.

Biền liền cầm bút vẽ thử một con rồng lên mặt tường. Đến khi điểm nhän, con rồng tự nhiên cuộn mình và bay tách khỏi bức tường, rồi rồng vụt bay lên trời trước con mắt kinh ngạc của mọi người. Biền lại vẽ thêm nhiều con vật khác nữa và những con vật ấy đều hoạt động không khác gì những con vật có thực.

Sau đó Biền vẽ một cái diều rất lớn. Dùng bút mực điểm mắt cho diều. Diều tự nhiên bay lên. Lập tức Biền cưỡi lên lưng và diều đưa hắn vút lên trên không. Sau đó Biền cưỡi qua muôn trùng sông núi bay sang nước Nam ta. Trên lưng diều Biền đưa mắt tìm huyệt đất quý. Quả nhiên không bao lâu hắn tìm thấy ở gần một con sông một huyệt phát để vương. Huyệt đất ấy quý không đâu bằng mà chỉ trong một ngàn ngày là phát. Đó là một cái hầm con rồng ở lấp dưới nước mà chỉ có Biền mới phát hiện ra.

Từ đó Biền có ý muốn hưởng một cuộc sống sung sướng xa xỉ vào bậc nhất thiên hạ. Nhưng khi nghĩ lại thì hắn tiếc là không có con trai, mà thân mình thì đã già mất rồi, nếu có làm vua cũng không hưởng được mấy nỗi. Biền mới tính sẽ nhường cho con rể. Nếu nó làm vua thì ông bố vợ tất sẽ được hưởng bội phần trọng đại, mà dòng dõi con gái mình cũng được hưởng đại phúc. Nhưng muốn thực hiện được phải giữ hết sức bí mật, nếu không sẽ mất đầu như chơi.

Nghĩ vậy hắn trở về Trung Quốc bảo người rể đào lấy hài cốt

của cha nó đem sang nước Nam để cải táng. Trong việc này hắn chỉ bàn kín với một người học trò mà thôi. Nhưng người học trò lại muốn miếng đất ấy thuộc phần y hưởng. Nên khi được lệnh thày mang hài cốt thì hắn cũng đào luôn hài cốt của cha mình sang Nam.

Bấy giờ hàm rồng đang thời kỳ há miệng. Biền bảo học trò lăn xuống đem gói xương đặt vào miệng rồng cho nó ngậm lại hẵn lên. Người học trò đem nắm xương của cha mình đánh tráo vào, còn nắm xương kia thì bỏ ở bên mép.

Xong việc đó, Biền bảo con rể chọn nắm giống lúa, mỗi giống một thúng mang đến huyệt đất nói trên, sai đào đúng vào chỗ vai rồng thành nắm cái huyệt. Mỗi huyệt hắn sai râm một thúng lúa, rồi lấp đất lại thành nắm ngôi mộ. Hắn giao cho con rể một ngàn nén hương, dặn mỗi ngày thắp một nén, đúng hai nắm chín tháng mười ngày thì tự khắc quân gia dưới huyệt dậy cả. Lúc đó sẽ lấy được nước Nam dễ như bỡn.

Dận đâu đấy, Biền trở về Trung Quốc.

Thời gian trôi qua, hôm ấy chỉ còn mười ngày nữa là hết hạn công việc mà Cao Biền đã dặn. Thì tự nhiên người con gái của hắn ở nước Nam để luôn một lúc ba người con trai, mặt mũi kỳ dị, vừa sinh ra ba đứa đã biết đi, biết nói. Một đứa mặt đỏ, một đứa mặt màu thiếc, một đứa mặt màu xanh đều tay cầm dao sáng quắc. Cả ba đứa nhảy tốt lên bàn thờ ngồi đòi đem quân để thu phục thiên hạ.

Người nhà ai nấy sợ xanh mặt chỉ trong một buổi tiếng đồn rầm lên. Mọi người thấy sự lạ đổ đến xem như đám hội.

Người rể của Biền sợ quá bảo vợ: "Mày đẻ ra ma, ra quỷ nếu không sớm trừ thì sớm muộn cũng sẽ mắc tội với triều đình. Chẳng qua cha mày làm đại nê sinh ra như vậy".

Rồi hắn đem chém tất cả ba đứa con. Trong lúc bối rối vì lầm nên hắn đốt luôn cả những nén hương còn lại. Tự dung đất chuyển động ở dưới nắm ngôi mộ có tiếng động rầm rầm mỗi lúc một lớn. Thế rồi nắp mộ tung ra, bao nhiêu quân gia từ dưới đó

nhảy lên. Nhưng vì còn thiếu ngày nên chúng còn non nớt quá chưa đứng vững được, bỗng nghiêng bổ ngửa, rồi cuối cùng chúng chết hết. Lại nói chuyện Cao Biền, chờ cho đến tận ngày hẹn mới cưỡi diều bay sang nước Nam, nhưng lần này diều bị ngược gió nên sang không kịp. Khi diều hạ cánh thì người con rể đã phá hỏng hoàn toàn công việc của hắn. Hắn bức mình vô hạn và sau khi thấy rõ câu chuyện, hắn rút gươm chém chết cả học trò lẫn rể. Từ đó Biền dám ra chán đời chẳng thiết gì nữa. Không được ăn thì đạp đổ. Nghĩ thế hắn thường cưỡi diều đi khắp nước Nam để yểm huyệt và phá tất các long mạch. Ngay chỗ hàm rồng nói trên hắn dùng phép chém đứt cổ rồng đó đi. Cũng vì vậy ngày nay người ta nói nước sông ấy đỏ như máu vì có máu tự cổ con rồng đó chảy ra.

Đến Nghệ An, Biền thấy trên một hòn núi mà ngày nay còn gọi là núi đầu rồng ở sát bờ biển có huyệt đế vương. Hắn bèn làm bùa bằng gang đóng vào đỉnh núi. Vì thế đỉnh núi ấy từ đó trở đi không một cây cối nào mọc được.

Ở Thanh Hóa, Biền cũng thấy có huyệt đất quý, nhưng thấy con rồng què một chân, cho rằng nếu có phát đế vương cũng không làm to được. Cho nên hắn cho diều đi thẳng không ếm nữa. Cũng vì thế người ta bảo mấy đời vua trị vì ở nước Nam đều phát tích ở Thanh Hóa.

Khi diều bay qua làng Thiên Mỗ, Biền thấy có cái giếng ở vệ sông mà bây giờ là Nhuệ giang cũng có huyệt đế vương. Hắn bèn cho diều là hạ cánh xuống, đoạn thuận tay ném luôn cây bút của mình xuống đó. Người ta kể cây bút ấy sau này hóa thành một khúc gỗ căm chặt xuống đáy giếng. Không một ai dám động đến nó. Mai về sau trong làng có một ông thám hoa hiếu kỳ mới tâu vua xin hai con voi về kéo thử khúc gỗ đó lên. Họ buộc những cái chao lớn, một đầu vào khúc gỗ, đầu kia vào cổ voi, nhưng khi voi cất bước thì tự nhiên họ thấy đất những làng lân cận chuyển động âm ầm, nhà cửa phát hỏa tứ tung. Lần ấy ông thám hoa đành bỏ dở công việc vì ông ta sợ con rồng

bị đau giây giây làm hại đến dân sự. Ngày nay có cái đặc biệt là nước giếng không bao giờ cạn. Mỗi khi nước trong người ta vẫn thấy có khúc gỗ đen đen ở dưới đáy.

Để tâng công với Hoàng đế, Biền vẽ bản đồ từng kiểu đất một rồi viết thành sách ghi chú rất tinh tường rồi dâng lên vua Đường. Đại ý nói tất cả các mạch đất quý ở nước Nam hán đều trấn áp xong xuôi. Duy có kiểu đất ở Trung Đô (bây giờ là Hà Nội) thì hán đã sai đắp một cái thành gọi là Đại La để chặn long mạch. Lễ trấn áp này hán làm rất công phu. Trên hòn núi ở xa xa về phía Bắc thành hán cho dựng một cái đài tràng. Trong thành hán cho nung một lúc tám vạn cái tháp nhỏ, nung xong Biền huy động tám vạn quân, mỗi tên vai vác một cái giáo, mũi giáo xọc một cái, đi từ Đại La đến núi. Vừa đi chừng vừa hô: "Thống vận Hoàng đế". Đến nơi đặt tháp xuống đỉnh núi rồi tám vạn quân lại kéo về Đại La. Cũng vì có những chuyện kỳ dị đó nên núi ấy từ đó mang cái tên núi Bát Vạn.

Hoàng đế Trung Quốc đọc sách của Biền lại càng khen ngợi hán. Nhưng việc làm của Biền bị cả nhân dân nước Nam ta căm ghét. Họ rắp tâm chờ dịp giết chết Biền cho hả giận.

Một hôm Biền cưỡi diều bay vào địa phận thị xã Ninh Bình bây giờ. Ở đây từ lâu nhân dân đã chuẩn bị rất nhiều cung nỏ với những mũi tên to và nhọn. Mọi người quyết tâm trừ diệt tên ngoại bang nham hiểm gian ác ấy. Ai ai cũng có nỏ và tên chỉ chờ dịp diều của Biền bay qua là nhất tề bắn lên. Hàng trăm hàng vạn mũi tên phóng lên đã trúng diều của Biền. Diều gãy cánh rơi xuống. Cao Biền bị trọng thương chết ngay. Hòn núi mà diều của Biền rơi xuống từ ngày ấy đến nay mang tên là núi Cánh Diều.

26. NHÀ SƯ CHÙA AN NINH VỚI VỊ TƯỚNG QUÂN

Vào cuối thế kỷ thứ XIII, nước ta bị họa xâm lăng. Thế giặc

mạnh như chẻ tre. Đi đến đâu, chúng cướp bóc, sát phu hiếp phụ đến đáy, gây bao cảnh thương tâm. Nhà vua phải cho vừa đánh vừa tạm lui quân để bảo toàn lực lượng, chờ thời cơ lớn.

Khi ấy, Tướng quân Nguyễn Huy Tinh cầm một cánh quân lui về Văn Lộng trang, nay thuộc xã An Bình, Nam Sách. Đây là một trang ấp, xung quanh lau sậy um tùm, lại có sông ngòi bao bọc, nơi trận thế có lợi cho ta. Giữa Văn Lộng trang có một ngôi chùa cổ tên là chùa Vĩnh Khánh. Tướng quân cho hạ trại tại chùa, rồi cho mời các bô lão trong trang trại đến bàn kế hoạch chống giặc.

Sau khi biết rõ thế ta, thế giặc, một bô lão già nhất trang đứng lên thưa:

- Thưa tướng quân, dân Văn Lộng trang quen nghề chài lưới, chèo thuyền nhanh tựa tên bay. Dân chúng thông thuộc luồng lạch như trong lòng bàn tay, còn quân giặc ở xa tới khác chi chim chích lạc vào rừng xanh. Nếu quân dân ta đồng lòng, tướng sĩ một dạ thì từ đây xuất quân, ta chỉ có thắng chứ không chịu thua.

Nghe vậy, Nguyễn Huy Tinh cả mừng, sai quân sĩ đắp luỹ đào hào, lại được dân Văn Lộng trang giúp sức, chẳng mấy chốc thành lũy đã xong.

Tướng quân lại hỏi về lai lịch ngôi chùa khang trang bề thế này. Càng nghe bô lão thuật lại, ông càng chăm chú say mê.

Nguyên chùa Vĩnh Khánh có từ thời Tiền Lý. Thuở ấy, có ông Phạm Lương một lòng tu nhân tích đức, chỉ hiềm một nỗi muộn đe dọa con cái. Mãi tới năm ông sáu mươi tuổi, ông bà mới sinh được một cô con gái, đặt tên là Phạm Thị Toàn. Sau đó, ông bà Phạm Lương lần lượt qua đời. Phạm Thị Toàn được dân làng nuôi nấng và theo đồi bút nghiên. Càng lớn bà càng xinh đẹp, nhan sắc tuyệt vời. Sắc đẹp của bà bay đến tai vua. Vua đã cho sứ thần về ngỏ ý muốn rước bà về cung, nhưng bà từ chối, vì song thân qua đời, bà muốn ở mãi nơi đây khói hương thờ cúng. Bà cũng không lập gia đình, mà quyên góp công đức cho làng dựng lên chùa Vĩnh Khánh. Bà trở thành sư nữ ngày đêm đèn

nhang, tụng kinh niệm phật. Bà nổi tiếng tinh thông phật học, nhân dân khắp vùng biết danh, nô nức đến chùa làm lễ, cầu phật phù hộ độ trì. Năm bốn mươi tuổi thì bà viên tịch. Hàng ngàn tín đồ thập phương kéo đến chùa dự lễ cầu siêu và nhập tháp cho sư nữ, với phật hiệu là *Toàn Nương Thị Phật*. Chùa Vĩnh Khánh ngày càng được mở mang.

Nguyễn Huy Tĩnh lên chùa thắp một tuần hương rồi lui về thư phòng. Ngọn đèn dầu cháy đỏ, lung lay chập chờn. Trên bàn, cuốn sách binh thư vẫn mở. Những trận đánh thua thiệt gần đây làm ông băn khoăn trăn trở suy nghĩ. Ông như tỉnh, như mơ... Ông chợt nhận ra bóng dáng của sư nữ, như sương pha, như khói đọng, thực thực, hư hư. Người đó lên tiếng trước:

- Ta vốn là sư nữ trụ trì ở chùa này.

Nguyễn tướng quân sững người giây lát. Ông nhớ lại câu chuyện vị sư khởi lập chùa Vĩnh Khánh. Nén hương ông thắp hẩn hẩn đã thấu đến anh linh của người. Nhà sư tiếp:

- Tướng quân đã biết ta. Thân dân cũng đã đồng lòng quyết đánh. Vậy thì đã có âm phù dương trợ. Tướng quân hãy đọc tiếp trang binh thư trước mặt, ngày mai xuất trận thế nào cũng thắng.

Nói rồi, bóng người biến mất. Nguyễn Huy Tĩnh như bừng tỉnh sau một giấc mơ. Ông châm ngọn bạch lạp và cúi xuống đọc từng dòng, từng chữ. Ông chợt thấy trên bức sơ đồ mới hiện lên những dấu mực ghi chú đường tiến đường lui của một trận đánh. Lúc chiều, bức sơ đồ trận mạc đâu đã có các dấu này... Ông thành kính sửa lại trang phục, trở lên chùa thắp ba nén hương vái tạ...

Trung tuần tháng hai, giờ tuất. Trăng trên bầu trời lúc ẩn lúc hiện trong những đám mây. Thỉnh thoảng mây hạt mưa rây nhẹ nhẹ. Rét ngọt. Gió bắc thổi... Đây là lúc mọi người đang chuẩn bị đi ngủ. Tướng quân Nguyễn Huy Tĩnh cho ba quân cấp tốc chuẩn bị binh lương, giáo mác, thuyền bè, tề tựu trước đại bản doanh. Đứng trước hàng quân, ông nói:

- Ta lui quân về Văn Lộng trang, được nhân dân hết lòng ủng hộ, lại được trời phật phù hộ, đặc biệt là có anh linh sư nữ Toàn Nương báo mộng, ta quyết định xuất quân đánh trận này thế nào cũng thắng !...

Rồi trong đêm, với yếu tố bất ngờ và tinh thần quyết thắng, đoàn quân xông trận. Họ đi đến đâu giặc khiếp đảm tan tác đến đó. Chỉ trong ba ngày ba đêm, nghĩa quân đã quét sạch chúng ra khỏi Sơn Đông, giữ vững vùng đất quan trọng bảo vệ phía đông kinh thành Thăng Long mà triều đình giao cho trấn giữ.

Sau chiến thắng, Nguyễn Huy Tĩnh mang đại quân trở lại chùa Vĩnh Khánh, tạ ơn dân làng và phật tổ, mở tiệc khao quân. Ông lại kính cẩn thắp nhang bái vọng lên vị sư nữ Toàn Nương linh thiêng đã cổ vũ cho ông chỉ huy đánh thắng quân thù.

Giữa lúc đèn nhang, khói hương đang nghi ngút, đàn tràng rộn rã, thì bỗng nhiên ánh hào quang rực sáng. Trời đổ mưa sầm sập. Mọi người quay lại nhìn Nguyễn tướng quân, thì kỳ lạ thay, ông cũng vừa thăng thiên.

Để tưởng nhớ công lao của tướng quân Nguyễn Huy Tĩnh và sự hiển linh của sư nữ Toàn Nương, nhà vua ra sắc phong cho ông là *Sơn Đông tướng quân* và bà là *Liệt nữ tướng quân*. Riêng tướng quân Nguyễn Huy Tĩnh đời sau còn được gia phong Thượng đẳng phúc thần. Chùa Vĩnh Khánh dần dần được xây dựng lớn thành chùa trăm gian và được đón các nhà sư có uy tín về trụ trì, để phát huy ảnh hưởng cao đẹp của vị sư nữ, thương dân, góp phần lập công duỗi giặc, như cụ Diệu Quang Pháp sư, tục gọi là Cụ Tổ Rau (cụ hàng ngày chỉ ăn rau quả), được vua phong là Tăng Lục Thiền Gia, cụ Viên Giác, tinh thông y khoa lý số, kế tiếp là Tổ Viên Tích, Tổ Viên Hòa, Tổ Viên Dung... Chùa Vĩnh Khánh sau này gọi là chùa An Ninh (tên của Văn Lộng trang từ thời Lê Trung Hưng) trở thành chốn tổ của hàng nghìn tăng ni phật tử trong vùng và đã đi vào ca dao dân giã:

*An Ninh thiền phô ngâm nga
 Hạnh rồi lại niệm di đà vang lên
 Lâng lâng rũ sạch nǎo phiền
 Trăm năm phật tổ dài sen đón vê.*

27. TRUYỆN THẦN SÔNG BẠCH HẠC

Thần sông Bạch Hạc rất linh hiển. Khoảng các năm Võ Huy đời Đường Cao Tông, Lý Thường Minh làm chức đô hộ đát Phong Châu, thấy khoảng đất này kéo dài tới ngàn dặm, có sông núi vây quanh, bèn xây Đạo Thánh linh quán ở ven sông Bạch Hạc, đặt tượng tam thanh ở trong quán để phụng thờ. Lại xây hai ngôi am ở phía trước và phía sau quán, muốn tạc tượng thờ nhưng không biết tạc tượng ai, bèn thấp hương mà khấn rằng: "Vị thổ thần ở đây, nếu như linh ứng thì mau hiện rõ hình trạng để ta theo đó mà tạc tượng đặt ở am trước". Canh ba đêm ấy, mộng thấy có hai dị nhân, diện mạo hùng vĩ, phong tư nhàn nhã đều mang theo quân hâu, trước hò sau hét đi lại phía Thường Minh, tranh nhau chiếm am trước. Thường Minh hỏi rằng: "Các ông họ tên là gì? xin cho ta được rõ để tiện phụng thờ". Hai người riêng xưng tên họ, một tên là Thạch Khanh, một tên là Thổ Lệnh. Thường Minh xin độ tài nghệ, nếu ai thắng sẽ ở am trước. Thạch Khanh ứng tiếng mà chạy, mới tới bờ sông đã thấy Thổ Lệnh ở cạnh sông từ trước rồi. Thường Minh theo giắc mộng căn cứ ở hình dạng mà sai thợ tạc tượng. Thổ Lệnh được ở am trước. Thần uy linh hiển hách người trong chầu đều kính sợ, hương lửa cúng thờ. Thần là vị phúc thần của ba con sông. Phàm cầu đảo, đều rất ứng nghiệm. Đời Trần phong làm Trung Dực Võ liệt phụ quốc hiển uy vương. Thời đó, học sĩ Nguyễn Sĩ Cố hộ giá đi chinh phạt Ai Lao, tới bái yết rồi đề bài thơ rằng:

*Bảo long phù ấn quải yêu gian,
Tiền sự hy kỳ phó tướng quan.
Bạc liệt thư sinh vô vọng xú,
Kỳ lai tự hạ khất bình an.*

(Bảo long và phù ấn giắt ngang mình,
Chuyện xưa ly kỳ phó mặc tướng quan.
Kẻ thư sinh hèn mọn này đâu màng mong ước lớn,
Chỉ xin lượng cả ban cho sự bình an).

Lại có học sĩ Vương Vụ Thành hõ giá khải hoàn để bài thơ chúc mừng như sau:

*Tỳ hữu thập vạn hách vương linh,
Thế yém Vân Nam tái ngoại thành,
Giang tả khu khu hà thị khí,
Phong thanh hạc lệ trấn Tân binh.*

(Hùng dũng ngàn quân rộn oai linh,
Ngoài ải Vân Nam thế áp thành.
Sao cứ bo bo sông mé tả?
Gió đưa tiếng hạc rợn Tân binh).

Chùa này ở ngã ba sông Bạch Hạc. Ở sông Bạch Hạc có một đoạn mây chục trượng có giống cá anh vũ. Về mùa đông, dân chài thả lưới vớt cá. Trên dưới khúc sông ấy đều không có giống cá này, cá anh vũ cũng giống như loài cá chép, mùi vị thơm ngon, rất tiện để làm gỏi, chả, thuộc loại thực phẩm thượng hạng. Người bắt được đều mang tiến vua, có lệnh nghiêm cấm, dân không được đem ra mua bán. Giống cá ấy quý trọng như vậy, cho nên có câu hát rằng:

*Thương loan ba noãn du anh vũ
(Lăn tăn sóng ấm vững xanh
Từng đàn anh vũ lượn quanh giãn đùa).*

28. ĐỐNG CHẢI ĐẦU (*Hay sự tích Đồng Giải*)

Ngày xưa, đã từ lâu lăm, đâu làng Sáu có một cái đồng rất kỳ lạ. Đồng mọc nhô lên giữa một cái hồ nước. Ban ngày thì là cái đồng. Nhưng ban đêm cái đồng mọc cao lên thành hình một cô gái khổng lồ, xõa tóc đứng giữa hồ, cô gái không nói, không cười, chỉ đưa tay chải tóc đẹp tha thoát.

Chuyện lạ đồn đại xa gần, người bốn phương về xem như trẩy hội. Những đêm không có trăng thì người ta đốt đuốc lên xem, những đêm có trăng thì hình dáng nhan sắc cô càng lộng lẫy, mái tóc tuôn dài như suối chảy, cánh tay tròn trắng như ngà, con mắt long lanh tựa sao. Người ta múa hát, đàn sáo vui chơi quanh hồ hết đêm này sang đêm khác.

Đến khi có giặc Hán xâm lược, cô gái vụt biến thành một nữ tướng oai phong, giơ cao chiếc lược lên thành thanh gươm sáng cả một góc trời, chiêu tập binh sĩ giết giặc. Trai tài, gái giỏi đến nhập quân đông như nước. Thế rồi cô cùng thiên hạ đi đánh giặc, cứu nước.

Đất nước thanh bình, cô gái lại trở về làm cái đồng giữa hồ như cũ. Đêm đêm cô lại chải mái tóc mượt mà, óng ánh cho thiên hạ đàm ca, nhảy múa. Hội vui suốt bốn mùa.

Sau đó ít lâu, một số người đi đom đóm đêm hay trêu cợt và ăn nói tục tằn với cô gái, làm cô gái mất hẳn. Người ta lập đền thờ và gọi cái đồng là "Đồng Chải đầu". Nhưng ít ai dám gọi thế, vì sợ cô quở, nên gọi chệch đi là "Đồng Giải".

29. NÀNG LIÊN HƯƠNG (*Hay sự tích làng Chanh, làng Dũng, làng Truật*)

Thuở xưa, người đất vùng Chanh, Dũng, Truật (nay thuộc xã Liêm Sơn) nổi tiếng là đất thượng võ, lại có hội múa khiên,

múa kiếm hàng năm. Tiếng đồn lên tận Thiên đình. Thiên đình muốn tìm cách thử xem vùng này có đúng là đất thương voodoo hay không, bèn sai một đàn ngựa trắng Nhà trời xuống.

Hôm ấy đầu xuân, hội múa khiên đang đông vui rộn rã thì một đàn ngựa trắng kiêu dũng, đẹp đẽ, âm âm từ trên trời lao xuống. Ngựa phi trên ruộng, trên đồng, trên bãi. Những người dự hội múa khiên liền nảy ra cái ý đua tài bắt ngựa. Thế là họ ào ạt hò reo, xông ra tay không quyết đuổi bắt.

Có làng xông vào túm chân ngựa, ngựa hất chân, người ngã lăn dùng khắp lưng đồi cuối bãi. Do vậy, làng ấy sau mới có tên là làng Dũng. Có làng hò nhau, túm đuôi ngựa mà co kéo, ngựa vượt lên cao, người tuột tay rơi ngã chới với khắp đồng. Do vậy làng ấy mới có tên là làng Truột (sau gọi chêch đi là làng Truật). Còn có làng thì chưa lo bắt ngựa đã tranh giành cãi cọ xí phần. Đến khi ngựa chạy tản đi hết mới ngần người ra tiếc của. Do vậy làng ấy mới tên là làng Tranh (sau gọi tránh đi là làng Chanh).

Duy chỉ có một cô gái trong vùng, chẳng chịu thua kém ai, cũng xông ra bắt ngựa. Cô đuổi kịp một con. Cô vừa vỗ vào lưng nó, nó dừng lại và hí lên mừng rõ. Thế là, cô gái là người duy nhất quy phục được ngựa trời. Cô bỗng trở nên lừng danh.

Thuở ấy, đất nước ta bị giặc Hán đô hộ, trăm họ rên xiết trong cảnh lầm than. Người người vẫn nung nấu ý chí diệt thù cứu nước.

Cô gái nọ, từ khi có ngựa trời càng dốc lòng rèn luyện tài năng voodoo. Biết bao nhiêu chị em trong vùng đã noi gương cô, mong có ngày được đền nợ nước. Kíp đến khi ở Hát Môn, Hai Bà (Trung Trắc, Trung Nhị) dựng cờ khởi nghĩa, đuổi quân cứu nước, người theo về như nước. Cô gái nọ cùng chị em sớm có mặt dưới cờ Hai Bà. Cô được Hai Bà phong làm tướng.

Ra trận, cô cưỡi ngựa trắng, phi như gió lốc vào trận giặc. Giặc bâu láy cô gái như ong, tên bắn, giáo lao tối trời, tối đất. Thương tích máu me đầy người, cô vẫn kiêu dũng xông pha, cho đến lúc lực cùng sức kiệt ngã nhào xuống ngựa. Giặc hò

reo đắc thắng, toan xô lại, thì con ngựa trắng, ngựa nhà trời đã vội liếm lên các vết thương trên người cô, cô bỗng được hồi sinh lại tức khắc, cầm gươm, lèn ngựa, lại xông vào giết giặc. Giặc kinh hồn táng đảm. Cứ thế, mỗi khi cô bị giặc sát thương, ngã ngựa, ngựa trời lại liếm cái chết đi cho, cô lại vùng lên giết giặc, hùng dũng và hăng hái hơn lần trước. Một sự lạ lùng hơn nữa, là cô vốn sinh ra trên mảnh đất nghèo khổ, nên dáng vẻ có phần lam lũ, nồng sương. Áy thế mà càng đánh giặc, càng nhiều lần được ngựa trời liếm chữa vết thương, cô càng trở nên xinh đẹp bởi phần.

Cho đến một hôm, sau trận thắng lớn, cô kéo quân về. Khi qua một cái cầu, cô nghiêng mình soi xuống dòng sông trong xanh, cô bỗng thấy mình đẹp lạ lùng. Cô đâm say mình, say cái bóng mình dưới cầu. Cô ngắn ngơ cúi xuống soi mãi, ngắm mãi. Càng soi, càng ngắm, càng mê mẩn tâm thần, đến nỗi lộn cổ, ngã nhào xuống sông. Dòng nước thăm sâu vớ được người đẹp, lập tức giấu biến đi đâu mất.

Hôm sau, ở đất Chanh, Đùng, Truật, người ta thấy con ngựa trắng của cô cúi cổ, gõ móng từng bước một suốt dọc đường làng, leo mãi lên một ngọn núi cao, cất cổ hí lên một hồi dài, rồi bay vút lên trời mất biến. Núi này nay gọi là núi Thăng Mā.

Cho đến sau này, dân trong vùng vẫn tiếc thương cô, họ thường đến khúc sông nọ dò tìm mà chẳng thấy tăm tích, chỉ thấy trên làn nước trong xanh nổi lên một bông sen to đẹp dị thường, hương sen theo gió bay về thơm lừng cả vùng Chanh, Đùng, Truật, nên người ta mới đặt tên cô là Liên Nương. Hai Bà nhớ tiếc cô, tặng phong cô là Công chúa, nên gọi là Liên Nương Công chúa.

Đền thờ Liên Nương Công chúa nay vẫn còn ở đất làng Chanh, xã Liêm Sơn.¹

1. Theo Thần phả thì Bà là tướng của Hai Bà Trưng. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà thất bại thì bà Liên Nương quay về quê cũ dốc

30. VUA LÊ ĐẠI HÀNH VỚI VÙNG SÔNG NHUỆ

Ngày xưa, vua Lê Đại Hành đã đi qua các vùng ven sông Nhuệ thuộc các xã Đại Thanh, Hữu Hòa, huyện Thanh Oai, Hà Đông cũ.

Vết chân của vua đi đến đâu cũng để lại một số sự tích.

1. Đồng Kiệu:

Khi vua đi qua, ở làng Hữu Châu, xã Hữu Hòa, thấy có một khu vườn cây xanh tươi đẹp đẽ, vua liền hỏi:

- Đây là đâu mà có một vườn cây đẹp như vậy?

Hỏi xong, nhà vua liền đỡ kiệu xuống và vào thăm vườn cây.

Vườn cây quả quý, đẹp đẽ đó làm cho nhà vua vui lòng.

Nhân dân thấy kiệu của vua Lê Đại Hành đỡ ở đấy liền đặt tên cho vùng đất ấy là Đồng Kiệu.

2. Bãi cồn và bà chúa hến:

Ngày xưa, ở vùng Tó, bên tả ngạn sông Nhuệ, thuộc xã Đại Thanh, huyện Thanh Oai Hà Đông cũ (về sau là Thường Tín, tỉnh Hà Tây rồi chuyển sang huyện Thanh Trì, Hà Nội) có một cô gái sắc đẹp tuyệt trần.

Vì nhà quá nghèo đói và mồ côi cả cha lẫn mẹ nên cô ta ngày ngày phải mò cua bắt ốc bắt hến ven bờ sông Nhuệ để kiếm ăn.

Tuy nghèo khổ như vậy nhưng cô ta được trời phú cho nước da trắng hồng, thân hình cân đối, lộ rõ vẻ đẹp khỏe mạnh của một cô gái con nhà lao động.

Nhưng lạ thay, cô mò hến đến đâu thì dù trời nắng đến thế nào chẳng nữa cũng đều có một đám mây bay theo che nắng che mưa cho cô. Cuộc đời của người con gái nghèo khổ mò hến ven bờ sông Nhuệ cứ thế lặng lẽ và buồn bã trôi qua.

lòng làm việc thiện, cưu mang những người cô đơn, già nua, bần hàn... Bà mất trong khi đi chơi xa, đến quãng sông nọ thì gặp bão tố, thuyền chìm... Người ta không thấy bà đâu nữa, chỉ thấy trên mặt sông nổi lên vô vàn bông sen thơm ngát...

Bỗng một hôm, vua Lê Đại Hành ngự giá đi qua. Vua thấy có đám mây đẹp cứ bay trên đầu một cô gái đang mò hến ở ven sông, vua liền cho gọi cô gái lên. Cô sợ quá bỏ chạy. Quân lính phải đuổi theo. Khi bắt được cô đem đến trình trước mặt vua thì vua thấy cô gái xinh đẹp lại ăn nói dịu dàng bèn bảo cô gái tắm rửa sạch sẽ rồi cho về chỗ hành cung của vua đang đóng tạm tại nơi đây.

Nơi hành cung mà vua Lê Đại Hành lấy người con gái này được nhân dân gọi là Minh Ngự Lâu, nghĩa là "lâu vua ngự".

Khi đưa cô gái về hành cung, tự tay vua Lê Đại Hành đỗ giỏ hến xuống. Hiện nay, theo lời truyền của nhân dân thì chỗ đỗ giỏ hến ấy vẫn còn nhiều vỏ hến lưu lại và người ta gọi đó là Bai Côn.

3. Con voi ở nhân hòa:

Sau khi vua Lê Đại Hành lấy bà chúa Hến làm vợ, vua muốn trả ơn cho làng Tó là quê hương của bà. Vua bèn cho một con voi đi trên cánh đồng. Nếu con voi đi được đến đâu thì đất làng Tó sẽ được đến đấy.

Voi đi đến tận Cầu Biêu rồi đi đến gần Văn Điển, rồi voi lại đi xuống đồng Gùn Đất. Tất cả ruộng ở vùng đó thuộc về làng Tó. Khi voi đến làng Nhân Hòa thì các cụ già ở Nhân Hòa sợ voi đi qua sẽ hết mất làng nên tìm cách đánh chết voi.

Nhà vua tức giận, sai đan một con voi bằng nan tre rồi bắt dân làng Nhân Hòa đổ bạc vào cho đầy bụng con voi bằng nan tre đó để đền lại giá trị của con voi thật.

31. SỰ TÍCH XÃ QUÁN TRIỀU

Tương truyền dưới triều vua Lê Đại Hành năm Tân Ty, niên hiệu Thiên Phúc thứ 2, có người ở xứ Thái Nguyên, họ Quán tên Triệu, sống bằng nghề đánh cá. Một buổi tối khi đi giăng lưới, Quán Triệu gặp tiên nữ, được tiên nữ cho chiếc áoàng hình. Quán Triệu liền dùng chiếc áo ấy đi ăn trộm của cải trong các

kho chứa đem chia cho người nghèo. Không may, chiếc áo tàng hình bị rách, phải vá bằng mìn vải trắng. Một hôm Quán Triều vào kho nhà vua ăn trộm, vì chiếc áo vá ấy mà chàng bị quân canh phát hiện, bắt giam. Lúc bấy giờ quân Tống ô ạt kéo sang xâm lược nước ta, triều đình lấy làm lo lắng. Quán Triều bèn xin đi đánh giặc lập công. Chàng mặc chiếc áo tàng hình xông bừa vào quân giặc, chém giết chúng như vào chỗ không người. Dân chúng thấy vậy nô nức theo chàng đi giết giặc, quân Tống thua to. Quán Triều lập được công đầu, được vua gả công chúa Hồng Liên và phong tước Hộ Quốc công, hưởng thực ấp một vùng ở địa giới hai phủ Phú Bình và Bắc Bình (thuộc đất Cao Bằng). Sau khi Quán Triều mất, hai vợ chồng đều được phong phúc thần, có đền thờ ở bản xã mà tên từ đó gọi là xã Quán Triều. Ở xã Xuân Linh, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng cũng có đền thờ Quán Triều. Trải qua các đời đều được sắc phong mỹ tự, xếp hạng Trung đẳng thần. Trong đền có quả chuông lớn, chu vi 8 thước 9 tấc, cao tới 4 thước 5 tấc 6 phân.

32. TRUYỆN HỘ TINH

Thành Thăng Long xưa hiệu là Long Biên, hồi thượng cổ không có người ở. Vua Thái tổ nhà Lý chèo thuyền ở bến sông Nhị Hà, có hai con rồng dẫn thuyền đi, cho nên đặt tên là Thăng Long rồi đóng đô ở đây, ngày nay tức là thành Kinh Hoa vậy.

Xưa ở phía tây thành có hòn núi đá nhỏ, phía đông gói lên sông Lô giang. Trong hang, dưới chân núi, có con cáo trắng chín đuôi sống hơn ngàn năm, có thể hóa thành yêu quái, thành người hoặc thành quỷ, đi khắp dân gian.

Thời đó, dưới chân núi Tản Viên, người Mán chôn gỗ kết cỏ làm nhà. Trên núi có vị thần rất linh thiêng, người Mán thường thờ phụng. Thần dạy người Mán trồng lúa, dệt vải làm áo trắng mà mặc cho nên gọi là Bạch y man (Mán áo trắng). Con cáo chín

đuôi biến thành người áo trắng nhập vào giữa đám dân Mán cùng ca hát rồi dụ dỗ trai gái trốn vào trong hang núi. Người Mán rất khổ sở. Long Quân bèn ra lệnh cho lục bộ thủy phủ dâng nước lên công phá hang đá. Cáo chín đuôi bỏ chạy, quân thủy phủ đuổi theo, phá hang bát cáo mà nuốt ăn. Nơi này trở thành một cái vũng sâu gọi là đầm Xác Cáo (tức Tây Hồ ngày nay). Sau lập miếu (tức Kim Ngưu tự) để trấn áp yêu quái. Cảnh đồng phía Tây Hồ rất bằng phẳng, dân địa phương trồng trọt làm ăn, nay gọi là Hồ Đỗng (hang cáo). Đất ở đây cao ráo, dân làm nhà mà ở nay gọi là Hồ thôn (thôn Cáo). Chỗ hang cáo xưa, nay gọi là Lỗ Khước thôn.

33. SỰ TÍCH CHÙA MỘT CỘT

Ở Hà Nội ngày nay có chùa Một Cột được coi là thắng tích mà ai cũng nhắc nhở.

Thuở xưa, vào đời nhà Lý, đạo Phật rất thịnh hành, chùa chiền, am tự được cất lên ở nhiều nơi, người sùng đạo cũng đông. Vua Lý Thái Tôn lại là người ngưỡng mộ đạo Phật từ bi nhất. Ngoài những chùa mới cất, nhà vua còn cho trùng tu các ngôi chùa cổ, tạc tượng đúc chuông.

Một đêm vào khoảng tháng Giêng, nhà vua nằm mộng thấy mùi hương sực nức. Kế Phật Bà Quan Âm hiện ra hướng dẫn nhà vua đi xem một tòa sen chói lọi hào quang. Giật mình thức dậy, nhà vua liền đem điềm báo thuật lại với triều thần. Lúc bấy giờ, sư trưởng Thuyền Lão, người đang cầm giềng môi đạo tại hoàng cung mới bàn với nhà vua nên dựng một ngôi chùa để kỷ niệm đức Phật Bà Quan Âm.

Chùa này được dựng lên giữa một cái hồ, hình dạng giống toà sen, có một cột tròn từ dưới nước nhô lên, nhà vua đặt tên là chùa Diên Hựu, cách kiến trúc theo lối nghệ thuật Đại La.

Từ ngày có chùa Diên Hựu về sau, bá tánh thập phương thấy chùa dựng trên một cái cột nên truyền nhau gọi là chùa Một Cột, lâu ngày thành quen, nên ít ai gọi là chùa Diên Hựu.

34. SỰ TÍCH MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA

Thành Thăng Long đắp từ đời vua Lý Thái Tổ¹. Hồi ấy nhà vua xuống lệnh rất nghiêm, học trò ở trường Quốc học cũng phải ra cuộc đát đội sọt. Phạm sinh tên là Khởi Trương, người yếu ớt, không kham nổi việc nặng nhọc, ngã lăn ra bên cạnh cửa Đông Hoa, bị phu tráng đắp chồng lên. Sau mấy tháng, người vợ ở nhà quê lên, ngoảnh vào tường thành mà gào khóc ba ngày không dứt. Bỗng nhiên thành đổ, Phạm sinh lộ ra, mặt vẫn tươi tinh như lúc sống, ai trông thấy cũng phải kinh dị. Việc đến tai triều đình, sai dựng miếu thờ ngay chỗ ấy, đến nay hâc còn. Gần đây người ta bảo là miếu Cửa Đông ở thành Lạng, đó là ngoa truyền.²

35. TRUYỆN CHÙA YÊN LÂNG

Chùa ấy ở tại trại Yên Lãng, huyện Vĩnh Thuận, người ta truyền rằng chỗ ấy là ông Từ Đạo Hạnh ở đấy mà tu hành.

Ông Từ Đạo Hạnh cùng với ông Đại Diên là ông sư chùa Dịch Vọng có việc thù nhau, rồi sang nước Tây Vực học đạo mà giết ông Đại Diên.

Cho nên bấy giờ thói lệ làng Yên Lãng hằng năm vào tháng ba rước ông thần đi qua chùa làng Yên Quyết, Dịch Vọng, thời bắn súng cầm gậy làm như cái dáng đánh nhau.

Nay chùa Yên Lãng có một cái hòm gỗ, trong hòm chứa đồ đồng cùng giấy đỏ, ấy là cái sự tích để lại.

Ông Từ Đạo Hạnh lên núi Sài Sơn tu thành đạo, sau đàu thai làm vua Lý Thần Tông.

1. Lý Thái Tổ (1010 - 1028).

2. Chuyện này nhiều chi tiết giống chuyện *Manh Khuong nǚ*, nàng Mạnh Khuong đời Tần Thủy Hoàng khóc đổ Trường thành. Chuyện có từ đời Đường.

36. SỰ TÍCH CÁC THẦN Ở ĐÊN CAO

Vào thời Đinh ở làng Thanh Tuyền huyện Nga Sơn phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa có một gia đình nổi tiếng về đức hạnh. Ông là Vương Đức Tĩnh, bà là Đào Thị Thanh, vợ chồng kết tóc xe tơ thương yêu nhau nhất mực, cả Kinh Bắc đều biết. Ông bà làm ăn sinh sống ở quê đã ba bốn năm rồi mà chưa có con. Chưa có người nối dòng nối dõi nhưng vợ chồng vẫn ăn ở với nhau không có điều tiếng gì. Ông bà thường nghĩ: Nhà ta có đức hậu nhiều năm nên càng phải một lòng giữ gìn đức hậu đó. Càng chăm sửa mình, làm nhiều chuyện phúc đức, cứu người giúp đời. Không việc gì khó mà từ nan, không việc gì khổ mà cứu giúp cho người khác được lại không làm.

Muốn biết nhiêu cảnh nhiêu người, muốn có con nên ông bà bàn nhau đi chu du thiên hạ vừa là để tìm nơi dựng nghiệp "tìm được nơi nào thuần hậu ta sẽ tùy cơ gửi thân". Đi được ít ngày thì tới Dược Đậu trang, huyện Bàng Châu, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương, thấy dân chúng thuận hòa, địa thế phồn vinh, cây cỏ tươi tốt, vợ chồng bàn định cư tại Thời Bân trang thuộc địa phận Dược Đậu trang.

Tại đây có gia đình ông Lược, đời sống cũng khấm khá hứa cho ở cùng. Gia đình này cũng là chỗ nề nếp có gốc tu hành. Được như vậy vợ chồng mừng vui khôn xiết, nghĩ rằng mình có phúc với đất này. Trong khoảng vài năm làm ăn tấn tới trở thành một gia đình phong lưu. Vợ chồng nói với nhau: Tâm niệm của ta làm điều lành việc thiện nhất định sẽ thấu đến trời. Vợ chồng lại càng sửa mình và giúp đỡ những người khốn khổ.

Vào giờ Tý một đêm thanh vắng bà Thanh mộng thấy một người uy phong lẫm liệt áo mũ rực rỡ, tiếng nói vang vang truyền rằng:

- Gia đình nhà ngươi phúc hậu, trời sẽ ban cho cả con trai con gái, đều là quý tử.

Người đó nói xong biến đi mất.

Mấy ngày sau bà Thanh biết mình có thai. Thấy bà ăn uống thất thường, ông Tĩnh tìm những thứ quý và lành chăm chút vợ cho đến ngày sinh đẻ. Giờ Mão, ngày 26 tháng 10 năm Đinh Mùi bà sinh ra một bọc trong có năm người con, ba trai hai gái.

Trai, như thiên thần ra đời, diện mạo đường đường uy phong lâm liệt, dáng vẻ như rồng như hổ, mắt mày như én như phượng.

Gái, mặt như hoa, da như phấn không gợi chút bụi trân, dáng vẻ như cây mai cây liễu nhẹ nhàng thanh cảnh, dung nhan cá lặn chim sa, quả là bậc thần nữ trong giới quần thoả.

Cha mẹ nuôi nấng đủ tuổi rồi thì đặt tên. Con trai cả là Minh (bên trái là chữ *nhật*, bên phải là chữ *nguyệt*). Con trai thứ hai là Xuân (ở phía trên là chữ *thung* dưới là chữ *nhật*). Con trai thứ ba là Hồng (bên trái là chữ *thủy* bên phải là chữ *cộng*). Con gái thứ tư tên là Đào (bên trái chữ *mộc*, bên phải chữ *triệu*). Con gái thứ năm là Liễu (bên trái chữ *mộc*, bên phải chữ *mão*).

Cả năm anh em khỏe mạnh khôn lớn. Năm mười hai tuổi cùng đi học. Học được hai năm đã làu thông kinh sử. Tới năm mười tám tuổi thì văn võ song toàn.

Năm ấy cha mẹ trở về bản quán tức Tuyền Trang, huyện Nga Sơn, quận Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa để thăm phần mộ ông bà, không may khi đi qua vùng cửa sông, thuyền bị gió to sóng lớn lật úp, hôm đó là ngày 6 tháng 3.

Biết tin, cả năm anh em tìm kiếm khắp các cửa sông mà không thấy xác cha mẹ, đành quay về cư tang tại nhà.

Bấy giờ thời Đinh đã mạt nhà Lê lên thay. Quân Tống sang xâm lược nước ta. Quách Tiến cầm quân đã vượt qua biên ải. Vua kêu gọi các người hiền tài ở khắp nơi về giúp nước. Ba anh em họ Vương vì việc tang cha mẹ nên không dám tham gia ứng thí.

Nhà vua cử giá tiến binh đi qua đất Dược Đậu trang, Bàng Châu, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương thì trời đã về chiều. Nhìn núi non hiểm trở, rừng che núi chấn, vua cho dừng lại và lập Đại bản doanh ở đó - Vùng chợ, tục gọi là chợ Đậu.

Một hôm năm anh em có việc qua chợ, đi qua hành doanh. Vua đang suy nghĩ, lững thững tản bộ nhìn thấy. Trước vẻ uy phong lẫm liệt, đạo mạo khác thường nhà vua lấy làm lạ, gọi vào. Cả năm anh em lần lượt vào trước mặt vua. Vua hỏi họ tên, từng người thưa đủ; hỏi tuổi, đều thưa mười tam. Vua bèn cho thủ tài. Mấy anh em đều tỏ rõ tài năng. Vua thấy cả năm anh em đều có tài lớn bèn thu nhận vào dưới trướng. Nhà vua nói:

- Nay nước nhà có giặc, trẫm quý trọng các bậc kỳ tài, các ngươi hãy tỏ chí mình để giúp nước, chống giặc bảo vệ nước nhà. Vua phong cho ba người anh trai chức Trưởng trung hoa Đại tướng; phong cho hai em gái là Mẫu nghi chí tôn thiên hạ.

Năm anh em được thụ phong, xin hẹn ngày được làm lễ tạ thánh giá rồi xin thân chinh cầm quân.

Được vua ưng thuận, ba anh và hai em gái chia quân thành hai đạo, một đạo lên thẳng trại địch độ sức cùng Quách Tiến; một đạo tiến lên ải Chi Lăng đánh với Hầu Nhân Bảo. Kịch chiến trong hai ngày. Hai đạo quân ta đại thắng, chặt đầu hai tướng Quách, Hầu. Quân địch đại bại, bị bắt và bị giết không biết bao nhiêu mà kể. Số còn lại tháo chạy tán loạn. Từ đó đất nước thanh bình.

Ngay sau hôm thắng lớn, đoàn quân chiến thắng của Đại Việt hành binh về Dược Đậu trang. Vua cho hạ trại tổ chức ăn mừng bảy ngày. Hết bảy ngày vua truyền chọn ngày cử binh hồi triều. Vua phán chỉ "ba tướng quân trai họ Vương cùng lên đường còn hai nữ tướng họ Vương về sau".

Anh cả Vương Đức Minh tâu trình, xin cho năm anh em cùng ở lại để chịu tang cha mẹ, mãn tang sẽ về triều bái yết.

Cảm lòng hiếu thảo của năm tướng quân họ Vương, đức vua chấp thuận.

Sau khi vua hồi triều, một hôm trời nổi sấm sét giông tố, năm anh em đã hóa. Thi thể còn nhưng phần hồn đã về nơi vĩnh hằng an nghỉ. Đó là ngày 24 tháng giêng năm Mậu Dần.

Nhân dân trong vùng lấy làm sự lạ liền ghi lại công tích và sự lạ đó thành biểu tâu lên triều đình. Nhà vua đọc biểu và nghe lời tâu thương xót vô cùng. Nghĩ đến năm công thần có công to lớn không cầm được nước mắt. Vua cử sứ thần đến tận nhà làm lễ phúng điếu. Truyền cho nhân dân trong vùng lập miếu xây mộ, lập hương hỏa, lo đèn nhang.

Năm anh em họ Vương được phong *Phúc thần thương đăng*, sống mãi cùng non sông đất nước. Nhân dân từ nay về sau không bao giờ được lãng quên. Sắc phong như sau:

- Vị thứ nhất được phong Thiên Bồng đại tướng quân Đại vương.
- Vị thứ hai được phong Dực thánh linh ứng Đại vương.
- Vị thứ ba được phong Anh Vũ dũng lược Đại vương.
- Vị thứ tư được phong Đào Hoa trinh thuận công chúa.
- Vị thứ năm được phong Liễu Hoa linh công chúa.

Những ngày đáng ghi nhớ với thần tích Đền Cao trong năm:

- Ngày 26 tháng 10 ngày sinh của các thần.
- Ngày 24 tháng giêng ngày các thần hóa.
- Ngày 14 tháng 11 ngày tháng trận ăn mừng.

Công lao phù vua giết giặc của các vị tướng họ Vương được ghi lại bằng các bản văn còn lưu giữ trong đền đến ngày nay.

37. SỰ TÍCH LÀNG NGHĨA TRANG

Vùng Tam Thiên Mẫu thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên xưa kia không bóng người qua lại. Mùa khô đất đỏ mặn phù sa chạy tít tận chân trời. Mùa lũ nước mênh mông ngầu đục chỉ có vài cái gò chom chỏm nổi lên lơ phơ cây lau, cây sậy. Thời kỳ này nhà Lý vừa rời đô về Thăng Long sau khi nắm trọn quyền binh từ tay nhà Tiền Lê, đang ra sức tìm hiểu đất đai miền duyên hải và thu phục lòng dân.

Nhà vua đi kinh lý. Thuyền rồng rợp trời. Cờ xí rợp trời.

Đoàn thuyền theo dòng sông Hồng trôi xuôi. Trời nước chói chang. Làng mạc xa tít. Vua nhà Lý băng khuông ngắm cảnh và hạ lệnh cho đoàn thuyền rẽ vào khu vực nước lặng lờ. Vùng Hoa Lư (Ninh Bình) mà nhà Đinh và Tiền Lê chọn làm kinh đô, núi non ngoạn mục nhưng không thể có những vùng đất đầm đầm nước màu như ở nơi đây. Hút tầm mắt mới thấy một làng hay gò đống nổi lên. Những cụ già thôn dã được tiếp kiến hoàng thượng một mực tâu rằng, miền đất này cẩm cây mạ xuống là lúa tốt bời bời nhưng tháng năm, tháng sáu gặt hái không nhanh lũ tràn về nuốt chìm tất cả. Triều đình nhận thấy nếu chặn được nước từ sông Hồng tràn về thì nhân dân khắp vùng Hải Dương, Hưng Yên sẽ tha hồ nhiều đất đai cày cấy.

Đột nhiên đoàn thuyền xoay tròn mãi quanh một cái gò con.

Những tay sào lực lưỡng cũng không sao đẩy được con thuyền ra khỏi đường tròn rồng rắn. Nhà vua cho lập đèn cầu khẩn và cập thuyền vào chân gò. Giữa đám cỏ lầu hoang dại có một thiếu nữ đẹp tuyệt trần nằm nghiêng về phía mặt trời. Nàng đã tắt thở nhưng da dẻ hồng hào như đang ngủ say. Nhà vua cho rằng đây là tiên từ trên trời bay xuống giúp triều đình họ Lý hưng thịnh. Hoàng thượng cùng các quan quân đều quỳ xuống cầu khẩn. Một cột khói dựng lên, người con gái bay vút về trời. Đoàn thuyền ra khỏi vùng nước mênh mông an toàn và nhà vua hạ lệnh lập miếu thờ. Một ông già họ Đào tới đây lập áp và trông nom hương khói. Nhân dân theo lệnh nhà vua đắp đê ở hai bên bờ sông ngăn lũ tràn vào những cánh đồng. Con cháu ông già họ Đào lớn lên dựng vợ gả chồng và lập ra làng Nghĩa Trang.

Ngôi mộ ấy bây giờ vẫn còn cùng với cánh đồng Tam Thiên Mẫu bát ngát.

38. TRUYỀN THUYẾT ĐỐNG CAO

Ở làng Long Động, xã Nam Tân, Nam Sách (Hải Dương) có một gò đất lớn gọi là Đống Cao.

Đống có từ xa xưa. Đây tương truyền là khu lăng tẩm lâu đời.

Sau này lăng tẩm không còn, nhưng vẫn rậm rịt, cây cối um tùm như rừng. Hươu, nai, khỉ, hổ vẫn về ăn nấp.

Một hôm có người đàn bà làng Long Đống bảo chồng: Anh ở nhà, em đi kiếm củi.

Người đàn bà đi vào rừng cây khu vực Đống Cao như mọi ngày. Đột nhiên từ trên cây cao, một con khỉ to như người nhảy xuống, cầm lấy tay người đàn bà mà cười. Lát sau buông tay, khỉ lại bám leo lên cây. Người đàn bà ra về, trong mình thấy khang khác.

Bà kể với chồng. Ông chồng tức lấm.

Hôm sau người chồng mặc áo của vợ, đầu đội nón sụp xuống, tay thủ sẵn con dao sắc.

Khỉ quen đứng rình ở cây cũ, thấy thế tưởng vẫn là người đàn bà hôm qua liền nhảy xuống cầm tay. Người chồng liền rút dao, chém chết khỉ. Khỉ được chôn ngay ở đó. Mấy hôm sau, chỗ rừng cây này mồi đùn lên thành Đống Cao.

Người đàn bà có mang từ hôm gặp ông khỉ.

Người chồng xuống sức rồi cũng đến ngày ông không qua khỏi.

Trong lúc hấp hối, ông chỉ dặn vợ là sau khi qua đời, hãy chôn mình vào Đống Cao. Khi ông mất, dân làng nhớ lời đã chôn ông cùng nơi mai táng ông khỉ.

Bà mẹ đến kỳ sinh nở đã đẻ ra cậu con trai khác thường: người lùn, da đen, mồm rộng, mũi tẹt, trán dô, giống y như khỉ. Được cái cậu ta tháo vát, chân tay nhanh nhẹn, cặp mắt thông minh, trí nhớ tuyệt vời, ham mê học hành, từ nhỏ đã nổi tiếng thần đồng.

Cậu bé đó chính là Mạc Đĩnh Chi.

39. TRUYỆN VỊ THẦN Ở CHẦM LÂN ĐÀM

Thần Lân Đàm chính là thần rồng vậy. Xưa thần thường hóa thành người để tìm thầy học đạo. Thầy học lấy làm lạ bèn

tìm chỗ ở của thần, thấy thần náu ở trong chàm. Thầy học thường tra hỏi, thần bèn nói thực rằng: "Năm nay trên thiên đình ngừng việc làm mưa". Thầy học cố nài thần làm ra mưa. Thần bất đắc dĩ phải nghe lời.

Sau trong chàm có biến động, thầy học tới chàm thấy thần hút nước trong nghiên phun thành mưa mực để trừ hạn hán. Thương đế cho là việc đã tiết lộ bèn bắt tội thần. Thầy thần nổi ở trên chàm, thầy học thu về an táng, nhân đặt tên chàm là Long Đàm, sau đổi thành Lân Đàm.

Thần rất là uy linh, hiển ứng. Đến thờ thần đặt ở xã Lân Đàm, huyện Thanh Đàm (Thanh Trì nay). Đời đời thần được phong làm trung đẳng thần.

40. TRUYỆN VỊ THẦN LÀNG BỐ BÁI

Thần làng Bố Bai là tinh của Viêm Long. Xưa ở làng Hẹn Kiều thuộc lộ Hạ Hồng có hai anh em nhà họ Đặng, một tên là Thiện Minh, một tên là Thiện Xạ xuống biển đánh cá gặp một vật lạ giống như hình cây gỗ, dài hơn 3 thước, sắc như trứng quạ, dập dềnh trôi theo ngọn sóng. Hai anh em lật lấy đem về. Đến đêm bỗng nghe thấy ở trong vật ấy có tiếng động. Hai anh em kinh hãi vội đem vứt ra giữa dòng nước, rồi sang thuyền khác ngủ nhở.

Đêm ấy, hai anh em mộng thấy có một người đến nói rằng: "Ta là vợ Đông hải Long vương, trót lỡ đi lạc với Viêm Long vương do đó sinh ra đứa con ấy, ta sợ Đông hải Long vương biết nên đem gửi các ngươi. Các ngươi hãy giữ lấy và bảo hộ cho cẩn thận, không được để ai xúc phạm tới. Sau này nó trưởng thành tất có thể ban phúc cho các ngươi". Hai anh em kinh hãi tỉnh dậy thấy cây gỗ trước lại trôi theo thuyền, bèn đem theo về. Tới nhà, hai anh em nghỉ đậu ở đất Bố Bai. Cây gỗ bỗng nhảy từ trong thuyền lên mặt đất. Hai anh em bèn lập đền, lấy cây gỗ tạc tượng để thờ, gọi là Long quân.

Đời Trần, vua sai thị thần lặn xuống bể mò hạt châu. Thị thần không mò được gì cả, chỉ có con cháu họ Đặng mò được rất nhiều. Thị thần hỏi duyên do, họ Đặng bèn đem hết chuyện xưa nói rõ.

Thị thần tâu lên vua. Vua sai dùng nghi lễ, âm nhạc đi rước tượng, từ đó mò được rất nhiều châu ngọc. Vua giáng chiếu thưởng cho danh hiệu Thần châu Long quân, tặng phong là Lợi tế linh thông huệ tín Long quân. Đền thờ đặt ở xã Bố Bá, huyện Quỳnh Côi. Phía đông đền có bãi tha ma, đó chính là nơi khắc tượng ngày xưa. Trải qua các triều vua, thần đều được gia phong mỹ tự. Tới ngày nay đền đó vẫn rất là linh ứng.

41. TRUYỆN CHÙA BỐI KHÊ

"Đại thánh Khai thiên Nghĩa tồn Bình đẳng Hành thiện Bồ tát Chân nhân" quê ở xã Bối Khê, huyện Thanh Oai. Mẹ ông nằm mơ thấy Phật giáng hạ, thụ thai rồi sinh ra ông.

Năm lên 7 tuổi, bố mẹ chết cả, ông phải đến ở chăn trâu cho cô cậu. Những cá tôm bắt được, ông đều đem thả xuống sông Vĩnh Dụ. Ông không thích nô đùa với các trẻ em chăn trâu khác. Ông làm một cái chùa con ở bên đường, thỉnh thoảng lấy trộm cơm ở nhà đóng oán để cúng. Cô cậu biết chuyện thường thường đánh mắng ông rất khổ sở.

Năm lên 9 tuổi, ông xuất gia, đến trụ trì chùa làng, mọi người đều khen ông có giới hạnh. Lớn lên, ông đến tu hành ở núi Tiên Lữ, huyện An Sơn, sớm tối tụng niệm nên giác ngộ được phép linh thông biến hóa. Ông bèn giẫy cổ chặt gai, xây dựng nhà cửa. Bấy giờ có hơn một trăm người thợ làm. Bữa cơm chỉ thổi một nồi nhỏ. Ông bảo các thợ rằng:

- Các anh nên đem nhiều thúng to để đựng cơm. Tôi về làng lấy mắm muối đến ăn.

Mọi người đều cho là ông nói đùa, không ai để ý. Rồi ông từ núi Tiên Lữ trở về đến chợ Bảo Đà ở xã Đàn Viên, và chỉ trong

một thời gian rất ngắn, tới thềm đá chùa làng¹⁾. Ông lấy hai lọ muối đem về núi Tiên Lữ cung chỉ trong một lát. Ông gọi các thợ đến ăn cơm. Họ ngồi vào mâm, thì đều hóa thành cơm chay của nhà chùa cả ai ăn cũng no nê. Ông trèo lên những xà ngang của chùa đi lại nhảy nhót. Các thợ nhìn nhau thất sắc, thấy ông có phép thần thông, mới biết ông là Chân nhân đặc đạo, cùng nhau sụp lạy. Sau khi dựng xong chùa, ông làm một cái khám gỗ rồi ngồi vào trong, gọi các tăng nhân ở chùa đến bảo rằng:

- Trần duyên của ta đã mãn. Nay ta siêu hóa. Các đạo tràng phải đóng cửa khám đủ ba tháng, hết hạn mới được mở ra xem. Nếu thấy thơm tho thì thờ cúng. Nếu thấy tanh hôi thì đem ra cánh đồng hoang mà chôn.

Các tăng ni tuân theo lời dặn của ông, đợi đến ngoài trăm ngày mới dám mở cửa khám ra xem, thì chẳng thấy gì, chỉ thấy mùi thơm ngào ngạt bay khắp xa gần. Họ bèn cùng nhau tạc tượng ông để thờ. Nhân dân vùng ấy đều để tâm sùng phụng, về sau rất linh hiển. Dân làng Bối Khê cũng thờ ông ở chùa bản xã. Hàng năm ngày rằm tháng 5, mở hội rất to, các nơi đến xem đông như kiến, năm nào cũng vậy.

Cuối đời nhuận Hồ, quân Ngô sang xâm chiếm nước ta. Chúng muốn trấn áp các linh từ trong nước, bèn đem tượng ông ra đốt, nhưng qua ba ngày mà tượng vẫn không cháy. Chúng đang không biết làm cách nào, thì thấy một người đến bảo chúng rằng:

- Các ông muốn đốt cái tượng ấy, thì phải lấy nhiều bắc đèn quấn chung quanh tượng, rồi tẩm dầu mà đốt thì cháy ngay.

Quân Ngô làm theo như thế, thì bỗng thấy trời mưa ra máu suốt ba ngày liền, chúng do vậy bị ốm chết không biết bao nhiêu mà kể. Quân Ngô bèn đắp một cái mộ đất ở địa phận làng Bảo Đà làm dấu đong quân²⁾. Chúng thấy số quân hao hụt mất quá

1. Nguyên chú: "Hiện nay tại thềm đá chùa này hay còn vết chân ông".

2. Nguyên chú: "Đấu áy hiện nay vẫn còn vết tích". Xem thêm chú thích 1 truyện *Đào Nương*.

nửa, lấy làm sợ hãi, tự biết uy linh khó phạm, rất lấy làm hối hận. Ông lại hiện hình bảo người Ngô rằng:

- Nếu các ngươi còn muốn sống mà về, thì phải tạc lại tượng trả ta. Bằng không, tội lỗi ấy không bao giờ đến xong.

Quân Ngô bèn sai người về bản quốc đúc một pho tượng giống như pho tượng cũ, rồi đem đến chùa làng Bối Khê lập đàn cầu đảo, từ đó mới được yên ổn.

Nhân dân vùng ấy, hằng năm cúng tế. Những việc cầu mưa, cầu tạnh đều được linh ứng. Lịch triều bao phong Thương đẳng thần, hiện nay triều đình vẫn còn cúng tế.

42. SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tuỷ. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy ở Thanh Hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như lệ thường. Tự nhiên trong một lần kéo lưới, chàng thấy nắng nặng, trong bụng mừng thầm, chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá, Thận mới biết đó là một thanh sắt. Chàng vứt luôn xuống nước rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận ghé môi lửa lại nhìn xem. Bỗng chàng reo lên một mình:

- Ha ha! Một lưới gươm?

Thận về sau gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng đã mấy lần vào sinh ra tử nơi trận mạc để diệt lũ cướp nước. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tòng đến nhà Thận. Trong gian nhà tối om, thanh sắt hôm đó chợt sáng quắc lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi đến gần cầm lấy xem và nhận ra có hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưỡi vào với chuôi thì kỳ lạ thay, vừa vặn khớp nhau. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với chủ tướng:

- Đây là thần có ý phó thác cho "minh công" làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương da của mình theo "minh công" và thanh gươm thần này để báo đền xá tặc!

Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành trên mọi trận địa và làm cho quân Minh bạt vía. Chẳng bao lâu tiếng tăm của quân Lam Sơn lan khắp nơi. Họ không phải trốn tránh trong rừng mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống cực khổ như trước nữa, đã có những kho lương của giặc cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mai, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước.

Sau khi đuổi giặc Minh về được một năm, ngày hôm ấy Lê Lợi - bấy giờ đã là một vị thiên tử - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền chèo ra giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi làn nước xanh. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng lên

Truyền thuyết Địa danh - Phong tục - Quyển 5.....67

và nhận thấy lưỡi gươm thần đeo bên mình cũng đang cử động. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói:

- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!

Nghe nói thế nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa ngược đầu lên, há miệng đớp lấy ngang lưỡi gươm. Cho đến khi cả gươm và rùa lặn xuống, người ta vẫn thấy có vết sáng le lói dưới mặt nước hồ xanh.

Khi những chiếc thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng thì vua liền báo ngay cho họ biết:

- Đức Long quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đãt nước đã thanh bình, người sai rùa lấy lại.

Và từ đó hồ bắt đầu được mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

43. NÚI ÔNG TRẠNG VÀ CÁNH ĐỒNG NGÔ NGĀ

Thuở ấy, giặc Ngô¹ sang cướp nước ta. Đi đến đâu chúng cũng vơ vét của cải, hâm hiếp phụ nữ, phá phách các đền chùa miếu mạo và triệt yểm các long mạch nhằm làm cho nước ta không có nhân tài để chúng dễ bề thống trị.

Tướng giặc cho quân đi do thám khắp nơi để tìm những địa điểm chúng cho là "địa linh nhân kiệt".

Nghe nói ở thôn Thiên Trường có núi Ông Trạng và núi Hòn Sách là Linh Sơn phát nên hào kiệt, nên giặc Ngô hùng hổ cho quân đến phá. Tên tướng giặc nói rằng: "Hào kiệt nước Nam đời nào cũng có. Sách vở đã đốt hết, trường sở đã phá sạch, nhưng nếu không phá cho bằng được núi Ông Trạng này đi thì long

1. Giặc Ngô: chỉ chung giặc phong kiến Trung Quốc.

mạch khoa bảng vẫn còn. Nước Nam không bao giờ hết hào kiệt. Thiên triều không dễ gì cai trị được”.

Tên tướng giặc cho quân bện hàng trăm sợi chão lớn buộc vào cổ Ông Trạng để kéo cho đổ xuống. Chúng hò la kéo suốt từ sáng đến chiều nhưng ông Trạng vẫn uy nghi, bình thản bên Chồng Sách như không có gì xảy ra. Tên tướng giặc càng vô cùng tức tối, thối kèn, thúc trống cho quân sĩ kéo tiếp. Ông Trạng khẽ rùng mình một cái, tất cả các dây chão đều bị đứt hết. Quân giặc ngã đè lên nhau, kẻ gãy chân, đứa sưng mặt, kêu la âm ỹ. Giặc đành phải thu quân rút về.

Vì núi Ông Trạng và núi Hòm Sách quân giặc không phá được, nên Linh Sơn tụ khí, hào kiệt nước Nam sinh ra mãi mãi.

Cánh đồng giặc Ngô bị ngã được dân địa phương gọi là đồng Ngô Ngã.

Núi Ông Trạng, núi Hòm Sách và cánh đồng Ngô Ngã nay thuộc thôn Thiên Trường, xã Trường Yên¹.

44. HĂM MỘT LÊ LAI, HĂM HAI LÊ LỢI, HĂM BA GIỖ MỤ HÀNG DẦU

Trong bao nhiêu trận đánh của Lê Lợi chống lại bọn giặc Minh những ngày đầu khởi nghĩa thì trận đánh ở núi Chí Linh vào tháng 4 năm Hợi (Kỷ Hợi 1419) là nguy hiểm nhất. Trận ấy, quân ta bị bao vây ráo riết. Bọn tướng giặc nhất định bắt cho được Lê Lợi, tiêu diệt đầu não của cuộc khởi nghĩa. Quân nhà Minh trùng trùng điệp điệp vây kín trong ngoài, một con chim sẻ bay qua cũng không làm sao lọt được. Một vài viên tướng giỏi nhất của Lê Lợi thì đang ở xa. Mà có cũng ở trong vòng vây thì bị hãm lâu ngày, lương thực thiếu thốn, thế trận cũng khó lòng

1. Thiên Trường: thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Núi Ông Trạng gần kinh đô Hoa Lư cũ.

cứu vãn. Lê Lợi liền họp các tướng thân cận còn lại bàn cách đối phó và nói rằng: "Bây giờ ai có thể làm được như Kỷ Tín ngày xưa, thay ta chịu cho giặc bắt thì mới giải được nguy này. Công đức ấy sau này sẽ có sử xanh ghi chép".

Lê Lợi nói chưa dứt lời thì một tướng đã đứng ra khảng khái tình nguyện làm việc đó. Ấy là Lê Lai. Lê Lai vốn người ở thôn Dựng Tú, sách Đức Giang, huyện Lương Giang. Cả nhà ông đều tham gia nghĩa quân Lam Sơn ngay từ lúc đầu. Lê Lai xin nhận kế hoạch đã định. Lê Lợi còn dùng dằng chưa nỡ thì ông đã quỳ xuống xin nhận lấy áo mũ của chủ tướng và nhanh chóng hóa trang. Khổng người ông gần bằng Lê Lợi và nét mặt cũng hao hao giống. Cho nên khi ông mang năm trăm quân và hai thớt voi xông ra mặt trận, tự xưng là chúa Lam Sơn thì giặc Minh tin ngay, kéo ồ cả lại, vây bắt sống được ông đem về trại. Chúng đem những hình phạt cực kỳ tàn ác ra hành hạ ông cho đến chết.

Hôm Lê Lai chết vì nạn nước, trời sầu đất thảm, mưa gió không thôi. Bọn giặc Minh mừng vì đã bắt được thủ lĩnh nghĩa quân nên không chú ý bỗ vây như trước. Nhờ đó, Lê Lợi và các tướng khác đã rút được ra ngoài. Lê Lợi vạch gươm lên núi mà thề sẽ báo thù cho Lê Lai và nhớ ơn ông mãi mãi.

Lê Lai chết vào ngày 21. Mười lăm năm sau, Lê Lợi lại mất vào ngày 22. Cả hai ngày ấy ở Thanh Hóa trời đều u ám hoặc có mưa gió. Nhân dân cho là trời đất cũng thông cảm mà nhớ tiếc kẻ anh hùng. Cũng chính vì vậy mà có câu tục ngữ. Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi.

Cũng câu chuyện Lê Lai cứu chúa trên đây, nhân dân vùng Ngọc Lặc còn kể tiếp như sau:

Khi Lê Lai bị giặc bắt, chúng đưa ông tới một cái cầu (bây giờ là ở trên phố Châu không hơn một cây số) thì ông đã kiệt sức. Chúng chém chết và bêu đầu ông ở gốc cây đa để uy hiếp tinh thần nghĩa quân và nhân dân. Nhưng ngay đêm ấy, nhân dân làng Mơ ở cạnh cầu đã bí mật ra lấy trộm được đầu ông và

cả thây ông nữa. Họ đem ông về mai táng ở một chỗ cách đây không đầy bốn cây số, trong một khu rừng rậm rạp. Đêm đưa đám, bất chấp đồn giặc gần kề, nhân dân đã tới rất đông, chen chúc nhau khắp cả mặt đường và thôn xóm. Vì vậy, chỗ ấy sau này gọi là làng Chen. Còn chiếc cầu đã chứng kiến việc lũ giặc hèn hạ giết hại ông cũng được đặt tên là cầu Lai.

Sau khi dựng nước, Lê Lợi nhớ công ơn của Lê Lai đã phong chức tước cho ông và con cái, lại cho lập đền thờ. Đền thờ Lê Lai nằm trên một bãi đất cao rộng, đằng trước có hồ nhỏ, đằng sau có lùm cây cổ thụ. Trong đền có voi đá, ngựa đá. Người ta nói rằng trước đây, đền thờ thường có hổ về chầu.

Bà con cũng nói thêm: Sau khi ông bị giặc bắt, họ hàng nhà ông phải trốn tránh tản mát khắp cả huyện Ngọc Lặc. Các cụ già cho rằng, họ Lê Đình ở Ngọc Lặc chính là chi phái của Lê Lai.

Lê Lợi là người rất có ân tình chung thủy. Không những ông sai làm đền thờ Lê Lai, chu cấp cho con cháu người anh hùng cứu nước. Ông còn ra lệnh cho triều đình sau này phải làm giỗ Lê Lai trước khi giỗ mình. Vì vậy, tuân theo ý nhà vua, nhân dân đã viếng Lê Lai trước khi cúng tế Lê Lợi. Câu thành ngữ "Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi" là do đấy.

Dận dò việc này, Lê Lợi còn nhớ đến bà hàng dầu từng giúp cho nghĩa quân trong những ngày đầu chuẩn bị khởi nghĩa. Ông bảo phải làm giỗ mụ hàng dầu ngay sau ngày giỗ ông. Vì vậy mà tiếp theo câu thành ngữ trên kia, còn có câu: "hăm ba giỗ mụ hàng dầu".

Bà con dân tộc Mường ở xã Yên Lâm, huyện Yên Định cũng có câu phương ngôn này. Họ đọc là:

Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi

Hăm pa clôi pođì, clôi chođ

Nghĩa là: 21 Lê Lai, 22 Lê Lợi, 23 trôi bơi, trôi chở. *Bơi* là cái hồ, cái sọt; *chở* là cái dón, cái lăng. Ý nói cả ba ngày ấy mưa to gió lớn, trời cũng thông cảm với hai vị anh hùng.

Về tên cầu Lai, nhân dân xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc lai kẽ khác. Người ta nói rằng ở vùng đó, xưa kia có tên là làng Loi. Loi có nghĩa là một làng Mường khốn khổ. Ngày tháng, người dân đói là tay chân, thành ra có vô số kẻ loi (người bị chết ngắt, bất tỉnh nhân sự). Nhưng từ khi trong mường có chàng con trai tên là Lê Lai đi theo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, thì cả mường trở nên hoạt bát. Một hôm, Lê Lợi và Lê Lai gặp nhau ở đầu chân dốc làng Loi. Hai người cùng cởi áo xuống sông tắm mát. Họ bơi hụp suốt cả buổi làm cho nước suối cạn đi. Trời đương nắng nực bỗng đổ một cơn mưa rào, làm cho cả vùng mát rượi. Tắm xong, cả hai người cùng về làng, bà con quây quần quanh họ. Những nét mặt và dáng điệu âu sầu rũ rượi ngày trước biến đi nhanh chóng. Dân Mường tin rằng Lê Lai đã đưa được vị thần nhà trời về. Ai nấy đều một lòng một dạ đi theo Lê Lợi. Vì vậy, về sau, người ta gọi làng Loi ra làng Lai; cái cầu và con suối hai ông tướng Lam Sơn tắm mát cũng được gọi là cầu Lai.

45. VIỆN CHÂU LÂM VÀ CHÙA BÀ ĐANH

Viện Châu Lâm có từ đời Lê Thánh Tông đặt trên bờ hồ ngoảnh mặt ra sông Tô Lịch, dùng làm chỗ ở cho những người Chiêm Thành đã được đưa về sau những cuộc chiến tranh Việt Chiêm. Tại nơi đây xưa còn có ngôi chùa gọi là chùa *Châu Lâm* cũng gọi là chùa *Bà Đanh*. Viện Châu Lâm sau bị bãi bỏ, riêng chùa Châu Lâm vẫn còn, nhưng ít người lê bái nên có câu "Vắng như chùa Bà Đanh". Trong phú Tây hồ có câu: "Cánh Bà Đanh hoa khép cửa chùa", chính là nói về chùa này và tình trạng bán hoang phế của nó.

Vị trí cũ Viện Châu Lâm và chùa Châu Lâm - Bà Đanh ở góc phía tây trường Chu Văn An hiện nay, trước cách mạng còn có những cây đa cổ thụ ghi dấu vết của chùa.

Sau khi thực dân Pháp sang xâm lược, dân Thụy Khuê phải nhường ngôi chùa và đất lân cận cho bọn thực dân Pháp để mở

nhà in tức là nhà in Schneider, nhà in này đến năm 1907 lại bị bọn cai trị Pháp lấy để lập trường trung học mà chúng gọi là "Trung học Bảo hộ" tức trường Bưởi, nhằm giảm bớt uy thế chính trị của phong trào trường Đông kinh nghĩa thục do các nhà nho yêu nước thời bấy giờ lãnh đạo. Chùa Châu Lâm như vậy đã bị dời sang gần sát với bờ sông Tô Lịch, và sáp nhập với chùa Thụy Khuê. Chùa này ở 199B phố Thụy Khuê còn giữ được tấm bia cũ dựng năm Chính Hòa thứ 20 (1699) trên bia ghi chữ "*Châu Lâm tự hiệu Bà Đanh tự*" là dấu vết của chùa Châu Lâm Bà Đanh cũ.

46. THÀNH LỤC NIÊN

Khoảng cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, ở một nơi ngày nay thuộc huyện Nga Sơn (Thanh Hoá) có một người họ Mai là tay thợ nề nổi tiếng. Anh còn trẻ đã kiếm ra nhiều tiền, nhưng chỉ dành giúp đỡ người nghèo khó. Vì thế anh được nhân dân đặt cho cái tên là Trọng Nghĩa. Đặc biệt Trọng Nghĩa còn có tài xây thành đắp luỹ rất giỏi.

Sau khi tiêu diệt nhà Hồ, tên tướng giặc Minh xâm lược là Trương Phụ cho sửa sang lại thành cũ, và đắp thêm một số thành mới để đàn áp nhân dân ta và đối phó với các cuộc nổi dậy chống ách đô hộ nước ngoài. Được biết Trọng Nghĩa có biệt tài xây thành đắp luỹ, Trương Phụ tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc anh. Trọng Nghĩa mắc mưu giặc, đem tài năng ra phục vụ cho mục đích xâm lược và thống trị của chúng. Quân Minh trả công anh rất hậu và còn thưởng cho anh nhiều vàng ngọc, châu báu. Anh giúp chúng củng cố lại một số thành trì xung yếu như thành Đông Quan, thành Nam, và xây đắp thêm một số thành mới như thành Rum, thành Triều Khẩu. Ngày ba bữa anh được chúng thết đãi cơm rượu, đủ các món sơn hào, hải vị, và bữa nào cũng riêng mình anh một mâm, một chiểu ngồi chêm chệ. Đầu tiên anh cứ tưởng quân Minh hết sức kính trọng mình, sau mới biết chúng rất khinh bỉ anh, không thèm

ngồi ăn uống với anh. Anh tự ái, muốn bỏ đi, nhưng không biết đi đâu trong lúc khắp đất nước, chỗ nào cũng hồn vêt chân quân xâm lược.

Lúc ông Lê Lợi khởi quân ở Lam Sơn, Trọng Nghĩa đã đứng tuổi.

Trọng Nghĩa vẫn sống không vợ, không con với quân Minh gian tham tàn bạo. Có thời gian hàng tháng trời ông không bước chân ra ngoài cửa thành. Ông tránh những cặp mắt nhìn khinh bỉ, căm ghét của dân chúng mỗi khi họ bắt gặp ông. Song ở trong thành, ông cũng chẳng được vui sướng hơn. Việc xây thành trì không đến nỗi cần thiết như trước nữa. Quân Minh dần dà sinh ra ngược đãi ông. Mỗi khi ông có điều gì không vừa ý chúng, chúng mang nhiếc ông rất thậm tệ. Chúng gọi ông là: "thằng man di" chứ không gọi ông là Trọng Nghĩa như trước đây. Ông rất hối hận là đã đi theo quân Minh, và càng nhận thấy rõ hơn hành động tội lỗi của mình. Ông muốn bỏ giặc Minh đi theo nghĩa quân Lam Sơn, nhưng lại sợ ông Lê Lợi bắt tội nối giáo cho giặc Minh. Ông quyết định vượt thành tìm gặp ông Lê Lợi để đầu thú, may ra được sống mà đái tội lập công.

Ông Lê Lợi nổi tiếng là người mưu lược tài giỏi, chẳng những biết chiêu hiền đãi sĩ mà còn có lượng bao dung như trời biển. Thấy Trọng Nghĩa thành thực ăn năn hối lỗi, ông vui mừng ra mặt. Ông tươi cười nói với Trọng Nghĩa: "Ta biết trước sau ông cũng về với đại nghĩa vì tên ông là Trọng Nghĩa kia mà!". Trọng Nghĩa phủ phục dưới chân Lê Lợi khóc lóc xin hứa đem hết tài mọn lập công chuộc tội.

Giặc Minh sau những trận đánh chớp nhoáng lại kéo vào thành cố thủ. Ông Lê Lợi nghĩ mình muốn chống cự với địch lâu dài cũng cần có thành trì vững chắc để làm chỗ nương tựa. Ông sai Trọng Nghĩa trông coi việc xây thành. Được chủ tướng họ Lê tin dùng, Trọng Nghĩa vô cùng vui sướng, ngày đêm làm việc không biết mệt. Ông xây hai cái thành cùng một lúc. Riêng cái thành dựa theo hình khe thế núi được ông nghiên

cứu xây đắp đặc biệt công phu. Trong thành có kho lớn chứa vũ khí và lương thảo, nếu không may thành bị địch bao vây thì nghĩa quân vẫn đủ sức cầm cự trong vòng sáu năm trời¹. Ông Lê Lợi đặt thành này tên là Lục Niên, và thành kia là thành Bình Ngõ. Từ khi nghĩa quân có thành trì vững chắc, giặc Minh không dám kiêu ngạo coi thường nữa. Trọng Nghĩa lại mách bảo cho nghĩa quân biết những điểm yếu của thành trì quân địch, giúp ích rất nhiều cho những đợt nghĩa quân tiến đánh thắng vào sào huyệt chúng.

Chẳng bao lâu, quân giặc ở vùng Nghệ An đã bị ông Lê Lợi đánh tan, rồi thừa thắng kéo ra Bắc giải phóng thành Đông Quan, tiến tới quét sạch quân Minh... Khi ông Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, xét công lao Trọng Nghĩa, ban thưởng cho chức tước, bổng lộc rất hậu.

47. CÁNH ĐỒNG MÃU HẬU

Một lần Lê Lợi bị quân minh đuối. Tướng sĩ tản mác chỉ còn một số tùy tòng. Cả đoàn chạy đến một làng bên sông Cầu Chày thì mệt quá ngồi bệt xuống nghỉ chân. Đói, khát, đã mấy ngày cơm nước thát thường, và suốt buổi hôm nay vẫn chưa có gì cho vào bụng.

Xa xa trên đường cái quan có một người đàn bà đi tới. Bà ta đội một cái mâm dày kín. Nhìn đám người nhọc nhằn uể oải, bà ta dừng chân lại hỏi han. Biết đây là những nghĩa sĩ Lam Sơn, bà vui vẻ đặt mâm xuống:

1. ý nghĩa của cái tên thành Lục Niên có mấy thuyết khác nhau: 1- Tại thành này vua Lê Lợi đã chống cự với quân Minh 6 năm trời. 2- Tính từ khi vua Lê Lợi khởi quân ở Lam Sơn (1418) đến khi xây thành này là 6 năm. 3- Thành này chính tên là *Lục Hoa* (không phải là Lục Niên) vì được xây đắp theo thể trận Lục Hoa.

- Tôi đi đơm mâm đầu họ. Nhưng cứu một người phúc đãng hà sa. Xin các ông đừng khách khí.

Và bà ta hạ mâm cỗ xuống. Cả đoàn nghĩa sĩ chia nhau mỗi người một nắm xôi và một miếng thịt gà, dù chưa ăn thua gì, nhưng cũng lủng bụng. Người đàn bà biết ý, lại khẩn khoản mời mọi người về nhà mình, nấu cơm thật đãi.

Ăn uống no say, Lê Lợi xin tạm và hỏi họ tên để sau này báo đáp. Bà ta từ chối. Lê Lợi lấy một mảnh vải in hai bàn tay mình vào, gửi lại, để hẹn kỳ tái ngộ.

Khi đã lên ngôi, Lê Lợi nhớ nghĩa xưa cho người đến tìm, người đàn bà đã mất, và cũng không rõ đã lưu lại vuông vải cho ai. Cực chẳng đã, nhà vua xuống chiếu cắt cả một cánh đồng rộng giao cho dân địa phương cày cấy làm ruộng tế tự bà. Ấy là cánh đồng Mẫu Hậu, nay ở phía sau thôn Trung Lập, thuộc xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân.

*

* * *

Tương tự như truyện trên, nhưng cánh đồng dùng vào việc tế tự hương khói này lại là cánh đồng Thạc thuộc xã Xuân Lai, cũng ở Thọ Xuân. Chi tiết có chỗ hơi khác.

Lê Lợi chạy đến vùng này thì gặp bà già đi chợ về. Ông kể rõ sự tình. Bà già muốn đưa Lê Lợi đến nhà mình nhưng đi đường thẳng thì trống trải quá. Bà ta đưa vị chủ tướng Lam Sơn theo đường quanh co men theo bờ ruộng. Bà đi trước cách một quãng khá xa thì Lê Lợi bước theo. Sợ Lê Lợi lạc đường, mà lại không muốn đánh tiếng, vừa đi bà vừa xé dải yếm ném xuống làm dấu. Khi giải yếm vừa xé hết thì cũng là lúc đến nhà. Sau này từ chỗ bắt đầu gặp gỡ đến chỗ hết dải yếm là nơi Lê Lợi cắt làm ruộng tế tự. Đó là cánh đồng Thạc giáp với Phong Cốc bây giờ.

48. CÁNH ĐÔNG AO VOI

Mùa hè năm ấy, vua Lê từ Nghệ An tiến quân ra Thanh Hóa. Càn phải hành quân cấp tốc, khi vượt qua sông Ghép thì người và voi, ngựa đều mệt nhoài. Đi được một đoạn nữa thì trời tối, nhà vua xuống lệnh cho đoàn quân nghỉ lại dưới chân núi Lau về phía Nam. Hồi bấy giờ, vùng đất này chưa có người ở, khắp nơi, lau lách um tùm. Gặp mùa nắng hạn, khe vũng đều khô cạn, quân lính phải chia nhau đi gạn lọc từng lon nước bùn và chỉ đủ cho người dùng. Đàn voi chiến mấy trăm con của nhà vua khát quá la rống vang trời. Dễ đến nửa đêm, trại quân mới chìm vào trong giấc ngủ.

Vua Lê thức dậy sớm, bỗng nghe trại quân xôn xao náo động. Viên tỳ tướng cấp báo cả bầy voi chiến không biết xổng đi đâu mất cả. Đó là những tên lính khổng lồ được huấn luyện chu đáo, biết giữ kỷ luật và tuyệt đối phục tòng chủ tướng, đã lập công qua nhiều trận đánh. Sau giây phút kinh ngạc, nhà vua sai viên tỳ tướng dẫn một đội quân lần theo dấu chân voi tìm kiếm. Trong chốc lát, viên tỳ tướng trở về, vẻ thất vọng hiện rõ trên nét mặt: đàn voi xổng đi không để lại một dấu vết gì! Nhà vua nổi giận bừng bừng, cho rằng quân tướng ngai vất vả, không chủ bụng tìm kiếm.

- Vô lý! Chả lẽ cả bầy voi mọc cánh bay đi hay sao?

Nhà vua quát hỏi như vậy, và nhảy phắt lên yên ngựa dẫn đầu đội quân thám mã rầm rập kéo đi. Nhưng rồi đến lượt nhà vua cũng thất vọng nốt! Đúng như lời viên tỳ tướng, chung quanh trại voi, dù có vạch kỹ từng cây lau bụi cỏ cũng không hề thấy dấu vết một bàn chân voi.

Vua Lê ghìm cương ngựa, cúi đầu suy nghĩ. Bỗng nhà vua ngẩng phắt đầu, con ngựa chồm lên sải vó phi như bay, kéo theo cả đoàn quân thám mã. Chẳng mấy chốc vua Lê đã len đến đỉnh núi. Ngồi trên mình con ngựa cao lớn đang thở phì phò vì mệt nhọc, nhà vua phóng tầm mắt soi sáng cả bốn phương tám

hướng. Thốt nhiên, nhà vua reo lên một tiếng. Giữa lúc đó, đoàn quân cũng vừa nhận ra bày voi đang thấp thoáng dưới chân núi phía tây. Con ngựa nhà vua cưỡi lại chồm lên và đưa đoàn quân nhầm hướng có bày voi lao xuống. Một cảnh tượng lạ lùng hiện ra trước mắt mọi người: đàn voi đang chen nhau chung quanh một cái ao rộng thả voi xuống uống nước. Ao nước trong vắt nhìn thấu đáy. Nhà vua càng lấy làm ngạc nhiên khi biết cả vùng đất phía bắc núi Lau cũng bị khô hạn, ngoài ao này không còn một khe lạch hay vũng đầm nào có nước. Nhà vua bèn sai quân thám mă đi tìm những người dân ở gần nhất để hỏi chuyện. Hồi lâu, quân thám mă dẫn đến cho vua một ông lão râu tóc đều trắng xóa, bay phơ phát như những bông lau. Nhà vua hỏi:

- Lão trượng có biết cái ao này tại sao không bị cạn?
- Tâu đức vua, kẻ ngu hèn sống ở đây đã chăn một trăm năm; khi sinh ra được tắm ao này, lúc lớn lên cũng nhờ nước ao này. Kẻ ngu hèn chưa hề thấy ao này bị khô cạn cũng như chưa hề thấy mặt trời kia bị tắt hẳn.

Vua Lê hỏi trong vùng còn ai sống lâu hơn ông lão không thì ông cho biết có một cố già áng chừng đã thọ đến một trăm năm mươi tuổi, may ra biết gốc tích cái ao chăng. Nhà vua liền bảo ông lão thân dân mình tới gặp cố già. Sau đây là câu chuyện cố già kể cho vua nghe:

- "Không nhớ từ đời thuở nào, chỉ nghe các cụ kỵ truyền lại rằng ở đây xưa có một ông Khổng Lồ. Trời thường làm hạn hán luôn, không năm nào người và vật không bị chết vì khát, chỉ có giống lau lách là chẳng hề lo sợ. Ông Khổng Lồ nghĩ cách đào một cái ao để chứa nước. Ông nuôi một con bò để cày ruộng. Hôm nào vội đi làm ông cắp con bò vào nách, sải mấy bước ra đến đồng. Cày xong, ông bế con bò đem xuống ao tắm rửa cho nó. Đoạn, ông thả bò gặm cỏ chung quanh bờ ao, khi nào no bụng thì bò giông về. Thuở ấy còn có một con chim phượng hoàng khổng lồ không biết từ phương nào tới. Nó định xây một

cái tổ gồm một trăm trái núi cao để để trứng. Ngày ngày nó tha những hòn đá to tướng từ các nơi về đây xếp lên thành núi. Nó xây được chín mươi chín trái núi thì vừa đói vừa mệt, phải dừng lại nghỉ, không thể gắng thêm một chút nào nữa. Bụng đang đói mềm, nó thấy con bò của ông Khổng Lồ tha thẩn gặm cỏ ven bờ ao, liền sà xuống quắp lấy mang lên núi ăn thịt. Ông Khổng Lồ bị mất bò, lần theo dấu máu rơi, tìm thấy con chim phượng hoàng đang ngồi rìa lông, chuốt cánh, sau bữa chén no nê. Ông nhảy xổ tới, dùng bắp cày quật như mưa xuống đầu chim. Con chim khổng lồ không chút nao núng, lập tức chồm lên đánh trả. Trận ác chiến diễn ra. Đá lở àm àm. Bụi bay mù mịt. Cuối cùng con chim bị thua tung cánh bay đi mất, bỏ lại cái tổ đang xây dở, chỉ còn thiếu một trái núi nữa là vừa tròn. Ông Khổng Lồ vẫn chưa hả cơn giận, co căng đẹp những trái núi cao nhất làm chúng đổ chồng lên nhau tạo thành một rặng núi chạy dài; ông còn bưng một số hòn núi khác ném ra phía xa...".

Nghe xong câu chuyện do cố già một trăm năm mươi tuổi kể, vua Lê rất hài lòng. Nhà vua tin rằng chính ông Khổng Lồ đã đem đàn voi chiến từ bên kia núi sang bên này núi cho uống nước ở cái ao của ông, cứu chúng thoát khỏi cơn khát ghê gớm. Nhà vua phong ngay cho ông Khổng Lồ làm thần núi Lau và hứa sau khi đánh đuổi hết giặc Minh xâm lược sẽ xuất tiền của lập đền thờ để ghi nhớ công đức của ông.

Đàn voi chiến của vua Lê sau khi uống nước thỏa thuê, tha hồ phun nước tăm mát và nô đùa với nhau. Lúc nhà vua từ chỗ ông cố già cao tuổi trở lại thì bốn chung quanh bờ ao đã bị chúng xéo nát, nước tràn ra lênh láng, mặc dù đã cạn. Nhà vua cảm tạ vị thần núi một lần nữa rồi mới vượt qua đỉnh ngọn Lau về doanh trại sửa soạn cơm nước để tiếp tục cuộc hành quân khẩn cấp.

Sau khi được uống và tắm nước ao của ông Khổng Lồ, đàn voi chiến của vua Lê trở nên có sức khỏe như một đàn voi thần, tiến đến đâu xéo nát thành trì quân Minh đến đó.

Vua Lê lên ngôi Hoàng đế, giữ lời hứa cũ, sai lập đền thờ ông Khổng Lồ ngay dưới chân núi. Nhà vua còn cho chiêu tập dân lý tán qua những năm bị giặc giã cướp phá đến vùng phía bắc núi Lau lập thành trại ấp khai phá đất hoang, dần dà trở thành những làng xóm trù mật. Trên mảnh đất tục truyền con chim phượng hoàng bị ông Khổng Lồ đánh thua rụng cả lông đuôi rơi xuống đó, được dân đến ở trước nhất, và được vua Lê đặt tên là Phượng Vĩ (đuôi con chim phượng).

Hiện nay ở xã Quảng Vinh, huyện Quảng Xương, có một cánh đồng ở dưới chân núi Lau, gọi là cánh đồng Ao Voi. Ông già bà cả ở đây nói rằng: cánh đồng này thuở xưa vốn là cái ao của ông Khổng Lồ, nhưng lại mang tên Ao Voi để muôn đời ghi nhớ dấu chân người anh hùng đất Lam Sơn trên đường hành quân đánh đuổi giặc Minh xâm lược đã dừng lại đây với đội quân hùng mạnh, được thần dân tận sức, hết lòng ủng hộ.

49. SÔNG CẦU CHÀY CHÓ CHẠY ĐÚT ĐUÔI

Sau khi bị quân ta tấn công đồn Nga Lạc, giặc Minh tức giận nhất quyết trả thù. Chúng huy động một lực lượng rất lớn ào ạt đánh phá các vị trí ta. Quân ta tuy đã chống cự rất mãnh liệt nhưng thế giặc rất to, đành phải rút. Các cơ đội đã di xa rồi, còn Lê Lợi với một toán quân vượt qua sông Cầu Chày vào phía đồn Nan. Giặc đuổi theo sau rất rát. Chúng lại xua một đàn chó ngao đi sục sạo. Xem chừng chúng đã sắp sửa tới gần.

Đang lúc vạn phần nguy cấp, Lê Lợi gặp một bác phu đường săn, ông vội vàng kể thật tình cảnh khốn đốn. Bác ta nói:

- Được! Được! Mời ông cứ qua sông trốn đi, mặc tôi với bọn chúng.

Lê Lợi đã đi khuất. Bác thợ săn rút dao chặt đứt đuôi con chó của mình. Chó đau chạy mất, bác ta cầm lấy đuôi chó lội xuống mé sông, vừa ngâm đuôi chó vừa khóc.

Giặc Minh sông sộc kéo đến. Thấy người đàn ông khóc lóc thảm thiết, chúng hỏi. Bác ta trả lời:

- Tôi có con chó săn rất giỏi, nhờ nó mà tôi tậu được cửa được nhà. Hôm nay tôi cho nó bơi sang sông để săn cáy cáo. Thế mà sông sâu nước xoáy, dìm nó xuống mất xác chỉ còn cái đuôi bị phật ngang nổi lên đây. Trời ơi! Con chó người ta đòi đổi ba trâu chín niêng tôi không chịu đổi, nay lại chết thảm thế này. Cái nước sông gì mà độc thế!

Giặc Minh nhìn kỹ quả thấy đuôi chó bị cắt ngang, máu còn loang lổ, mà nước sông thì cuồn cuộn, sắc lạnh, cây cối hai bên ngả nghiêng. Rõ ràng đây là loại sông nước độc. Tên tướng giặc nhớ lại những chuyện nó đã được nghe: bên Bắc Quốc cũng có những dòng sông nước sắc như dao, người lội xuống thì không còn đường sống như con sông gì trong truyện Tây Du ấy. Hắn dùng dằng một chốc rồi ra lệnh dừng lại, tìm cách bắc cầu để bảo toàn tính mạng cho cả người ngựa và chó của chúng.

Trong khi ấy thì quân ta rút lui được an toàn vô sự. Lê Lợi đã rất để tâm đến chỗ bìa rừng bến nước giúp cho nghĩa quân thoát nạn lớn này. Ông đặt tên cho khe nước, chỗ quân ta phá được vòng vây là Vực Sống. Chỗ nghĩa quân vượt sông là Vực Sáng. Chỗ bắc thợ săn giết chó là Vực Bỏ và làng bên Vực Bỏ là làng Ngòn. Làng Ngòn nay là xã Thượng Phong, xã Cao Thượng, Ngọc Lặc. Cũng từ đó mà có câu: *Sông Cầu Chày chó chạy đứt đuôi*.

50. SỰ TÍCH NÚI MỤC

Giữa triền đồng bằng bên sông Chu, địa đầu của huyện Thọ Xuân nổi lên một hòn núi. Hòn núi không cao, không to lấm, trông xinh xinh như một hòn ngọc đặt trên một cái mâm khổng lồ làm cho cảnh vật quanh vùng đẹp hẳn lên. Hòn núi ấy, ta thường gọi là Mục Sơn. Trước kia, Mục Sơn không phải là một quả núi. Nó là mắt một con rồng ẩn. Con rồng này có ba mắt,

một mắt là Mục Sơn còn hai mắt chính thì ở núi Hàm Rồng thuộc làng Miêng, huyện Ngọc Lặc. Khi Lê Lợi chuẩn bị khởi binh, rồng nhận việc canh gác quân Minh, bảo vệ cho nghĩa quân, và căn cứ địa Lam Sơn. Con mắt Mục Sơn là tiền đồn, còn hai con mắt làng Miêng là nơi nhận tin để báo về doanh trại. Cứ hễ con mắt Mục Sơn nháy là hai con mắt làng Miêng nháy. Nghĩa quân trông chừng tin báo, bố trí chiến đấu hoặc rút lui bảo toàn lực lượng. Quân Minh nhiều phen lao đao khốn đốn, nhiều phen tung hứng về không. Mắt rồng canh gác rất cẩn mẫn, tinh tú敏锐. Nghĩa quân từ đó dần dần lớn mạnh. Quân Minh cầm túc lăm.

Trong bọn tướng Minh có một tên yêu đạo (có người nói chính là tên Hoàng Phúc) biết sự lợi hại của mắt rồng. Nó liền dùng yêu thuật làm cho mắt rồng mù đi. Từ đó con mắt Mục Sơn không nháy báo tin được nữa, chỉ còn hai mắt làng Miêng mà thôi. Mắt con mắt Mục Sơn lợi hại, nghĩa quân gặp nhiều khó khăn.

Mắt rồng Mục Sơn tuy mù song đã góp công lao trong việc đánh giặc Minh không nhỏ. Vì vậy, khi thành công, Lê Lợi thân cảm gươm thần cưỡi ngựa đến để tạ mắt rồng. Song Lê Lợi không biết rằng: gươm thần và mắt rồng vốn xung khắc. Cho nên, khi Lê Lợi rút gươm ra thề: "Dùng gươm để giữ vững đất nước" thì một tiếng nổ long trời, đất đá phạt lên tối tăm tất cả, mắt rồng biến thành một quả núi: Mục Sơn.

Cũng về sự tích núi Mục, có người lại kể câu chuyện hoàn toàn khác hẳn:

Núi Mục vốn có từ xưa. Thoạt đầu, nó là núi Voi, vì hình dáng của nó trông tựa như con voi khổng lồ. Khi Lê Lợi chọn đất làng Cham để khởi binh, các núi Rồng, núi Hổ, sông Mã v.v... bốn phía đều quay cả về chầu. Riêng có núi Voi là cứ ngang mặt về phía đông. Đứng trên đà n xà tắc, Lê Lợi cầm gươm Thuận chỉ vào ngọn núi mà rằng:

- Cùng là sông núi nước nhà mà tại sao không quay đầu về tu nghĩa hở bất nghĩa sơn kia?

Lê Lợi dứt lời. Gươm thần nỗi phép phóng ra những đạo hào quang, vùn vụt lao về phía núi. Một tiếng nổ long trời, núi sạt đi một mảng lớn, xoay hẳn đầu về phía làng Chàm. Hình con voi không còn nữa là thành núi Mục ngày nay. Chữ "mục" này có nghĩa là cung kính. Nhân dân đã đặt cho nó cái tên ấy để nói lên cái ý tứ nay ngọn núi đã biết lỗi lầm, xin cung kính hòa hợp với cả non sông trong sự nghiệp cứu nước.

Tuy vậy, vẫn còn có nhiều người nhớ đến chuyện xưa. Họ hay kể cho nhau nghe chuyện sai lầm của núi Voi bị chúa Lam Sơn trách phạt. Khi kể chuyện như thế, họ gọi núi Voi là bất nghĩa sơn, và có câu ca dao:

Một trăm hòn núi chầu về

Còn hòn bất nghĩa bất nghi chầu xuôi.

Lại có thuyết kể rằng, núi Mục xưa kia vốn là núi Cóc (vì có hình dáng giống như con cóc). Khi làm lễ tế trời đất ở Lũng Nhai, Lê Lợi thấy trước căn cứ của mình có một ngọn núi lù lù quay lưng lại thì cho là đáng ghét. Ông đã trỏ gươm thần lên núi, thì núi sụt ngay đi một mảng lớn, thành núi Mục ngày nay. Nhưng hành động gay gắt này của vua lại gây ra một kết quả. Nhà vua sinh ra có tính đa nghi và hiếu sát. Ấy là do con cóc trước kia ám ức vì đã bị chém mất nửa mình.

51. SỰ TÍCH NÚI DẦU

Lên Lam Kinh, chúng ta sẽ gặp núi Đầu. Núi nằm bên phải đường 15, cách Mục Sơn độ 2 cây số. Đó là một ngọn núi trọc, thấp, màu nâu đỏ, xa xa trông như chiếc bát khổng lồ úp xuống, nằm chêch về phía hữu nhà bia Vĩnh Lăng.

Chung quanh núi này có nhiều truyền thuyết giải thích tên ngọn núi.

Có người kể rằng khi Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Trãi đi tìm Lê Lợi, họ đã đóng giả làm anh hàng dầu và cậu thư sinh. Tới Lam Sơn, Trần Nguyên Hãn giấu hai thùng dầu ở núi này, rồi mới đến ra mắt Lê Lợi. Được thu dùng, hai ông Trần và Nguyễn lao mình vào công việc, quên không để ý gì đến hai thùng dầu ấy nữa. Do mưa gió lâu ngày, hai thùng dầu đổ chảy lênh láng thành hai vệt, dầu ngấm vào lau sậy. Vì thế lau sậy ở đây tươi tốt, đun nấu ngay vẫn bắt cháy rất mạnh, đượm lửa vô cùng. Dầu còn ngấm ra cả quả đồi, đất đồi dần dần quánh đỏ như có trộn dầu. Trừ lau sậy ra, cây cối khác đều chết cả. Núi Dầu có tên là như thế và cho đến nay vẫn không có cây gì mọc được.

Có người cũng kể đại khái như trên, nhưng lại nói không phải Trần Nguyên Hãn đã để quên thùng dầu mà chính Lê Lợi đặt tên cho quả núi là núi Dầu để kỷ niệm ngày gặp gỡ với hai chàng bán dầu trở thành cột trụ của phong trào khởi nghĩa.

Một thuyết khác giải thích sự tích núi Dầu không giống như trên. Khi Lê Lợi kêu gọi mọi người hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, ông đã tìm một ngọn núi, đêm đêm đốt ở đó một ngọn đèn, gọi là đèn chiêu quân thấp từ đêm này sang đêm khác để cho khách tú phương biết hướng mà lần lên Lam Sơn tụ nghĩa.

Dầu thấp ở đây và dùng trong trại vì thế rất cần. Nhưng Lê Lợi giữ bí mật, chỉ mua dầu của một người đàn bà mà thôi. Mụ hàng dầu này cũng giàu lòng yêu nước, ngày ngày gánh dầu tiếp tế hàng ba bốn chuyến. Bọn quân nhà Minh dần dần để ý và bắt mụ tra khảo. Nhưng mụ không hé răng nửa lời. Cuối cùng chúng đã hèn hạ giết chết mụ.

Biết ơn người đàn bà bán dầu đã tỏ lòng trung thành với nghĩa quân, lại luôn luôn nhớ đến ngọn đèn khai sinh chờ ngày khởi nghĩa, Lê Lợi đã đặt tên quả núi ấy là núi Dầu, và ra lệnh làm giỗ mụ hàng dầu sau hôm giỗ mình một ngày. Câu nói "Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi, hăm ba giỗ mụ hàng dầu" là do đó.

Lại có thuyết không gọi núi này là núi Dầu. Họ cho rằng phải là núi Giàu mới đúng. Đó là vì khi được tin 18 nghĩa sĩ hội thề ở đất Lũng Nhai chiêu tập hào kiệt bốn phương, thì nhân dân vùng chung quanh đó rất là hào hứng. Họ đã đem tiền thóc, trâu bò, giáo mác đến giúp nghĩa quân. Của cải mang đến suốt ngày đêm, chất đầy cả quả núi. Lương thực và khí giới chỉ mới ngày đầu đã tỏ ra là vô tận. Lê Lợi phấn khởi trong lòng, bảo với các tướng sĩ rằng mọi người đều có thể vững tin ở một hậu phương hào hùng trù phú. Liên đó, ông đặt tên quả núi ấy là núi Giàu, với dụng ý là nhân dân giàu lòng yêu nước và nghĩa quân nhờ thế mà giàu có lương tiễn.

52. SỰ TÍCH NÚI SẬU

Vào thời nhà Lê mới Trung hưng, khắp nơi có rất nhiều yêu quái, dân gian vô cùng cực khổ. Ra đường ai cũng sợ hãi.

Bấy giờ ở làng An Đông huyện Quàng Xương, Thanh Hóa có một người tên là Trần Lộc¹ có phép phù thủy. Ông thường đi các nơi để diệt tà trừ quái, cứu người lương thiện. Việc làm nhân nghĩa của ông thấu đến lòng trời. Trời cho một vị thiên thần xuống trao cho Trần Lộc ấn quyết và dặn rằng:

- Ấm quyết này là phép Phật Thượng phuơng, vô cùng hiệu nghiệm, hãy nhận lấy mà siêng năng tế độ cho đời.

Từ đó Trần Lộc phù phép cao tay nổi tiếng khắp nơi. Dân gian gọi ông là Phật Tổ Như Lai tái thế.

Nghe tin ở núi Cảnh Diều (Ninh Bình) có con yêu tinh phép thuật cao cường, thường hại những người đi đường. Trần Lộc tìm đến để trị.

Đến nơi, Trần Lộc nghe dân quanh vùng nói, con yêu tinh này có nhiều phép lầm. Nó thường hiện hình giống người con

1. Trần Lộc: một nhân vật phù thủy có truyện trong *Nam Hải Di nhân* của Phan Kế Bính.

gái trong cung, ăn mặc rất đẹp, có khi lại hóa thành đứa trẻ hay bà lão ngồi bên đường lừa và hại người qua lại.

Trần Lộc đánh nhau với con yêu tinh ba ngày đêm liền chưa phân thắng bại. Ông giận lắm liền bắt quyết Bá Sơn, sát một góc núi. Con yêu tinh hóa thành con quạ bay lên trời, rồi lại hóa ra con sáo sậu bay về phía núi rừng Tam Điệp hòng trốn thoát. Trần Lộc lại bắt luôn mấy quyết bắn theo, con yêu tinh phải quyết, sa xuống đất chết hóa thành trái núi nằm giữa cánh đồng, dân gian gọi là Núi Sậu¹.

53. ĐỐNG CẤM

Làng Thượng Đáp, tục gọi là làng H López, xã Nam Hồng, Nam Sách, có một khu bãi tha ma rộng, gọi là đống Mã Cả. Trên đống Mã Cả lại có một khoảng đất thiêng được mệnh danh là Đống Cấm. Đó là một bãi cỏ phẳng lì. Không xa là Từ Vũ và Nghè, những địa danh đã đi vào tiềm thức của người dân làng H López từ bao đời nay.

Nghè H López thờ Thành hoàng, dựng từ năm Cảnh Trị tứ niên triều Lê. Sát bờ sông, cửa Nghè là Đình Bơi. Hàng năm dân làng mở hội thi bơi chải ở đây.

Chuyện kể rằng, có một nho sinh tên là Ngô Hoán ngày ngà ra Nghè thắp hương khấn vái thổ thần. Hàng năm thi bơi, ông cũng đua tài cùng dân làng.

Năm 31 tuổi, khoa Canh Tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490), Ngô Hoán lêu chông đi thi. Dân làng H López lưu luyến tiễn đưa ông. Ra đến bờ sông, ông từ tạ dân làng mà nói rằng:

- Nếu đỡ Trạng nguyên khoa này, tôi xin xây tặng làng một cây cầu để bà con đi lại.

1. Núi Sậu nay thuộc địa phận xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô, Ninh Bình.

Nhưng khoa ấy, ông chỉ đậu Bảng Nhãn. Ông chưa dám xây cầu, mà mong một ngày kia thành đạt rồi sẽ có dịp đèn đáp công ơn dân làng.

Mặc dù mới đậu Bảng nhãn, nhưng ông đã được gọi ra làm quan. Ông làm quan trong hoàn cảnh triều chính hết sức khó khăn. Triều Lê sau thời thịnh trị, nay đang lúc nội bộ rối ren. Tính tình ông cương trực, nên không tránh khỏi sự đèm pha. Kết quả là chẳng bao lâu ông bị biếm chức. Không nản chí, ông lại dùi mài kinh sử, lêu chông đi thi. Năm thứ hai, ông thi không thành. Năm thứ ba, ông tiếp tục ứng thi. Qua ba kỳ sát hạch, ông đều đỗ đầu. Nhưng đến kỳ thứ tư thì ông bị phát hiện đã biếm chức, và bị cấm vào trường thi. Mặc dù lận đận quan trường, ông vẫn được kể vào hàng trung thần. Ông đã tận tụy trung thành với các đời vua Lê Hiển Tông, Lê Túc Tông, Lê Uy Mục, Lê Tương Dực... Vua này đỗ, vua khác lên thay, triều chính nhiều nhương. Ông cùng một số trung thần quyết một lòng một dạ phò nhà Lê giữ vững ngôi vàng. Đến năm Hồng Thuận thứ nhất đời vua Lê Tương Dực thì ông được phục chức, thăng lên làm Thượng thư Bộ Lại.

Năm 1522, triều Lê Chiêu Tông, Mạc Đăng Dung lộ rõ ý đồ chiếm ngôi vua. Ông đang ở quê nhà. Tình thế nguy ngập, vua cho vời ông vào kinh. Ông biết lần này ra đi lành ít dữ nhiều. Ông gọi hai con Ngô Thuần, Ngô Tĩnh đến dặn rằng:

- Cha phung mạng vào kinh. Nếu cha có mệnh hệ nào thì chỉ một niềm trung quân...

Hai con trai cùng dân làng tiễn biệt ông lên đường. Còn ở lại, hai người con thắp hương sửa lễ lên Nghè Hóp, thưa rằng:

- Cha chúng tôi có thể vì vua mà quên mình, không bao giờ trở lại. Kẻ tiếm quyền có thể trả thù cả mồ mả gia tiên. Vậy xin dân làng cho dành một phần khu đồng Mả Cả để chúng tôi đưa về đây an táng, không để ai biết.

Ngay trong đêm tối, mồ mả họ nhà ông được chuyển về đó, dân làng gọi là Đồng Cẩm, sau đó, trồng cỏ xanh lên trên.

Ngô Hoán đã nầm gai ném mật, thân chinh cùng vua Lê Chiêu Tông rút chạy về phía Ái Lao. Quân Mạc Đặng Dung truy kích. Vua tội đã vào đến Thanh Hóa, chuẩn bị sang vùng căn cứ thì bị phát hiện. Vua bị bắt. Ngô Hoán tự tuẫn để giữ tròn khí tiết. Ở Thượng Đáp, quân Mạc về truy tầm con cái Ngô Hoán. Một toán quân đã bắt được hai ông và thi hành lệnh xử chém.

Trong khi đó, Mạc Đặng Dung suy nghĩ lại, quyết định không xử tội chết Ngô Thuần, Ngô Tĩnh. Ngựa phi như bay về Thượng Đáp để truyền lệnh. Họ gặp dòng sông nên phải chờ đò. Khi đò chở quân lệnh sang sông thì ôi thôi, cả hai người đã bị chém đầu cách đó ít phút!

Nhân dân Thượng Đáp thương tiếc gia đình vị trung thần tiết nghĩa, đã mai táng Ngô Thuần, Ngô Tĩnh vào Đống Cấm.

Đời sau, Ngô Hoán được truy phong Tiết nghĩa Thượng đẳng thần. Từ Vũ - Tiết nghĩa từ - được dựng năm Đức Long thứ 7 (1635) để thờ ông.

Từ mấy trăm năm nay, Nghè Hóp được coi là nơi thờ Thành hoàng, khi lễ thì cúng chay và rước bài vị đi trước. Còn Từ Vũ, nơi thờ đức Thánh Tiết nghĩa Thượng đẳng thần thì cúng mặn, bài vị rước sau.

Danh nhân Ngô Hoán đã được ghi chép rõ ràng trong sử sách và bia đá, nhưng dù sao Đống Cấm vẫn nằm trong vùng bí mật, hư hư thực thực. Mãi cho đến năm 1989, dân làng vô tình đào được tấm mộ chí tại Đống Cấm, trong đó có nấm chử lớn: NGÔ ĐẠI VƯƠNG TỔ MỘ, thì mọi người mới hoàn toàn tin tưởng rằng đây chính là khu đống dành cho mộ tổ và họ hàng Tiết nghĩa Thượng đẳng thần Ngô Hoán. Ngay sau đó, Đống Cấm đã được xây dựng thành một khu lưu niệm riêng biệt.

Cùng với Nghè Hóp và Từ Vũ, Đống Cấm trở thành một di tích thiêng liêng. Hình ảnh cựu thần nhà Lê từng dự Tao đàm nhị thập bát tú triều Lê Thánh Tông, Trung thần tiết nghĩa, Thượng đẳng phúc thần Thượng Đáp mãi mãi sống trong tâm trí người dân quê hương. "Mãi mãi làm bệ tôi trung với nước,

mãi mãi là người con hiếu thảo của gia đình vinh hiển. Đời nôi đời đều có tiến sĩ, thôa chí nhà nông. Thế mới biết đất xã Thương Đáp rất vinh, rất thịnh, rất trù mật" (Bia ở Từ Vũ do Hội tư văn xã Thương Đáp kính cẩn ghi lại sự việc Ngô Hoán, dựng năm Chính Hòa thứ tư triều Lê, 1683).

54. CỐM LÀNG THẠC

Ở Nam Sách, có lẽ làng Thạc xã An Châu đi vào phuong ngôn, ngạn ngữ nhiều nhất.

Nói về số người thành đạt của làng Thạc, có câu:

Nhất ruộng làng Gòi

Nhất doi làng Đũi

Nhất dủi làng Hàn

Nhất quan làng Thạc...

Bởi vì làng Thạc có tới bảy vị đậu Tiến sĩ là Đặng Thời Thέ, Vũ Công Tự, Phạm Công La, Phạm Đôn Giai, Đào Tiên Sinh, Trần Như Lâm, Trần Xuân Yến.

Riêng Tiến sĩ Trần Xuân Tiến lại có liên quan đến đặc sản làng Thạc. Đặc sản của làng Thạc là món ăn thanh lịch mà chỉ có ở làng Thạc của Nam Sách và làng Vòng của đất kinh kỳ. Đó là cốm Thạc:

Cốm làng Thạc

Bạc làng Si

Li bì làng Hóp...

Chuyện xưa kể rằng tướng quân Trần Quốc Tảng đã từng chọn đất Rặng Nhãn thuộc xã An Châu là một trong những nơi luyện quân để giúp vua đánh giặc Nguyên Mông. Một trong những người cháu trực hệ của Trần Quốc Tảng đời sau sinh sống ở làng Thạc. Năm ấy, anh còn trẻ và lêu chõng đi thi tại kinh đô. Hàng ngày anh rất nhớ quê, hay ra phố ngắm tìm

những dáng nét thân quen. Và anh đã thấy một cô gái kiu kị gánh cối thơm đang rao bán cho khách kinh thành. Đang chớm thu, người quê anh làm cối, theo thuyền, theo xe, gánh bộ lên Thăng Long bán.

Cô gánh đến ô Đồng Mác thì có tiếng chàng trai gọi:

- Đồng hương ơi, đem cối vào đây?...

Cô gái dừng gánh cối, nói vui:

- Cậu biết em ở đâu mà gọi "đồng hương"?...

Anh thanh niên lém lỉnh:

- Thì anh cứ trông mắt em là anh đã biết! "Toét mắt bếp chân là dân làng Thạc". Có đúng không nào?

Cô gái thẹn thùng hạ gánh. Và họ nhận ra nhau là người cùng quê.

Họ quen nhau từ ấy, rồi nêu vợ nêu chồng. Anh chỉ là "cống sinh", chị vẫn nghề làm cối. Hai vợ chồng sống hòa thuận. Họ sinh được một người con trai, đặt tên là Trần Xuân Yến.

Lớn lên, Trần Xuân Yến tu chí học hành theo nhịp sống lo toan, tần tảo của cha mẹ. Như bao người dân Thạc, họ làm quần quật tranh thủ từng ngày để gieo trồng kịp vụ. Rồi phân gio tươi tiêu cho đúng lứa đúng ngày. Với nghề làm cối, "công cấy là công bỏ, công lửa đỗ mới là công ăn". Làm cối lại là công việc của đàn bà, vì đàn bà có tính kiên trì nhẫn耐. Ngay cả rang cối cũng vậy, họ đảm nhiệm chính. Lúa non lên bếp, lửa táp cay sè, mắt toét nhoèn. Giā cối thình thích suốt đêm, đến bếp cả chân... Thế mới có câu "toét mắt bếp chân...". Được lửa lúc nào, đem cối ra giā lúc ấy. Nếu cối hết lửa, nghĩa là cối nguội rồi không biết cứ giā cố vài chày là hỏng cả mẻ cối. Khi rang cối, cái mũi thay con mắt, mũi phải tinh, phải thính, phải có nghề. Khi giā cối thì chân thay mắt. Giā mạnh chân thì nát. Giā nhẹ chân thì sượng. Giā không vội vàng nhưng không ngừng nghỉ. Cái cối mở ra đựng thứ thóc nếp rang, cho chày thình thích cuốn vào cả hương đồng, gió nội, tình quê, có giọt

mồ hôi lam làm và câu hát giao duyên. Dân làng Thạc thực sự đã "đổ mồ hôi lấy hạt cẩm thơm".

Trần Xuân Yến từng cùng cha mẹ làm cẩm, nên hiểu sự lao động vất vả của quê mình làm ra hạt cẩm thơm ngon. Năm 33 tuổi ông đậu Tiến sĩ, khoa Tân Sửu, niên hiệu Bảo Thái đời Lê (1721), làm quan Tế tửu.

Chính gia đình quan Tế tửu đã nghĩ ra việc làm mẻ cẩm "tiến vua". Vua ngự khen cẩm Thạc, cho sứ quan ghi vào sách. Với sự tích ấy, mặc dù không phải là người đầu tiên già cẩm, song Tiến sĩ Trần Xuân Yến vẫn được coi là ông tổ của nghề cẩm Thạc.

55. SỰ TÍCH THẦN NÚI TAM ĐẢO

Núi Tam Đảo là một danh sơn ở nước ta, dãy núi vòng quanh phương bắc, dài tới nghìn dặm. Đời Lý, Trần trước có ghi tên núi vào trong tự điển, nhưng chưa được rõ rệt, sau gặp nhiều lần binh lửa nên bỏ mất. Đến đời vua Nhân Tông nhà Lê, trong hai năm Kỷ Tị và Canh Ngọ (1449 - 1450) bị đại hạn luân, cầu đảo khắp các thần, đều không thấy mưa. Triều đình họp bàn: Tam Đảo là núi có tiếng mà sự thờ cúng lại quá chênh mảng, nay nên cho sửa sang và tế lễ để cầu đảo. Vua liền sai Văn thần soạn văn, phong thần núi là Thanh Sơn đại vương và cho lên làm lễ cầu mưa. Hôm ấy mây nổi, khắp trời tối tăm, sáng hôm sau mưa xuống như trút, rồi năm ấy được mùa. Từ đấy về sau, hễ gặp đại hạn, lên đền cầu mưa liền ứng nghiệm. Thần núi được tôn là Phúc thần một phương và núi được ghi vào tự điển từ đấy.¹

1. *Lời phụ dẫn của người sao lục:* Núi Tam Đảo ở vào giữa địa mạch nước Nam, có ba ngọn cao vót, cho nên gọi tên thế. Danh hiệu thần núi chưa biết rõ, duy ở dưới núi có đền thờ Quốc mẫu vốn là một vị âm thần.

56. SỰ TÍCH ĐỀN TRẦN VÔ

Miếu Ma ở huyện Yên Phong, trấn Kinh Bắc, nay đổi là miếu Xuân, đời thượng cổ có con cáo chín đuôi, vẫn làm hại dân gian. Một khoảng xa hơn bốn mươi dặm, vắng tanh không ai dám ở. Nhờ có đức Huyền Thiên Thương Đế giáng xuống bắt con cáo ấy. Từ đây, trải các triều vua, đều có thờ vọng và ghi vào điển lê, dựng đền Trần Võ ở phía tây bắc thành Thăng Long để trấn át linh khí của Hồ Tây. Đời Chúa Định Vương¹, tiên triều mới đúc đồng làm tượng, cao mấy chục thước, xoã tóc đi

Xét truyện cũ: Ông Trần Nguyên Hãn là cháu Hưng Đạo đại vương, sinh ở huyện Lập Thạch, nhà nghèo đi bán dầu, một hôm trời tối vào ngủ trong đền, nửa đêm nghe bên ngoài có tiếng gọi to: "Thiên đình có chỉ triệu bách Thần lên họp, phu nhân ra đi với chúng tôi!". Trong đền có tiếng đáp: "Hôm nay có quý nhân đến trợ, tôi bỗn không tiện, xin các ngài cứ đi, hễ có việc gì xin về báo cho biết". Ông lấy làm lạ, cố thức để đợi nghe. Đến cuối canh tư, lại có tiếng gọi người trong đền ra nói chuyện. Ông nghe có tiếng nói rằng: "Thiên đình hôm nay bàn định hai việc: Một là cử Lê Lợi - người ở động Lam Sơn lên làm vua nước Việt Nam, Nguyễn Trãi người làng Nhị Khê làm tướng. Hai là định phạt một làng ở Sơn Nam hạ lộ phải chịu 3 năm đại hạn, vì làng ấy mổ trâu làm lê cầu mưa, bỏ sót con dao bị vùi dưới phân trâu, tìm không thấy mà dám nói bậy rằng: "Có lê thần thiêng lấy mảnh dao của ta!". Ông nghe được rõ ràng, hôm sau liền xuống Sơn Nam hạ lộ, tìm vào một làng vừa mổ trâu tế, quả nhiên tìm được con dao ở dưới phân trâu. Ông đem dao nói chuyện cho người làng biết, cả làng đều sợ làm lễ tạ rồi được mưa ngay. Thấy một việc đã nghiệm, ông mới cố lẩn vào Lam Sơn, gặp vua Thái Tổ, ông xin làm tôi hết sức giúp đỡ, có công lớn sau được phong làm Khai quốc công thần. Vì thế, đền Quốc mẫu nổi tiếng anh linh, hương khói không dứt.

Quốc mẫu vốn là âm thần mà trên đây lại phong thần núi Tam Đảo là Thanh Sơn đại vương không biết có phải là một vị Thần khác không? Chưa xét được rõ.

1. Trịnh Căn (1682-1709).

chân không, chống gươm đứng giẫm lên con rùa, con rắn. Lại có bốn viên nguyên suý đứng ở phía trước, tượng Hồ tinh đứng một bên, uy dũng nghiêm chỉnh.

Đạo sĩ vốn quê Thanh Hoa, đời cha đời ông vẫn làm nghề phù thủy. Một lần, từ làng bên cạnh về nhà, gặp ông địa lí Tả Ao giữa đường kêu đói, bèn lấy cả oản chuối trong bọc ra biếu. Ông Tả Ao cảm bụng tốt, táng cho một ngôi mộ tổ, nói: "Cái ân một bữa, xin lấy việc ấy báo đền". Chưa bao lâu, Thành Tổ Triết Vương¹ kéo nghĩa quân ra mặt đông, ngài bị cảm ở chỗ đóng quân, kíp triệu Đạo sĩ đến cúng trù. Đạo sĩ vừa phát bùa dâu thì bệnh Vương đã khỏi, ngài sai ghi lấy công. Khoảng năm Quang Hưng (1573-1600) xa giá ngự ra Trung Bộ, cho Đạo sĩ được coi giữ đèn Trần Võ. Đạo sĩ đến đèn, từ người trụ trì đến người coi việc đèn hương đều dùng con cháu trong nhà cả.

Quan Thượng Mỗ người làng Hoàng Xá, khi đi sứ Trung Hoa, có rước pho tượng Tử đồng Đế Quân về nước tạm đặt ở tiền đường đèn Trần Võ, sau lại đưa lên đỉnh núi Hoàng Xá. Rồi thấy đức Tử đồng giáng bút nói rằng:

- An Nam là nước văn hiến, ta sẽ lấy những ngày 1 tháng 6 ứng mồng cho các học trò. Nguyên tượng thì phải trả về Trung Hoa, đừng đem ta đi vơ vất như vậy.

Chợt có thuyền của người bên Trung Hoa sang, đi tìm hỏi pho tượng ấy. Quan Thượng mệnh trả về, rồi ở chỗ di tích, tạc tượng mới thờ phụng. Nay ở trước đèn Trần Võ, về bên tả, pho tượng đội mũ phốc đầu mặc áo bổ phục, chính là pho tượng ấy. Gặp năm có khoa thi Hội, sĩ tử bốn phương nhiều người tắm gội ăn chay sạch sẽ, đến đèn cầu mộng, báo ứng rất nghiêm. Tại chùa núi Hoàng Xá cũng vậy.

1. Thành tổ Triết Vương: tức Trịnh Tùng (1570-1620) nối nghiệp Trịnh Kiểm, đánh phá nhà Mạc, lấy lại đất Đông Đô, lập ra nghiệp Chúa Trịnh, nhưng vẫn tôn vua Lê.

57. SỰ TÍCH SÔNG ĐỘC

Sông Độc ở xứ Sơn Nam, nguồn từ sông Hát chảy ra, là nhánh của sông Phú Lương (sông Nhị), chảy đến làng Đốc Tín, huyện Kim Bảng hợp với sông Lương mà thành ra sông Độc. Chỗ ngã ba sông, có cái miếu thờ thần sông, linh thiêng lắm. Thuyền buôn qua lại phải sửa đồ lên lẽ, không thì buồm, cột, chèo, lái chẳng cái gì còn. Giữa sông có cái cột không biết dựng từ bao giờ. Tục truyền người ta có chuyện thế bối, thường đến ôm cái cột ấy, gian dối thì sẽ bị lôi tuột xuống nước. Khoảng năm Cảnh Hưng, Chúa Trịnh ngự giá tuần du phương Nam. Khi thuyền qua chỗ ấy, dưới sông bỗng nổi lên một bãi cát. Nước cạn, thuyền không đi được. Chúa sai khơi đào, đào đến đâu cát lại đầy đến đấy. Chúa bèn sai người lên lẽ, khấn thần đèn, hứa sẽ thăng trật. Chỉ chốc lát, dưới sông bỗng có hai con rắn cùng xuất hiện dài hơn mười thước, to bằng ống tre, bò ngoằn ngoèo qua cái bãi ấy. Bò đến đâu, cát rẽ đến đấy, nước sông lại đầy như cũ. Chúa thấy linh thiêng, phong cho thần làm bậc Thượng đẳng.

Một người lính thị hậu là Mõ trưng thuế ở làng gần đấy, thường ra sông tắm rồi ngồi ở bến hóng mát, lấy sáo ra thổi, tiếng veo von rất hay. Một hôm chợt thấy một con rắn nhỏ bò đến bên cạnh ngang nhiên cất đầu lên, mặt đỏ như mặt trời. Mõ bèn nói:

- Mày muốn nghe tao thổi sáo ư? Thế thì theo ta về nhá.

Con rắn liền bò vào nằm trong nón Mõ. Mõ đem về đến đình. Trong đình, mọi người đương uống rượu, mời Mõ vào thết đãi. Chiều tối ra về, dọc đường, Mõ đánh rơi cái nón. Con rắn nằm lăn ở đất không dậy. Mõ giận nói:

- À, mày lại dỗi với tao à?

Liên lấy gót chân nện chết.

Chưa bao lâu, vị Hầu tước quản lĩnh thị hậu ở Kinh Đô ốm,

thuốc thang chữa māi không khỏi. Người nhà mời thầy phù thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói:

- Hầu ốm không có gì khác, chỉ tại tên Mõ nó giết con thần sông mà nê. Hãy bảo nó đến đền chịu tội. Nếu không, thần giận quá, thì bệnh sẽ không khỏi được.

Gọi Mõ đến hỏi, Mõ kể rõ đầu đuôi và nói:

- Tôi làm trái thì tôi chịu lỗi, không dám để lụy đến ngài.

Hầu bèn sắm lễ vật cho Mõ đi lễ. Mõ lấy vải quấn chặt từ rốn xuống đến gối, cài dao nhọn khấp người, lại giấu một con dao sắc. Đến nơi, xuống ôm cột. Một lúc tụt xuống nước, nhưng chỉ ngập từ bụng trở xuống. Ước một trống canh, lại ngoi lên, vẫy thuyền. Người nhà Mõ đón coi, thấy tay Mõ đầm đìa những máu. Mọi người đứng xem, sợ toát mồ hôi. Một lúc, Mõ lại ôm cột, nhưng hồi lâu không bị tụt xuống nữa. Bèn lên bờ về. Sáng hôm sau, trên sông vô số những thuồng luồng, ba ba chết nổi lên, nước sông đỏ ngầu. Rồi viên quan quản kia cũng được vô sự.

58. TRUYỆN ÔNG SƯ TIÊN NÚI NUA

Ông sư tiên ở núi Nưa¹ không biết là người thời nào, cũng không biết họ tên ông là gì.

Thoạt đầu, ông làm bạn với những người trong làng. Đến khi đắc đạo ông làm nhà trên đỉnh núi Nưa để ở. Chân ông không hề bước tới chốn thành thị.

Có một người bạn của ông bỗng mắc bệnh hủi, nghĩ rằng kiểm được thuốc tiên thì có thể chữa khỏi, bèn vạch gai góc, gđ dây dợ, bò leo lên núi. Suốt từ sớm đến chiều không hề thấy dấu chân người. Khi người này định quay về thì trời đã tối. Đang lúc trú trù, xa bỗng thấy ông sư tiên từ sườn núi đi xuống, bùn đất dính đầy người. Ông sư tiên hỏi người bạn vì sao lại đến đây.

1. Nguyên chú: "Na Sơn nay tại xã Cổ Định, huyện Nông Cống".

Người bạn cứ tình thực mà trả lời. Ông sư tiên liền dắt người bạn về gian lều cỏ để cùng nhau trò chuyện. Sư tiên bảo người bạn rằng:

- Bữa nay suông sẻo lắm, chả có gì mà gấp. Hãy tạm đợi đến sớm mai, tôi đi kiểm món đặc sản của miền núi về ta cùng nhấm.

Đến sớm hôm sau, ông sư tiên đi vào núi chừng nửa buổi, rồi mang về hai cái trông béo trắng như đùi trẻ con. Ông tự vào bếp hì hục nấu nướng. Sau đó gọi người bạn ăn cơm, trong mâm chỉ có một chén cơm, gạo đen như sơn. Người bạn bụng đói mềm, nên dành gắng gượng mà ăn. Còn món kia thấy như chân trẻ con thì chẳng dám động đũa. Ông sư tiên thò tay xé bẽ mà ăn h天国 hết, chỉ còn để lại mười ngón chân mà thôi. Khi ấy, ông ta đứng dậy đi vào trong buồng, người bạn liền lấy món đó ăn thử, thấy ngon ngọt không gì sánh được, bèn ăn nốt chỗ còn lại. Ông sư tiên trở ra nói:

- Nơi này không thể ở lâu được!

Rồi tiên người bạn xuống núi.

Người bạn về đến nhà bỗng nhiên bệnh tật hết sạch. Đó là thịt củ linh chi, một món ăn quý của các vị tiên. Ăn thứ đó có thể sống lâu ngang rùa, hạc. Thật đáng tiếc người bạn phàm tục không biết được món ăn quý đó.

Cuối đời Trần, Hồ Quý Ly sai người đi đón, nhưng ông sư tiên không ra¹.

Sau thời Trung hưng, con trai Phạm Chất² là Phạm Viên từ chân Hương cống trẩy lên Kinh thi Hội. Đường đi qua huyện

1. Nguyễn chú: "Xem truyện *Na Sơn tiêu đối lục*". *Na Sơn tiêu đối lục* là một truyện trong sách *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ.

2. Nguyễn chú: "Phạm Chất là người An Bài huyện Đông Thành. Có chỗ chép ông người Hoa Lâm. Đỗ Hoàng giáp khoa Nhâm Thìn (1652), niên hiệu Khánh Đức".

Thổ Du¹ bỗng gặp một người tự xưng là Cử nhân. Người đó hỏi lai lịch của Viên, rồi chuyện trò rất vui vẻ. Nhân cùng ngủ đêm ở nhà trọ, người đó hẹn với Viên rằng:

- Tôi phải về nhà để chuẩn bị hành lí. Hãy đợi tôi ba ngày nữa rồi chúng ta cùng đi thăm Kinh đô một thê?

Nói xong, người ấy để lại cho Viên một chiếc hòm tre để làm tin. Viên ở lại đợi đúng ba ngày, nhưng bất không có tin tức gì, liền mở chiếc hòm ra xem thì trong có một cuốn sách, chép đủ các thuật tu luyện của Đạo gia. Bấy giờ Viên mới biết người mà Viên gặp ở đường chính là ông sư tiên ở núi Nưa. Thế là Viên bỏ hẳn ý định thi Tiến sĩ, nghiên cứu tinh thông sách phương thuật, về sau đắc đạo thành tiên.

Viên thường qua lại khoảng Kinh thành và vùng Hoan, Ai. Khi thì làm người học trò làm văn giảng nghĩa sách. Khi thì làm ông thầy thuốc cho thuốc chữa bệnh. Đời truyền tụng bài *Tứ hao từ quy Thương Sơn biếu* (bài biếu nói về Tứ hao chối từ trở về Thương Sơn) là do Viên làm.

Khi Phạm Chát chết, Viên về chịu tang ba năm xong, rồi bỗng đi biệt không biết ở đâu.

Xã Nguyệt Viên ở huyện ta có một Giám sinh nọ, thường tìm đến núi Nưa để học đạo. Nhiều lần đi mà không gặp tiên, cuối cùng anh ta kiên trì ở lại núi không về. Vài ngày sau, anh ta bỗng gặp một ông lão chống gậy đi bên sườn núi. Anh ta quỳ xuống lạy. Mới đầu ông lão vờ như không hay biết gì. Sau anh ta quỳ lạy hai ba lần, ông lão mới hỏi nguyên do. Anh ta liền kể hết cho ông lão nghe. Ông lão nói:

- Ta là ông già ở nơi núi rừng, làm gì có phương thuật mà hỏi?

Anh Giám sinh nọ cứ kiên nhẫn nài xin học. Ông lão bèn dắt anh ta về cho ở trong một túp lều nhỏ. Khoảng nửa năm? Ông lão vẫn không truyền dạy gì. Anh ta xin về, ông lão liền sai đeo

1. Nguyên chú: "Nay là huyện Nông Công".

cái cây làm cái mõ. Mài đi gọt lại, qua sáu tháng trời mới thành. Ông lão lại sai anh ta đẽo cây làm cái dùi, thời gian đẽo gọt cũng lại tương tự như thế. Một hôm, ông lão lại sai anh Giám sinh xuống khe suối giặt cái áo bẩn. Có hai con hổ dựa vào thế núi hiểm trở đang há miệng nhe răng. Anh ta biết là ông lão thử mình, nên không tỏ vẻ sợ hãi gì. Ông lão thấy anh Giám sinh cứng cỏi, bấy giờ mới dạy phép hô thần gọi quỷ. Rồi ông lão lại cùng anh ta đi chơi trên núi, nhặt cứt hổ và các con bọ thối bảo anh ta ăn. Anh Giám sinh cho là bẩn thiu, tỏ vẻ khó chịu. Ông lão liền bảo anh ta rằng:

- Những điều anh học được, chỉ dừng lại ở đó mà thôi!

Sau, ông lão cho anh về. Anh ta về nhà, cầu cúng tho mọi người luôn luôn có ứng nghiệm. Sau đánh đồng thiếp cho vương thần, được bổ làm Tri châu Bạch Thông, rồi chết tại nơi nhậm chức.

59. TRUYỆN LẠ NÚI NUA

Núi Nưa ở Thanh Hóa, một dải quanh co, rừng già liên tiếp, thiêng liêng kỳ dị bậc nhất. Tương truyền đời Lê có ông Trần Cung tu hành ở núi ấy, luyện thuốc thành tiên, thường hay dạo chơi chốn nhân gian, để lại nhiều sự tích lạ lùng. Hồi ấy ở ngoài thành có nhà giàu nọ có đứa con bị lện đậu gần chết, vừa lúc có ông cụ râu tóc bạc phơ đến cửa xin ăn. Có người nói:

- Nhà người ta có con lện đậu sắp chết, còn bụng dạ nào mà bố thí, ông già này chẳng hiểu việc đời gì cả, sao không đi chỗ khác mà xin.

Ông cụ nói:

- Lên đậu sắp chết ư? Tôi có thuốc chữa khỏi được!

Người nhà giàu nghe nói mừng lắm, vội mời vào. Ông cụ lấy ra một viên thuốc mài với nước, dùng đũa cạy răng đứa bé, đổ thuốc vào họng nghe trong họng có tiếng ừng ực, một chốc nó tỉnh dậy. Cả nhà mừng rỡ, hỏi thăm cụ từ đâu đến, cụ nói quê ở núi Nưa. Định dọn cỗ thết đãi, cụ bảo:

- Hãy thư thả, tôi đi lấy cái túi thuốc rồi sẽ đến ngay.

Dứt lời, cụ bước ra khỏi nhà, thế rồi không thấy tung tích đâu nữa.

Ở huyện Nông Cống lại có một người phú nông họ Nguyễn mắc bệnh hủi, chán đời không thiết sống, bèn phân tán hết gia tài rồi bỏ nhà đi vào núi Nưa kiếm thuốc chữa bệnh, bụng nghĩ nếu không khỏi bệnh thì dành bờ xác nơi hào rãnh. Đến một lúc lâu thì mặt trời sắp lặn, bốn phía là rừng rậm xanh rì tuyệt không có bóng người. Anh ta cứ dần bước đi mãi, đến tối mịt thì thấy bên sườn núi có một túp lều tranh trong đó có một ông cụ già. Thấy anh ta, ông cụ ngạc nhiên nói:

- Anh có việc gì mà đến đây, nơi thâm sơn cùng cốc này, lại vào lúc đêm tối, hổ báo rất đáng sợ.

Người nọ đáp:

- Tôi bị bệnh hủi, thuốc thang đủ cách mà không khỏi. Muốn tìm đến đức Phật núi Nưa, nếu không khỏi được bệnh cũng chẳng hối tiếc gì.

Cụ già cười nói:

- Ngu lăm? Ngu lăm? Chuyện đã lâu đời, tìm đâu được đức Phật núi Nưa bây giờ. Anh không đòi bụng hay sao?

Cụ già vừa nói vừa bẻ củ khoai như hình đứa trẻ con ra mà ăn và nói:

- Anh hãy ăn tạm cái này vậy.

Anh hủi sợ hãi nói:

- Cụ thương cháu xin cho bát cơm, còn cái này cháu chưa tu đến nơi, không dám dùng đến.

Ông cụ đáp:

- Ta ở nơi hẻm núi chỉ toàn ăn một thứ này, cơm gạo khó kiếm lăm. Nay xin vì anh mà thử xuống thôn xóm để xin.

Đoạn cụ treo củ khoai còn thừa lên xà nhà rồi ra đi. Mai đến khuya không thấy về. Anh hủi lấy làm lạ nghĩ bụng, ông cụ đi

kiếm gạo e rằng bị thú dữ ăn thịt rồi. Ngồi mãi một mình, đói quá, anh ta lấy củ khoai thừa ra, đem ngửi thì có mùi như sâm, ném thử thấy vị thơm ngọt lạ thường bèn ăn hết. Ăn xong, nằm lăn ra ngủ lúc nào không biết. Rạng ngày tỉnh giấc thấy tinh thần sáng khoái, sờ vào các vết lở loét đều đã đóng vẩy khô lại. Nhưng khi nhìn lại chỗ nằm thì ôi thôi, chẳng thấy nhà cửa đâu cả. Anh hết sức kinh ngạc, giờ lâu nghỉ lại, mới hiểu rằng người mình gặp đây chính là ông Phật núi Nưa, bèn hướng vào núi, lạy hai lạy rồi ra về. Về đến nhà anh làm lễ tạ linh đình, từ đó bệnh tật khỏi hẳn và lại sống lâu, đến nay vẫn còn.

Vân Sử thi nói rằng: Khổng Tử không nói những việc quái dị mà có chép việc "đá nói"¹, bởi vì những việc quái dị không nên cho là việc thường, nhưng cũng là việc có thể ở trong trời đất này. Ở Trung Quốc, chuyện thần tiên có rất nhiều. Ở nước Nam ta lẽ nào lại không có, chỉ vì sách vở không lưu truyền, nên thành ra không có mà thôi. Trần Công² ra vào chốn hư vô, dấu lạ rất rõ, "chơi đùa là Tiên, từ bi là Phật" vậy.

60. SỰ TÍCH ĐẦM ĐỔ LÂM

Xã Đỗ Lâm, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vốn là nơi đất bằng phẳng, bỗng nhiên xuất hiện một cái đầm rộng khoảng bốn năm mươi mẫu, rất là thiêng. Người trong làng lập miếu thờ cúng và xin sắc phong làm Thượng đẳng thần. Hằng năm, đến ngày tế lễ, quan phủ huyện đánh 3 hồi trống thì nước đầm dâng cao, thường luồng ba ba nổi trên mặt nước nhiều vô kể. Tế lễ xong thì nước rút.

Năm Nhâm Tuất (1742), niên hiệu Cảnh Hưng, có người kép

-
1. *Tả truyện* chép: đá nói ở nước Tấn, vua Tấn hỏi Sự Khoáng, Khoáng thưa: "Đá không thể nói được, có vật gì nương vào đáy mà thôi".
 2. Trần Công: tức là Trần Cung nói ở trên.

hát quê ở Kinh Bắc tên là Đời Ngọc đến diễn ở đình Đỗ Lâm, mang theo người vợ mới 20 tuổi, nhan sắc lộng lẫy. Nửa đêm hôm đó, nước đầm dâng đến cửa đình cuốn người vợ đi. Người chồng đau khổ khôn xiết, liền chay giới ba ngày, làm một bài hịch đốt đi để tâu lên trời.

Khoảng canh một, mây mù bốn phía kéo đến, gió lớn sấm sét đùng đùng, đánh vào trong đầm mây chục lần, tôm cá ba ba chết đầy mặt nước. Mưa tạnh, ra xem thì thấy một con giao long to khoảng một vòng ôm, dài 50 trượng, đầu đội mũ đỏ, ôm người đàn bà đã chết. Đời Ngọc gỡ người vợ ra đem chôn. Từ đó đầm không còn linh ứng nữa.

61. TRUYỆN THỦY THẦN SÔNG KIM TUNG

Quận công Điện người làng Bảo Ngũ, huyện Thiên Bản, là em bà Bảo mẫu Ngô Thuận phi, nên được tham dự binh quyền. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Khánh đời Lê Duy Phường (1729-1732), khúc đê ở xã Thọ Triều, huyện Đại An bị nước đánh vỡ, triều đình sai ông đi đắp lại.

Ở bến sông Kim Tung có ngôi miếu thủy thần rất linh thiêng, nhân dân vùng ấy đều sùng phụng. Thuyền ông vừa đến trước cửa miếu thì tự nhiên đứng lại, tựa hồ như có người ngăn cản không cho đi. Ông tức giận chỉ vào miếu nói rằng:

- Người ở đây không chịu bảo hộ vùng này, để nước sông luôn luôn làm hại dân. Nay ta phụng mệnh triều đình đi đắp lại chỗ vỡ, người lại còn ngăn trở ta ư?

Ông mắng nhiếc một hồi lâu, bỗng nhiên ở phía trước mặt có năm chiếc thuyền xông lại khiêu chiến. Ông rất giỏi về phép phù thủy, biết rằng đó là thủy thần xuất hiện, bèn đứng ở trong thuyền tuốt gươm, thư phù, đọc chú, sai các thủy thủ cầm dao và giáo ra cả ngoài thuyền. Hai bên dùng pháo bắn nhau, khói lửa mịt mù, đến nỗi đứng gần vẫn không nom thấy mặt. Đánh nhau độ gần một trống canh, thì thuyền của địch lùi ra, chỉ

trong chớp mắt không thấy đâu nữa.

Ông bèn thuận dòng xuôi xuống chỗ đê vỡ, khởi công đắp lại. Đê đắp gần xong. Chợt thấy một con cá lớn hiện ra, vây cá nhô lên trên mặt nước trông to như cánh buồm. Mỗi khi cá lấp đuôi đập vào nước thì sóng cồn nổi dậy như quả núi. Vì thế đê vừa đắp xong lại vỡ, rồi cứ đắp đi đắp lại đến mấy lần mà cũng không xong. Ông không biết làm thế nào, bèn thầm khấn thủy thần rằng:

- Bữa trước đi qua miếu, tôi trót nhỡ xúc phạm đến ngài, mong ngài đừng chấp. Nay xin ngài đem dư linh ngầm giúp, để công việc chóng thành, thì dân vùng này được độ ơn nhiều lắm.

Từ hôm đó trở đi đắp đâu được đấy, mà chỗ nào cũng vững chắc, không sợ bị vỡ lở nữa. Ông lại tự phụ nói khoác rằng:

- Ta đắp con đê này, từ nay dân có trăm thần linh cũng chẳng phá nổi.

Vừa nói xong, bỗng nước sông chuyển động, nổi sóng ầm ầm đánh vào thân đê, đê liền bị vỡ một quãng dài. Ông cả sợ, vội vàng sắm sửa lễ nghi cầu đảo tạ thần, rồi sai đắp lại nhưng không sao hàn khâu được.

Nguyên do là bên cạnh chỗ đê vỡ, có một cái vực sâu ngầm thông với sông Cái. Tục truyền đây vực có thần linh, thường dâng nước phù sa ngầm vào cho nên khó lấp. Bấy giờ ông đã tốn nhiều công sức mà không kết quả nên tức giận lắm. Ông sai chặt tre gỗ ở trong huyện đem đến cát kè chung quanh vực, rồi ra lệnh lấy những cối đá vỡ, đá cột vỡ và tất cả các thứ gạch đá cũ ở nhà dân đem bỏ xuống vực. Một lát, các thứ cá mú chết nổi lềnh bềnh trên mặt vực nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Được hơn nửa tháng, ông bị bệnh sốt, thân thể nóng như lửa đốt, thuốc men chạy chữa mãi không khỏi rồi chết.

Ông mất được ít lâu, trong làng Bảo Ngũ các súc vật bị toi rất nhiều. Dân làng cầu đảo thương tai ở đền bản thổ. Đang khi làm lễ, tự nhiên có một người vùng đứng dậy, lông mày và tóc

dụng ngược, hai mắt long sòng sọc, kêu khóc nói:

- Tôi là Điền Quận công, bị bàn tay độc ác của thủy thần hăm hại, nên ôm hận mà chết. Nay muốn báo thù, nhưng không có voi ngựa khí giới, thì không thể đánh nhau với nó được. Nhờ các ông nói với Bảo mẫu chị tôi sắm sửa những thứ ấy cho tôi. Nếu không, thì chẳng những súc vật bị hại, mà đến cả người cũng khó bảo toàn.

Bảo mẫu được tin ấy, bèn sai làm các thứ chiến cụ bằng đồ mã, đủ cả voi ngựa khí giới, rồi đem đốt đi, để Điền Quận công lĩnh nhận.

Ngày hôm sau, khúc sông ở vùng ấy nước chảy cuồn cuộn, sóng vỗ âm ầm, như muôn ngựa đua chạy. Đứng ở trên bờ nghe thấy những tiếng xoang xoảng tựa hồ như gươm giáo chạm vào nhau. Cá tôm chết nổi lên rất nhiều. Bảo mẫu nghe tin ấy, đoán rằng Điền Quận công đã giao chiến với thủy thần, bèn khấn rằng:

- Lần này em ta đánh nhau với thủy thần, được thua thế nào, nếu em có thiêng thì báo cho ta biết?

Bảo mẫu vừa khấn xong, thì một người nhà bốc đồng lén đứng dậy nói:

- Nhờ chị cho em binh mã và khí giới, thế lực của em đã được lớn mạnh. Nhưng thủy thần có nhiều binh sĩ, mà toàn là những quân tinh nhuệ. Quân ta mới tụ tập, chưa quen đánh nhau dưới nước. Vả lại những hình nhân bằng giấy, không mặc được áo giáp. Thân thể bạc nhược mà chống nhau với những loài lân giáp¹ cho nên vừa mới giao phong đã bị thua ngay. Từ nay trở đi, không nên chống chọi với nó và nên làm một cái đền mới ở chỗ cửa cống bị vỡ cho nó ở, để khỏi sinh sự lôi thôi.

Người nhà bèn theo lời nói ấy mua các vật liệu xây một ngôi đền, làm trong ít ngày thì xong. Từ đó, khúc sông ở vùng ấy

1. Lân giáp: loại có vảy, có mai như cá, rùa....

không xảy ra việc gì nữa.

62. SỰ TÍCH SUỐI RẮN

Xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng trước vẫn thuộc về châu Ôn, xứ Lạng Sơn, đến năm Giáp Dần (1734) mới sáp nhập vào xứ Kinh Bắc. Một giái suối lạnh từ dãy núi ở xã Ý Tích chảy qua xã ấy, rồi thông sang sông Hóa Giang. Trong đoạn suối thuộc xã Hòa Lạc có một cái vực sâu chứa nhiều giao long. Hành khách qua lại thường bị giao long làm hại, cho nên người ta gọi là Suối Rắn.

Trong làng có một người làm nghề đánh cá. Ông chỉ có một cô con gái, ban đêm đi đánh cá, thường mang con gái đi theo. Một đêm, ông đến đánh cá ở cái vực ấy. Ông đang đứng ở đầu thuyền quăng lưới, chợt nghe phía sau thuyền có tiếng động, trên mặt nước thoảng có tiếng vang. Bấy giờ trăng sáng lờ mờ, ông quay lại xem, thì con gái đã biến mất rồi. Ông vô cùng thương tiếc. Sáng sớm hôm sau ông về nhà giết trâu làm cỗ, mời dân làng đến uống rượu. Ăn uống xong, ông nói với mọi người rằng:

- Tôi chỉ sinh được một đứa con gái, nay bị giao long bắt mất. Tôi thế phải giết hết loài giao long mới trả sự căm thù của tôi.

Ông đem tất cả gia tư điền địa giao cho bản xã để sau này cúng giỗ ông. Rồi ông cầm hai thanh gươm lớn rất sắc và đồ lấy lửa¹ lặn xuống vực. Đến cửa hang, thấy có hai con cá chép đứng ở trước cửa lấp đuôi đập xuống nước để ngăn cản ông. Ông giơ gươm chém chết hai con cá ấy, rồi vào trong hang. Đi một lúc, hết nước lên cạn, thấy một cái hang rộng lớn, bên trong có rất nhiều giao long. Con nào cũng thoát ra ngoài vỏ nằm ngủ. Trông như hình người. Ông vung gươm giết hết. Có hai con giao long nhỏ chui vào vỏ chạy trốn. Ông đuổi theo chém được một

1. Đồ lấy lửa: đá lửa, dao gang, bùi nhùi...

cái đuôi. Chúng kêu khóc xin tha chết cam đoan từ nay về sau không dám làm như thế nữa. Ông bèn tha cho. Rồi ông đến chỗ con gái chết, thấy hai mắt và rốn của cô đã bị giao long khoét ăn. Ông đem xác con ra ngoài lấy cùi khô và cỏ tranh chất vào trong hang phóng hỏa đốt, khói lửa bay khắp trời, đến tận làng Ý Tích. Ông lại lấy gỗ ở núi lấp các cửa hang. Từ đó nhân dân không bị giao long làm hại nữa.

Hiện nay ông làm đại thần ở bản xã. Con gái hiệu là Ngọc Tự đại thần, cũng rất linh ứng. Dân làng nhân bên cạnh núi có một chỗ đá lõm sâu vào, bèn làm một ngôi đền ở chỗ ấy. Dưới đền có một hòn đá, bằng phẳng vuông vắn như chiếc chiếu, lại trơn nhẵn, khéo như thiên tạo. Những người có việc tranh chấp với nhau, thường đem nhau đến đây thề bồi. Người nào gian giảo thì lộ ra ngay và phải chịu bồi thường.

Bên cạnh đường còn có một cái miếu nhỏ, hành khách qua lại thường đem vàng bạc cúng lě. Những người đi kiệu cưỡi ngựa, khi đi qua miếu đều phải xuống kiệu và xuống ngựa.

Năm Giáp Tuất (1754), tôi đi sứ qua đây, có vào đền làm lě, hỏi chuyện, người làng thuật lại sự tích cho tôi nghe, nay xin lược chép ra đây.

63. TRUYỆN ĐỀN THỜ TRƯƠNG BA

Xã La Chàng, huyện Thiên Thi có đền thờ Đề Thích rất là linh ứng. Nhân dân vùng ấy đều thờ phụng.

Bấy giờ làng Liễu Cầu bên cạnh có hai người con gái là chị em ruột với nhau. Lúc nhỏ gặp loạn, hai chị em phiêu giật sang nước Ai Lao. Đến khi lớn lên, hai người đều nhớ nhà muốn về, bèn ngầm khán cầu Đề Thích xin phù hộ cho được về nước thì sẽ hầu hạ thần suốt đời. Một hôm hai chị em ở Ai Lao về nhà, đi nhanh như bay, tựa hồ như có người hướng dẫn, không đầy một ngày đã về đến làng. Hai chị em đến đền La Chàng làm lễ tạ ơn. Vừa cúi đầu xuống thì hình thể của hai chị em biến mất, chỉ còn

lại hai năm tóc. Dân làng Liễu Cầu cho là thần nhân làm, bèn lấy tóc bỏ vào hai cái hộp và lập đền thờ, gọi là đền Đế Phi (vợ vua). Từ đó, mỗi khi trong vùng gặp trời hạn hán, dân làng rước tượng Đế Thích ở đền Lê Chàng sang đền Liễu Cầu thì được mưa to ngay. Hiện nay dân vẫn còn thờ cúng.

Lại nói ở xã Liễu Hạ, huyện Đường Hào, có một người tên là Trương Ba rất cao cờ, không ai địch nổi. Một hôm Trương Ba đánh cờ với một kẻ khác, thế cờ của người ấy nguy lâm, Trương Ba bèn khua tay nói khoác rằng:

- Dẫu có Đế Thích giáng trần, cũng không đỡ được.

Trương Ba vừa nói xong, bỗng có một cụ già ở đâu đến gà cho người kia mấy nước, cờ từ thế bại chuyển thành thế thắng. Trương Ba sợ lâm nổi:

- Ta có tiếng là cao cờ, từ xưa đến nay không ai địch nổi. Nay ông này có diệu toán, thần xuất quỷ nhập, cướp lấy giải vô địch của ta, quyết không phải là người trần gian.

Anh bèn bỏ dở ván cờ đứng dậy ra về. Đến nhà, tìm mãi chẳng được vật gì, chỉ thấy một nải chuối tiêu. Trương Ba liền đem nải chuối ấy đến trước mặt cụ già sụp lạy nói rằng:

- Tiên thánh hạ cố xuống trần gian, chúng tôi rất mực ngưỡng mộ.

Cụ già ngạc nhiên nói:

- Tôi là một ông lão nhà quê, sao anh lại hiểu lầm ra thế?

Trương Ba nói rằng:

- Cứ theo thiển kiến của tôi thì tôn nhân không phải là người trần tục, xin đừng từ chối.

Cụ già nói:

- Trong lúc đánh cờ anh có nhắc đến ta, nên ta mới đến. Không ngờ anh ở trong đám bụi trần mà biết ta là cao nhân. Vậy ta cho anh ba nén hương thiêng. Khi nào gặp tai nạn thì thắp hương khấn ta, ta sẽ đến cứu giúp.

Cụ già nói xong liền biến mất, không thấy đâu nữa.

Sau Ba bị ốm chết. Người nhà quên bẵng lời dặn của cụ già, không đốt hương. Mãi đến trăm ngày, vợ Ba quét dọn cửa nhà, thấy ba nén hương vẫn còn, bèn đem đốt và khấn. Lát sau, một cụ già đến hỏi Trương Ba đâu? Vợ Ba khóc lóc nói rằng:

- Đã chết được một trăm ngày rồi.

Cụ già nói:

- Rất đáng tiếc, không bảo cho biết sớm, nay đã lâu rồi, không làm gì được nữa.

Bấy giờ ở làng bên cạnh có một người hàng thịt mới chết, vừa được chôn xong. Cụ già bèn cùng vợ Trương Ba đến mộ người hàng thịt, đào mả mở quan tài ra. Cụ chuyển vận pháp thuật thần thông, thu hồn phách Trương Ba nhập vào xác người hàng thịt, một lúc thì sống lại. Người hàng thịt vừa đứng dậy, thì cụ già biến mất, người ấy bèn cùng vợ đi về nhà.

Một hôm, hai vợ chồng Trương Ba đi chợ. Vợ người hàng thịt trông thấy Ba liền chạy lại ôm lấy khóc lóc thảm thiết. Vợ Trương Ba lấy làm lạ nói rằng:

- Người này là chồng tôi, làm sao chí lại dám nhận liều?

Vợ người hàng thịt nói:

- Quả thực là hình dáng chồng tôi, cả làng đều biết. Chỉ là người nào mà dám tranh chồng với tôi?

Hai bên cãi nhau mãi, không giải quyết được, bèn đem nhau lên quan. Quan hỏi vợ người hàng thịt rằng:

- Ngày trước chồng chí làm nghề gì?

Thị đáp:

- Làm nghề mổ lợn.

Quan lại hỏi vợ Trương Ba:

- Ngày trước chồng chí làm nghề gì?

Thị nói:

- Đánh cờ.

Quan bèn sai đem một con lợn và một bàn cờ đến. Trước tiên

quan sai Trương Ba chọc tiết lộn, nhưng Ba không biết chọc vào chỗ nào.

Rồi quan sai Ba đánh cờ, thì nước cờ cao lâm không ai địch nổi. Quan bèn phán rằng:

- Người này đích thực là Trương Ba, chuẩn cho cùng với vợ tác hợp, vợ người bán thịt không được nhận liều nữa.

Hiện nay ở đền Liêu Hạ chính giữa thờ tượng Đế Thích, bên tả là tượng Trương Ba, dằng trước bầy một bàn cờ lớn. Người đời bấy giờ nói đến đánh cờ thì đều nhắc đến Trương Ba là trước nhất. Gần đây giặc giã quấy rối, các đền miếu ở vùng ấy đều bị đốt phá hết, nhưng đền thờ Đế Thích và Trương Ba ở Liêu Hạ vẫn nghiêm nhiên tồn tại, thực là một đại linh từ ở vùng này vậy.

64. TRUYỆN NGỌC NỮ

Khi đã luống tuổi, Ngọc Hoàng Thượng Đế sinh một người con gái, mặt hoa da tuyêt, thợ giỏi khó vẽ hết tinh thần; nét họa cung đàn, tài giỏi không chỉ riêng nghề mọn. Nếu là một gã râu mày, thì quyết đứng hàng đầu khoa giáp. Tuổi vừa đôi tám, tên gọi là Ngọc Tỷ. Ngọc Hoàng mở một lầu kén rể, biến để là "Đại phượng lâu"¹. Cho tất cả tự do đến ứng tuyển.

Sơn thần nghe tin, bụng bảo dạ rằng:

- Núi là cao, hơn hết mọi nơi. Phượng lâu trúng tuyển, không ta thì ai? Ta mà lấy được Ngọc Tỷ thì sẽ coi như một vị bồ tát, ngày ngày đặt ngồi trên tòa sen, câu khẩn, ngắm chơi. Ở nhà, ta là chúa của điểu thú; ra ngoài, ta là Phò mã của Ngọc Hoàng, tôn quý biết dường nào!

Rồi cưỡi xe hươu trắng đi thẳng lên cửa nhà trời.

1. Đại phượng. Phượng là con đực, hoàng là con cái, hỏi vợ gọi là "cầu hoàng" đây là kén rể nên gọi là "đại phượng".

Thủy thần nghe tin, cũng họp các loài thủy tộc bàn rằng:

- Nước chảy chỗ trũng, việc thường xưa nay. Bình phong bắn sê¹ không ta thì còn ai. Nếu ta lấy được Ngọc Tỷ, sẽ làm một cung bằng ngọc châu giữa bể, đêm cho nằm trong màn giao cảm², mà ngắm nghĩa, mà chăm sóc. Dưới nước thì các loài thuỷ tộc là thần thiếp của ta, trên trời ta lại làm chủ nhân của Đế nữ, hiển vinh biết nhường nào! rồi cưới ngựa vây vùng, rẽ nước bay lên.

Hai thần gặp nhau ở ngoài ngọc môn, song song tiến vào. Một người cao mà đen, một người thấp mà trắng, cùng lạy trước sân rồng rồi song song cùng đứng.

Thượng Đế sai thị vệ truyền rằng:

- Hai vị ở đâu? Họ tên là gì? Đến đây có việc chi? Phải nói cho minh bạch.

Hai thần tiến lên xưng họ tên, rồi nói tiếp:

- Nghe nói bệ hạ mở lâu "Đãi phượng". Hai tiểu thần đây tuy không có sắc đẹp chín vẻ, tiếng khen bảy đức, nhưng thủ đoạn cao cường, không kém gì điềm thái bình ấy³. Chỉ hiềm chưa hiểu nguyễn ước ba sinh ra sao, ý định của bệ hạ thế nào mà thôi.

Ngọc Hoàng giả bộ tươi cười rằng:

- Trẫm ngự trị vân phuong, hiện có một gái. Nếu kén được

1. Theo *Đường thư*: Đậu Nghị muốn kén rể, về một con chim sẻ vào bình phong, khấn ngầm rằng ai bắn trúng mắt sẻ, sẽ gả con gái cho. Lý Uyên (sau là Đường Cao Tổ) bắn trúng cả hai mắt sẻ, lấy được con gái Đậu Nghị. Do đó người ta gọi việc hỏi vợ là "bắn sẻ bình phong".
2. Giao cảm: một thứ lụa vải dẹp như gấm. Người xưa truyền rằng do người Giao (ở dưới nước) dệt ra.
3. "Chín vẻ", "bảy đức" là những cái quý của phượng. "Điềm thái bình" là nói có chim phượng hiện ra. Ý cả câu là tuy không có những cái quý của phượng, nhưng có tài giỏi không kém gì phượng, xứng đáng được vào lâu "đãi phượng".

một người tài thuật tương ứng, trẫm sẽ gả ngay cho. Hai người có phép thần diệu gì, đều phải trổ tài cho trẫm xem.

Sơn thần nghe xong, tức thì xua tay lên quang không, chỉ vào cung khuyết ở trước mặt Ngọc Hoàng, lập tức biến thành gò núi. Có ngọn lờ mờ như Bích Phong, có chỗ rõ ràng như Quận Ngọc, có chim đẹp bay đậu, có thú lạ lại qua. Không phải nhích di một bước mà cảnh tượng đã khác nghìn vạn lần. Một lát, quỷ khóc thần sầu, núi reo hang ứng, có hổ gầm gấu rống, có thú rắn mồm nuốt được voi to, có thứ chim cánh giương như mây phủ. Những người hầu chung quanh, tai nghe mà tựa hồ không muốn nghe, mắt trông mà tựa hồ không dám trông.

Ngọc Hoàng gật đầu rằng:

- Tài giỏi!

Sơn thần lại cất tay xua một cái: cung khuyết lại y nguyên như cũ.

Thuỷ thần cũng thè lưỡi thư phù. Bỗng, vạn ngõ ngách cửa biển thành biến. Nước bạc vỗ trời, sóng to xoáy đất. Sóng dâng một lớn, núi chìm ngập đỉnh ngàn tầm; côn nhảy ba ngàn, nước dựng như trãm cây thước. Hoặc phun lửa như lá cờ, hoặc vuốt râu thành cơn mưa. Một lát, cá rồng vắng vẻ, buồm gấm hoa bay liêng cung trăng; mây ngũ sắc bao che, cung Bồng Lai lờ mờ mặt nước. Rồi tiếng bát âm nhộn nhịp, rồi giọng ca nữ véo von. Tai nghe phương nào cũng có tiếng hay, mắt nhìn vật gì cũng có sắc đẹp. Trong khoảnh khắc mà biến huyễn thành muôn hình trạng.

Ngọc Hoàng cũng gật đầu nói:

- Tài giỏi!

Thuỷ thần lại lè lưỡi thư phù, cửa ngõ y nguyên như cũ.

Ngọc Hoàng lấy làm vui lòng, sắc cho hai thần ngồi chiếu bên tả, ban trà cho uống.

Hai thần đang có vẻ đắc ý, chợt thấy ngoài cửa lại có một người tiến vào. Người ấy dáng rồng bước hổ, mắt Thuần, mày

Nghiêng, có vẻ tinh trọng như núi, có lượng bao hàm như biển¹, vào đứng sững ở trước sân.

Thị vệ quát to rằng:

- Đây là chốn tôn nghiêm. Hạng người nào? Hạng người nào?
Tại sao không sụp lạy?

Người ấy chắp tay thưa rằng:

- Phượng lâu ứng tuyển, nào phải là nghi lễ chốn triều đình?
Mắt sè chưa xuyên², đâu dám vội làm lễ chào ông nhạc? Xin
Ngọc Hoàng hãy khoan thứ cho.

Ngọc Hoàng nghe nói lấy làm lạ, cho ngồi chiểu bên hữu,
khoan thai bảo rằng:

- Hai vị ở chiểu bên tả đều là người ứng tuyển vào lâu
phượng. Giang sơn đã đẹp, nghệ thuật lại cao, thực là người thứ
nhất trong thiên hạ. Khách quý giường đồng³, phi người ấy thì
còn ai? Người có tài năng gì, mà dám đến tranh với người ta?
Trẫm rất buồn cười nhà ngươi là con người bất trí.

Người ấy ung dung đứng lên nói:

- Bệ hạ nhầm rồi, Quý thần ở núi sông chỉ là một vật ở nơi
đó thôi. Múa trí khoe tài, sao đáng đếm xỉa trong vòng trời đất?
Sao không xem: ngõ cao vòi mà những người chiêm ngưỡng
chỉ sợ đi sau; lượng biển bao la, mà những kẻ lại chầu tranh
nhau đến trước. Tài trí trong thiên hạ, đều là tài trí của một
người. Núi đúc khí thiêng, mong được tận trung mọi việc; sông
theo dòng lớn, đâu không hiểu thuận một niềm. Thảng hoặc có

1. Mấy câu này ý nói có tướng mạo và khí tượng thiên tử.

2. Xem chú thích 1, tr 108.

3. Đời Tấn, Hy Giám có con gái, muốn kén rể, cho người đến xem các
con cháu của Vương Đạo, thấy người nào cũng giữ lễ. Duy có Vương
Hy Chi cứ ngồi phê bụng ở giường bên đồng, coi như không biết
chuyện gì. Hy Giám liền gả con cho Hy Chi. Do đó người ta dùng
chữ "giường đồng" để gọi con rể.

thỏ nấp trong núi, kinh múa ngoài khơi¹, thì sai người văn thân trọng vọng, cử người vòi tướng lược thao. Bày trận theo thế rắn Thường Sơn², hành quân như nước dòng Giang Hán. Núi có thể bạt đi, gò có thể san bằng, nước lớn có thể bắt lui, sông to có thể cắt đứt. Bấy giờ sông yên núi vững, chỉ thấy một vẻ thanh cao. Thái Sơn, Hoàng Hà, ghi thê dối lệ³; Ngũ Nhạc Tứ Độc, giữ lê công hâu⁴. Bước lên núi cao tò lòng trung với trời⁵. Voi trùm biển rộng, nào ai dám chống⁶. Thiên tử trị bên ngoài, Hoàng hậu trị bên trong; hải vật sơn hào, hưởng những vị quý ngon trong thiên hạ, so với bọn một gáo nước đã khoe nhiều, một nắm đá đã khoe lớn, khác nhau biết là chừng nào?

Ngọc Hoàng đẹp lòng, giơ tay nói:

- Giai tế! Giai tế! Nếu ngươi không nói ra, trẫm sẽ bị những kẻ khoe khoang làm mê hoặc.

Hai người ở bên tả nghe thấy thế, ngồi ngắn người một lát, rồi bỏ cả ngựa xe lèn về, không dám bàn việc hôn nhân nữa.

Lời bàn của Sơn Nam Thúc: Cỏ dao đầy bãi, hình như con rùa đội mai; khe thẳm một hang, tựa hồ con trai ngậm ngọc. Ôi,

1. Ý nói: ở miền bể, miền núi, có kẻ chống lại.

2. *Thường Sơn*: nguyên là tên một giống rắn, sau dùng gọi một thế trận. Bày trận theo thế rắn Thường Sơn thì khoảng đâu, khoảng đó, khoảng giữa đều ứng tiếp với nhau được nhanh nhẹn.

3. "Đối": cái giải lưng; "lệ": hòn đá mài. Hán Cao Tổ lên làm vua thế với các công thần rằng: "Hoàng Hà như đối; Thái Sơn như lệ, quốc dĩ vĩnh tồn, viễn cập miêu duệ", nghĩa là: "Hoàng Hà như cái giải lưng, Thái Sơn như hòn đá mài, nhà nước còn mãi đến con cháu đời sau". Ở đây dẫn diễn này có ý nói núi và sông yên vững mãi mãi.

4. "Ngũ Nhạc" là năm ngọn núi cao, "Tứ Độc" là bốn sông lớn, câu này ý nói núi và sông đều chịu quy thuận làm bầy tôi.

5. Đây dùng một câu săn ở Kinh Lẽ.

6. Từ câu "núi dúc khí thiêng" đến đây, câu nào cũng một nửa nói sơn, một nửa nói thuỷ. Có ý nói hơn hẳn sơn thần và thuỷ thần.

con gái nào chung quy không ai được, chỉ vì lấy thuật bịa người thôi. Khi nghe lời nói của Chân chủ, không những cao hơn hai thần kia, mà sau cùng lại có câu: "Hoàng hậu trị bên trong, hưởng những thức quý ngon trong thiên hạ", bấy giờ lòng kén rẽ của Ngọc Hoàng mới quyết định. Câu nói: "Long mạch đi ngàn dặm, kết huyệt chỉ một điểm", đúng như ý nghĩa bài này.

65. TRUYỆN LÁI BUÔN PHƯƠNG BẮC GIẤU VÀNG

Người ở hai tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến phần nhiều hay sang buôn bán ở nước ta. Có những kẻ trở nên giàu sụ. Vàng bạc của cải tích góp được có thể địch với các bậc công hầu. Ngoài việc chở của về nước cùng ăn tiêu phung phí, họ còn mưu tính để của lại cho con cháu nữa. Có kẻ thì xây dựng chùa quán, rồi để của ở dưới tượng Phật. Có kẻ thì chôn của ở nơi hẻo lánh, rồi trồng cây lên trên. Có kẻ để của ở trong khe đá. Có kẻ giấu ở trên đỉnh tháp. Những chuyện mắt thấy tai nghe không thể ghi nhớ hết được.

Phàm những hầm giấu vàng đều có chôn sống một người con gái ở trên, không cho ăn uống gì. Sau đó, bày những món ăn mà cô gái đó thích, rồi dặn ngày sau có ai đến lấy chỗ vàng cất giấu thì trước hết phải gọi họ tên cô, sau đó hỏi những món ăn cô ưa thích. Khi tất cả mọi điều đều ăn khớp thì mới được giao vàng cho người đến lấy. Bên cạnh người con gái lại đặt một cây đèn máy, một trăm ngày đêm đèn vẫn không tắt. Hồn phách nữ thần y theo những điều giao ước ấy, thế là trở thành thần giữ của. Mỗi một hầm giấu vàng đều có bản vẽ mật trao lại cho con cháu đời sau.

Gần đây có người đến một vùng nọ, nói phao lên với mọi người rằng:

- Tổ tiên để lại của cải cho tôi, hiện có bản vẽ mặt để tìm. Nay tôi đuối sức rồi, không thể một mình tìm được. Mong bà con giúp đỡ, nếu tìm được ra của thì tôi sẽ chia đều cho.

Mọi người nghe nói, đều vui vẻ tham gia đào bới. Đến lúc moi lên được một cái hũ sành, mọi người cùng mở ra xem thì chỉ thấy một ít bạc vụn. Người khách vờ giật mình khóc lớn, rồi lấy tất cả chõ ấy làm món tạ ơn mọi người. Sau đó lại khóc rống lên mà bỏ đi. Đám người đều tin là thực. Tới lúc chiều tối, người khách lại đến. Lại tiếp tục đào để lấy chõ vàng còn giấu ở dưới. Đó chính là một mèo gian trá để lừa cho người ta đào giúp.

Có người từ phương Bắc tới, rồi bị bệnh nặng. Chủ quán trọ thương tình, nuôi nướng người khách chu đáo. Lúc sắp chết, người khách nói rõ sự thực rồi trao cho chủ quán bản vẽ mặt nơi để của. Lại dặn dò cả việc khâm liệm chôn cất. Chủ quán theo đúng như lời khách, tới chõ giấu vàng, gõ cửa gọi tên. Một lát cửa đá mở toang. Một cô gái đón người đó vào trong, đem trầu cau ra mời, rồi nói với người đó rằng:

- Hôm nay anh hãy về tìm một anh chàng đến làm bạn cùng tôi, rồi sau sẽ lấy những của cải giấu ở đây.

Chủ quán trở về, không hiểu được những điều cô gái nói. Nhìn lại trầu cau thì đều là vàng cả. Hôm sau, chủ quán lại đến hang. Cô gái thấy người đó không hiểu những lời nói hôm qua, liền đuổi ra, rồi đóng sập cửa lại.

Lại có một người đi qua ngôi chùa núi vào lúc ban đêm. Nghe trong núi đá có tiếng rên rỉ. Soi được xem thì không thấy gì. Nhìn kỹ hồi lâu thì thấy trong kẽ đá có dấu nhựa thông. Lấy lửa hơ cho nhựa thông chảy hết thì tấm đá rời ra, thấy có một cô gái. Người ấy công cô gái về nhà, vài ngày sau mới sống lại, liền lấy cô ta làm vợ. Nhờ thế, người ấy lấy được tất cả những của cải cất giấu ở đó.

Cuối niên hiệu Cảnh Hưng, có một người họ Hoàng ở Quảng Đông trú ngụ ở các vùng Đông Triều, Vạn Ninh, phố Hiến. Lúc đầu y làm nghề bán kẹo, sau trở nên cự phú. Y lập một ngôi chùa ở bên sông, giấu vàng bạc ở trong đó. Lại lấy nhiều tiền của để cưới em gái Giám sinh nọ ở áp bên cạnh làm vợ. Sau khi cưới, y để cô gái ở riêng một nhà, mà không hề lui tới với cô ta. Cô gái nghi ngờ, về nhà bảo với người anh. Người anh dặn cô mang theo mấy vốc hạt vừng, để lúc nào cần kíp thì rắc xuống đất cho tiện theo dấu vết. Lại sai một người đầy tớ gái cứ năm ngày tới thăm cô em một lần. Một hôm, người đầy tớ gái tới không thấy cô gái ở đó. Người đầy tớ gái tức tốc chạy đi tìm, thì thấy cô gái ở trong ngôi chùa. Lúc cứu được cô gái về, phải đổ thuốc mía ngày mới cứu sống lại. Tất cả những của cải giấu trong chùa, cô gái đều lấy được hết.

Than ôi! Của cải là vật chung của thế gia, không phải là thứ người ta có thể chiếm làm của riêng. Nếu phận đáng được, thì hòm vàng cốt bạc cuối cùng rồi cũng phải về với chủ. Nếu phận chẳng đáng được, thì dấu núi đồng hang vàng cũng hoá sạch không. Rành rành đều là những việc ở trước mắt. Người khách buôn phượng Bắc, từ xa lặn lội sóng gió, chạy vạy cho đến khi giàu có, lại tích góp của cải để cho con cháu. Trước hết, giết người để làm thần coi giữ của cải cho mình. Thật là trái với trời, ngược với lý. Sao mà ngu ngốc đến như thế! Mai sau con cháu may ra cũng chỉ vớ được hai ba phần mười. Còn bị người khác lấy mất hoặc để thành vô dụng thì phải đến bảy tám phần mười. Như thế mà phải khổ tâm tích góp của cải thì phòng có ích gì? Khách buôn phượng Bắc thường hay giấu của, khó mà nêu ra hết được. Ở đây chỉ xin ghi chép vài mẩu để thấy rằng họ phần nhiều là gian giảo mà ngu xuẩn.

66. TRUYỀN THẦY ĐỊA LÝ TẢ AO

Thầy địa lý Tả Ao là ông Mỗ, người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Thủở nhỏ, mồ côi cha, nhà nghèo, mẹ mất loà, ông theo một người khách buôn ở phố Phù Thạch¹ về Tàu, học nghề chữa mắt. Thầy thuốc Tàu khen người có hiếu, hết lòng dạy cho. Khi nghề đã thành, sắp sửa về nước, chợt có thầy địa lý chính tông đau mắt đã lâu không khỏi, đến mời thầy thuốc này chữa cho. Thầy địa lý khỏi mắt, nhìn mặt mũi ông rồi nói:

- Anh này có thể dạy được đây.

Bèn đem hết cái học của mình ra truyền cho. Hơn một năm, thầy muốn thử ông xem ra thế nào, bèn lấy cát đắp các hình sơn thuỷ, vùi một trăm đồng tiền ở dưới, đưa cho ông một trăm cái đinh để điểm huyệt. Ông điểm xong, gạt cát ra xem thì trúng chín mươi chín huyệt, sai có một huyệt mà thôi. Thầy địa nói:

- Khá lầm.

Bèn cho ông về. Lúc chia tay, thầy dặn:

- Đi qua núi Hồng Lĩnh, nhớ có ngẩng nhìn.

Ông vâng lời, ra về. Đến nhà thì mẹ hay còn mạnh. Đem phương thuốc học được ra chữa, mẹ khỏi mắt. Nhân có việc đi ra núi Hồng Lĩnh, nhớ lời thầy dặn, không hiểu duyên cớ thế nào. Thử leo lên núi trông xem, ngắm được một cái huyệt rất quý, cười mà rằng:

- À, ra thầy dặn ta không được ngẩng nhìn là vì thế!

Bèn về đem tiền phẫn đến chôn. Không bao lâu, ông sinh ra được một con trai. Bấy giờ người Minh trông thiêng văn nói:

- Các ngôi sao đều chầu cả về phương nam, nước An Nam được đất rồi!

Nhà vua xuống chiếu cho các nhà phong thủy, ai đã cắm đất cho người An Nam hay dạy phong thủy cho người An Nam thì phải dùng kế phá đi. Nếu không, sẽ phải tội tru di tam tộc. Chiếu ban xuống, thầy địa lý đoán hẳn lại chỉ có ông chứ không còn ai, liền sai con sang do thám. Sang đến nơi, con thầy địa lý hỏi ông rằng:

- Từ khi về nước đến nay, bác đã táng được ngôi mộ cho tiên nhân chưa?

Ông cứ thực kể lại. Người khách ấy bèn ngầm đào trộm ngôi mả và lừa đem con trai ông về Tàu.

Chưa bao lâu mẹ ông mất, ông định đem táng ở một cái huyệt ngoài hải đảo. Ngày giờ đã định, không may sóng gió cản trở, không ra chôn được, thành ra lỗi kỳ. Ông than rằng:

- Đó là cái huyệt miệng rộng, năm trăm năm mới mở một lần, mà chỉ mở trong một khắc. Nay đã lỡ rồi, còn gì nữa. Thật là số mệnh của ta.

Từ đấy, ông không tưởng gì đến gia nghiệp, thường đi chu du bốn phương đặt mả cho người. Khi mất, chỉ có hai người con gái.

Trước kia, khi còn ở nhà, ông đã ngầm săn huyệt cho mình, nói là kiểu con chó đuôi đòn dê, táng chỉ ba ngày sẽ thành địa tiên. Tuổi già, ông ở Kinh đô về, người đã yếu sẵn. Ông có đem theo một người học trò cùng về, dặn công việc sau này. Nửa đường, người học trò lại chết. Ông về đến nhà thì ốm nặng, bảo người nhà khiêng đến huyệt ấy. Nhưng đường xa, liệu chừng không đến nơi được, ông bèn chỉ một cái gò bên cạnh đường, nói:

- Đó là một ngôi đất huyệt thực¹. Bất đắc dĩ thì chôn ở đó cũng được.

1. Huyết thực: được người ta cúng tế. Vì cúng tế có giết trâu bò, nên gọi là huyết thực

Ông xuống cáng, chỉ hướng cho người nhà đào, chôn lấp mình. Sau quả nhiên làm Phúc thần.

Chao ôi! Phương thuật của ông kể cũng rất lạ, vậy mà họ tên không truyền lại, tiếc thay? (Có thuyết bảo ông họ Hoàng, tên Chi).¹

67. DẬT SỰ ÔNG TIÊN HỌ PHẠM

Phạm Chân nhán tên là Viên, người làng An Bài, huyện Đông Thành. Đầu đuôi việc ông gặp tiên, đã kể rõ trong tập tiểu truyện ông Ngô Phúc Lâm viết, đây không cần phải rậm lời nữa. Đời truyền khi Chân nhán đắc đạo trở về, cha là Thượng thư đương làm quan ở Kinh đô. Gặp ngày giỗ mẹ, Chân nhán dẫn bốn tên gia đồng khiêng một mâm cỗ đi biếu ông Thượng. Ra khỏi cổng làng độ một dặm, ông bảo bọn gia đồng nhám mắt mà đi. Chốc lát, mở mắt đã đến chợ Cầu Dền ở Kinh đô rồi. Lúc trở về cũng vậy.

Một hôm, ông mặc đồ sô gai, chống gậy vào nhà khóc ầm lên. Các anh em đều trách sao lại như vậy. Không bao lâu, ông Thượng mất. Chân nhán bảo anh em rằng:

- Tôi là một đứa con hư của cha mẹ, đi bông lông lâu năm, nay xin nằm rơm gối đất chầu chực bên cửa để chuộc lỗi trước. Còn các việc lớn ma chay, xin để phần các anh em cả.

Mọi người bàng lòng. Khi sắp đưa ma, anh em sắm sửa mọi thứ để làm nhà trạm, duy Chân nhán vẫn lặng im chẳng làm gì cả. Trước một ngày mới ra đồng, xem ngắm những chỗ làm lẽ đinh dư thương thực² một lúc trở về. Sáng hôm sau, đám đưa

1. Phan Huy Chú nói Tả Ao tiên sinh tên là Hoàng Chiêm

2. Trạm đặt quan tài khi nghỉ ở dọc đường và bày lễ cúng tế.

đến những chỗ ấy, đã thấy nhà cửa đồ sộ sẵn sàng, đều là quán ngói của các làng chung quanh, lợn, rượu, cỗ bàn, chẳng thức gì không có Tế xong, dọn ra thết đãi bạn bè, khách khứa. Đêm đến, các cái quán đó đâu lại về đầy cả. Rồi ông hóa thành tiên, đi mất.

68. TRUYỆN THÀNH ĐẠO TỬ

Thành Đạo Tử người Sơn Tây, tuổi trẻ thi đỗ Hương tiến, rồi chán nghề thi cử, đi giang hồ. Sau gặp Chân nhân¹ phạm Viên và đi theo, vết chân trái khắp sông to núi đẹp. Một hôm cùng với hai người đồng bối theo Chân nhân đi chơi trên bể. Giữa khoảng gió to sóng lớn, bỗng thấy một con đường dài quanh co như khúc ruột dê. Mọi người trèo lên chơi, rồi đi đến một trái núi, cây cối um tùm, có những quả đào to bằng cái đầu. Chân nhân ngồi nghỉ, nghiêng bầu uống rượu, cho mỗi người mấy quả đào, bảo đừng ai giấu hạt đem về. Kẻ theo hầu đều vâng nghe. Uống rượu xong, Chân nhân ra đi. Thành Đạo Tử đi sau, cho là Chân nhân không biết, giấu hạt trong bọc. Lần quẩn nửa ngày không tìm được đường đi ra. Nghĩ có lẽ vì hạt đào giấu ở trong mình, bèn sờ lấy vát đi, bấy giờ mới đi ra được khỏi núi. Chân nhân đương ở phía trước, ngồi rót rượu uống, thấy Thành Đạo Tử đến, cười mà bảo rằng:

- Sao đi chậm thế?

Rồi Chân nhân lấy một quyển sách bí mật trao cho, đoạn cùng với mấy người theo hầu bay vụt đi mất.

Thành Đạo Tử về, đi phóng lông khắp nơi sơn thủy. Một lần cùng với kẻ đồ đệ đi chơi, dọc đường vào gõ cửa một nhà, hỏi

1. Chân nhân: là người tu tiên đắc đạo.

thăm chủ nhân tình hình gần đây ra sao. Người coi cửa mỉm cười nói:

- Chủ nhân tôi mắc chứng đau tim, bùa đau tần kém, vẫn chẳng ăn thua gì. Chẳng hay tiên sinh có chữa được không.

Thành Đạo Tử đáp:

- Chữa được.

Người coi cửa mừng rỡ vào nói với bà chủ. Bà chủ mời vào, thết rượu, sai người nhà sắm đàn tràng. Thành Đạo Tử ngăn đi mà rằng:

- Không cần. Kìa, trên nóc nhà có một con ma nó cầm ngọn giáo đâm vào tim người bệnh. Böyle giờ hãy bắt một con cộc treo lên doạ nó, tự khắc nó phải lui.

Nhà chủ nghe lời làm theo. Bệnh quả nhiên khỏi. Nhà chủ đưa biểu rất hậu, nhưng Thành Đạo Tử nhất định không lấy.

Thành Đạo Tử lên chơi núi Thu Tình, cầm đuốc vào trong hang soi xem, giữa chừng đuốc tắt, không biết lối nào ra. Trong hang có những tuỷ đá nát nhéo như bùn, ăn thấy thơm ngon và khói đói. Hồi lâu thấy một cái kiệu đi qua, kẻ theo hầu rộn rip. Đến gần xem thì người đi kiệu ấy là một người bạn học đã chết từ trước. Người ấy giật mình hỏi:

- Đây là nơi cửa ải của người và ma chia cách nhau, bác đến đây làm gì?

Người bạn cởi áo mặc cho. Thành Đạo Tử thấy trước mắt sáng sủa, bèn theo lối trở mà đi ra khỏi hang. Về đến nhà, người nhà tưởng đã chết, để tang trở, sắp đến kỳ cúng giỗ tiểu tường¹.

Thành Đạo Tử có quen với một ông cụ ở làng tôi, mỗi lần đến chơi. Thường giờ ra nói chuyện ấy. Sau không biết đi đâu mất..

1. Tức chết đã được một năm

69. CHUÔNG VÀNG, CHUÔNG ĐỒNG

Ông Đặng Huyền Thông đến vùng này giữa hồi loạn lạc, trai đinh đi lính nhiều. Dân làng ít người. Muốn làm nghề, mở mang kinh tế, nhất thiết phải có sức người.

Ông được cụ Hậu Nghệ chẩn vịt tặng cho cái cần dài bằng tre ngà, đầu gắn bông lau làm cờ, dùng để lùa vịt. Ông dùng cần đó làm thước đo, đo ngang, đo dọc vùng đất hoang, chia đất cho dân kéo đến dựng nhà, hình thành thôn Chu Đậu. Ông dạy dân nghề làm gốm. Nghề gốm thì già trẻ, lớn bé đều có việc. Không chỉ cần có sức, mà cần cái tinh. Tinh mắt, linh tay, dẻo chân, điều khiển hòn đất với bàn xoay như làm xiếc. Hòn đất biến dạng ra trăm thứ hàng gốm với dáng hình, chất liệu men màu khác nhau. Gốm Chu Đậu có nét đặc sắc rất riêng. Khách thương nước ngoài dòng thuyền vào mua hàng, ai cũng trầm trồ khen ngợi.

Làng nghề mở ra nhưng gặp khó khăn là có ít nhân công lao động. Bởi thế mà tự nhiên có lệ làng: "*Ai sinh được mười con trai sẽ được thưởng chuông vàng*". Tương truyền rằng chuông vàng nằm ở lòng sông nơi thuyền rồng vua ngự ngày xưa. Ai sinh đủ mười con trai thì Thành hoàng tổ nghề sẽ báo thần sông đưa chuông vàng nổi lên cho.

Dạo ấy, có một người họ Vương, sinh hạ được chín người con trai, cộng với một cậu con nuôi là vừa chẵn chục. Bà thấp hương khấn vái xin thần phù hộ cho bà được chuông vàng. Đến đêm bà được Thành hoàng Đặng Huyền Thông báo mộng: ngày mai bà được chuông vàng của thần sông.

Sáng hôm sau, quả nhiên chuông vàng nổi lên giữa dòng sông. Bà gọi các con mang thùng chão ra buộc vào chuông. Chuông vàng nhô lên óng ánh. Chuông càng gần bờ, càng loé sáng. Mười anh chàng lực lưỡng ra tay kéo chão. Chín con để đứng ở phía trước, anh con nuôi đứng cuối cùng. Anh này vốn phải ăn ít, làm nhiều, thường bị bà mắng chửi. Lúc chuông vào gần sát bờ, bà

sợ anh con nuôi dây máu ăn phần, mới bảo anh bỏ tay ra, để chín anh kéo nốt. Anh ta tủi thân bỏ đi.

Chuông vẫn được kéo lên bờ nhưng vì không đủ mười người, chuông vàng đã biến thành chuông đồng.

Chuông đồng không có giá trị như chuông vàng nữa. Bà biết mình mắc lỗi nên thầm phạt. Bà liền đem cung tiến chuông đồng vào đình làng Mỹ Xá. Từ đó có câu:

*Con nào mà chẳng con ta
Để chuông vàng thoát biến ra chuông đồng.*

70. TRẠNG CHIẾU

Ở một xã ven sông Luộc, thuộc huyện Tứ Kỳ (Hải Dương), có một gia đình thuyền chài; chồng người Tứ Kỳ, vợ quê ở làng Hới bên Thái Bình. Hai vợ chồng ngày ngày đánh cá, nuôi cậu con trai tên là Phạm Đôn Lễ. Chẳng may, cha mất sớm, hai mẹ con vẫn làm nghề đánh cá nuôi nhau. Năm lên ba tuổi, một hôm, người mẹ đang đánh cá dưới sông, Lễ mải chơi trên bờ sông và bị lạc...

Một gia đình khá giả ở Thanh Hoá có việc đi qua vùng Tứ Kỳ, thấy cậu bé thông minh, lanh lợi bị lạc bèn đem về nuôi. Ông bà cho Lễ đi học. Cậu bé rất chịu khó học và sáng dạ, học một biết mười; tiếng đồn gần xa đều biết tiếng. Khi triều đình mở khoa thi, Phạm Đôn Lễ lêu chõng lên kinh dự thi và đậu Trạng nguyên. Phạm Đôn Lễ được cử làm Tả thị lang, chức Thượng thư... Một lần ông về quê Thanh Hoá, cha nuôi mới kể lại lai lịch nhật được ông hồi ông mới lên ba ở ven bờ sông Luộc. Cha nuôi ông hy vọng là bây giờ ông làm quan trong triều, có điều kiện đi đây đó để tìm lại nơi quê cha đất tổ. Phạm Đôn Lễ đã về vùng sông Luộc. Đã 30 năm rồi, bà mẹ sinh ra quan trạng đã già yếu, giờ mở quán bán nước trên bến đò. Mẹ con nhận ra nhau, mừng mừng tủi tủi. Ông tìm hiểu quê mẹ, biết có nghề dệt chiếu, nhưng chiếu Hới thủa ấy không đẹp, không bền. Ông

quyết tâm đền đáp công ơn quê mẹ bằng cách cải tiến kỹ thuật làm chiếu.

Năm ấy ông được triều đình cử đi sứ sang Trung Quốc. Nhân dịp này, ông dành thì giờ đến tận tỉnh Quảng Tây để khảo sát kỹ thuật dệt chiếu. Năm chắc bí quyết rồi, khi về nước, ông truyền lại cho nhân dân làng Hới. Từ đó nghề dệt chiếu làng Hới có một bước phát triển mới: bàn dệt có thêm "ngựa" đỡ sợi vừa có năng suất cao, vừa bảo đảm chiếu đẹp hơn, sợi cối được ken dày, sợi đay săn bền hơn trước. Chiếu Hới còn có nhiều hoa văn hình rồng, phượng, nổi tiếng trong nước. Chiếu Hới xếp ngang hàng các hàng tiêu dùng đặc sản: "Ăn cơm Hom, nằm giường Hòm, đắp chiếu Hới". Nhân dân nhớ công ơn ông gọi ông là Trạng Chiếu, lập đền thờ quanh năm hương khói.

Điều đáng quý là sau khi mẹ qua đời ông Phạm Đôn Lễ đã treo ấn từ quan và tìm về quê nội, vùng hạ Tứ Kỳ ven bờ sông Luộc để sống. Ông mất tại quê hương, nơi ông đã cất tiếng chào đời...

71. TRẠNG VẬT

Ngày xưa, ở thôn Ngô Đồng, xã Nam Hưng, Nam Sách có một nhà rất nghèo, hai vợ chồng sinh được một người con trai. Chồng mắc bệnh qua đời sớm, chỉ còn lại hai mẹ con lần hồi nuôi nhau.

Người con tên là Lành, khỏe mạnh hơn người. Lớn lên, anh trở thành một đồ vật có tiếng. Khắp mảnh phủ huyện, không có ai ngang tài ngang sức. Năm nào mở hội vật, Lành cũng giật giải. Đã thế, Lành còn học giỏi. Ngày tháng thoi đưa, gặp kỳ thi vua mỏ, Lành đỗ Trạng nguyên, làm đến Thượng thư, tục gọi là Thượng Lành. Thật là một điều vê vang cho quê hương.

Ngày ấy vua vời Thượng Lành đến kinh đô bàn quốc sự. Muốn vào triều bái yết vua, mọi người phải qua một cái cổng.

Cổng này to lớn, bề thế, do một con voi già trấn giữ. Nghe đâu từ thủa đất nước có nhiều nội loạn, voi đã từng theo vua chinh chiến, có nhiều công lao. Nay vua cho voi trấn giữ nơi cổng lớn. Bất kể bá quan, ai đã có lệnh thiết triều thì khi qua cổng, đều phải bái lạy ông voi và lớn tiếng chào hỏi. Voi như cũng hiểu vậy. Ai không chào hỏi, bẩm báo thì voi không cho vào hoặc xô ngã. Khi voi đã rống lên như sấm, đến tai vua, thì người trai mệnh sẽ bị vua xử tội.

Phụng mạng vua, Thượng Lành sámさい bước vào cổng chẳng thèm để ý đến ông voi đầy quyền thế. Voi thấy kẻ vô lễ, liền cong vòi níu tay Thượng Lành, lôi ông lùi lại mấy bước. Không chịu để con voi già cản bước, lại sǎn máu đô vật, Thượng Lành quay phắt lại, co cẳng đá tung vòi voi. Vòi voi bỗng dừng bị quật mạnh, đập lên nóc cổng. Voi đau quá, lùi lại rống lên. Nghe tiếng rống của voi, vua biết là có chuyện.

Thượng Lành oai vệ bước vào phục trước bệ rồng:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho giết ngay con voi già đã làm hại đến uy danh nơi cung khuyết...

Vua đập bàn:

- Khanh dám động đến ông voi yêu quý của ta, khanh có biết phạm tội gì không?

Thượng Lành không chịu:

- Tâu bệ hạ, chính voi già gây sự trước, thần không trêu chòng gì nó ...

Vua hỏi:

- Chắc khanh không bái lạy, không chào hỏi. Voi đã được trẫm ban quyền trấn giữ cửa thành...

Thượng Lành ngay thật:

- Tâu bệ hạ, thế ra hạ thần phải chào con voi đó sao?

Nhà vua nghe vậy, lấy làm tức giận:

- Khanh không thông hiểu lệnh ta, thật đáng tội voi già!

Thượng Lành bình tĩnh thưa:

- Tâu bệ hạ, chính để con voi này cậy công làm càn mới là mối nguy hại cho xã tắc. Thần dân trông tới, ngoại bang ngó vào, thấy vua trọng vật khinh người, hỏi có hại đến uy danh của bệ hạ? Vua nghe, rồi ngẫm nghĩ mà phán:

- Đã vậy, trẫm cho phép khanh đấu sức với voi. Nếu khanh vật ngã được voi thì không những trẫm sẽ tha tội, mà còn trọng thưởng; còn không vật được voi, khanh sẽ bị voi giày...

Vua tướng Thượng Lành hoảng sợ. Nào ngờ Thượng Lành rắn rỏi đáp:

- Tâu bệ hạ, thần xin lĩnh mệnh. Thần quyết mang tài mọn để vật đổ con voi, làm sáng tỏ thanh danh chốn đế kinh...

Vua cho Thượng Lành về quê ba tháng mười ngày luyện tập, đồng thời cho quản tượng chăm sóc voi, sau đó sẽ cùng nhau tỉ thí.

Dân làng Ngô Đồng lại được đón quan Thượng Lành. Từ hôm đó Thượng Lành ra sức luyện tập. Ngày đêm thôn xóm ầm vang tiếng chiêng, tiếng trống. Thượng Lành tập nhảy, tập chạy. Cọc tre đóng rải ra từ chợ Lành sang chợ Đột. Tre cao hàng trưng, đóng cách nhau mấy sải tay. Vậy mà Thượng Lành vun vút chuyền qua, tay chuỳ, tay búa, tay xung hữa đột, như gió cuốn, như rồng bay. Trong khi Thượng Lành luyện tập, dân làng sang Thiên, sang Ngái, xuống chợ Huyện, chợ Rồng, mua nhiều thức ngon vật lạ về bồi dưỡng chàng trai đỗ vật của quê hương.

Ba tháng mười ngày trôi qua.

Thượng Lành trẩy kinh dự kỳ thi với voi.

Trận đấu ròng rã hai ngày đêm. Vốn nhiều kinh nghiệm, voi cong vòi luồn lách, cố quật ngã Thượng Lành, ra nhiều ngón đòn ác hiểm. Thượng Lành vung chuỳ đồng bổ vào đầu voi nhiều đòn chí mạng. Cuối cùng, voi kiệt sức, đổ xuống nền đấu trường như trái núi. Thượng Lành hạ chuỳ, chắp tay bái lạy đức vua.

Nhà vua ban thưởng rất hậu. Thượng Lành nổi tiếng là Trạng Vật từ đó. Lê vái lật voi liền được vua bồi bổ.

Ở quê hương ông, di tích hiện nay còn lại mười tám cái đống đất cao, chụm lại thành mǔ cánh chuồn. Chợ Lành là đất vua phong cho quan Thượng, nay vẫn còn, thuộc thôn Ngô Đồng, xã Nam Hưng.

72. TRUYỀN BÃI TỰ NHIÊN CÙNG ĐÀM NHẤT DẠ

Làng Vĩnh Hưng, huyện Đông Yên, tỉnh Hưng Yên có một người con gái tên là Tiên Dung là gái vua Hùng Vương. Ngày kia đi ra chơi ngoài cửa bể, đi thuyền về đến làng ông Chủ Đồng Tử, rồi bà Tiên Dung lấy ông ấy làm chồng.

Vua Hùng Vương giận, hai vợ chồng mới sợ mà tránh đi ở tại trên bờ sông. Chợt có một đêm mưa gió nhớn lắm, nhà cửa, gà chó, một lúc bay lên trên giới mất cả, chỉ còn cái nền nhà để lại, cho nên cái nền nhà ấy, nhân gọi là bãi Tự nhiên.

Còn như cái đầm Nhất Dạ, ở làng Vĩnh Hưng, huyện Đông Yên, chỗ ấy là bà Tiên Dung có một đêm bay hóa lên trên giới, cho nên gọi là cái đầm một đêm.

Cái đầm ấy quanh quất không biết là mấy dặm đất, mà cây cỏ thời nhanh; trong cái đầm ấy có một khu đất, phỏng làm nhà ở cũng được, còn bốn bên thời đều là bùn lầy, người ta thiêt là khó đi, chỉ có làm cái thuyền bằng một cây gỗ mà đi được ở trên mặt nước; phỏng trượt chân mà ngã xuống dưới nước thời phải con rắn nó cắn.

Đến sau ông Lý Nam Đế, ông Triệu Quang Phục, đánh ông Trần Bá Tiên, đóng đồn ở trong cái đầm ấy, đánh được quân nước Lương thua, cho nên người ta gọi là Vương ở trong đầm Nhất Dạ.

73. ĐÈN THANH TƯƠNG HẦU

Ở phía tây bến sông xã Cam Lộ thờ Thanh Tương Hầu. Thái

Tổ năm Nhâm Thân thứ 5 tướng họ Mạc là Lập Bạo đem binh đến lấn chiếm Thuận Hóa. Quân Lập Bạo đóng giăng trại mạc ở đền Lăng Uyển Thanh Tương. Sau này nhờ thần bão mộng, Thái Tổ (Nguyễn Hoàng) đã dùng mỹ nhân kế giết được Lập Bạo (xem *Sự tích Trảo Trảo phu nhân*), nhân đó chúa trách thần Thanh Tương rằng: Thần từ này sở dĩ tú quý được hưởng cúng tế là muốn thần làm phước cho nước, bảo vệ cho dân, mà thần lại dung cho giặc vào ở trong địa giới thì phung tự có ích gì. Bên khiến quân phá đền, không cho thờ nữa. Ngày sau, hằng thấy có linh ứng, bèn kiến lập đền thờ lại.

74. SỰ TÍCH CHÙA NHƯ PHƯỚC

Từ xưa, làng Nhu Lê vốn không có chùa. Vào những ngày sóc vọng, dân làng phải đi lễ ở chùa làng bên là chùa Thượng Phước. Làng Thượng Phước tuy có chùa nhưng ít người ngưỡng mộ, do đó mọi việc trong chùa đều do dân làng Nhu Lê lo liệu. Nhưng rồi bỗng nhiên sau một đêm, làng Nhu Lê lại có hắn hoi một ngôi chùa. Chuyện như sau:

Ngày xưa, một đêm đang trời quang mây tạnh, bỗng mây đen ùn ùn kéo đến, rồi gió mưa xối xả, sấm chớp ào ào. Trong lúc ấy, người ta cũng nghe động âm âm ở phía chùa Thượng Phước. Sau cơn chớp giật kinh hoàng ấy, trời bỗng trở nên quang tạnh, dân làng Thượng Phước mới phát hiện ra rằng làng đã mất ngôi chùa, tưởng đâu là gió bão làm sập lở. Không dè sáng ra người ta mới tưng hửng khi thấy ngôi chùa của mình, khi không dựng oai nghiêm trên địa phận làng Nhu Lê. Dân Thượng Phước ức lăm mới bơi thuyền qua. Đúng là chùa của mình, tượng Phật của mình, nhưng lạ thay, không tài nào bưng nổi các vật dụng của chùa, kể cả tượng Phật. Bất lực trước sức nặng kỳ lạ, dân làng Thượng Phước dành nhường ngôi chùa của mình cho làng Nhu Lê, vì thế chùa có tên là Như Phước tự.

Ngày nay chưa rõ chùa Như Phước được xây cất từ năm nào, nhưng vào những năm hai mươi của thế kỷ này, chùa còn giữ được bức hoành phi với ba chữ thếp vàng: Như Phước tự. Phần lạc khoản ghi: Tái trùng tu, Cảnh Thịnh nguyên niên, trọng thu Quý Sửu (sửa sang lại vào tháng 8 năm Quý Sửu, niên hiệu Cảnh Thịnh năm đầu 1793). Quả là một ngôi chùa xưa trên đất Quảng Trị.

Trong chùa còn ba pho tượng Phật to bằng hình người, lại có bàn thờ đủ ba pho tượng Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi.

75. TRUYỀN THUYẾT TƯỢNG NGHÈ

Ngày xưa, ở làng Phương Sơn (nay thuộc xã Triệu Sơn) có một anh nhà nghèo chuyên sống bằng nghề nhủi cá. Một sáng nọ, như thường lệ anh vác nhủi ra đồng. Anh làm việc cật lực, hết buổi mà vẫn chưa bắt được con cá nào, có điều lạ là sau mỗi lần nhủi, anh chỉ thấy một hòn đá lạ nằm trong nhủi. Anh đã quẳng nó đi thật xa nhưng rồi cất nhủi lên lại vẫn thấy nó. Hàng chục lần vẫn thế, anh cảm thấy lo sợ trước việc lạ lùng này. Anh nghĩ cách đem hòn đá rửa sạch, đặt ngay ngắn lên bờ ruộng, rồi anh quỳ xuống cầu nguyện. Anh cầu rằng xin hòn đá đừng quấy rầy anh, cho anh nhủi được nhiều cá để sống qua ngày. Nếu được như thế anh sẽ mang hòn đá về thờ như vật linh thiêng.

Quả nhiên sau lời nguyện ấy, anh nhủi cá nhát nào được nhát đó. Sáng hôm ấy trở đi, ngày nào anh cũng kiếm được nhiều cá. Do đó anh thờ cúng hòn đá như một vị thần. Điều lạ lùng là hòn đá ngày một lớn, lớn mãi, và lạ hơn là càng lớn nó càng giống hình người. Anh hoảng sợ bèn báo cùng làng xóm biết. Bà con cho là vị thần hộ dân nên lập miếu rước tượng đá đến thờ phụng trang nghiêm, tôn xưng là tượng ông Nghè.

Hiện nay miếu Tượng Nghè vẫn còn ở làng Phương Sơn. Hằng năm bà con trong làng vẫn tổ chức cúng viếng đều đặn.

76. SỰ TÍCH SÔNG DÙNG

Sông Dùng ở huyện Nam Đường (nay là Nam Đàm) là con sông lớn ở Hoan Châu. Nguồn phát ra từ Trầm Châu, đi qua Đại Đồng, Đồng Luân, lướt bên trại Sa Nam, bến Phù Trạch mà chảy ra bể. Sóng xô dữ dội, chỗ nào cũng có vực sâu, nhất là về khoảng những làng Đại Đồng, Đồng Luân, càng nhiều lầm. Cạnh những vực ấy, có làng xóm ở đồng đúc. Người ta thường thấy có mấy người đàn bà con gái đến chợ mua bán ăn mặc nói năng ra lối thị thành. Có người dò theo, thấy bọn người ấy đi gần đến bến sông thì mất. Một hôm, có người dân làng đến bến Đồng Luân rửa tay, rồi đứng hóng mát trong khoảng lau sậy, thấy trên bãi cát có hai người cười ngựa chạy quanh ba vòng rồi cùng nhau sóng cương mà đi xuống nước. Người ấy nín thở, đứng lặng xem ra thế nào. Một lúc, thấy mấy tòa lâu dài nổi lên giữa dòng sông, nhỏ như quyển sách, chỉ trong chớp mắt đã cao lên đồ sộ, kẻ đi người lại rộn rịp. Lúc lâu, người ấy ngứa cổ, không thể nhịn được, dang háng lên một tiếng. Lập tức những tòa lâu dài ấy chìm nghiêm cẩn. Rồi có hai con cá lớn cựt đầu nổi ở bên sông, nước sông đỏ khé.

Đinh quân, người làng Đại Đồng, làm quan Tri phủ, một lần qua chơi bến Rái Cá ở Hải Dương, thấy một bà già bán hàng, tuổi chừng 63, 64 hỏi mình rằng:

- Ông có phải người làng Đại Đồng không? Sao tiếng nói giống thế!

Đinh Quân nói:

- Làng ấy cách đây nghìn dặm, làm sao bà lại biết.

Bà già cười:

- Đại Đồng là nơi tôi vẫn chơi khi xưa, ông không biết đấy thôi.

Hỏi kỹ thì bà ta nói:

- Tôi người ở đây, thuở nhỏ ra tắm sông, bị thần sông là Giang Đông Hầu bắt lấy. Ở sông này được ba năm thì Hầu cải

bổ vào làm việc ở trấn Đồng Luân, coi vực Đại Đồng. Ngoài những lúc hâu hạ chǎn màn, thường lên chợ chơi, tiêu dao ở đấy đã nhiều ngày tháng lăm. À, cha con Thiếu Vệ, cha con Lý Chánh, nay vẫn còn cả chứ? Đều là những người hào trưởng trong làng.

- Thiếu Vệ có người con gái chết đuối ở đấy phải không?
- Phải.

- **Đứa hầu cận** của Hầu tôi chính là chồng nó đấy. Long Cung hay lấy vợ trên trần, đó là hành vi của bọn lính tráng, còn các quan thì cũng một đôi khi lấy, nhưng rất ít. Ở trấn được năm năm, một lần có cánh bè từ mạn ngược xuống, chở kèm thêm bốn cây gỗ chò. Hầu bụng thích những cây gỗ ấy, tung nước lên cho bè đắm. Máy tên thủy thủ chết oan. Họ kiện đến quan trấn, quan trấn xử Hầu phải đuổi về chỗ cũ. Về đến đây, Hầu thả tôi lên. Tôi theo sóng chìm nổi bồng bềnh, bàng hoàng như trong giấc mộng. Người nhà vớt lên, mấy ngày mới tỉnh lại. Làng mây cung nước, đến nay trước mắt còn như thấy rành rành.

Câu chuyện bà già kể rất rành mạch, Đinh Quân đem chép vào trong quyển gia thư.

Đầm Đông Liệt ở huyện ấy (Nam Đàm), cách sông khá xa, thuyền bè không đi thông vào được. Tục truyền có con thuồng luồng ngắn vượt linh thiêng lăm.

Một người lái buôn nước mắm ở huyện Hưng Nguyên một hôm từ Hoan Châu ra Kinh, dỗ thuyền ở bến sông Nhị. Bấy giờ đương mùa hạ, nước to, người lái bán hàng xong, nhưng chưa gióng buồm về được. Một hôm, người ấy thấy có ba, bốn người công sai, đem rượu thịt đến cùng mình đánh chén. Tiệc rượu gần vãn, họ lấy ra một phong thư, ghé tai bảo người lái buôn rằng:

- Tôi là quân hầu của thần thuồng luồng đầm Đông Liệt. Thần đi đánh núi Tân Viên, dọc đường bỏ mình, nhờ bác đưa giúp thư này đến vực Đồng Luân hộ.

Người lái vâng lời, nhổ thuyền về Nam. Thuyền đi như tên,

chỗ lát qua nghìn dặm, tối hôm ấy đã đến Đồng Luân. Đến đấy, người lái gõ thuyền gọi, thấy dưới nước có tiếng thưa, rồi nhận lấy thư, dặn người lái hãy chờ đấy. Lúc lâu, nghe vang vẳng tiếng khóc. Đêm khuya, có hai người lính đội lèn một hộp trầu, trong đựng hai mươi lạng vàng tạ ơn.

Người lái từ chối:

- Xin cứ phù hộ cho sông nước vững vàng, đã là ban ơn nhiều rồi; tôi đâu dám nhận số vàng ấy.

Người lái chỉ xin nhận cái hộp mà trả vàng lại. Từ đấy, đi xuôi ngược giang hồ, một đời không gặp rủi ro gì cả.

77. SỰ TÍCH MIẾU BÀ CHÚA NGựa

Về vùng huyện Cẩm Giàng và huyện Gia Phúc có miếu thờ bà Chúa ngựa. Tục truyền bà Chúa có tính cực dâm, hễ gặp đàn ông là tư thông, mà không ai làm xuể lòng dục. Chuyện đến tai quan, quan bắt đan một cái giỏ hình con ngựa, nhét người đàn bà ấy vào để thông dâm với ngựa đực. Người đan bà ấy chết và thành thần, cầu đảo được nhiều ứng nghiệm. Những người đến cúng thường lấy lõi mít làm hình dương vật để cúng. Ôi! Là một đứa dâm phụ như thế mà lại được hương hỏa thiên thu, thì có khác gì đền Phạm Nhan ở Đông Triều, thực là quái đản. Các quan bộ Lễ, nếu không xem xét mà triệt bỏ, thì sao không dời đi nơi nào thích hợp, đừng để làm mê hoặc lương dân mới phải.

78. SỰ TÍCH HÒN ĐÁ NÚI LA HÁN

Ông Nguyễn Chí Diệu là người xã Đan Chế, huyện Thạch Hà. Trong thôn có một hòn núi gọi là La Hán. Trên núi lại có một tảng đá, ban đêm nghe như có tiếng đọc sách ở đó. Cha ông đêm nằm mơ thấy có người đi từ núi La Hán đến, muốn xin làm con. Từ đó sinh ra ông. Và cũng từ đó, tiếng đọc sách ở hòn đá trên núi không còn nữa.

Ông từ nhỏ không ăn những thứ phải nấu, mỗi ngày chỉ ăn vài quả chuối. Năm mươi bốn mươi lăm tuổi, cha mẹ bắt ép phải ăn cơm, ông cũng vâng lời, nhưng ngày chỉ ăn một bữa, hoặc hơn chục ngày mới ăn một bữa. Nhân sắc ông tuấn tú, da dẻ mượt mà, cho đến già vẫn không thay đổi. Tính tình chất phác mà lại thông minh. Đỗ Hương tiến, làm chức Trưởng ở một huyện nọ. Ông liêm khiết nên được dân yêu mến.

Về già, ông sống tại nhà, hay đoán việc lành, việc dữ cho người khác, đều đúng một cách kỳ lạ. Nhà ông có thờ Văn Xương Đế Quân, trên tường treo câu liên rằng:

*Phong cốt thiên niên La Hán thạch,
Tinh thần vạn quyển Đế Quân thư.*

Nghĩa là:

Ngàn năm phong cốt đá La Hán.

Vạn quyển tinh thần sách Đế Quân.

Năm hơn 90 tuổi ông qua đời. Người Hà Tĩnh kể cho tôi biết chuyện này.

79. TRUYỆN NGÔI ĐỀN THIÊNG XÃ BỘ ĐẦU

Ở xã Bộ Đầu có một ngôi miếu linh thiêng thờ Huyền Thiên Đại thánh Đồng Sóc Thiên Vương Đại Tướng. Nhân dân vùng ấy đều sùng phụng.

Tương truyền mẹ Vương một hôm ra bến sông gánh nước, bị giao long bắt đem xuống sông, trôi đến địa phận xã Bộ Đầu, huyện Thượng Phúc. Mẹ Vương gọi Vương đến cứu, chỉ trong chốc lát, Vương từ trên trời xuống, bắt được hai con giao long và cứu mẹ đem lên bãi cát xã ấy. Vương lấy chân giẫm chết hai con giao long ngay tại chỗ, rồi hóa, vết chân của Vương hiện vẫn còn. Dân làng đo vết chân, thấy dài hai thước một tấc, rộng một thước một tấc, lấy làm kinh dị, bèn lập đền thờ. Vì Vương lấy

chân giẫm lên đâu con giao long, nên người địa phương đặt tên làng là làng Bộ Đầu.

Về sau, khi Thành Tổ Triết Vương¹ đi đánh giặc biển ở miền Đông Hải, đi qua chỗ ấy, tự nhiên thuyền không đi được. Chúa bèn sai người lên bờ xét hỏi, thì thấy mấy gian đèn bé nhỏ lẩn khuất ở trong bụi cây rậm rạp, mà linh thiêng như thế. Chúa thầm khấn xin thần phù hộ cho thắng trận, đến khi khải hoàn sẽ dựng lại đèn to lớn đẹp đẽ.

Sau khi dẹp yên giặc, Chúa đem quân về mà quên mất việc làm đèn. Đến đêm Chúa nằm mơ, thấy một người to lớn có tấm tướng theo hầu đến Vương phủ, trách chúa không giữ lời hứa. Tỉnh dậy, Chúa vội vàng đến chỗ ấy tạc tượng và làm một ngôi đèn hai gian. Đang làm thì thiếu gỗ, Chúa phải cho phá chiến thuyền ra lấy gỗ phụ thêm vào. Hiện nay những ván thuyền ấy vẫn còn.

Tượng thần cao hai mươi mốt thước, lưng rộng vài sải, hai chân giẫm lên hai con giao long trông rất dữ tợn, tấm tướng Kim cương đứng hầu hai bên. Hàng năm ngày 19 tháng 9 là ngày thần hóa, nhân dân các nơi đến lễ bái rất đông.

Đèn làm trên bờ sông. Hai bên đèn đất đều lở xuống sông, vậy mà khu đèn vẫn y nguyên, không bị sụt lở, quả là ngôi đèn rất thiêng vậy.

Năm Giáp Tuất, tôi phụng mệnh đến trông coi bồi đắp đoạn đê ở làng ấy. Đèn ở ngay cạnh đê, tôi vào thăm thì thấy tượng thần vẫn y nguyên. Tôi hỏi thần tích có người bảo là Phù Đổng Thiên Vương. Nhưng xét Thiên Vương từ khi cưỡi ngựa sắt bay lên trời, uy thanh lâm liệt, khắp nơi đều biết, lẽ nào mẹ Vương lại bị giao long bắt đi. Chắc là một vị thần khác, anh linh giống như Phù Đổng Thiên Vương, nên lấy ngay tên ấy làm hiệu. Đó là thiển kiến của tôi, xin lược chép ra đây, để các thức giả khảo cứu.

1. Thành Tổ Triết Vương: tức Trịnh Tùng.

80. TRUYỀN NGÔI ĐỀN THIÊNG Ở THANH HOA

Tại xứ Thanh Hoa có một ngôi đền rất thiêng. Nhân dân vùng ấy thường đem những đồ vật bằng vàng bằng bạc đến thờ. Người nào đến lấy trộm, thì như bị cản trở không sao đi thoát được và bị người giữ đèn phát giác ngay. Thỉnh thoảng có người lấy trộm đem đi được, thì thần ốp đồng vào một người làng, nói rõ họ tên người ăn trộm và chô oa trũ để dân làng đi bắt người ăn trộm và lấy đồ về. Vì thế dân ở vùng ấy không ai dám tò hào đến các thứ đồ thờ.

Một hôm, dân làng mở hội lớn ở đền. Đến đêm, hát xướng xong, người làng về cả, chỉ để vài ba người ở lại canh phòng, rồi những người này cũng lăn ra ngủ.

Bấy giờ có một tên vô lại thấy mọi người ngủ cả, bèn nghĩ ra một kế như sau: Hắn ta lén vào phòng ngủ của các đào hát, lấy trộm một chiếc mũ tiên và một chiếc áo múa mặc vào, rồi lấp bùn bôi vào chân, làm cho hình dạng biến đổi để không ai nhận được. Xong đâu đấy, hắn cầm cái dùi đục vào trước bàn thờ thần, đập gãy chiếc ngai, lột lấy áo thần và vơ hết các đồ vàng bạc quý báu đem đi mà không ai hay biết.

Sáng hôm sau, thần ốp đồng vào người chủ tế làng ấy, vùng vàng chạy đến trước cửa đền. Dân làng được tin, đều chạy đến xem. Thần mượn miệng người chủ tế nói:

- Các ngươi không chịu canh phòng cẩn thận, để kẻ trộm lấy hết các đồ thờ trong đền, lỗi ấy về ai?

Rồi thần giận dữ quát mắng. Mọi người sợ hãi, đều cúi mặt, không dám trông lên. Một trưởng lão quỳ xuống thưa rằng:

- Chúng tôi ngu muội, sơ suất, canh phòng không cẩn mật, để kẻ trộm đến nhà không biết, thật là có lỗi. Chẳng hay tên trộm ấy hình dáng thế nào? Tên họ là chi? Xin Đại Vương phán bảo rõ ràng, để chúng tôi đi lùng bắt và lấy tang vật về, nào có khó gì!

-Thần nói:

- Đêm qua ta quá vui thành ra sơ ý. Tên trộm ấy đột nhập, ta thảng thốt không chống chọi được nên bị nó cướp. Đầu nó đội mũ tiên, mình nó mặc áo đào hát, chân nó trát bùn đen, trong lúc bối rối, ta không phân biệt được rõ. Các người nên vì ta mà tìm bắt cho kỳ được hắn.

Dân làng tuân mệnh đi tróc nã, nhưng không sao tìm thấy.

Ôi! Một đứa trẻo tường khoét vách còn có thể lấy chút trí khôn lừa dối được thần linh, huống hồ là kẻ trí mưu, có tài xuất quỷ nhập thần, dân thường biết làm sao để đối phó?

81. CHÚ VOI QUÈ HÓA NÚI

Mượn cớ vua Lê Chiêu Thống cầu viện, giặc Mân Thanh ô ạt kéo vào nước ta. Quân Tây Sơn giữ Thăng Long do đô đốc Nguyễn Văn Sở chỉ huy theo kế sách của Ngô Thì Nhậm đã rút lui về lập phòng tuyến Tam Điệp để chặn giặc và cho người vào Phú Xuân (Huế) bẩm báo với chủ tướng Nguyễn Huệ.

Nhận được tin quân Thanh đã chiếm đóng Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, xưng là Quang Trung, rồi thân chinh cầm binh kéo ra Bắc. Quân của Quang Trung gồm có bộ binh, kỵ binh và tượng binh. Mạnh nhất vẫn là đoàn voi chiến hơn ba trăm con. Con voi Quang Trung cưỡi là voi đực to nhất, chỉ có một ngà, trước đây vô cùng hung dữ ở rừng Tây Nguyên, không ai có thể thuần hóa được. Khi Nguyễn Huệ phất cờ khởi nghĩa thì con voi đó tự nhiên theo về đàn voi của nhà vua, quỳ hai chân trước, đập vòi như tạ tội. Vua Quang Trung từ đó đánh đồng dẹp bắc chỉ cưỡi con voi một ngà này. Đến đâu giặc thua đến đó.

Khi đại binh của vua Quang Trung kéo quân ra đến đèo Ba Dội (đèo Tam Điệp), thấy con đèo quá cheo leo, hiểm trở, nhà vua rời mình voi, xốc lại bao kiếm rồi tự leo đèo. Các tướng nghênh giá vông nhưng người phẩy tay ra hiệu không cần. Lên đến đỉnh đèo giữa là đỉnh cao nhất, chú voi một ngà của nhà

vua trượt chân lăn xuống thung lũng. Tuy bị què nhưng chú voi vẫn cứ quỳ hai chân trước xuống để nghênh đón nhà vua lên. Vua Quang Trung thấy voi bị thương nặng lại vẫn như năn nỉ được tiếp tục đưa nhà vua đi đánh giặc thì vô cùng cảm kích. Nhà vua xoa xoa vào đầu voi, vuốt nhẹ nhè lên chiếc ngà dài, nói như với bồ tát:

- Người đã theo ta đánh đông dẹp bắc, trên mình đầy chiến tích vinh quang. Ta rất lấy làm biết ơn. Nay không may nhà ngươi bị ngã què, không thể cùng ta ra trận được. Hãy nằm lại đây nghỉ ngơi, chờ ta đánh xong giặc xâm lăng sẽ quay về chữa cho ngươi khỏi rồi cùng ta trở về Phú Xuân.

Vua Quang Trung nổi hiệu lệnh xuất quân. Các cánh quân hùng hổ nhằm hướng Thăng Long thẳng tiến.

Chú voi què nghe lời nhà vua nói, hiểu ý nên vô cùng cảm kích, lết theo đoàn quân một đoạn nữa rồi không thể nào đi được, hóa thành núi đá, hướng đầu về phía Thăng Long.

Vua Quang Trung thắng trận trở về Tam Hiệp tìm chú voi mãi chẳng thấy đâu, lại thấy có một trái núi hình thù giống như con voi của mình khi xưa, đang nằm phủ phục bên đường Thiên Lý (đường 1A ngày nay) thì nhận biết đó là con voi của mình đã hóa đá. Nhà vua cho đặt tên núi là núi Voi Phục. Nay núi Voi Phục vẫn còn ở phường Trung Sơn (thị xã Tam Hiệp), dân gian cũng bảo đó là chú voi chiến một ngà bị què của vua Quang Trung thuở ấy.

82. SỰ TÍCH VÙNG ĐẤT LA HAI

Xưa kia, ở vùng rừng núi thuộc phía tây bắc tỉnh Phú Yên có một miền đất hoang vu, vắng vẻ, không một ai đến ở cả. Mãi sau có hai vợ chồng nợ tên là La Hai đến ở. Hai ông bà là người của nghĩa quân Tây Sơn. Khi Nguyễn Ánh đàn áp và hăm hại những người tham gia phong trào Tây Sơn, ông bà La Hai phải chạy vào vùng đất hoang vu kia để ẩn náu và sinh sống. Bản

tính cần cù, chăm chỉ, lại có sức khỏe, ông bà La Hai ra sức khai phá rừng rậm, núi cao. Chẳng bao lâu vùng đất trở thành nương rẫy, đồng ruộng xanh tươi. Về sau, nghe tin có miền đất tốt, dân các nơi từ Bình Định, Quy Nhơn bèn rủ nhau vào sống với ông bà La Hai. Từ ngày họ đến đây làm ăn sinh sống, rồi sinh con đẻ cái, cuộc sống ở miền đất này ngày càng trở nên trù phú, đồng vui hơn trước.

Để tưởng nhớ đến công ơn người đã khai phá vùng đất này, nhân dân đã lấy tên ông bà đặt cho miền đất ấy là La Hai¹.

Về tên đất La Hai, còn có chuyện kể rằng: Vào thời Trịnh, Nguyễn phân tranh, người dân làng ngoài cũng như đàng trong rất cơ cực. Có rất nhiều người ở đàng ngoài phải bỏ xứ đi về phía nam để tránh nạn binh đao. Một số người đã đến sinh cơ lập nghiệp ở vùng núi này. Nghề chính của họ là trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải. Đất đai trù phú và khí hậu thuận hòa đã gắn bó những người dân ở đây lại, và họ coi đây là quê hương thứ hai của mình.

Để ghi nhớ sự đổi đời, nhân dân trong vùng lấy nghề truyền thống của mình đặt tên cho vùng đất. Cái tên La Hai có từ đó (*La*: lụa; *Hai*: ý chỉ quê hương thứ hai).

83. QUÁN CHÁO

Khi hành quân ra bắc để đánh đuổi bọn xâm lược Mãn Thanh, quân đội của vua Quang Trung phải đi qua vùng núi Tam Điệp, thuộc địa phận huyện Tam Điệp ngày nay.

Đường xá xa xôi lại phải vượt qua nhiều núi non thác ghềnh hiểm trở. Quân lính phải hành quân thần tốc cho kịp thời gian. Tuy vậy vua Quang Trung vẫn cho quân sĩ dừng chân lại ở vùng núi Tam Điệp để nghỉ lấy sức, chuẩn bị đánh vào Thăng Long.

1. La Hai cũng là tên gọi của thị trấn La Hai.

Lúc bấy giờ ở bên đường Tam Địệp có một bà lão bán hàng nước. Cái quán nước đơn sơ của bà lão vẫn thường là nơi nghỉ chân của khách bộ hành.

Bà lão bán nước ấy cũng như nhân dân ta hồi bấy giờ rất căm ghét bọn ngoại xâm đang dày xéo quê hương đất nước. Bọn Mân Thanh là bọn giặc rất tàn bạo, chúng đi đến đâu gây tang tóc đau thương đến đấy. Vì vậy khi nghe tin có vua Quang Trung đang kéo quân đi dẹp giặc mọi người nô nức đi theo. Bà lão già yếu không biết làm gì, bà nghĩ mình đã già, không thể theo vua đi đánh giặc được, lại không có con trai để cho đi lính. Bà lão bèn đem số tiền đã giành dụm trong nhiều năm trời (số tiền ấy bà định để sau này dưỡng lão) đóng tất cả gạo. Bà lão nấu những nồi cháo thật lớn đợi những người lính của vua Quang Trung hành quân qua và vào quán nghỉ, bà múc cháo mời. Người lính nào cũng được mời cháo. Tin có bà lão nấu cháo mời lính làm phấn chấn lòng quân sĩ. Của ít lòng nhiều, người lính nào vào quán khi ra đi cũng rất lấy làm cảm kích về tấm lòng bà cụ. Có người lính nào không may bị ốm, bà cho nghỉ lại và ân cần chăm sóc như con cái trong nhà.

Tin bà lão nghèo nấu cháo thết quân sĩ đến tai vua Quang Trung, nhà vua rất cảm động và thường đem chuyện ấy kể cho quân sĩ nghe. Để tỏ lòng biết ơn, sau khi đánh xong giặc ở Thăng Long, nhà vua có sai người đem quà về biếu bà lão.

Sau khi bà lão chết, nhân dân vùng Tam Địệp đã xây một cái miếu thờ ngay trên nền quán hàng cũ, cái tên Quán Cháo cũng bắt đầu có từ đấy.

84. SỰ TÍCH TÁI SINH

Ngày 19 tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) nhân được trình báo về câu chuyện tái sinh lưu truyền trong dân chúng, nay căn cứ vào lời kể lại của Hoàng Văn Bảo người thôn Na Năng, xã Phúc Yên, tổng Lệnh Cẩm, huyện Hạ Lang, phủ Trùng Khánh mà ghi chép lại.

Nguyên trước đây vào năm Giáp Tý, niên hiệu Gia Long thứ 3 (1804), Nông Văn Mậu, người Nùng ở thôn Bản Lũng, xã Đoài Côn, tổng Ý Cống, huyện Thượng Lương bản phủ và vợ họ Triệu sinh ra Bào là con trai đặt tên là Lưu. Khi Bào lên 7 tuổi, vào năm Canh Ngọ niên hiệu Gia Long thứ 9 (1810), hồi giờ Dậu, ngày 25 tháng 10, sau khi ăn cơm xong, đi ngủ thì mê lịm đi. Trong cơn mơ màng, Bào chợt thấy ông lão râu tóc bạc phơ, chít khăn xanh, bận áo trắng quần đen từ hướng đông đi tới gọi Bào dậy và bảo:

- Người không được ở đây nữa. Hãy đi theo ta!

Bào liền đi theo ông lão. Vừa đi khỏi ngõ, lại thấy ông lão đem một bầu nước đeo vào cổ Bào và bảo:

- Đây là bầu nước mẹ Bào cho Bào, hãy mang đi theo gấp khi khát thì uống.

Lại thấy ba đứa trẻ khác không biết tên là gì cũng cùng đi. Tới chiều tối ngày 26 họ đi tới một nơi ở bên mé trái con đường. Thôn ấy có nhà cửa đông đúc, dân cư giàu có lắm. Người làng ra đón vào bày tiệc rượu khoản đãi. Ông lão cùng bọn trẻ ăn cơm với thịt, xong kéo nhau ra ngoài cổng chơi đùa. Cứ như thế qua ba ngày đêm. Sáng hôm sau nữa, Bào lại theo ông lão tiếp tục lên đường. Đến giờ Thân, họ lại ghé vào một thôn nhỏ ven đường mé tay trái, được một gia đình khoản đãi. Nghỉ ngơi chốc lát xong, họ lại lên đường, đi mãi đến lúc trời tối thì vào một thôn làng. Ông lão dắt Bào vào một gia đình ở đấy và bảo:

- Đây là nhà của thổ dân họ Hoàng ở thôn Na Năng, xã Phúc Yên. Cho người vào đầu thai nhà này, đến 67 tuổi thì tùy ý muốn đi đâu thì đi.

Bào nghe lời bước vào nhà. Sau đó, ông lão dắt ba đứa trẻ còn lại đi, không biết về phương nào.

Bào vào ngồi trong bếp của nhà ấy. Được một chốc thì thấy một người đàn bà có mang bước đến ôm Bào vào lòng. Bào liền ngủ thiếp đi rất lâu. Đến khi tỉnh dậy muốn ngồi lên để đi lại

nhưng không sao dậy được. Bấy giờ Bào mới biết là mình vừa lọt lòng.

Đến năm lên 5 tuổi, Bào sực nhớ đến cha mẹ kiếp trước, muốn tìm về thăm, bèn nói với cha mẹ kiếp sau, xin nhờ người ẵm đi, nhưng bị người cha mắng là nói bậy, không cho.

Thẩm thoát tối năm Bào 12 tuổi. Bấy giờ gia đình viên Phân quản Thượng ti Nông Chí Hậu, nay là cai đội mười, cơ Cao Hùng có việc hiếu. Cha Bào là Hoàng Đình Vượng cùng với người bác Hoàng Đình Đăng cho phép Bào cùng đi theo tới trại Cam Viên phúng viếng. Ở đấy được vài hôm rồi trở về. Trên đường, lúc đi qua đầu xã Đoài còn là quê hương kiếp trước của Bào, Bào thắc cớ xin cha cho ghé thăm người bạn. Cha Bào ưng thuận, bảo đi một chốc rồi phải về ngay. Ông lại sai bốn người phuơng kèn là bọn tên Mèo, tên Việt vốn là người cùng làng cùng đi với Bào.

Bào đi một mạch tới ngôi nhà ở cũ nhưng không gặp cha mẹ ở nhà, chỉ thấy có hai người con gái. Bào chắp tay hỏi:

- Cha mẹ các cô đi đâu?

Hai cô gái hỏi lại:

- Anh từ đâu tới, hỏi cha mẹ chúng em có việc gì?

Bào bảo:

- Tôi vốn là người quen biết cũ nhờ các cô mời cha mẹ về để tôi thưa câu chuyện.

Các cô gái đi gọi. Được một chốc thì thấy người mẹ về. Bào vội vàng chạy tới nắm lấy tay mẹ. Người mẹ hỏi:

- Cậu là ai?

Bào bèn nói:

- Mẹ là mẹ kiếp trước của con, lẽ nào không nhận ra con hay sao?

Người mẹ kinh ngạc lặng đi không nói nên lời. Bào liền kể lại chuyện năm xưa, Bào sinh ra ở nhà mẹ, được đặt tên là Lưu. Năm lên 7, Bào đi theo một ông lão tới thôn Na Năng, xã Phúc

Yên, huyện Hạ Lương, đầu thai làm con một thổ dân họ Hoàng, được đặt tên là Bào. Nhưng vì vẫn còn nhớ cha mẹ kiếp trước nên nay tiện đường về thăm. Người mẹ liền hỏi:

- Con có còn nhớ họ tộc ta gồm mấy người, nhà có mấy con trâu, ruộng nương được mấy khoảnh?

Bào ứng khẩu đáp:

- Cha con họ Nông, tên húy là Mậu. Mẹ họ Triệu, tên húy là Tạ. Bác là Tú, chú là Lữ. Có hai người cô và bốn người dì. Nhà có chín con trâu, hai khoảnh ruộng gọi là ruộng Nà Tứ, Hạ Xích và một thửa ao gọi là ao Gốc Mai.

Người mẹ nghe xong thấy đúng y sự thực, sững sốt kêu lên một tiếng rồi ngã vật xuống đất. Tiếp đó lại thấy người cha trở về. Sau khi nghe vợ kể lại chuyện vừa rồi, ông cũng vừa mừng vừa sợ, bèn hỏi:

- Ngoài những điều con vừa nói, con có nhớ gì nữa không?

Bào liền hỏi:

- Hai cây quýt ở trước sân nhà vì sao lại chặt đi? Ngôi nhà này sửa chữa lại năm nào?

Người cha đáp:

- Cha buồn phiền vì chỉ sinh được hai cô con gái mà không có con trai, nên một hôm nhân rượu say đã rút dao phạt cả hai cây quýt, khiến một cây thì chết, còn một cây lại mới nảy chồi non đó! Còn ngôi nhà này thì mấy năm trước bị bão giật đổ, phải tu sửa, lợp lại.

Bào lại hỏi:

- Trước kia con có cái bầu để trong buồng, nay còn không?

Người mẹ nói:

- Cái bầu ấy hồi con mới mất, mẹ nghĩ đó là vật con thường yêu thích khi còn sống nên đã đem chôn cùng với con rồi.

Bào nhớ lại hồi ấy lúc ra đi, ông lão có đưa cho cái bầu, bảo rằng mẹ Bào cho để mang theo đi đường. Sau khi chia tay ông lão, quả bầu không biết thất lạc đâu mất.

Nghe Bào kể xong, người cha liền bước tới ôm chầm lấy Bào khóc một hồi lâu. Sau đó Bào xin cho mời chú bác họ hàng tới để thăm hỏi. Gia nhân chạy đi báo, chỉ trong chốc lát, mọi người trong họ tộc đều kéo tới hỏi thăm rồi rít. Bào hỏi:

- Vì sao ông bác không thấy đến?

Người cha đáp:

- Cha ở Thái Nguyên về được hơn hai năm thì bác ốm rồi mất.

Nghe vậy, Bào vô cùng đau xót. Người chú hỏi:

- Cháu từ khi tái sinh đến nay có học hành gì không?

Bào đáp:

- Người cha sau có cho cháu theo anh cả Hoàng Đình Hưng tới học ở người họ hàng là ông Nho Ái, mới đọc thông được sách *Tổng luận*.

Chú Bào lại hỏi:

- Hồi trước cháu đến học ở chú, đã đọc được những sách nào nay còn nhớ không?

Bào trả lời:

- Kiếp trước cháu đọc *Tam tự kinh* mới được năm trang, không biết sách ấy giờ ở đâu?

Rồi Bào lại hỏi thăm mấy người trong thôn đi du học hồi trước tên là anh Hủ, anh Nhị, anh Tam, anh Cửu nay còn ở đây không? Ông chú đáp:

- Sau khi cháu đi rồi, sách ấy cũng đem đốt luôn. Còn mấy anh bạn kia đến nay đều đã trưởng thành, riêng anh Nhị đã dọn nhà lên trên Thái Nguyên.

Người chú lúc này mới tin là cháu mình tái sinh thực, 'lòng càng thêm mừng rỡ. Khi đó, có người thôn Bản Lũng sang chơi, Bào gặp bèn hỏi:

- Hồi trước có người thôn bên tên là Năm là em của Xã trưởng Nông Đức Thuận, có thửa ruộng ở thôn này, mỗi lần đi làm ruộng đều rẽ vào nhà cha trước của tôi nghỉ ngơi, đến nay ông ấy sống ra sao?

Người kia đáp:

- Ông Năm vẫn còn sống, hiện đang làm ruộng, gia đình sung túc lắm.

Những người đang có mặt đều tin vào chuyện Bào tái sinh và còn thấy vô cùng kỳ lạ. Rồi ai nấy cáo từ ra về. Cha mẹ Bào giữ Bào lại nghỉ đêm. Sáng sớm hôm sau, cơm nước xong, Bào từ biệt trở về nhà cha mẹ mới và hứa sẽ có ngày sum họp. Người cha cũ tiễn Bào đến chân Đèo Lĩnh ở đầu xã thì quay về.

Bào cùng mấy người phường kèn thôn Na Năng trở về nhà nơi Bào sinh lần sau và kể lại cho mọi người nghe những chuyện vừa rồi. Cả nhà đều kinh ngạc, tấm tắc cho là chuyện lạ lùng, cảm thấy bán tín bán nghi. Qua hơn một tháng, Bào lại xin về thăm nhà cũ. Người cha mới bằng lòng cùng đi với Bào, đến nhà ở kiếp trước của Bào, kể lể hết duyên do sự tình. Hai nhà gặp gỡ nhau rất vui vẻ. Bèn mở lợn bày rượu thết đãi họ hàng, làng xóm. Mọi người kéo đến ăn uống vui vẻ rồi ai về nhà này.

Từ đó về sau, hai nhà qua lại thù đáp càng thêm khắng khít, anh em họ hàng thân thiết nhau như người trong một nhà. Bào thấy nhà cha đẻ cũ nghèo túng, thiếu thốn bèn thưa với cha mới Định Vượng chu cấp cho Văn Mậu. Các ngày giỗ chạp hàng năm Bào đều về nhà cũ không lần nào vắng mặt. Khi Văn Mậu ốm, Bào cũng đưa vợ cùng về chăm sóc nuôi dưỡng cha cũ đầy đủ, đợi ông khỏi bệnh mới quay về.

Vào năm Minh Mệnh thứ 13 (1833) có phỉ Nặc nổi lên. Sang năm thứ 15 (1834), Bào bèn dẫn đội quân Thổ dũng xã Phúc Yên gia nhập Thập đội tam, Cơ thổ dũng, được cử làm Suất đội, ủy quyền theo quan quân tiến ra huyên Đề Định tiêu phỉ, lập được công trạng, được trên ban cho xã ấy một tấm biển đề bốn chữ "Hiếu Nghĩa Chi Phương".

Bào hiện nay hai mươi tám tuổi. Cha mẹ hai nhà đều còn sống cả.

Hoàng Văn Bào đã ký tên, thừa nhận những điều ghi chép trên là đúng như sự thực.

85. ÔNG ĐỒNG ĐỒNG KHÊ VÀ SỰ TÍCH GIẾNG LĂN

Ngày xưa ngày xưa ở làng Đồng Khê, An Lâm, Nam Sách có một nhà hiếm muộn. Hai vợ chồng đã cao tuổi, tóc đã bạc, mới có mang con so. Dân làng mừng cho ông bà, mà cũng hồi hộp chờ đợi. Đến kỳ sinh nở, bà đẻ được một cậu con trai. Ai cũng muốn đến chia vui... Nhưng hai ông bà lại không muốn tiếp khách, không muốn nhận lời mừng của người nào cả. Chỉ vì mỗi một lẽ: cậu bé xấu xí quá. Mặt mũi khó nom, nhăn nheo như ông già. Đã thế, nết đi lại khác thường. Ông bà đặt tên con là Đồng và phải nuôi giấu trong bồ. Bú mớm xong, bà mẹ lại đặt Đồng vào trong cái bồ lớn. Tuy còn bé, nhưng người ta đã gọi là "Ông Đồng". Và đã có câu ca chê cái dáng xấu xí của ông Đồng:

Nực cười ông Đồng Đồng Khê

Mặt nhăn chữ "nai", chân đi chữ "hè"

Được ba năm thì ông bố qua đời. Bà mẹ vẫn tần tảo nuôi ông Đồng. Ông Đồng xấu người nhưng lại chăm làm giúp mẹ. Ông chăm đọc sách. Ông còn tập võ. Ra đình, ông Đồng chơi với cả Thành hoàng làng. Có lần ông Đồng bắt được con chim, ông nhờ Thành hoàng giữ hộ. Chẳng may chim bay mất, Thành hoàng sợ tái người...

Dạo ấy, lại có giặc giã xâm lấn bờ cõi nước ta. Vua sai sứ thần đi các nơi kén chọn người tài về giúp triều đình giữ nước. Nhớ đến đức Thánh Gióng đã từng đánh giặc Ân, một vị sứ thần về đền Phù Đổng. Ở đây, sứ thần gặp ông từ coi đền. Ông từ cho biết một diềm lạ: Từ khi có họa ngoại xâm, trong đền, chuông không gõ mà kêu, mõ không đánh mà điểm. Có đêm ông từ còn mơ thấy thấp thoáng bóng thần mã, đức Thánh Gióng hiện ra và phán rằng:

- Báo cho sứ thần về tâu với vua: Cứ đến Đồng Khê thì sẽ gặp Thánh Gióng tái sinh?

Sứ thần về tâu lại với vua. Vua liền sai người rong ruổi ngày

đêm về Nam Sách, cuối cùng đến được làng Đồng Khê xã An Lâm. Sứ lại dịch loa, truyền lệnh vua cầu người tài giúp nước. Khi ngựa của sứ đến trước cổng nhà ông Đồng thì tự nhiên con ngựa quỳ xuống, không đi. Sứ thúc thế nào, ngựa cũng không đứng dậy. Sứ thần dành xuống ngựa, tiến vào trong sân. Từ trong nhà, ông Đồng bước ra. Ông Đồng khác hẳn ngày thường. Người ông cao lớn, vạm vỡ. Tay chân ông béo tốt, rắn chắc. Khuôn mặt chữ "nai" của ông đầy vẻ cương nghị. Nếp đi chữ "hè" không kém phần vững chãi, quả quyết. Nhớ lời báo mộng ở đền thờ đức Thánh Gióng, sứ thần chấp tay vái chào và truyền lại lệnh vua muốn vời ngài về kinh. Ông Đồng nghe xong liền bảo:

- Thần cứ về tâu với vua, kíp mang cho ta ngựa chiến, gươm sắt ta sẽ lên đường diệt giặc.

Nhà vua được cấp báo, liền sai sứ mang ngay ngựa chiến, gươm sắt hệt như vũ khí đã từng cấp cho ông Gióng ngày trước.

Trong khi đó, ông Đồng bấm đốt tay, thấy thời cơ diệt giặc đã quá kíp. Ông chào từ biệt mẹ già, rồi ra bờ sông ngó sang thôn La Xuyên bờ bên kia, nơi có một người con gái xinh đẹp mà ông trộm nhớ thầm yêu, nhưng nàng luôn luôn cự tuyệt vì tướng mạo ông quá xấu. Rồi ông chạy như bay về hướng kinh thành. Đến nửa đường thì ông nhận được ngựa kiêm vua ban. Ông nhảy lên ngựa, vung kiếm, vượt trăm con sông, vượt ngàn đỉnh núi, đánh tan quân giặc ngay khi chúng vừa đặt chân lên biên giới nước ta. Đẹp xong giặc, ông Đồng phi ngựa về kinh thành tâu lại chiến tích với đức vua rồi ngược về đền Phù Đồng. Tại đây, ông bay lên trời, không để lại dấu vết.

Ở quê nhà, bà cụ thân sinh ra ông Đồng đương khỏe mạnh, không bệnh tật cũng tự nhiên qua đời đúng ngày ông Đồng thăng thiên. Trên bầu trời làng Đồng Khê hôm ấy bỗng nhiên xuất hiện một dải mây hồng chằng ngang. Các cụ truyền rằng đấy là diềm ông Đồng về đón mẹ.

Nhân dân Đồng Khê đã lập đền thờ ông Đồng. Đền thờ ông Đồng và đình thờ Thành hoàng ở gần nhau, y như hồi trước hai

ngài vẫn chơi bời với nhau. Mỗi khi có dịp dự lễ hội tại đền thờ đức Thánh Gióng, bà con Đồng Khê đều được đón tiếp thân mật, cứ như người có quan hệ họ hàng ruột thịt.

Còn ở La Xuyên, người con gái xinh đẹp đã trót từ chối mối tình của ông Đồng nay cảm thấy hối hận, xấu hổ. Mỗi khi có việc sang Đồng Khê, bà không dám đi đường cái, mà qua cầu đi tắt. Ông cụ thân sinh ra bà đi sang Đồng Khê, nghe kể lại uy danh ông Đồng, sợ quá lăn xuống giếng mà chết. Giếng ấy mang tên giếng Lăn.

86. CÁ VOI

Ông Nguyễn Tông Trình làm Đốc thị tỉnh Nghệ An, lúc mới đến nhậm chức, có một con cá voi chết ở bờ, dài hơn một trăm thước, bề ngang cũng chừng bảy tám tấc, quan địa phương lên trình ông biết. Ông liền cùng với đồng liêu đến nơi làm bài văn tế. Vài năm sau có một đồng tử dung mạo đẹp đẽ, độ mười bốn mươi lăm tuổi, mặc áo học trò, đến cửa nha môn hỏi thăm anh Nguyễn Tông Trình có ở trong nhà không. Người canh cửa đuổi đi mắng:

- Đứa trẻ con nào dám nói hồn đến trưởng quan, không đi ngay thì ta đánh cho bảy giờ!

Liền rũ tay áo cười mà rằng:

- Ta nhớ bạn cố nhân nên chẳng quản xa xôi đến hỏi thăm, không gặp thì ta đi, làm gì mà rức lác thế!

Người canh cửa lấy làm lạ, liền vào bẩm quan. Ông Trình chỉnh tề áo mũ, nghiêm trang ra đón, thì đồng tử đã đi xa rồi. Ông liền sai kẻ nha dịch chạy theo, cố mời trở lại. Vào ngồi yên đâu đấy, đồng tử cười bảo ông rằng:

- Bấy lâu cách biệt, vẫn nhớ huynh ông, mà huynh ông không nhớ đến cố nhân ư?

Ông từ tạ, rồi bày rượu ngồi nói chuyện. Đồng tử bùi ngùi nói:

- Tôi với anh đều ở trên thiên tào bị trích giáng. Anh thì sinh

ra trên cõi đời, làm nên khoa giáp, không đến nỗi biến mất cái bản lai diện mục. Không như tôi bị khiến trách, sinh ra làm loài cầm ngư, ở trong đám bụi hồng bể khổ, chỉ làm cho đời người thêm buồn bã mà thôi.

Hỏi kỹ thì đồng tử kể lại rằng:

- Tôi lúc mới bị trích xuống thì làm chim khuênh, tinh khôn mà hót hay, gặp được anh chàng ăn chơi ở chốn đô thành bỏ ra mòn tiền lớn mua về, sớm tối làm cảnh, ví như ngọc củng bích. Phải như thế đến hơn mười năm, lăm lúc muối lột bỏ da lông mà thác đi cho rồi. Song nghĩ chưa được mưu kế gì. Một bữa kia, sổ lồng bay ra. Khi ấy chủ nhân đang pha chè đai khách, ám chuyên chén mẫu trị giá đến hàng trăm bạc. Tôi bay lên chỗ chiếu khách ngồi, nhảy nhót, sa ngay vào bộ chén. Chủ nhân nỗi giận lấy xe điếu đập chết. Song Thượng để bảo tôi bị trích giáng chưa mãn hạn, nên lại xuống làm kiếp cá voi. Được ba năm, tôi nghĩ mà tức giận nhục nhẫn, mới nhảy thủy trào ngoi lên bờ nầm phơi vây ra đầy mà chết. Khi ấy, anh cùng với bạn đồng liêu đến thăm, làm văn tế tôi; hiềm rằng đôi đường u hiền khác nhau, không được cùng nhau nói chuyện. Đến khi đọc bài văn tế của anh, thì nghe ra linh cơ diệu tú rất hay. Nay nhờ Thượng để cho mãn hạn trích giáng, được vào nơi hang núi tu hành, để rồi lại bổ chức cũ. Tôi sắp được về chầu Thượng để, nên lại chơi cáo biệt với cố nhân; ngày khác được gặp nhau ở nơi tử phủ thanh đô, cũng chẳng bao lâu nữa.

Ông nhân mời nghỉ lại chơi, hỏi về bước tiến trình của mình sau này thế nào, thì những điều ấy không chịu tiết lộ. Sớm hôm sau, đồng tử từ biệt ra đi, ông chỉnh tề khăn áo, tiễn khỏi cửa thì không thấy đâu nữa. Chẳng bao lâu sau, ông cũng mất tại chức.

87. TRUYỆN NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

Ông Nguyễn Trọng Thường người làng Trung Cần, huyện Thanh Chương (Nghệ An). Thuở nhỏ, nhờ ông ngoại nuôi nấng

dạy bảo, có khiếu văn chương; đến tuổi thành đồng¹ thì theo thầy học ngoài. Một đêm, ông chiêm bao thấy một mỹ nhân đem chè, quả đến tặng, rồi cùng ông trò chuyện nói cười thân mật. Từ đây, thường đêm vẫn chiêm bao thấy thế. Nhưng trải mấy năm trời, giữa hai người không có chuyện gì sàm sỡ. Một đêm, mỹ nhân từ biệt để về, ông cầm tay hỏi ngày tái ngộ, thì nói:

- Sẽ gặp nhau ở trạm Phù Dung tại hồ Động Đình.

Năm 16 tuổi, đỗ khoa thi Hương. Một hôm ông ngoại ra bài cho học trò tập, thấy trong bụi cây có một chàng thiếu niên chưa đến giờ Ngọ đã vào nộp quyền rồi đi ra. Ông ngoại xem rồi nói:

- Có lẽ là Chân nhân Phạm Viên đùa với ta đây.

Ông liền ném bút đi theo. Ra đến đồng thì theo kịp. Khi đó, Chân nhân đi chơi núi Long Hồ. Đến cửa ải Trần Nam, ông quỳ xuống thỉnh giáo. Chân nhân nói:

- Việc thổi nạp² không phải là việc của nhà ngươi. Tiền trình nhà ngươi rộng lớn, ta không phải nói nhiều.

Chân nhân bèn trao cho tập số *Thái át*, hẹn đến hồ Động Đình sẽ phải trả lại.

Ông thi đỗ rồi làm quan trong quan ngoài, nhưng rất hững hờ, không lấy sự làm quan làm thú. Khi đi sứ Trung Hoa, đem việc nhà dặn bảo con cái, rồi mang nhiều tiền của đi theo. Qua trạm Phù Dung ở hồ Động Đình, thấy ở vệ đường có hai cái miếu, một cái gần đổ nát. Hỏi dân ở đây, họ bảo:

- Cái miếu sắp đổ, thần húy là Nguyễn Trọng Thường, hương tàn khói lạnh đã mấy chục năm rồi. Còn cái miếu kia thờ bà phu nhân.

Ông sực nghĩ ra, bỏ tiền nhờ người dân ở đây làm lại. Khi đi sứ trở về, thuyền qua hồ Động Đình, ông giở cái hộp đựng tập số *Thái át* ném xuống; hộp cuốn vào trong nước rồi chìm nghìm.

1. Tuổi từ 18 trở lên.

2. Thổi nạp: tức "Thổi cỗ nạp tân", thở hơi cũ ra, hít khí mới vào, theo phép tu tiên.

Đêm ngủ ở trạm Phù Dung, lại thấy mỵ nhân đến. Sáng hôm sau, ông mất ở thuyền, sứ bộ đưa thi hài về.

88. TRUYỆN VỀ VÙNG ĐẤT ĐẠI LÃNH¹

Cách đây khoảng một thế kỷ, trên con đường thiên lý độc đạo Bắc-Nam, đoạn đường Đại Lãnh còn rất gập ghềnh, hiểm trở, lại nhiều thú dữ và bọn cướp hoành hành. Vì thế, người đi lại khi muốn qua chặng ấy phải tập trung thành từng tốp, từng đoàn đông mới dám vượt đèo.

Vào năm thứ 13 dưới triều Thành Thái, có một người quê ở Thuận Thiên tên là Phạm Ngũ Giáo, khỏe mạnh, học rộng nhưng lận đận trong đường công danh khoa cử. Khi đến đây, thấy phong cảnh đẹp có núi cao, biển rộng, ông liền lưu lại vùng này để làm ăn sinh sống.

Ông Giáo có một người vợ trẻ, đẹp, nết na, giỏi công việc gia đình. Còn ông thì lặn lội đi mãi vào vùng Tu Bông, Bình Trung, Vạn Giã gặp gỡ kết bạn với các nhà nho sĩ và dùng thuốc Nam để chữa bệnh giúp người nghèo trong vùng. Đặc biệt, ông Giáo chữa trị bệnh đậu mùa rất giỏi nên người địa phương thời ấy thường gọi là ông Cử Đậu².

Sau nhiều lần giao du đây đó, ông Giáo đã quy tụ được một số người tha phương cầu thực khắp nơi vì nạn tham quan ô lại, sưu cao thuế nặng, trở về đây lập nên làng Đại Lãnh. Cuộc sống ở đây ngày càng đông vui và trù phú. Làng Đại Lãnh có từ đó.

89. SỰ TÍCH ĐÌNH MÈ

Thời xưa, làng Mè có bốn xóm, nằm theo bốn hướng: Đông -

1. Vùng đất Đại Lãnh ngày nay thuộc huyện Vạn Ninh, Phú Khánh, cách Nha Trang chừng 84 cây số. ở đây có cả một vùng núi non và biển cả bao quanh rất đẹp. Đại Lãnh là một thắng cảnh và một khu du lịch nổi tiếng của Phú Khánh.
2. Có sách chép là Cửu Đậu.

Nam - Đoài - Bắc. Phía cầu Lai Vu di xuống sát đầu làng có một gò đất cao nhiều cây cối. Vào cuối mùa mưa năm ấy có một người đàn bà bụng chứa dắt hai người con trai còn nhỏ tuổi đến làng Mè hành khất. Dân làng thương tình, dựng cho mẹ con bà một túp lều gianh tại gò đất nơi đầu làng.

Một hôm bà đi xin ăn về cách nhà chừng một dặm, đến cái giếng ở cạnh đường thì bỗng dung đau bụng rồi sinh được một người con gái. Bà mang xuống giếng tắm rồi đem về nuôi.

Được một thời gian, bà để các con ở nhà rồi khăn gói lên đường tìm về quê cũ, mong gặp lại người thân. Không ngờ, bà có đi mà chẳng có về. Ngày lại ngày, tháng lại tháng, năm lại năm, cứ trôi qua vô vọng. Các con mong mẹ buồn sầu. Người con gái út nhớ mẹ khóc nhiều rồi chết. Hai người anh khổ hận, chôn em xong rồi bỏ nhà đi tìm mẹ.

Hai chàng đi khắp chốn khắp nơi, đi mãi đi hoài, tìm chẳng thấy mẹ đâu. Mãi đến bờ sông nọ, người ta cho biết mẹ chàng đã bị bọn giặc giết chết hất xác bên gốc cây đa.

Hai chàng ra tìm hài cốt đã thấy mồi xông xác mẹ thành ngôi mộ to và cao. Cả hai đều gục xuống khóc lóc thảm thiết. Rồi hai chàng ra đi quyết tìm cách giết giặc trả thù. Đi mãi đến một khu rừng rậm, hai chàng thấy chim muông cầm thú kéo đến chào đón rất đông. Duy có hai con hổ lớn đến quỳ trước mặt hai chàng, gật đầu, vẫy tai, quay đuôi tỏ vẻ khâm phục mừng rỡ. Hai chàng bèn nhảy phốc lên mình hổ cưỡi chêm chệ. Lập tức hai con hổ lao như bay về phía thành Thăng Long, ở đây, nhà vua đang bị quân giặc vây hãm lâu ngày. Hai tướng quân bèn cưỡi hổ xông vào cướp khí giới giặc giết giặc, khí thế tung hoành ngang dọc. Hai chàng ra tay sấm sét chỉ nửa chiều giặc tan.

Dẹp giặc xong, hai hổ đưa hai chàng về rừng thì hai chàng biến mất.

Để trả ơn hai chàng, vua sai sứ giả đi tìm kiếm khắp nơi trong nước, nhưng không thấy, sau mới đoán đó là hai vị thiên thần, bèn cho lập đền thờ.

Vua sai quân lính vào rừng đẽn gỗ đủ 100 cây đóng thành bè lớn, rồi viết chiếu chỉ giao cho một vị tướng lùn bụng phệ ngồi giữa bè gỗ tay cầm chiếu chỉ nhà vua. Bè được thả từ thượng nguồn sông Hồng, gần một năm trời mới trôi đến đoạn sông Văn Úc sát làng Mè. Bè tự động dừng lại mặc dù nước chảy xiết cũng không trôi nữa.

Đêm hôm đó, dân làng được tướng thần lùn báo mộng, lệnh cho toàn dân ra bờ sông kéo gỗ và lập đền thờ hai chàng trên gò đất cao tại đầu làng. Hôm sau, toàn dân ra kéo gỗ rất đông. Vết kéo gỗ mòn thành mương lớn. Dân làng cử người đi đón những thợ mộc tài giỏi về làm, gần ba năm mới xong. Vị phỗng lùn trên bè cũng được đưa vào thờ ở một góc đình gọi là ông phỗng đình Mè. Bà cô chết yểu cũng được xây miếu thờ ở dưới chân gò đất bên cạnh đường, nay gọi là miếu bà cô.

Hằng năm, cứ đến 18 tháng giêng là ngày giỗ hai đức thần Thành hoàng làng Mè lại có lệc tập trận giả đánh giặc, mở hội vui xuân.

90. BÀ CHÚA VĨNH

Tục truyền rằng: Bà chúa Vĩnh chính là con gái của bà Tồ Cô Khi các chị em cùng một bọc đã chia nhau đi mỗi người một nơi, riêng bà chúa Vĩnh thương mẹ hơn cả nên vẫn quanh quẩn ở lại vùng Phật Tích cho gần gũi mẹ.

Thấy ruộng bã trong vùng còn chật hẹp, bông lúa cấy ra lơ thơ như bông cỏ may, bà chúa Vĩnh buồn lấm nhưng chưa biết làm cách nào. Một lần ra đồng bà để ý thấy góc ruộng có nhiều phân trâu bò, lúa tốt hơn. Từ đó, bà nghĩ ra cách đi nhặt phân về bón cho lúa. Vừa làm, bà vừa hướng dẫn cho người trong vùng làm theo. Quả nhiên vụ lúa năm ấy, bông thóc nào cũng uốn câu, nặng trĩu hạt mẩy.

Những bông thóc đầy chín dần trong nắng vàng hoe. Cơn gió đi qua mang mùi thơm lúa chín, mang tiếng rì rào của những hạt thóc reo vào nhau bay xa. Những bầy thú, bầy chim rừng

đua nhau kéo đến cắn phá. Bà chúa Vĩnh gọi mọi người ra săn bắt, đuổi đánh chim thú đi.

Một lần chạy theo hai con hươu đã bị đánh què chân, bà chúa Vĩnh thấy chúng cố lết vào bụi cây, rồi vặt lá nhai, đắp vào vết thương, một lúc vết thương lành lại, hai con hươu lại chạy đi như thường. Biết lá cây ấy có thể làm thuốc được, bà chúa Vĩnh để mặc cho hươu trốn thoát, rồi vào bụi cây cắt lá mang về...

Từ đó, để ý quan sát các loài thú vật, chim chóc, bà chúa Vĩnh học được rất nhiều phương thuốc quý. Trong làng, ngoài xóm ai có bệnh gì bà đều đến chữa khỏi, danh tiếng bà chúa Vĩnh được khắp một vùng biết tới.

Một đêm đã gần về sáng, bà chúa Vĩnh chợt tỉnh dậy, nghe tiếng động rất mạnh ngoài phen cửa, bà vừa ngồi lên thì cửa bỗng mở tung. Một con Hổ đen, to như con bò mộng lừng lững đi vào. Bà chúa Vĩnh định kêu lên nhưng thấy đáng điệu con Hổ có vẻ hiền lành nên lại bình tĩnh. Bà chúa Vĩnh bảo Hổ:

- Mày đau chỗ nào, tao chữa cho.

Con Hổ phủ phục xuống dưới chân bà chúa Vĩnh, nó quay đầu lại phía sau, ra hiệu mời bà đi chữa cho con khác cơ. Bà chúa Vĩnh vội tìm túi thuốc mang theo. Hổ đen đặt bà chúa lên lưng mình rồi phóng vào rừng sâu. Ở đây có con Hổ vàng bụng trướng lên đang nằm vật vã lăn lộn. Thì ra, Hổ đen đón bà đến đỡ đẻ cho vợ nó. Bà chúa Vĩnh lấy lá thuốc ra đắp vào trán con Hổ vàng. Một lúc, con đau Hổ cái dịu đi, cái bụng trướng thót lại, nó đã đẻ ra một con Hổ con. Hổ đen gầm lên mừng rỡ, đưa bà chúa Vĩnh trở lại nhà. Lúc đó, trời mới tang tảng sáng.

Chuyện bà chúa Vĩnh đỡ đẻ cho Hổ, lẽ ra thì không ai biết, nhưng vì Hổ đen nhớ ơn bà, hôm sau bắt được con lợn rừng, Hổ đen đã mang đến tạ ơn. Con lợn to quá, bà chúa gọi dân làng đến chia cho, nhà nào cũng được thịt ăn, nên khắp nơi dân gian đều ca tụng. Từ đây, cứ đám bữa nửa tháng, Hổ lại mang lợn đến cho bà. Có lần Hổ tha lợn tới giữa ban ngày, dân làng gấp đều kinh sợ, xô nhau chạy. Bà chúa Vĩnh thấy thế, bảo Hổ:

- Đến với ta, mày phải ngoan, cấm dọa nạt ai.

Hổ cúi đầu, vãy vãy đuôi nghe lời. Thấy Hổ hiền lành, dần dần dân làng quen đi, đã dám đến gần. Nhất là trẻ con, bạo hờn thường tới sát, vuốt ve trên lông Hổ. Thỉnh thoảng Hổ lại cõng bà chúa Vĩnh vào rừng, lên núi xem phong cảnh. Mỗi lần đi như thế, bà chúa Vĩnh lại có quà cho dân làng.

Một번, bà chúa Vĩnh bảo Hổ đeo đèn đưa lên núi Nguyệt Hằng thăm mẹ. Hai ba tháng sau không thấy bà chúa Vĩnh trở lại, mọi người đều lo lắng. Đúng lúc mọi người đang xôn xao bàn tính, định cử người đi tìm thì Hổ đeo đèn đưa bà chúa Vĩnh trở về.

Trên lưng Hổ, bà chúa Vĩnh như càng xinh đẹp, mạnh mẽ hẳn lên. Đôi mắt lóng lánh nhìn xa. Tấm yếm đào căng đầy trước ngực. Dải yếm đào bay bay như múa.

Hai tay cầm hai dải yếm đào, bà chúa Vĩnh phất ra trước mặt. Lạ thay, càng phất hai dải yếm càng dài mãi, dài mãi ra.

Dải yếm bên trái phất ra đến đâu thì những rừng ngập nước cây búi xúi lúp xúp u tối, những đầm lầy đen đặc muỗi dẩn dẩn vắt đều biến đi cả.

Dải yếm bên phải phắt ra đến đâu thì đồng ruộng phì nhiêu, ngô lúa tươi tốt mở mang ra đến đây.

Dưới dải yếm bay bay, dân làng chia nhau đi cắm đất làm ăn, cày cấy... Tiếng giục trâu bò, tiếng hát hò đối đáp, tiếng nước reo, gió chạy âm vang khắp vùng đồng bãi bằng phẳng mỡ màu...

Vùng Phat Tich bây giờ vẫn còn một con đường thẳng tắp chạy suốt về phía chân trời. Đó là con đường Dải yếm, mang tên di tích của bà chúa Vĩnh. Đến nay cũng không ai biết do đâu bà chúa Vĩnh có được tấm yếm đào thần kỳ ấy. Có người bảo, bà được tiên truyền cho. Có người bảo, tấm yếm đó chính là yếm của bà Tô Cô, đáng sáng tạo, đã trao cho người con gái hiếu thảo biết thương dân...

91. HAI ANH EM HỌ QUÁCH

Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em họ Quách mồ côi cha mẹ từ sớm, cùng làm nghề săn bắn hái lượm, dùm bọc nhau sinh sống.

Một hôm, người em dắt chó đi săn, còn người anh thì ở nhà làm vườn. Người em đi săn gần mãi chẳng được gì, lần này quyết định đi thật xa, vào tận rừng sâu để săn. Con chó săn này cực kỳ quý. Nó thính và nhanh như con chó sói. Thú rừng lần quất cách hàng mấy chục thước nó cũng đánh hơi thấy và không bao giờ để cho con thú chạy thoát. Con chó chưa đã thấy sệ bụng xuống mà nó cũng không chịu nằm yên. Cái mũi nó cứ khìn khịt đánh hơi, hai tai giương lên như hai lá mít, đuôi cuộn lên, rồi lao vun vút về phía trước, khiến chú cứ mệt nhoài vì nó.

Vào đến rừng sâu, chim thú nhiều quá, không thấy một bóng người. Con chó săn tự nhiên chạy quanh bảy tám vòng rồi nằm uych xuống bãi cỏ. Họ Quách lúc đầu tưởng chó săn bị bệnh, rất lo sợ, nhưng sau thấy nó cắn cổ làm ổ thì hiểu là nó sắp đẻ. Không thể để con chó săn quý nằm lại trong rừng, họ Quách quyết định ở lại trông coi nó.

Lại nói, người anh ở nhà mãi không thấy người em trở về liền gửi nhà hàng xóm trông coi để đi tìm em. Hai anh em gặp nhau tay bắt mặt mừng khôn xiết. Không những mọi sự được bình an mà con chó săn quý lại sinh ra những chú chó con rất đẹp. Hai anh em bàn nhau cho rằng đây là điềm trời báo nơi đất quý, có thể ở lại nơi đây lập nghiệp.

Ít lâu sau, hai anh em họ Quách về quê cũ đưa tất cả bà con họ Quách lên rừng sinh cơ lập nghiệp, tạo nên dòng họ Quách là dòng họ lớn của người Mường ở Thạch Bình¹ bây giờ.

1. Thạch Bình: nay thuộc huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

92. CÂU CHỆM VÀ KHỐI VÀNG CỦA BÀ CỐNG KỶ

Ngày trước, ở làng La Xuyên, xã Đông Ngạc, Nam Sách có một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, tên là bà Kỷ. Bà Kỷ sinh ra trong một gia đình giàu có. Người anh ruột bà học giỏi, đã kèm bà theo đòi cửa Khổng sảnh Trình. Bà cũng nổi tiếng hay chữ. Anh bà đậu Tiến sĩ làm quan trong triều. Còn bà, năm 17 tuổi, cũng cải trang làm trai đi thi, đậu hương cống. Dân làng gọi bà là bà Cống Kỷ. Bà sợ vua biết mình là nữ, phạm tội khi quân, nên sau khi thi đỗ, bà xin về, mở cửa hàng tẩm ở chợ quê nhà, phụng dưỡng song thân.

Bấy giờ chợ Thanh Lâm rất đông, thu hút khách khắp nơi. Từ La Xuyên, bà thường phải đi men qua ria làng Đồng Khê mới tới chợ. Bà đã dựng quán ở giữa chợ để bán hàng tẩm. Hàng tẩm chợ Thanh Lâm nổi tiếng khắp vùng.

Hàng tẩm của bà Cống Kỷ rất đắt khách. Quán của bà lúc nào cũng đông người qua lại, phần vì bà chủ quán xinh đẹp, phần nữa cũng vì bà giỏi văn thơ. Nhiều người ngỏ ý muốn kết tóc xe tơ, song bà đều một mực từ chối.

Bà ngồi bán hàng, sớm tối đi về đều qua cánh đồng làng Đồng Khê. Trong làng này có một tên hào lý, cậy quyền thế, muốn lấy bà làm vợ bé. Bà không chịu. Thế là lão cấm không cho bà đi qua làng với lý do "đất có thổ công, sông có hà bá". Bà liền bỏ tiền mua dải đất dia làng Đồng Khê làm đường đi và bắc chiếc cầu đá mười nhịp để nối liền La Xuyên với chợ Thanh Lâm. Lão hào lý Đồng Khê gọi đó là cầu Chẹn, có ý chẹn lối đi về của bà Cống Kỷ, nhưng dân làng gọi chệch đi là cầu Chẹn. Nhờ có cầu Chẹn, mà cả làng La Xuyên đi lại dễ dàng, thoải mái. Ai cũng ca ngợi việc làm tốt đẹp của bà. Bà không chỉ có làm cầu, mà còn công đức làm đình, chùa, văn miếu và chia của cải cho người nghèo khó. Bà không chồng con, nhưng lại rất yêu con trẻ. Bà đã dùng tiền đúc một khối vàng hình cậu bé (to bằng

đứa trẻ ba tháng), đặt trong một hộp sơn son thếp vàng. Nghe đâu khối vàng đó được chôn trong khu vườn nhà bà.

Sau khi bà qua đời thì câu Chẹm vẫn còn. Còn tại khu vườn nhà bà, đã nhiều lần người ta đào xới tìm khối vàng nhưng chưa thấy.

Nhân dân quanh vùng vẫn nhắc đến bà Cống Kỷ xinh đẹp từng làm bao chàng trai mơ ước đêm ngày mà không ai có điểm phúc được gần. Đã có câu ca dao nói về bà như một biểu tượng của gái La Xuyên:

*Gái La Xuyên như hoa thiên lý
Trai thiên hạ có ý thì trông.*

93. ĐÈN MUỐI

Ngày xưa ở khúc sông Khê Đầu Thượng, ngày nay là đoạn sông chảy qua xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, có một con Giải rất to. Quãng sông này có một bến đò ngang là nơi qua lại của nhiều người, làng xóm hai bên bờ rất đông vui. Hai bên triền sông có rất nhiều bến để dân làng ra gánh nước, giặt giũ... nhất là vào những chiều mùa hè người ra tắm cứ đông nghìn nghịt.

Nhưng từ khi có con Giải quái ác về, nó đã ăn thịt khá nhiều người. Có lần nó nuốt chửng cả một cô gái đang rửa chân. Có lần nó đớp gọn lòn hai em bé đang tắm. Lại có lần một bà cụ đi đò sơ ý đưa tay xuống sông rửa cũng bị con Giải đột ngột đớp tay lôi tuột xuống sông ăn thịt.

Quãng sông đang đông vui sầm uất, bỗng trở nên ghê sợ, không ai dám đi qua khúc sông đầy chết chóc này nữa. Nhiều nhà ven sông đã phải dọn đi ở nơi khác. Bến đò chẳng ai dám qua. Ông lái đò nhỏ sào đi kiếm ăn nơi xa. Khúc sông trở nên hoang vắng, tiêu điều. Nhiều người bảo nhau làng mငh ở vào đúng chỗ đất miệng con tinh nên gấp tai họa. Các cụ trong làng đã lập đền cúng, cầu cho con Giải đi nơi khác, nhưng nó vẫn

không đi. Những ngày rằm, mồng một, dân làng cứ phải đồ xôi, làm lẽ cúng rồi quăng lẽ vật xuống cho Giải... nhưng vẫn chẳng thấy nó đi. Có lần vào những đêm trăng sáng con Giải còn bò hẳn lên nầm chềnh ềnh trên bãi cát bờ sông hóng gió.

Dân làng không biết làm sao trừ được con Giải quái ác.

Bấy giờ có một ông lão làm nghề bán muối, nhà rất nghèo, vợ ông mất sớm, không để lại người con nào. Ông lão sống một mình trong túp lều cuối làng. Ông lão nói với dân làng xin tình nguyện đi trừ con Giải. Dân làng thấy ông tuổi già sức yếu, ai cũng can ngăn. Nhưng ông lão nhất quyết xin đi. Có mấy chàng trai lực lưỡng xin đi cùng nhưng ông lão bảo chỉ mình ông là đủ; đi đong hỏng việc.

Thế rồi ông lão hàng muối nhở lò rèn đánh cho mấy con dao bầu rất sắc và nhọn. Ông lấy mấy lưỡi dao buộc chặt vào lưng, và bụng. Còn hai tay ông cầm hai con.

Vào một buổi sớm mai. Ông lão chào bà con dân làng rồi ra bờ sông, chở con Giải hay nỗi lên. Ông thản nhiên lội xuống bãi sông, đưa chân khỏa nước. Thấy hơi người, con Giải lập tức nỗi lên và lao thẳng đến đớp ông lão. Ông lão thu hai tay xuống cho gọn. Miệng con Giải to đến nỗi chỉ trong chớp mắt nó đã nuốt chửng ông lão vào bụng. Khi đã nằm gọn trong bụng con Giải, ông lão mới dùng hết sức bình sinh đâm thúc hai lưỡi dao bầu vào bụng con Giải. Những nhát dao ấy đã làm thủng ruột gan con vật quái ác. Bị nhiều nhát đâm từ trong ra con Giải quằn quại vật vã ầm ầm, máu chảy đỏ ngầu cả khúc sông. Sau một hồi giãy giụa, con Giải đã bị chết và nổi lên như một khúc gỗ lớn.

Dân làng đổ ra sông lôi con Giải lên mổ bụng để cứu ông lão. Nhưng khi mổ ra, ông lão cũng đã tắt thở, hai tay còn nắm hai con dao bầu.

Mọi người vô cùng thương tiếc ông lão. Nhân dân ở mấy làng bên cũng đến đưa đám. Đám tang ông lão đông người chưa từng thấy. Có người còn tự nguyện để tang ông lão hằng năm.

Thi hài ông được chôn cất ở ngay bên bờ sông nơi ông giết con Giải. Dân làng còn dựng cả một tấm bia lớn để ghi lại công ơn ông lão. Và mọi người tự nguyện góp tiền của xây một ngôi đền thờ ở ngay bờ sông. Hàng năm cứ đến ngày giỗ, nhân dân quanh vùng lại đến đốt hương tưởng niệm. Ngày nay ngôi đền ấy vẫn còn. Vì là đền thờ ông hàng muối nên dân làng gọi là Đền Muối.

94. CHUYỆN CON GIẢI THẦN Ở KHÊ HẠ

Ngày xưa ngày xưa, từ cái thuở dân làng Khê Hạ¹ mới đến vùng này khai hoang lập ấp, đồng ruộng chỉ là những thung lũng lầy lội, núi rừng hoang vu, cây cối rậm rạp, thú dữ rất nhiều. Dân chúng phải ăn cây búng báng và rau rừng, săn bắn, đánh bắt cá ở các suối sông, xung quanh để sinh sống.

Dòng sông chảy qua làng không lớn lấm nhưng khá sâu. Nước từ trên núi đổ xuống âm âm sau mỗi trận mưa làm dòng sông này về mùa mưa khá dữ tợn. Dân làng lập đền thờ thần sông ở đầu làng để cầu thần phù hộ cho họ yên vui, no ấm. Cũng may, trời lại cho dòng sông này có nhiều cá tôm, cá hai làng Khê Thượng và Khê Hạ đều đánh bắt mà không bao giờ hết. Cuộc sống của dân làng dần dần trở nên khá giả hơn.

Bỗng hôm ấy, khúc sông nổi sóng cuồn cuộn, gió trên ngàn thổi rít ào ào như sấp có bão lớn đổ xuống. Trên sông bỗng xuất hiện một con giải to, mình dài sáu thước, trên lưng lấp lánh ngũ sắc dưới ánh mặt trời, đang bơi lượn trên mặt nước. Sợ con giải về bắt hết cá, lại đe dọa tính mạng của con người, dân làng Khê Hạ nỗi tù và chiêng trống, gọi nhau, người định ba, kẻ mā tấu, gậy gộc, dao liềm... xông ra bao vây đánh con giải. Cả làng quần

1. Khê Hạ và Khê Thượng nay thuộc xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

nhau với con giải suốt từ giờ thìn sang giờ thân¹ mới đánh chết được nó. Con giải không chống cự mà chỉ cố đỡ đòn, bơi hụp chạy trốn nhưng cũng không thoát. Dân làng buộc dây kéo con giải lên bờ rồi mổ thịt để ăn mừng. Làng cử một người lên Khê Thượng xin mè về nấu.

Sấm chớp bỗng nổi lên đúng đùng, mưa to, gió lớn gầm thét kinh sợ, ông xin mè không về được. Cả làng thấy không về, cứ đợi mâm ra ăn để còn chống chơi với bão gió đang ập xuống.

Chờ tạnh mưa, lặng gió, người xin mè mới về làng. Làng xóm xác xơ cây cối, nhà cửa đổ hết, và lạ thay, không thấy một tiếng người, không thấy một ánh đèn, ánh lửa.

Ông xin mè đến nơi thịt con giải thì thấy tất cả mọi người đã chết gục quanh mâm cơm. Sự hãi quá, ông quỳ lạy chín phương trời, mười phương phật hãy giang tay tế độ. Ông không hiểu sự tình thế nào lại đến nồng nỗi này.

Đêm ấy, ông ngủ tạm trong một hang núi gần đó với nỗi sợ hãi kinh hoàng. Gần sáng, vừa chợp mắt thì ông thấy có một thần nhân cao lớn, tay cầm cây kim trượng nói: "Làng này đã đánh chết con giải vốn là hoàng tử của vua Thủy tề ngược dòng lên chơi thương nguồn nên bị thần quả phạt. Ông phải tạc một con giải đá to đúng bằng con giải thật đã chết rồi thả xuống sông, làm lễ tế ở bến sông, may mới bảo toàn sinh mạng và đất này mới có thể ở được". Người xin mè chưa kịp hỏi gì thêm thì thần đã biến mất. Ông xin mè sợ hãi quá sụp lạy như té sao rồi xin làm đúng như lời phán chỉ của thần nhân.

Người xin mè đi các nơi trong vùng, kén thợ tạc đá giỏi, chọn đá tốt và quý, tạc một con giải to đúng bằng con giải làng đã đánh chết. Mười tay thợ khéo chạm trổ từ một khối đá liền, một con to đúng bằng con giải thật, suốt một tháng trời mới xong. Tượng giải đeo xong, một trăm tráng đinh vào khênh để thả xuống sông nhưng cũng không thể nào nhích lên khỏi mặt đất

1. Khoảng từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều.

được. Cuối cùng, mọi người đành phải để con giải đó lại, tặc con khác nhỏ hơn thay thế.

Con giải lần này làm tuy nhỏ hơn con giải trước, nhưng cũng khá nặng, mọi người phải cố sức mới khênh thả xuống dòng sông để làm lễ tế thần.

Đến nay con giải lớn chạm đục lần đầu vẫn còn trong hang Cháy của làng. Còn con giải nhỏ thả dưới sông, mỗi khi nước cạn, lại thấy đâu giải nhô lên trên mặt nước.

Ông xin mè làm những điều cầu phúc, cầu siêu, thành tâm thấu đến quỷ thần nên được bình yên sống ở làng. Ông lấy vợ, sinh con đẻ cái, chiêu mộ dân các nơi về lập lại làng Khê Hạ ngày một đông vui hơn. Xuân thu nhị kỳ, làng Khê Hạ vẫn làm lễ tế Thần Giải và cầu Thần ban phúc ấm cho dân chúng.

Chuyện con giải thần bị giết không biết có từ bao giờ nhưng mỗi khi làng Khê Hạ có khách hoặc con cháu lớn lên đều được các cụ lão làng dẫn ra hang Cháy, nơi còn con giải bằng đá và khúc sông hoàn cải Giải Thần để kể lại chuyện xưa.

95. TRUYỀN THUYẾT VỀ THIÊN YA NA

Thuở xa xưa, tại vùng núi Đại An¹ có một đôi vợ chồng già không có con, chỉ làm nghề trồng dưa để sinh sống.

Một ngày kia, khi dưa vừa chín tới, ông lão nhặt ra rằng hễ có quả dưa nào sắp chín, định để sáng mai ra hái thì tối hôm đó có người đến hái trộm mất cả. Ông lão bèn để tâm rình bắt kẻ gian cho bằng được.

Một đêm kia, dưới ánh trăng mờ, ông lão bỗng thấy một cô bé đang hái trộm dưa. Cô vừa hái dưa vừa tung lên trời để đùa nghịch. Ông lão liền giữ lại hỏi, mới biết cô bé mồ côi cha mẹ,

1. Núi Đại An nay thuộc xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, Phú Khánh. Nhân dân địa phương còn gọi là núi Chúa.

sống lạc loài ở vùng núi này. Thấy diện mạo cô bé khác với người thường, lại ở vào hoàn cảnh đáng thương, vợ chồng ông lão đem lòng yêu mến và đưa về làm con nuôi, thương quý như con đẻ của mình. Nhưng vợ chồng ông lão có biết đâu rằng, chính cô bé mồ côi ấy là Thiên Ya Na hóa thân.

Cuộc sống trôi qua bình lặng. Đến một ngày kia, vùng Đại An bị nạn hồng thuỷ, nước sông dâng lên một màu đỏ đặc. Đứng trước cảnh tượng ấy, Thiên Ya Na bỗng nhớ lại chốn tiên cung, mặt mày ủ dột. Rồi để tự khuây khỏa, Thiên Ya Na đi hái hoa quả trên núi, sắn đá lại, tạo nên một cảnh núi non giả ngồi ngắm nghĩa và đùa nghịch để khỏi bận tâm đến cảnh thủy tai đang diễn ra quanh mình. Vì thế, Thiên Ya Na đã bị ông lão quở trách nặng lời. Hối hận vì mình đã làm cho cha mẹ nuôi phiền lòng, Thiên Ya Na đã dùng phép hóa thân, nhập vào khúc gỗ trầm đang trôi trên dòng sông. Nước lũ cuốn khúc gỗ trầm trôi ra biển cả, rồi giật vào bờ biển Bắc.

Dân chúng thấy khúc gỗ quý, xúm nhau lại định khiêng về, nhưng khi hàng trăm người ghé vai vào đều khiêng không nổi.

Tin đồn đến tai Thái tử miên nọ, Thái tử ra tận bờ biển cầm nharc thủ thì khúc gỗ được nâng lên nhẹ tựa lông hồng. Cho là điêm lạ, Thái tử đem khúc gỗ về cung cất giữ, coi như một vật quý.

Một đêm nọ, nằm trằn trọc mãi không sao ngủ được, Thái tử định sang thư phòng xem sách. Khi đi ngang qua vườn Thượng uyển, bỗng thấy một cô gái trẻ, đẹp đang dạo chơi ở đó. Nghe tiếng động, cô gái nhanh chân chạy về phía hoàng cung, rồi biến mất. Thái tử lấy làm lạ: cô sao ở chốn này, nơi cung Thái tử lại xuất hiện cung tần mỹ nữ? Vậy cô gái xinh đẹp ấy từ đâu hiện ra? Thái tử nghĩ mãi không rõ cẩn nguyên và quyết định thức trắng nhiều đêm liền để xem cho rõ.

Thế rồi một đêm kia, Thái tử lại bắt gặp cô gái xuất hiện. Bất ngờ, Thái tử nhanh tay giữ cô gái lại trước khi cô lại hóa thân vào khúc gỗ trầm. Không còn cách nào hơn, cô gái đành phải kể lại lịch của mình cho Thái tử nghe. Thái tử đem lòng

thương yêu cô gái. Tin này liền đến tai vua cha. Nhà vua cho mời thầy đoán quẻ. Thấy có điềm lành, người liền cho đôi lứa kết duyên chồng vợ.

Sau mấy năm trời chung sống hạnh phúc, hai vợ chồng Thái tử sinh hạ được hai con, trai tên là Tri, gái tên là Quý.

Mặc dầu sống trong hạnh phúc, nhưng Thiên Ya Na vẫn thương nhớ vườn dưa chốn cũ, nơi có cha mẹ nuôi của mình đang sống trong tuổi già hiu quạnh. Lòng nhớ quê hương và tình hiếu thảo đã thôi thúc Thiên Ya Na trốn Thái tử, bỏ hoàng cung, cùng hai con biến vào khúc gỗ trầm men theo dòng nước biển trôi về quê hương người Chăm ở tại cửa bể Cù Huân. Khi trở về Đại An, bốn bề đều im lìm vắng vẻ, chỉ có núi cao đứng lại một mình. Cha mẹ nuôi của Thiên Ya Na đã qua đời từ lâu. Lòng bùi ngùi thương nhớ, Thiên Ya Na lập miếu thờ hai ông bà trên núi Đại An. Lưu lại Đại An một thời gian, Thiên Ya Na trở về núi Cù Lao. Tại đây, Thiên Ya Na đã tự tạc tượng mình bằng khúc gỗ trầm dựng trên núi rồi cùng hai con biến mất. Về sau dân chúng xứ này đem tượng đó để vào miếu thờ Bà.

Nói về Thái tử biển Bắc, từ khi xa cách vợ con, lòng chàng nhớ thương sâu hận không nguôi, bỏ ăn, bỏ ngủ. Thái tử bèn xin với vua cha cấp cho một đội chiến thuyền, ra biển, hướng về phía Nam, gióng buồm chạy suốt ngày đêm để tìm tung tích mẹ con Thiên Ya Na. Khi thuyền tới cửa bể Cù Huân, Thái tử cho người lên hỏi thăm dân chúng xem thử họ có biết Thiên Ya Na ở đâu không. Nhưng từ lâu lăm, dân chúng đã không thấy tăm tích của bà đâu nữa. Thái tử biển Bắc tức giận, nghi ngờ dân chúng không nói ra sự thật, bèn cho quân đỗ bộ lên bờ tìm kiếm. Bọn lính lên bờ đã giở trò đốt phá nhà cửa, cướp đi của cải, tàn hại dân chúng dã man. Bỗng lúc ấy, gió mạnh từ đâu nổi lên. Mặt biển đang êm dịu, bỗng nổi sóng to như núi, làm lật nhào cả đội thuyền của Thái tử chìm xuống biển. Tất cả quân lính đều bị chết đuối.

Từ đó, Thiên Ya Na rất linh ứng. Bà thường cưỡi voi trắng

dạo chơi trên đỉnh núi, có lúc thì hiện hình thành tám lụa trăng bay trên không trung, có khi thì cưỡi cá sấu qua lại giữa núi Cù Lao và Hòn Yến.

Theo dân chúng địa phương thì mỗi lần Thiên Ya Na đi lại như vậy, thường bắt đầu bằng mấy tiếng nổ như sấm, tiếp đến là hào quang rực sáng cả một vùng.

Nhân dân nhớ công đức của bà, bèn xây tháp để thờ bà thờ ông, thờ vợ chồng ông lão trông đưa và hai con của bà. Trải qua mưa nắng của thời gian, ngôi tháp đó vẫn còn cho đến ngày nay¹.

96. BA ÔNG THỢ THỔ (*Hay là sự tích Tục chạy hồi loan*)

Thuở ấy, ở vùng Liễu Đôi chưa có làng xóm, chỉ có một số gò đồng mấp mô trên mặt nước đồng chiêm mênh mông. Dân cư thưa thớt, bám trên các đống ấy mà sống. Mạng người như cái bóng nước, nay còn, mai mất là thường. Vì chỉ cần một con nước sa, một trận lũ lụt là tất thảy bị cuốn trôi đi hết.

Dạo ấy có ba anh em nhà nọ tài khỏe lạ lùng. Họ quyết đào đất vượt thô làm làng, quy tụ dân cư trên chỗ cao để tránh lũ lụt hoành hành. Trong ba anh em thì người em út là khỏe mạnh, hiền lành, chịu thương chịu khó hơn cả. Chàng đảm đương việc bê bốc là việc nặng nhọc nhất trong vượt thô, để hai anh cầm mai đứng đào xắn đất. Công việc dù nặng nhọc chàng

1. Theo một số sách nói thì toàn bộ cụm tháp Pônaga có cả sáu tháp: hai tháp để thờ bà và ông, hai tháp để thờ vợ chồng ông tiêu, hai tháp thờ hai người con (Trì và Quỳ). Tháp thờ Bà (Thiên Ya Na) là lớn nhất. Nhưng nay chỉ còn lại bốn tháp (ba nhỏ một lớn).

Tháp Pônaga xây trên một ngọn đồi nằm về phía tây bắc thành phố Nha Trang, ở cây số 25 - quốc lộ I Bắc, thuộc phường Vĩnh Phước, Nha Trang. Tháp do người Chiêm Thành xây vào khoảng thế kỷ thứ X.

vân vui vẻ, không một lời thở than suy ti. Họ làm suốt tháng, quanh năm, bồi đắp lên ba đống cao đầu tiên là đống Đông, đống Sáu và đống Thập, và ba ông ở ba đống ấy. Dân cư đến ở đong dần, họ xem ba anh em là "thổ công" của làng chạ và rủ nhau góp gạo lợn nuôi ba ông để tiếp tục mở mang làng xóm thêm nữa.

Tiếng tăm công đức của ba ông bay lên tận trời.

Một hôm, ba người đang đào thì có một vị thần từ chín tầng mây hiện xuống. Vị thần trùm mền nói với cả ba người:

- Bấy lâu nay các ngươi làm điều phúc đức lớn. Nay ta vâng lệnh Trời xuống ban thưởng cho các ngươi, để các ngươi chóng tròn công quả.

Nói rồi vị thần đưa bàn tay chói ngời hào quang vỗ vỗ vào cán mai của hai anh mà truyền:

- Từ nay hai cái mai này sẽ đào nhẹ như không và nhanh như gió.

Vị thần lại bước xuống chỗ người em đang bốc lò, nắm lấy hai bàn tay đầy bùn đất của chàng mà truyền bảo:

- Từ nay hai bàn tay này sẽ có sức mạnh bê bốc nghìn cân mà vẫn nhẹ như cầm hành lá.

Nói rồi, vị thần lại biến thành vàng hào quang chói lọi bay vút về trời.

Từ đó, ba anh em đào đất vượt làng, bồi nỗi nhanh như chiêm bao. Làng rộng, xóm cao, người người đều mang ơn ba ông.

Một hôm, ba ông đào được một thanh gươm lụ dưới lòng đất. Biết là gươm quý, cả ba đều muốn lấy. Nhưng anh cả vốn hẹp hòi, ích kỷ liền nói với hai em: "Ta vừa có công cầm mai đào, vừa là anh cả nên ta xứng đáng nhận gươm báu". Hai em đều phải nhường. Anh cả, rồi anh hai lần lượt xuống hố nhác gươm lên, nhưng thanh gươm nặng khủng khiếp, cả hai hợp sức cũng không nhích được tí nào. Cuối cùng họ phải nhờ người em út.

Chàng út nhảy xuống hố nhác thanh gươm ngàn cân lên, nhẹ nhàng như ta xách con dao rựa.

Người anh cả từ khi được gươm báu lại đâm ra sợ người em út có sức khỏe phi thường ấy có thể bắt thần đoạt mất gươm báu, nên đã tìm cách lôi kéo người em thứ hai vốn là người vô tâm, nhẹ dạ về hùa với mình, để cùng giữ gươm cho ông ta. Nhưng chàng út chẳng lấy đó làm buồn, vẫn một mực nhường nhịn.

Ít lâu sau, giặc ngoài tràn đến. Đất nước lâm nguy. Thanh gươm cứ rung lên và bốc lửa dữ dội. Áng sáng của nó tỏa khắp cả một góc trời. Bốn phương anh hùng hào kiệt, biết vùng Liễu Đôi có gươm báu đang bốc thần khí, chắc chắn là ở đó có tướng tài, bèn nô nức kéo về, xin theo người có gươm báu để đánh giặc cứu nước.

Người anh cả nghiêm nhiên được tôn làm tướng. Ông ta chọn người em thứ là phó tướng. Còn người em út, người duy nhất có sức sử dụng gươm báu thì phải chịu phận làm "quân tốt" hầu hạ hai anh. Mấy lần chàng khẩn khoản xin hai anh cho được nhận gươm báu để cứu nguy cho đất nước nhưng đều bị cự tuyệt, vì họ nghĩ thằng em mượn cơ vay để độc chiếm lại thanh gươm, tước quyền đứng đầu quân sĩ!

Hai người anh - hai vị tướng, người đầu gươm, người cuối gươm với mấy chục binh sĩ tráng kiện xúm vào hò hét trợ sức, họ mới khen nỗi gươm ra trận? Tất nhiên họ chẳng đánh đắm gì được. Giặc xô đến, khép chặt vòng vây, cả đội nghĩa quân có nguy cơ bị tiêu diệt. Lúc bấy giờ, người em út không thể chần chờ được nữa, liền xô lại, giật lấy thanh gươm nghìn cân trên vai hai anh và sĩ tốt, múa lên như bão táp, xông vào hàng trận trùng trùng của giặc mà đâm, mà chém. Thanh gươm của chàng lia đến chỗ nào thì vòng vây của giặc rãnh quang như bão táp quét cành khô lá úa chõ ấy.

Giặc thua to. Nghĩa quân được cứu nguy. Bấy giờ hai người anh mới hồi hận. Họ đồng thanh cùng nghĩa quân tôn ông út lên làm tướng. Nghĩa quân có tướng giỏi, có gươm thần, trên

dưới đồng tâm chiến đấu hy sinh, chẳng mấy chốc họ đã đánh cho kẻ thù kinh hồn bạt vía "cuốn cờ, dỡ rạp" chạy dài về tận nước chúng.

Đất nước thanh bình, nghĩa quân ai nấy trở về quê quán làm ăn. Ba ông "thợ thổ" lại về Liễu Đôi cũ. Người em mang gươm báu trả lại cho hai anh. Hai người anh đều thấy mình không xứng đáng nên từ chối không dám nhận:

- Em là tướng tài, có công, em nhận gươm này là phải.

Người em nói:

- Em là tướng giữa ba quân, chứ trong làng chạ, gia đình, em là phận dưới, đâu dám lạm quyền!

Ai cũng nhún nhường. Người em bỗng nảy ra ý hay, liên bàn với hai anh:

- Gươm thiêng của trời đất, chẳng ai dám độc chiếm làm của riêng là phải lẽ. Nay ta đặt lệ, hàng năm vào dịp xuân như hôm nay, ta mở cuộc chạy thi, ba anh em, ai về đống mình trước, năm ấy, người ấy được giữ gươm.

Cả ba đều vui lòng ưng thuận. Lúc bấy giờ, họ chọn chùa Ba Chạ ngày nay làm nơi khởi đầu cuộc chạy vì chỗ đó cách đều cả ba đống. Ngày hôm ấy là ngày rằm tháng hai.

Về sau, khi ba ông khuất bóng, dân làng lập đền thờ ba ông ở ba làng, hàng năm vẫn giữ lệ thi chạy, gọi là chạy "hồi loan" vào ngày rằm tháng hai và cũng khởi đầu tại chùa Ba Chạ.

97. ÔNG TẢ GIÁM ĐÀN

Đất Đống Cầu - xã Liễu Đôi xưa lừng danh võ vật vì có chàng Cả Quậy. Chàng là đô vật bậc nhất vùng này. Hình như trời sinh chàng ra để làm người vô địch.

Vậy mà Cả Quậy vẫn say mê rèn luyện đêm ngày không mệt mỏi. Bởi thế chàng thành người ngày càng tài cao chí cả.

Năm ấy Liễu Đôi mở Hội võ vật suốt mười ngày liên. Nhân tài bốn phương về Hội như nước chảy. Ai cũng gắng hết sức đua tài để mong lọt vào vòng giải.

Hội vui đến nỗi trời, nhất là đến ngày thứ tám, thứ chín. Cả Quậy vào gióng dấu với những anh tài bậc nhất của Hội. Hàng chục đô vào hạng quán quân lần lượt bị Cả Quậy loại khỏi vòng giải một cách nhẹ nhàng. Cả Hội bái phục tài ba của chàng. Cả Quậy sắp đứng vào dưới cây giải cọc thi bỗng có tiếng ai như sấm rền:

- Hãy khoan. Có tôi đây xin vào hạ chàng Cả Quậy.

Ai nấy giật mình vì thấy cửa gióng đã xuất hiện một đồ vật to cao sừng sững, da đỏ màu đồng hun, chân tay mặt mũi lấm láp đất cát, mắt sáng như sao trời. Thế là cuộc đọ tài làm sôi động gióng vật. Cả Quậy đâm lúng túng, đuối sức và đổ như một trái núi đổ.

Cùng thi lúc đó, người thắng Cả Quậy đã lẩn biến đi dangle nào mất, duy còn Cả Quậy ngơ ngác, bàng hoàng đứng trơ như trời trồng giữa gióng.

Đêm ấy, Cả Quậy lang thang trên mọi nẻo đường, theo hút những dòng người từ Hội tản về các ngả, dò tìm mong gặp lại đối thủ để quỳ lạy dưới chân, xin được làm học trò.

Ngóng ngả này đón ngả kia, gần sáng đêm mà vẫn biệt tăm biệt tích. Cả Quậy thất vọng, buồn rầu tựa mình vào một mõ đất giữa đồng vàng, úp mặt vào đất mà thở than, thỉnh lình nghe có tiếng đồng dạc ngay trên đầu:

- Cả Quậy, thôi đừng buồn nữa, ta hiểu lòng thành của ngươi rồi.

Chàng nhôm ngồi lên thì đã thấy người thắng mình sừng sững ngay trước mặt. Người ấy tiếp:

- Ta là thần của Đất, buổi ngày ta đã hóa thành đô vật để thử tài đức của ngươi. Người đáng được trọng thưởng.

Vì thần lấy trong tay áo ra một viên màu vàng như đất thô và bảo:

- Đây là ngọc của đất, ngươi hãy nuốt đi sẽ được bền lòng
bên sức và từ nay về sau, mỗi khi cần đến tài cao lực cả, cần đến
mưu thần chước thánh, ngươi cứ việc nằm xuống mặt đất lành
của ta, mọi việc sẽ được như ý.

Cả Quậy vô cùng cảm động, chưa kịp lạy tạ Thần Đất thì
Thần đã vùt biến mất rồi.

Ít lâu sau, có giặc Thái La tràn đến. Thế giặc mạnh lắm, nhà
vua phải bỏ kinh thành mà chạy trốn.

Cả Quậy cùng các anh tài hợp sức dựng cờ nghĩa, chiêu mộ
hung binh đánh giặc phù vua cứu nước. Mỗi lần sắp ra quân, Cả
Quậy nằm lăn trên mặt đất tìm mưu tính kế giặc.

Mặt đất làm chàng sáng lòng sáng dạ, nghĩ ngay được nhiều
mưu hay kế giỏi, trận nào chàng cũng thắng to.

Càng ngày chàng càng quý yêu mặt đất, chàng thường lăn
lóc trên đất, ấp ôm mặt đất. Chàng gối đầu lên đất mà ngủ, ngồi
bệt trên đất mà ăn. Lúc nào người chàng cũng lấm láp như một
anh thợ thổi.

Giặc tan, đất nước thanh bình, nhà vua xét công lao, phong
cho chàng chức Tả Giám Đàn coi sóc mọi việc quân cơ của triều
đình và gả công chúa Triệu Minh đẹp tuyệt trần cho chàng. Nhà
vua còn ban cho chàng một cái giường sơn son thếp vàng để
chàng khỏi phải nằm trên đất, trên cát.

Cũng từ đấy, cuộc sống Cả Quậy đổi thay khác xưa nhiều
lắm: Chàng mặc áo, đội mũ đại trào rực rỡ, chân đi hia, ăn trên
những bàn tiệc lớn bằng gỗ quý, ngủ trên giường son đệm gấm.
Chàng với mặt đất sần sùi, xấu xí đường như xa cách dần, lạ
lắm dần. Năm qua tháng lại, ngày thanh bình qua nhanh. Đất
nước lại bừng lên khói lửa. Giặc ngoài lại tràn vào. Chàng Cả
Quậy Tả Giám Đàn lại được cử làm tướng đánh giặc. Chàng lại
phải ăn nằm trên đất mong tìm mưu cao kế lạ, nhưng bấy lâu
sống cảnh phong lưu đài các đã quen, bấy giờ chàng ngại sự lấm
láp, bẩn thiú của bùn đất, nên bùn đất chàng giúp chàng nghĩ
ra được mưu lạ chước khôn.

Chàng ra quân lần nào cũng bị thua. Cuối cùng, chàng chết trong dám tàn quân.

Tại thôn Đồng Cầu - Liễu Đôi nay còn đền thờ Tả Giám Đàn và trong dân gian còn lưu hành câu ca dao:

*Vạn niên thiên cổ cơ mâu,
Vị tướng làng Cầu đánh giặc Thát La.
Trăm năm gánh vác sơn hà
Năm thì binh pháp giờ ra ầm ầm.*

98. ÔNG THẮP ĐÈN, ÔNG ĐÁNH CHIÊNG, ÔNG CHIÊNG LỆNH

Ngày xưa, ngày xưa ở đất Phượng Vĩ¹ có một người đàn bà nghèo nhưng hiền lành và chuyên làm những việc phúc đức.

Một hôm ra đồng thấy một bông súng to xòe nở như cái quạt, tỏa hương thơm ngào ngạt, bà thích lắm, bèn áp mặt vào bông hoa mà hít ngửi thỏa thuê. Không ngờ vì thế mà bà thụ thai. Bà mang thai ba năm, rồi sinh ra một cậu bé năm bất động, nhưng đôi mắt lại mờ to, sáng rực. Tin lá truyền khắp nơi.

Nhiều người khuyên bà nên rời bỏ đứa con quái dị ấy để khỏi luy đến thân. Bà không nghe, vẫn một mình chăm bẵm, nuôi con sớm tối!

Thuở ấy, trời đất ngày càng loạn to, khắp nơi giặc ngoài tràn vào giặc trong nổi dậy như ong, xóm thôn tiêu diệt, tan nát. Bà ôm con chạy vào rừng già, hang núi tìm chỗ ẩn thân.

Cho đến một ngày kia, bà chạy lạc vào trong một hang đá trập trùng, sâu thẳm. Bà càng đi càng thấy không cùng. Lâu dần, bà quên cả lối ra và dần dần kiệt sức. Bà vẫn ôm đứa con nằm bất động trong lòng và lê đi từng bước. Đến khi không đi

1. Phượng Vĩ : nay thuộc xã Liêm Túc.

được nữa thì bà đành nằm thoi thóp bên con. Giữa lúc thập tử nhất sinh ấy, bà bỗng thấy hào quang chói lòa hang núi. Từ vầng hào quang ấy, một vị thần râu tóc bạc phơ hiện ra, trao cho bà một cái đèn, và nói rằng:

- Tình mẫu tử thật ngàn non khó sánh. Công đức này thật đáng được nêu gương. Nay bà cầm lấy cây đèn này, đưa cho đứa con kia và dặn rằng, khi nào gặp hoạn nạn cứ việc đốt đèn lên thì cứu được mình, trừ được nạn, cứu được đời!...

Nói xong, vị thần biến mất và bà mẹ cũng đã đến lúc trút hơi thở cuối cùng. Bà mẹ cố gắng dặn con, rồi đưa cho con cây đèn thần. Bà vừa đặt cây đèn vào tay con, thì nó vùng đứng dậy cao chạm nóc hang. Bà mẹ chỉ còn kịp nhìn thấy con mình như vậy rồi nhắm mắt. Người tráng sĩ ôm xác mẹ khóc thảm thiết, rồi chôn xác mẹ và tìm lối ra khỏi hang.

Được tin đát này có người tráng sĩ kỳ lạ đứng lên cứu nước, bọn giặc các nơi kéo đến tịt diệt. Nhìn thấy tráng sĩ cao lớn nhưng chỉ có một mình, tay lại cầm một cái đèn con, thì chúng coi thường, càng hô nhau ào ạt tiến tới. Chờ cho giặc tới thật gần, người tráng sĩ mới đốt đèn lên. Ngọn đèn vừa đốt lên thì ánh sáng của nó tỏa ra rùng rực, và từ nguồn ánh sáng đó hàng ngàn vạn quân sĩ hiện ra, người ngựa rùng rùng, vung gươm sáng loáng, tiến lên đánh giặc. Giặc bị đánh bất thần nên thua to chạy tán loạn. Xong trận tráng sĩ lại tắt đèn, quân sĩ lại biến đâu hết. Từ đó người ta gọi ông là ông Thắp Đèn. Quân ông mạnh, lại thoát hiện, thoát biến, thoát có, thoát không, giặc không biết đâu mà lường trước được.

Ấy vậy mà giặc vẫn nhiều như cỏ rác, chúng sinh tụ khắp nơi. Trời cao, đất rộng, làm sao có thể đi hết được? Vừa đánh giặc, ông Thắp Đèn vừa âu sầu, đau xót. Một mình ông làm sao có thể trừ hết giặc dữ! Rồi một hôm, ông đang đi ngang qua một cánh đồng, ngựa ông bỗng dừng lại hí vang. Ông vội dừng lại, thì thấy hai cái đầu đang há miệng ra thở. Một cái mặt đỏ mày xanh, một cái mặt đen tai rộng. Ông thương quá, vội cúi xuống

bốc hai cái đầu, lấy áo gói lại. Không ngờ, hai cái đầu đều nói với ông:

- Hai ta bảo cho người biết: hai ta vừa bị giặc chặt đầu? Cứ vớt xác hai ta ở đầm kia, đặt đầu vào, thì được mọi sự như ý!

Ông Thấp Đèn làm theo. Hai người nọ sống lại. Ông mặt đỏ, mày xanh nói:

- Tôi có cái chiêng ở dãy núi kia, hễ đánh lên thì tỏa quân đi, tôi xin giúp tướng quân!

Ông mặt đen tai rộng cũng nói:

- Tôi có cái lệnh ở quả đồi kia, hễ đánh lên thì thu quân về, tôi xin lấy giúp tướng quân!

Ông Thấp Đèn mừng rõ và ưng thuận ngay. Buổi chiều hai người cùng mang chiêng, lệnh về với ông Thấp Đèn thì giặc lại kéo tới. Ông Thấp Đèn mang đèn ra đốt, quân ông tỏa ra rầm rập. Ông mặt đỏ, mày xanh đánh lên một hồi chiêng thì quân của ông Thấp Đèn tiến lên ào ào, đuổi bọn giặc bạt xa vạn dặm. Giặc đã thua chạy tan tác thì ông mặt đen, tai rộng lại đánh lên một hồi lệnh, quân của ông Thấp Đèn dù ở xa vạn dặm cũng về hết. Ông Thấp Đèn chỉ việc thong thả tắt đèn đi là quân lại biến mất. Từ đó, người ta gọi ông mặt đỏ, mày xanh là ông Đánh Chiêng, ông mặt đen, tai rộng là ông Chiêng Lệnh.

Nhờ cùng góp sức, ba ông đánh giặc ngày càng thắng to. Muôn người nô nức, vạn dặm vui mừng, đội ơn công đức ba ông. Vận nước cơ chừng sắp yên ổn.

Song một hôm, có một con Đại Diểu không biết từ đâu bay đến, cánh nó che rợp cả cánh đồng, quạt gió dùng dùng như bão. Bộ lông nó đỏ như lửa và vuốt sắc tua tua. Ấy vậy mà nó chẳng làm hại ai cả. Ông Thấp Đèn để ý thấy: hôm nay nó công dê lên trời chơi, rồi lại đưa về. Ngày mai nó tha cả một con trâu lớn bay đi, rồi lại mang về nguyên vẹn. Ông Thấp Đèn ngẫm nghĩ: chắc đây là điềm trời phù hộ. Ông bèn đến gần Đại Diểu mà rằng:

- Nhà ngươi ở xứ nào mà từ thiện đến vậy?

Đại Diểu cười khà khà, nói như người:

- Ta ở xứ vô cương, ta là người vô địa! Muốn dê, muốn lợn, muốn gà, muốn ngựa ta cũng mang về cho.

Ông Thấp Đèn mừng lắm. Ngay ngày hôm sau, Đại Diểu đã tha từ rừng về bao nhiêu là dê, lợn, gà, voi... cho ba ông. Ba ông vui lòng đón nhận Đại Diểu về ở chung. Đại Diểu lại ngày ngày vào rừng tha về không biết bao nhiêu lợn, voi, dê, ngựa...

Ba ông đang mừng vì thấy dân được yên ổn, mà quân minh ngày một mạnh, thì bỗng đâu bốn bề lại dùng dùng lửa khói. Lần này, giặc kéo đến nhiều không kể xiết. Ba ông vẫn điềm tĩnh như thường. Mãi đến khi quân giặc tràn đến như thác, các ông mới bàn mưu chống cự, thì nào ngờ đèn thần đã mất?

Lúc ấy Đại Diểu cũng xoã cánh bay về. Ba ông mừng lắm, kêu lên với Đại Diểu rằng:

- Nguy to, nguy to? Đèn thần đã mất! Đại Diểu hãy cứu chúng ta với!

Đại Diểu cất tiếng cười khà khà mà rằng:

- Đèn thần kia thời ta đã giữ? Böyle giờ chỉ còn bộ vuốt của ta thôi!

Nói xong, Đại Diểu sà xuống dùng vuốt sắc quắp chặt lấy ông Thấp Đèn, rồi mổ cho vỡ đầu. Ông Đánh Chiêng, ông Chiêng Lệnh thấy thế nguy vội vàng đến cứu ông Thấp Đèn, nhưng ông đã chết. Hai ông bèn quyết tử với Đại Diểu. Trận đánh nhau vô cùng dữ dội. Cuối cùng khi kiệt sức, hai ông bèn lấy chiêng, lấy lệnh úp lên người để tránh mổ Đại Diểu. Đại Diểu cố lật chiêng lệnh lên, nhưng không tài nào lật được. Nó bèn bỏ đáy bay về rừng sâu. Nó vào hang đá nơi nó giàu cày đèn thần. Nó dùng vuốt quắp cây đèn thần, rồi bay ra khỏi hang, bay ra khỏi rừng...

Khi ông Đánh Chiêng, ông Chiêng Lệnh lật chiêng, lệnh ra, nhìn lên trời thấy Đại Diểu dang cánh quắp đèn thần bay đi,

hai ông hốt hoảng, lo sợ, nếu cây đèn thần rơi vào tay kẻ thù thì nguy hiểm cho đất nước. Bởi vậy, hai ông ráng hết sức đánh chiêng, đánh lệnh liên hồi. Tiếng chiêng, tiếng lệnh làm bầu trời nổi gió ù ù... Đại Diểu cố gắng bay trốn cho nhanh, nhưng nó bị gió giữ cản lại. Tiếng chiêng, lệnh càng rung lên dữ dội hơn, gió cũng nổi lên thành bão tố mạnh mẽ hơn. Đại Diểu bị gió quất mạnh, cây đèn rơi ra, va vào núi đá vỡ tan tành...

Tiếng chiêng, lệnh ngừng, ông Đánh Chiêng và ông Chiêng Lệnh cũng ngã ra chết vì kiệt sức.

Để tưởng nhớ người có công cứu dân, cứu nước, dân Đăk Vĩ lập đèn thờ ba ông. Ông Thắp Đèn được tôn làm "Vua". Ở đầu làng Vĩ Khách, ngày xưa có đèn thờ "Vua" Thắp Đèn.

Mỗi lần nhắc đến ông Thắp Đèn, dân gian rất tôn sùng và để lại câu ca dao:

*Đó ai đêm được chư thần
Đó ai tìm được quân ông Thắp Đèn..¹*

99. ÔNG TRẠNG VẬT

Thuở ấy trời nước mênh mông, người thì ít mà yêu quái thì nhiều vô kể. Thổ thần có quyền to và rất hung ác. Lão sai yêu Nước, yêu Gió, yêu Lửa hoành hành quấy nhiễu khắp nơi. Lão đi đến đâu người vật tan tác đến đấy. Cho nên đất Liễu Đôi trở nên hoang dã, lau sậy mọc um tùm, cả một vùng chỉ nghe tiếng quái vật kêu eng éc...

Rồi một hôm, bỗng người ta thấy có một cây sậy mọc lên đúng đùng giữa vùng hoang dại ấy. Mọc lên buổi sáng, đến tắt mặt trời cây sậy đã tầy người ôm và tự nhiên nứt đôi, một chàng trai to lớn kỳ lạ bước ra từ cây sậy. Chàng đóng khố đỏ, mặt vuông, cầm rộng, cổ đỏ như cổ gà chọi, bước đi sụt cả đất. Chàng cất tiếng oang oang réo gọi lão Thổ, làm kinh động cả một vùng.

1. Có người lại nói là ông Tắt Đèn.

Lão Thổ nghe tiếng liền lao tới, rút gậy "vạn hình" từ lỗ mũi ra, chỉ vào mặt chàng trai mà gầm lên:

- Trời đất nào sinh ra mày hả thằng lạc loài kia? Ta là Thổ Thần đây, ta là chúa tể. Mày muốn sống thì quỳ xuống lạy ta đi.

Chàng trai biết lão Thổ lửa mình để bỗng gậy xuống đầu, nên chàng sấn lại thét rung cả núi non đồng ruộng:

- Hung thần, ta quyết vật chết ngươi đây!

Lão Thổ rùng mình lùi lại, chàng đã giang rộng đôi tay lực lưỡng, vươn cổ lao vào. Lão Thổ vội đậm đầu gậy xuống đất. Một lú yêu quái con vàng, con đen hét lên choe chui ra. Yêu Nước dâng sóng bạc đầu cuồn cuộn. Yêu Gió gầm hú lên từng trận lớn, làm cây cối đổ rạp, làm nước dựng những ngọn sóng chạm tới mây xanh. Yêu Lửa thở ra từng đám cháy, làm sóng sôi lên sùng sục. Rồi tất cả bọn yêu quái xông lại, chúng túm đằng cổ, đằng đầu, đằng chân, đằng tay chàng. Bất ngờ, chàng rùng mình lăng mạnh, bọn yêu bắn văng ra tán loạn. Thuận đà, chàng xông tới toan vồ bắt, thì chúng đã rúc vào cái gậy thần của lão Thổ lẩn trốn. Lão Thổ lùi lại, rồi lại gõ đầu gậy xuống cho bọn yêu tỏa ra. Cuộc vật lộn lại diễn ra. Sóng gào, lửa cháy, bão giật càng dữ dội. Cứ thế tới gần sáng, chàng mệt lả, bọn yêu quái bắt được chàng, nhưng không làm sao giết được chàng. Chúng bèn bỏ chàng vào một cái quan tài rồi chôn sâu dưới chín thước. Nhưng chỉ một lát thì chàng tỉnh lại. Chàng giãy giụa làm bật tung cả cổ quan tài, hất tung cả tầng đất nặng. Khi chàng đội đất mà lên thì trời đã sáng. Lão Thổ lại tới, ác chiến lại xảy ra kinh thiên động địa. Chàng mệt lả, bọn yêu lại chôn chàng xuống chín thước đất. Chàng lại tỉnh lại, lại tung đất nhoi lên mà đánh nhau.

Năm này sang năm khác, trận đấu không phân thắng bại, nhưng hung thần và yêu quái cứ suy yếu dần. Trong khi yêu quái cuốn vào cuộc đấu trường kỳ ấy, thì con người mới có cơ sinh sôi và hung thịnh lên, cho đến một ngày đủ sức, họ hợp lực cùng chàng trai vào cuộc đấu cuối cùng.

Được dân thôn hợp sức, chàng trai trở nên hùng mạnh dẻo dai ghê gớm. Chàng cùng thôn dân dồn lão Thổ và lũ yêu quái vào một vùng hiểm trở, rồi bắt thần chàng nhác bỗng một quả núi lên, chụp xuống đè tiệt cả lũ chúng.

Từ bấy đến nay, lão Thổ tuy không chết, nhưng vẫn phải nằm tịt dưới đất đen, thỉnh thoảng lại giãy lên gây thành những cơn động đất.

Khi nước rút dần, đồng đất hết yêu ma quỷ quái, dân thôn yên lành, chàng trai lại đem hết sức lực truyền dạy võ nghệ cho mọi người. Hội vật võ mở ra khắp nơi, và chàng là người vô địch nên được gọi là Trạng Vật.

Lại truyền rằng: khi đất nước có giặc ngoại xâm thì Trạng Vật rèn gươm, quy tụ anh hùng hào kiệt đánh giặc. Trạng là người vạn thọ vô cương nên không một kẻ thù nào giết nổi. Đã có lần, đang đánh giặc thì chàng bị giặc chém rơi đầu, chàng xách lấy đầu chạy trăm dặm, lắp đầu lên, rồi quay lại tiếp tục chiến đấu.

Thế nhưng, có một lần trong một trận ác chiến, đầu chàng bị chém văng đi quá xa, giặc hò nhau cướp lấy, xách chạy tuốt về hướng Bắc, còn ngựa của chàng thì bị chúng dồn đuổi riết về hướng Nam. Cái xác mài không có đầu lắp vào đành phải dỗ nhào xuống ngựa, Trạng Vật mất từ đó.

Liễu Đôi lập đền thờ Trạng Vật, hàng năm cúng giỗ Trạng để tỏ lòng nhớ ơn người anh hùng cứu dân, cứu nước.

100. MAY ÁO CHỒNG BẰNG HƠI THỞ ẤM

Người ta gọi bà là bà Chúa Bình. Bà là một võ nữ có sức vóc phi thường. Ngoài 30 tuổi bà vẫn chưa nhận trầu của ai. Bố mẹ mất sớm, một mình bà vỡ đôi, cuộc bái hoang hàng chục mẫu ruộng mà chẳng nhờ và thuê mượn một ai cả. Bà làm cô, bà gặt lúa, gánh lúa cứ quần quật hết cánh đồng này sang cánh đồng khác. Bà làm đã giỏi lại nhanh. đôi vú to của bà đập vào đòn

cào, vào cán cào, cán cuốc nghe đầm đập cả ngày. Chính vì có sức vóc như vậy, nên mùa đông đứng bên bà thì như đứng bên đồng sưởi. Hơi thở bà ấm nóng và thơm như hương lúa.

Cùng thời, ở làng Kênh (nay thuộc xã Liêm Sơn) có một người đàn ông gọi là Tư Sinh. Thuở đương trai, Tư Sinh nổi tiếng là dò khỏe. Người ông to quá khổ, đến nỗi không quần áo nào mặc vừa. Mà đâu có mặc vừa thì chỉ vài ngày sau là rách tung, vì cơ bắp thịt xương ông cứa rách. Thành ra, ông chỉ mặc được một cái khố cỡ mười vuông, đi cày thuê cuốc mướn quanh năm.

Hôm ấy vào dịp tháng Mười, đương mùa gặt, trời trở rét. Bà Chúa Bình đi gặt về. Đến nửa đường bà ngồi xuống đi tiểu. Cũng vừa lúc đó ông Tư Sinh ở làng Kênh xuống, rét quá tưởng là đống lúa thì chui vào ẩn cho ấm một chút. Càng lách vào, Tư Sinh càng thấy ấm áp. Mãi tới khi nhìn thấy thân thể của người đàn bà, Tư Sinh thẹn quá, vội bò trở ra, chạy biến mất. Từ đấy bà Chúa Bình vẫn để ý xem quanh vùng ai là người thợ cày cởi trần đong khố, lực lưỡng đã chui vào sưởi ấm hôm trước.

Lại đến một dịp khác, ông Tư Sinh đi bắt cá ở dưới đồng Ngòi. Trời nắng, ông cởi khố đội đầu rồi xuống một cái đầm rêu mờ cá. Đầm cạn, nỗi từng đống rêu mà cá thì chẳng có. Giời xui khiến thế nào mà hôm ấy, bà Chúa Bình cũng đi lấy rêu cho lợn ăn. Thấy thấp thoáng có người đàn bà đi về phía đầm, Tư Sinh cả thẹn, vội chui ẩn mình vào một đống rêu. Bà Chúa Bình vớt rêu được một lúc thì gặp một cồn rêu to nhất. Bà xốc cồn rêu lên, bỗng giật mình vì từ trong đống rêu nhảy ra một chàng trai lực lưỡng. Chàng trai toan chạy, bà sấn lại nắm lấy cánh tay mà rắng:

- Tôi nay đã biết chàng là ai rồi. Cơ trời như đã định liệu, xin chàng đừng bỏ dịp này.

Từ đó, hai người ý hợp tâm đầu, rồi trở thành vợ chồng. Thấy chồng không có quần áo mặc, bà Chúa Bình rất thương. Bà tuốt sợi gai dệt áo cho chồng. Nhưng cũng chỉ được vài ngày

thì quần áo lại rách toạc cả. Biết chồng không thể mặc quần áo được, nên về mùa đông, bà luôn ở bên chồng, đem hơi thở nóng ấm, nồng nàn ủ cho chồng. Hai vợ chồng thường làm chung một việc để truyền hơi ấm cho nhau.

Đồng điền năm ấy đang tốt thì có giặc phương Bắc tràn đến. Bà Chúa Bình cùng với chồng dựng cờ chiêu tập hiền tài đánh giặc. Bà may một lá cờ đại, dựng giữa làng. Đêm đến đốt lửa, thúc trống để chiêu tập binh sĩ. Ai đến tụ nghĩa dưới cờ thì được ông bà khen khen lên vai, chạy quanh làng một vòng, hễ khi thả xuống, người đó đứng vững, không lảo đảo thì mới được nhập vào nghĩa quân. Do vậy, có tên làng Kênh từ đó. Khi tuyển được vài nghìn quân, ông bà xuất binh. Hai ông bà đánh được nhiều trận lớn. Nhưng thế giặc mạnh mà nghĩa quân thì ít nên cũng nhiều trận ông bà bị thất bại.

Một hôm, vào mùa đông giá rét, bị giặc đuổi gấp, nghĩa quân phải tìm lối thoát bằng cách vượt qua một con sông rộng. Sang được sông, ai nấy quần áo ướt sũng, rét run cầm cập. Nhìn chồng và quân sĩ rét tím thịt, lả d่าน, bà Chúa Bình thương nhớ nước mắt. Bà thắt bụng thở ra hơi nóng, sưởi cho mọi người. Nhưng cơ chùng chồng và quân sĩ quá mệt mỏi, lại rét cổng, có thể sẽ nguy mất. Bà cuồng cuồng, cố lấy hết sức ôm ấp, hà hơi, lay gọi mà không được. Tiếng kêu cứu của bà thảm thiết, vang dội cả chín tầng mây. Trời động lòng thương, cho một vị Thần chói lòa ánh hào quang hiện ra, đưa cho bà một chén rượu và nói rằng: "Con uống đi, rồi hà hơi mạnh vào chồng con". Vị thần biến mất. Bà làm đúng như lời Thần, ráng hết sức thở thật mạnh. Tức thì, một cái áo dày dặn, màu hồng điều bay ra. Bà vội mặc cho chồng. Ông Tư Sinh được mặc áo thì hồi lại ngay.

Lại nói, sau khi cứu được chồng, bà Chúa Bình nhìn nghĩa quân run rét mà đau đén chín khúc ruột, bà dùng hết sức thắt bụng, thắt ruột, thắt gan thở mạnh ra từng hơi một. Mỗi hơi thở của bà lại bay ra một cái áo. Quân sĩ ai đã có áo mặc ấm thì tỉnh lại như thường. Nhưng càng thở càng mệt, người bà tái đi... Cho

tới khi thở được chiếc áo cho người nghĩa sĩ cuối cùng, bà cũng hết hơi, toàn thân bà đổ xuống mặt đất đánh "rầm". Trời rung chuyển! Gió bão nổi lên mù mịt. Ông Tư Sinh cúi xuống vuốt mặt cho bà, rồi cùng quân sĩ tuốt gươm lao vào trận mới, quyết trả thù cho bà.

Người ta lại đồn rằng, sau năm ngày xác bà trôi về tận làng. Vết xác trôi thành một cái ngòi dài. Cách đây không xa, vệt ngòi đó vẫn còn kéo suốt từ Động Tam, Động Tứ (xã Liêm Cân) qua làng Chàm, làng Thị (Liêm Thuận), qua Sáu, Đống (Liễu Đôi) cho đến làng nọ thì dừng lại. Làng ấy, sau gọi là làng Ngòi (xã Yên Chung, huyện Ý Yên). Thì ra cái tên làng Ngòi có từ thuở ấy.

101. ÔNG THẦN ĐỔ

Xưa ở làng Chanh (nay thuộc xã Liêm Sơn), có một chàng trai mồ côi cha mẹ từ sớm. Nhà nghèo nhưng sức khỏe của chàng thì không ai sánh nổi. Chàng ở một mình trong một túp lều ngay chân núi Đổ ngày nay.

Chàng chuyên sống bằng nghề đánh rọ cua, cá. Một đêm kia chàng đi nhặt rọ, có một cái rọ nhắc lên thấy nặng lắm, nhưng nhìn vào chỉ thấy độc có một con cá trê to bằng cổ tay. Chàng toan thò tay bắt lấy thì con cá đã cất tiếng bảo chàng:

- Người chớ bắt ta, ta bảo tin này: chỉ mươi hôm nữa thì cá lụt to lắm. Người liệu mà lo thân.

Chàng mở rọ buông cá ra. Từ đêm ấy chàng ra sức kiểm gỗ đóng một cái thuyền cực kỳ lớn, lòng thuyền rộng bằng cả một gian nhà và dài bằng mấy cây cau. Chàng vào rừng chọn một cây hương thật to như cái cột làm sào. Chàng báo tin dữ cho mọi người, nhưng không ai nghe nên chàng ai chịu chuẩn bị thuyền mảng, bè buc gì cả. Quả nhiên đến ngày thứ mươi thì có trận đại hồng thủy dữ dội. Trời mưa ồng ộc như trăm ngàn cái cống từ trời cao tháo xuống. Bão gầm, gió giật làm nhà cửa trâu bò...

trôi nổi tan tác. Nước dâng lên quá nửa ngọn tre cao nhất. Sóng ầm ầm dựng lên như những quả núi lớn. Mặc cho sóng gió hung hỗn, chàng trai vẫn chống thuyền đi cứu vớt thiên hạ. Cứ vớt được đầy thuyền người, chàng lại chở vào chân núi cho họ lên trú chân. Chàng đế chở được mấy chục thuyền, cứu được bao nhiêu là người. Cho tới khuya, trăng lên thì trời mới ngót mưa gió. Chàng quay thuyền ra toan cứu một chuyến nữa thì đã kiệt sức l้า. Chàng đành ôm sào ngồi xuống thang thuyền, nghỉ cho lại sức. Bỗng nhiên chàng thấy ánh trăng bị che khuất. Trời tối sầm lại, chàng ngửa mặt lên nhìn thì thấy một con chim rất to, dẽ chưa bao giờ chàng nhìn thấy một con chim to như thế. Nó bay xuống đậu trên đầu chàng mổ hai nhát, một nhát ở gáy, một nhát ở hâu và nói rằng:

- Ta là thiên thần được Thượng đế sai xuống đây. Ta thấy con dốc lòng cứu nạn, muốn cho con nhiều phép lạ. Trong người con bây giờ có bâu máu quý. Lỗ ở sau gáy con là để tra gươm. Lỗ ở trước hâu con là lỗ tử, con chớ động tới...

Nói xong, con chim đập cánh bay về trời. Chàng đưa tay sờ sau gáy thì chạm ngay phải cái đốc gươm dựng đứng. Cả thân cây gươm ngập trong lưng chàng. Chàng rút thanh gươm ra, thấy nó dài tới năm thước, màu đỏ lấp loáng dưới ánh trăng. Chàng mừng l้า, vì biết thanh gươm sẽ giúp cho chàng được nhiều việc ở đời. Chàng tra gươm vào gáy, thấy người khỏe hẳn. Chàng lại ra sức chèo chống cứu nạn cho đến người cuối cùng mới chịu nghỉ.

Lại nói thuở ấy ở núi Sơn Thông (nay thuộc xã Liêm Sơn) đêm đêm thường cháy sáng rực. Người ta đồn đó là quả núi vàng, nhưng nào có ai dám đến. Lại kể rằng: về mùa xuân những ngày tạnh nắng, thần ở núi ấy thường đem vàng ra phơi đỏ ôi nhưng có người lần đến nơi thì lại chẳng thấy gì...

Từ khi chàng trai có được nhiều phép lạ, bèn xách kiếm đi khắp nơi cứu vớt thiên hạ. Đêm đêm chàng trở về núi Sơn Thông ngủ. Núi cao, gió mát, cảnh thanh vắng bao la càng làm

chàng ngon giác. Một đêm, chàng chợt tỉnh giấc vì nghe phảng phất như có bước chân người. Chàng hé mắt nhìn thì thấy một cảnh tượng lạ vô cùng: dưới ánh trăng vàng vặc, có một người đàn bà khổng lồ bằng vàng, da ánh lên muôn ngàn hào quang đẹp lạ lùng. Đó là Nữ Thần Vàng. Nàng nhẹ nhàng đi lại, ngồi xuống, đưa bàn tay mát rượi đặt lên trán chàng, ve vuốt cho chàng ngủ. Chàng trai nắm lấy cổ tay nàng và vùng ngõi dậy. Nữ Thần Vàng cố giật ra chạy trốn. Hai bên giằng co khá lâu không bên nào chịu bên nào... Trong lúc giằng co, có lúc hai người áp sát vào nhau, chàng thấy hơi thở nàng ấm nồng nàn và thơm tho như cô gái trần gian thì mừng lắm, và đem lòng yêu mến. Cũng vì mê thích nàng quá mà có lúc nắm tay nàng không được chặt, nàng rút tay ra được, chạy biến mất...

Từ đêm sau trở đi, nàng hiện hình thành người khổng lồ, đứng giữa trời chia vàng cho thiên hạ. Trăm ngàn nơi trong nước đến gánh vàng về. Những gánh vàng nặng tỏa đi khắp nơi. Quả núi nào người ta cũng đào để cát vàng. Cánh đồng nào người ta cũng vùi vàng. Cánh rừng nào người ta cũng chôn vàng, dân thịnh, nước giàu toàn là vàng bạc của cải. Vàng trôi ra cả bể. Ở đâu cũng có vàng, giàu quá.

Sự thịnh vượng ấy lọt vào mắt giặc phương Bắc, chúng thèm nhỏ dãi. Chúng cất quân sang đánh ta để hốt vàng, để cướp Nữ Thần Vàng. Quân giặc ô ạt tràn qua bờ cõi, chúng đông như kiến cỏ. Ngay lập tức, chàng trai chiêu tập binh sĩ, kịp ra quân giết giặc. Chẳng ngựa voi, khiên giáp gì cả, chàng lững lững vào trận mà tên đạn, giáo gươm của giặc không đụng được đến người chàng. Với thanh gươm rút ra từ sau gáy, chàng chuyển thế múa như bay. Chàng chém ngang, phạt dọc làm chúng chết chồng chất lên nhau. Giặc ùa lên bao nhiêu, chàng chém hết ngần ấy. Chàng múa gươm vọt qua những núi thây giặc mà tiến. Giặc thua to, rút chạy tán loạn. Chàng tra gươm vào gáy và cũng như mọi người lại quay về quê cũ...

Nhớ nàng Thần Vàng, chàng trở về núi Sơn Thông nằm ngủ.

Canh ba chợt tỉnh giấc, chàng lại thấy nàng hiện lên. Nhưng lần này nàng không phải là một cô gái bằng vàng nữa. Nàng là một cô gái trần gian óng ả, thuốt tha. Da nàng trắng như ngà, khuôn mặt tròn đầy như mặt trăng, mái tóc dài buông xoã xuống tận gót. Nàng tới ngồi bên chàng và thủ thỉ:

- Nay giặc đã tan, tôi mới lại được gặp chàng. Chàng đã mang hết sức che chở cho tôi. Tôi xin làm người sửa túi nâng khăn cho chàng có được không?

Chàng cảm động quá, cầm tay nàng mãi mới nói nên lời. Trò chuyện vừa đến canh ba thì bỗng dung bốn phương vang dậy tiếng người reo, ngựa hí. Chàng chưa định thần đã có tin cấp báo: giặc nhiều như nước, phá vỡ mọi cửa ải, tràn vào tứ phía! Chàng vừa đứng lên đã thấy lửa cháy đỏ bốn phương trời. Quân giặc ào ào bao quanh như thác dữ. Biết thế nguy ngập lắm, một mình chàng không thể chống giữ nổi, chàng chỉ kịp dặn vợ mấy câu: Nay giặc già loạn ly, vợ chồng ta cách biệt không biết đến bao giờ. Thôi nàng hãy mau trốn vào trong lòng đất kéo giặc kéo đến kia rồi!

Người vợ đành vâng theo. Chàng ngửa cổ cầu trời. Mặt trăng rõ ràng lộ ra và con chim ngày xưa bay xuống. Chàng khẩn khoản nói với chim:

- Trời cao đất rộng là bao nhiêu, chỉ có thanh gươm này làm sao trừ hết sói độc truyền đời? Nay tôi muốn mang bầu huyết lạ tươi cho khắp nhân thế để đời đời nỗi dỗi. Xin chim thần vui lòng cho tôi động tới cửa tử này.

Chim thần chưa kịp can ngăn, chàng đã rút kiếm sau gáy đâm vào lỗ tử trước hầu. Chim thần hiểu ý, liền giang cánh, xòe vuốt, quắp lấy chàng và bay lên cao. Chim thần theo ý chàng, bay qua sông, qua núi, qua làng nước thôn quê, qua mọi vùng. Máu chàng nhỏ xuống đến đâu thì ở đó sinh ra con cháu, nảy nở, xuất hiện anh hùng, nữ kiệt cùng nổi lên đánh giặc.

Cuối cùng chim thần đưa chàng về quả núi quê hương. Chim hạ cánh. Chàng đứng không vững nữa. Chàng lảo đảo rồi ngã

vật xuống làm chuyển rung trời đất, núi non sụp đổ lung tung. Từ đấy, người dân quê hương gọi chàng là ông Thần Đổ.

102. CHÀNG ĐÁNH GIẶC BẰNG CÁI MÓNG TAY

Ngày xưa, không ai nhớ là đời nào ở đất Liễu Đôi có một chàng trai kỳ lạ: đêm sinh ra chàng là một đêm giông gió. Bà mẹ đẻ ra một bọc hào quang, rồi một lúc mới nở ra chàng. Sự lạ này dần dần người ta cũng quên đi, mà chỉ nhớ có một điều là chàng rất ham và mê vật, ham mê đến nỗi tay chân chàng lúc nào cũng cứ rắn rật bồn chồn, không lúc nào yên được.

Thuở ấy, đất nước đang rên xiết dưới ách quân xâm lược, người người bắt bình, nhà nhà nổi giận. Chàng cùng hàng vạn người lên đường theo quân đánh giặc. Thế giặc còn mạnh, quân tan, chàng bại trận, giặc đuổi theo ráo nết.

Chàng vừa chạy, vừa cầu trời phù hộ để được tiếp tục đánh giặc. Một đêm, chàng lạc vào một cái động lạ, hào quang rực rỡ. Một tiên ông hiện ra và phán rằng:

- Ta khá khen cho con. Con thua bại mà không nản chí. Giờ thì tiền của, vàng bạc, châu báu, con muốn gì ta sẽ ban cho.

Chàng từ chối tất cả và nói:

- Cả đời con, con chỉ quý có đôi bàn tay. Con muốn đôi bàn tay con có đủ sức mạnh để làm ra cơm ra gạo và trên ngón tay, con muốn có cái móng thật dài để móc mắt giặc dữ cho thỏa lòng căm giận.

Tiên ông cười và đẩy chàng ra ngoài động.

Trời cũng vừa sáng, chàng thấy quả nhiên có một cái móng tay đã mọc dài ra khác lạ. Chàng đưa tay búng thử thì bỗng nhiên thấy bùng ra lửa sét. Từ đấy, chàng dùng cái móng tay này tung lửa sét vào đầu quân giặc.

Trận đầu, giặc thua chạy tơi bời. Trận thứ hai, chúng đồ quân ra đông gấp bội. Chàng bị giết và chúng cắt đầu chàng về

dâng chủ tướng. Quái lạ, con người không đâu ấy vẫn tung lửa sét và thiêu cháy chúng. Chúng lại liều mạng xông ra chém sả chàng ra từng mảnh. Nhưng chúng càng kinh hoàng hơn, cái cánh tay chàng vẫn là bay trên mặt đất, dẫn đầu hàng vạn người cùng tung lửa sét vào chúng. Lần cuối cùng, chúng bắt được cánh tay, chúng băm chặt ra từng đoạn, rồi vung vãi đi, chúng tin làm thế sẽ trừ hết hậu họa. Có ngò đâu, cái bàn tay rách nát ấy vẫn bay theo chúng, lửa sét vẫn không ngừng gieo khủng khiếp chết chóc vào bọn chúng.

Bọn giặc sống sót quá hoảng sợ cái bàn tay lửa sét, bèn hò nhau rút chạy về nước. Từ đấy đất nước thanh bình, bàn tay lửa sét cũng bay lên trời hóa thành mây hình nan quạt, xòe mở, thường xuất hiện ở phía mặt trời lặn là có ý nhắc nhở người dân Liễu Đôi nhớ lấy những ngày đánh giặc thuở ấy, và hãy tin vào sức mạnh bàn tay kỳ diệu của mình.

103. ÔNG RÚT SƯỜN

Bạch Thổn¹ là đồ vật kỳ cựu, từng đoạt giải nhiều năm. Những đồ nổi tiếng từ trăm vùng về đây đều bị chàng hạ. Số là chàng có phép lạ thế này: hễ mỗi lần đi vật, chàng lại rút hết xương sườn để ở nhà. Vào vật, chàng hít đầy hơi vào ngực cho người to phình ra. Chàng cứ để cho đối phương ghì lấy ngực, lấy lưng, rồi mới phì hơi thật mạnh cho ngực lép lại. Đối phương mất đà, nhân thế chàng tấn công là thắng. Tối về Bạch Thổn lại lắp xương sườn vào. Chàng lại được những chiếc xương sườn này truyền cho sức mạnh vô biên.

Thế rồi giặc ngoài xâm phạm bờ cõi. Thương những người cầm quân đánh giặc đêm ngày gian khổ, chàng Thổn lấy xương sườn chia cho họ, để họ có sức mạnh cùng đánh thắng giặc ngoài.

1. Ở Liễu Đôi nay vẫn còn họ Bạch.

Ít lâu sau, khi chia hết những chiếc xương sườn quý giá của mình cho thiên hạ thì Bạch Thổn chết, vì mất hết nguồn tiếp thêm sinh lực.

Do vậy mà dân gian còn lưu truyền câu ca:

*Ông Thổn là ông Thang
Đánh giặc chia tông, chia làng xương nơm.*

104. ÔNG MỒ BỤNG

Chàng trai tên là Lang mô cõi cha mẹ từ sớm. Vì nghèo hèn nên chàng bị người ta rẻ rúng. Ở các lò vật vỡ, cứ thấy chàng lảng vảng là họ xua đuổi quay quay. Nhưng, chàng mê vỡ vật vỡ cùng. Chàng thường leo lên cây cao nhìn vào chỗ người ta luyện vỡ để học mót, mê mải đến nỗi có lần ngã rơi suýt chết.

Thế rồi một hôm, chàng đang đánh đậm ở cánh đồng Dòng thì thấy quả bưởi lớn bằng cái nồi năm trôi vào đậm. Nghĩ là bưởi thối, chàng đẩy ra. Đến cánh đồng Á¹ lại thấy quả bưởi trôi vào đậm. Chàng bèn cầm lên xem, thấy còn tươi, lại đang đói, chàng lên đồng Á bổ ra ăn. Ăn vào thấy ngọt nên chàng ăn hết trong chốc lát. Nhưng từ đấy, chàng mắc bệnh đau bụng. Đau quằn quại, đau đêm, đau ngày, đau tháng, đau năm...

Một hôm, đau quá nén bức tức, chàng vớ cây dao nhọn đâm mạnh vào chỗ đau nhất ở bụng một nhát. Lạ thay, một quyển sách rơi ra từ nhát đâm và chàng khỏi hẳn đau bụng.

Được biết đó là quyển sách vỡ, chàng mừng lắm, bèn cố chí học bằng được. Chẳng bao lâu, chàng trở thành một bậc thao lược toàn tài, một thầy vỡ nức tiếng gần xa. Nhà nhà theo học, học trò có đến hàng nghìn.

Đến khi có giặc ngoài xâm phạm bờ cõi, đất nước lâm nguy, người đến xin học vỡ để cứu nước đông vô kể. Mình chàng không

1. Cánh đồng Dòng, cánh đồng á: nay vẫn còn tên thuộc xã Liêm Túc.

dạy xuể, nắn bụng biết còn nhiều sách trong đó, chàng không ngần ngại lấy dao tự mổ bụng mình, lôi hết sách ra chia cho thiên hạ. Chia tới quyển cuối cùng thì chàng lăn ra chết.

Sau khi diệt xong giặc thù, nhớ ơn chàng Lang nhân dân bèn lập đền thờ chàng ở cánh đồng Á, gọi là đền thờ "Ông Mổ Bụng".

105. BÀ ÁO THE

Thuở ấy, có giặc ở phương Bắc sang tàn phá bờ cõi, cướp phá đất nước ta. Ở làng Thượng có một cô gái hìn dong và chí khí khác người. Cô đẹp và có tài kiêm thuật. Dương thời, dân làng gọi là Tiên Thạch để tỏ ý ngưỡng mộ sắc đẹp và chí khí cứng rắn của cô.

Một đêm, cô nằm mơ thấy một vị thần ban cho cô một cái áo the. Tinh dại cái áo the vẫn nguyên trên tay cô. Cô mặc thử, cái áo vừa khít. Và điều làm cho cô rất ngạc nhiên là khi cô cởi áo ra, thì lập tức trên người cô lại hiện lên một cái áo khác cũng đẹp, cũng vừa khít y như cái áo kia vậy. Cô cứ cởi đến hết cái áo này thì lại hiện ra cái áo khác. Cho đến khi số áo cô cởi ra xếp thành đống như đống rạ, mà cái áo trên mình cô vẫn giữ nguyên phép màu nhiệm như thế. Cô nghĩ ngay đến chuyện đánh giặc cứu nước. Cô rủ rê chị em hết xã xa, làng gần, cùng đứng lên kéo cờ khởi nghĩa. Cô đem số áo đó phân phát cho chị em. Ai mặc áo của cô cũng lớn cao và có sức mạnh như thần. Sự lạ đó dần đi càng xa, quân cô càng đông. Đoàn quân của cô đã năm lần bảy lượt tiến lên vây chặt quân thù, đánh cho chúng những trận như trời giáng.

Nhưng trong một trận giáp chiến, không may cô bị quân thù bắt được. Biết cô có cái áo thần mẫu nhiệm, chúng bắt cô cởi áo cho chúng xem. Cô cởi chất đống hàng mấy nghìn chiếc trước mặt chúng. Chúng thấy áo đẹp đua nhau hí hứng mặc ướm thử. 'Nhưng áo Trời, áo Phật đâu có dành để cho chúng. Tất cả

những chiếc áo đẹp đẽ mà chúng vừa mặc vào đã hóa thành những cái túi bó chặt lấy tay chân, mình mẩy chúng, khiến chúng hết đường cựa quậy. Chúng lăn滾 ra, ngổn ngang như cả một rừng chuối bị phạt ngang gốc. Chúng kêu gào van khóc vang trời. Mặc chúng! Cô gái thúc trống báo cho quân dân trăm ngả kéo tới khiêng những cái túi nọ đem vứt xuống sông, để nước sông tống khứ bọn giặc này ra biển.

Đất nước thanh bình, cô gái cũng về trời. Nhân dân nhớ ơn cô, bèn lập đền thờ, tạc tượng cô để thờ, gọi cô là Bà Áo The. Đền và tượng đến nay vẫn còn ở phía bắc làng Thượng - Liễu Đô.

106. NÀNG NUÔI CON Ở TRONG BỤNG NGỌC

Xưa ở đất làng Tháp có một người đàn bà đẹp lạ lùng. Chồng nàng bị giặc giết. Đêm đêm, nàng lặng lẽ trốn ra mộ chồng ngồi khóc. Khóc đến khi khô cổ thì lại hứng lấy những giọt sương trên mộ chồng mà uống. Chẳng ngờ chỉ có thể mà ít lâu sau nàng có thai, rồi đẻ ra một đàn con hàng trăm đứa lít nhít, nhưng đứa nào cũng vậy, vừa lọt lòng mẹ đã biết đi, biết chạy. Quân giặc hoảng sợ về sự kỳ dị này, bèn cho vây lại định chặt đầu lũ con rồi mới chặt đầu người mẹ. Có phải trời thương hay sao ấy mà ở nàng bỗng có bao nhiêu phép lạ: khi lưỡi kiếm của giặc vừa vung lên chém đàn con, nàng xót xa há miệng kêu trời, thì cả đàn con bỗng nhảy ào ào vào miệng nàng và chui xuống bụng. Giặc xô lại chém nàng, nhưng bao nhiêu dao kiếm của chúng đều oắn đi, văng ra hết. Chúng chất lửa thiêu sống nàng, nhưng nàng vẫn tro tro. Chúng cột đá vào người nàng, quẳng xuống nước thì nàng lại nổi bềnh lên. Cuối cùng không biết làm sao, chúng bèn nhốt nàng vào một cái cũi đồng kiên cố. Mười năm sau, đàn con chúng đã khôn lớn, chúng đòi mẹ cho ra ngoài. Chúng phá cũi đồng cứu mẹ và vung gươm đánh tan quân giặc.

107. NÀNG TRĂM SẮC

Đất làng Sáu thuở ấy có một bà mẹ nghèo sống bằng nghề mò cua bắt ốc. Một hôm, bà mò được một con trai rất lớn ở cánh đồng Cửa Miếu. Mang về, bà đem bỏ nồi luộc. Nhưng mấy lần bà bỏ trai vào nồi nó đều rơi chuội ra ngoài. Bà bức quá, sắn cái đũa cả, bà ghè cho nó một cái. Không ngờ, khi cái vỗ trai vỡ ra thì thấy một cô gái bé tí bước ra chào đón bà. Kỳ lạ hơn nữa là mỗi lần nàng chớp mắt thì lại lớn lên một chút và hình dung nhan sắc thay đổi, vẻ đẹp càng mới mẻ, rực rỡ hơn.

Mấy hôm sau, nàng đã trở thành một cô gái hoàn mỹ. Kịp khi làng mở Hội vật, nàng ra xem hội. Cả Hội ngơ ngác bàng hoàng. Các đồ vật cỏi trân đồng khổ bước vào giống rồi mà vẫn cứ ngắn ngắt, bần thần không sao vật được. Cụ trùm đang đánh trống cũng để rơi cả dùi. Các cụ tám chín mươi tuổi cũng giật mình kinh ngạc. Người đẹp kỳ lạ suýt nữa làm vỡ cả Hội vật.

Thế rồi, chỉ ít lâu sau giặc ngoài tràn đến. Chúng tàn hại dân làng và bắt được nàng. Thấy nàng nhan sắc tuyệt vời như thế, đứa nào cũng muốn chiếm làm của riêng. Chúng chém giết nhau để giành lấy người đẹp. Máu đã đổ rất nhiều nhưng nàng vẫn không thuộc về ai cả. Cuối cùng nàng cất lời truyền bảo:

- Các ngươi thì đông, tham vọng thì lớn, một mình ta sao đủ? Chi bằng các ngươi hãy băm ta ra làm trăm nghìn mảnh, mang về quê ta, gieo xuống cánh đồng Cửa Miếu, mỗi mảnh thịt xương ta sẽ hóa thành một tiên nữ tuyệt trần, có như thế mới thỏa thuê dục vọng của các ngươi được.

Giành lấy nàng làm của riêng thì không được, nhưng để thi thật khó xử, cho nên chúng hò nhau xúm vào chặt băm nàng ra thành trăm nghìn mảnh rồi hò reo như sấm dậy, mang thi thể nát vụn của nàng về cánh đồng Cửa Miếu làm y lời nàng dặn. Khi thịt xương nàng vừa gieo xuống nước thì những cơn sóng bạc đầu dùng dùng nổi lên và ào ào từ trên ngọn sóng, hàng nghìn thiếu nữ xông lên, gươm tuốt trần, giáo cầm tay, lao vào

quân giặc mà đâm, mà chém. Chúng táng đởm kinh hồn, xéo lén nhau mà chạy, xác phơi đầy nội, đầy đồng.

Giặc tan, đất nước thanh bình, các thiếu nữ tản về nhập tinh vào các cô gái quanh vùng. Riêng làng Thượng thuở ấy có lẽ chầu hát vui lẩm nên quyền được các nàng này nhiều nhất. Từ đó đến nay làng Thượng có nhiều con gái đẹp.

108. NÀNG VÚ THÚNG

Xưa ở đất Ba Cha¹ có một bà mẹ góa nghèo. Một đêm, bà nằm mơ thấy một vầng trăng sa vào bụng. Bà có thai, rồi sinh ra một cô gái. Lớn lên, cô vô cùng khỏe mạnh. Cô ham mê võ vật và càng nang luyện tập thì người càng nở to một cách khác thường.

Cô vừa đến tuổi trưởng thành thì giặc từ phương Bắc kéo tới. Đi đến đâu, chúng chém giết đến đấy. Quan quân tan vỡ khắp nơi. Hôm ấy, có một vị tướng quân bị kẻ thù dồn đuổi đến chỗ cùng đường. Trước mặt là đầm sâu, phía sau quân giặc đang đuổi theo gấp. Vị tướng ghìm cương nhìn đầm sâu, toan lao đầu xuống. Bỗng con ngựa hý lên vang dội, bốn vó lảo đảo như sấp quy. Vị tướng bàng hoàng quay lại, thì thấy một cô gái to lớn lạ lùng đã nhảy lên lưng ngựa. Liên đó vị tướng thấy quân binh rào rào rơi xuống. Cô gái đang rạch ngực cho vô số quân binh từ đó nhảy ra. Nhưng khi xuống đất, tất cả đều đứng im bất động.

Cô gái vội nói với vị tướng:

- Bình sĩ đang chờ hơi thở của chàng đó?

Vị tướng quay ngựa lại, hà hơi cho lớp bình sĩ này. Thế là, họ thành một đoàn quân xông lên ào ào như thác. Quân giặc bị chặn lại. Cuộc chiến đấu lại nổ ra hết sức dữ dội. Quân binh bị tổn hại bao nhiêu, nàng lại rạch vú cho quân ra tiếp ứng.

1. Ba Cha : tức là các thôn Đông, thôn Sồi, thôn Tháp ở Liễu Đôi cũ.

Nhưng rồi đến khi vị tướng bị trúng tên của kẻ thù gục xuống, thì quân binh từ đồi vú của nàng sinh ra, vì không có hơi ấm của vị tướng, nên không tiếp ứng chiến đấu được. Thất trận, nàng phi ngựa về phía làng Đùng. Đồi vú đầy quân binh của nàng sưng tấy lên, đau đớn dữ dội. Nàng gục xuống chết, hóa thành một dãy núi lớn. Đó là núi Vú.

Ngày nay đến núi Đùng thuộc xã Liên Sơn, đứng ở ngọn Tay Ngai bên trái nhìn về phía Bắc thì thấy rõ dãy núi trước mắt như thi thể một người đàn bà nằm ngửa, mà ở quang ngực nhô lên hai ngọn đồi lớn, đó là cặp vú vĩ đại của nàng.

109. MỘT GIỌT MÁU ĐÀO

Ngày xưa, làng Vũ Thượng, có hai vợ chồng nghèo sinh sống trong một mái nhà tranh đơn sơ. Ông bà luôn tu nhân tích đức, ăn hiền ở lành. Chỉ buồn một nỗi lấy nhau đã lâu mà họ vẫn muộn đưọng con cái. Họ vẫn sớm khuya cầu nguyện trời phật.

Cho đến một ngày kia, bà vợ thấy trong người khang khác. Dân làng đều mừng cho ông bà. Đến ngày khai hoa, bà sinh ra một cái bọc. Trong bọc có ba cậu bé kháu khỉnh. Ông bà đặt tên cho các con là Hồng Hoa, Động Lân và Tiểu Huệ.

Ba anh em đều khỏe mạnh, thông minh. Cả ba đều ham học và học rất giỏi. Năm ấy, triều đình mở khoa thi. Tuy còn ít tuổi, nhưng nghe tiếng học tài ngang các bậc đàn anh, cả ba anh em đều được ứng thí. Kết quả thật bất ngờ, cả ba anh em đều đỗ cao. Tiểu Huệ đỗ Tiến sĩ, hai anh, Hồng Hoa và Động Lân đều đỗ Thám hoa. Vì cả ba quan tân khoa đều còn ở tuổi thiếu niên nên vua cho về quê sống với gia đình, khi nào đủ tuổi sẽ có chiếu chỉ vời vào kinh.

Càng lớn lên, ba anh em bộc lộ mỗi người một tính một nết. Tiểu Huệ ngày đêm học thêm kinh sách, sống ngay thẳng, tâm niệm làm những điều nhân đức. Trong khi đó, hai người anh có

ý kiêu căng, chỉ nghĩ đến cái lợi của riêng mình, thường hay xích mích với nhau.

Ít lâu sau, bố mẹ lần lượt qua đời, Hồng Hoa và Động Lân tìm cách tranh giành mảnh đất, nơi có mái tranh đơn sơ của bố mẹ để lại. Tiểu Huệ chân tình khuyên bảo:

- Đất dai dù có quý giá đến đâu cũng không quý bằng tình huynh đệ.

Nhưng hai anh đâu có chịu nghe em. Lần ấy, Hồng Hoa và Động Lân cãi nhau. Rồi người cầm dao, kẻ cầm gậy hùng hổ xông vào nhau đánh lộn. Tiểu Huệ đang đọc sách, vội bỏ sách chạy lại can ngăn. Huệ chen vào đứng giữa hai anh. Chẳng may, lưỡi dao vung lên quá đà, chém đúng vào người em út. Tiểu Huệ gục ngã.

Từ vết máu trên bả vai Tiểu Huệ, từ từ lăn ra một giọt máu đào. Lăn đến đâu, giọt máu làm đất trũng sâu xuống đến đáy. Cuối cùng, giọt máu đọng lại trước ngôi nhà tranh của họ, biến thành một cái đầm. Đầm đầy nước, trong vắt. Sen mọc lên xanh tốt.

Hai anh vô cùng hối hận, chỉ vì mình không biết điều mà em chết uống. Hai người quỳ xuống, mắt nhìn xuống nước đầm sen. Kìa, lạ quá, giọt máu của Tiểu Huệ vẫn như còn đó. Cả hai anh ôm mặt khóc thương em. Nước mắt hai anh nhỏ xuống, lại lăn đúng vào giọt máu người em út trong đầm. Bấy giờ giọt máu mới tan.

Hai anh đứng dậy, dắt tay nhau vào trong nhà. Họ thắp hương khấn vái, hứa trước vong linh bố mẹ và người em, ngày đêm sê tu chí học hành, thông sach thánh hiền, luyện rèn võ nghệ, đợi thời cơ giúp nước.

Năm ấy, giặc ngoại xâm đe dọa người biên thuỷ. Vua ra chiếu chỉ truyền cho trai tráng các nơi tòng quân giết giặc. Hồng Hoa và Động Lân đeo kiếm, cưỡi ngựa, đến bên đầm sen, bái biệt linh hồn Tiểu Huệ, hứa hẹn sẽ lên đường quyết chí phò vua, giúp nước. Cả hai anh đều lập công lớn. Khi tan giặc, vua

phong cho hai người chức quan to ở tại kinh đô. Nhưng cả Hồng Hoa và Động Lân đều một mực xin vua cho được trở về quê hương, nơi có đầm sen mang giọt máu người em cùng một bọc với họ. Nhà vua ban thưởng rất hậu và cho được sở nguyện.

Hai anh về sống với dân làng rất tình nghĩa, được mọi người quý mến. Khi hai ông qua đời, nhà vua ban sắc phong cho cả ba anh em đều được làm Thành hoàng. Anh cả Hồng Hoa được thờ ở đền Vũ Thượng. Đền này được xây ngay trên mảnh đất của cha mẹ và ba anh em đã sống, trước mặt trông ra đầm sen. Hai làng bên cạnh thờ hai em. Đền Vũ Xá thờ Động Lân. Đền Văn Xá thờ Tiểu Huệ. Cả ba làng đều thuộc xã Ái Quốc, Nam Sách. Mùa xuân năm nào ba làng cũng mở hội. Từ hai đền Vũ Xá, Văn Xá bên cạnh trai gái ăn vận quần áo đẹp, rước long đình sang tụ hội ở sân đền Vũ Thượng để làm lễ tế thần. Dân các làng xã quanh vùng đều đến vui chơi suốt ba ngày đêm, ai nấy hân hoan, đoàn kết, thân ái.

110. BÀ ĐÊNH - LINH SƠN THÁNH MÃU

Cách tinh ly Tây Ninh khoảng trên mươi cây số, một ngọn núi được xem là núi cao nhất miền Nam, thường gọi là núi Bà Đen. Núi có đền thờ, cũng được truyền là thờ Bà Đen.

Ngày xưa, ở vùng này, có một viên quan người Khơ Me sinh được một cô con gái xinh đẹp, hiền hậu, đặt tên là nàng Đênh. Gia đình vị quan này mộ đạo, cho mời một nhà sư đến giảng kinh cho họ hàng và những người xung quanh. Nhà sư đã thành công trong việc truyền bá giáo lý nhà Phật. Nhất là nàng Đênh tỏ ra rất gắn bó với cửa Thiền.

Rất nhiều người mê tài sắc của nàng Đênh đã xin với vị quan được đẹp duyên cùng cô thiếu nữ ấy, nhưng cô đều từ chối. Cuối cùng, có một viên quan khác ở Trảng Bàng kỳ cục xin cho được làm thông gia. Bố mẹ nàng Đênh đồng ý, ép nàng phải vâng lời, nàng Đênh không dám cãi lại.

Sau nhiều đêm trằn trọc suy nghĩ, nàng Đênh thấy rằng nếu mình còn ở lại gia đình thì không tránh khỏi việc hôn nhân. Mà như vậy thì ngược lại với sự phát nguyện của nàng là chỉ dốc lòng tu đạo. Một đêm kia, nàng trốn nhà đi sâu vào trong núi đồi không thấy về nữa. Người nhà hoảng hốt đi tìm thì chỉ còn sót lại cái chân giữa vũng máu.

Thương tiếc người con gái bất hạnh, gia đình dựng một gian nhà nhỏ ở dưới chân núi thờ nàng. Nhân dân địa phương qua lại thường cẩm hương viếng người quá cố. Lâu dần, nhiều người tin nàng đã hiển thánh, trở thành linh thiêng, giúp dân lành tai qua nạn khói. Người ta gọi ngọn núi Tây Ninh ấy là núi chân bà Đênh, sau này nói gọn lại thành núi bà Đen.

Bà Đen được triều đình nhà Nguyễn rất ngưỡng mộ, Nguyễn Ánh khi còn tất tả xuôi ngược chạy trốn quân Tây Sơn, đã nhiều lần khấn vái ở núi Bà Đen và tin rằng bà đã giúp cho họ Nguyễn thành công, lập nên đế nghiệp. Khi lên ngôi vua lấy hiệu Gia Long, Nguyễn Ánh đã cho đúc tượng Nàng Đênh bằng đồng đen, và sắc phong cho bà là Linh Sơn Thánh Mẫu. Nhân dân miền Nam thì gọi bà là Phật Bà.

111. BÀ CHÚA XỨ

Làng Vĩnh Tế ở ngay dưới chân núi Sam, nên núi này cũng gọi là Vĩnh Tế Sơn, thuộc địa hạt tỉnh Châu Đốc cũ ở Nam Bộ. Tại đây có miếu thờ một vị nữ thần được tôn là Bà Chúa Xứ.

Bà con địa phương đến nay vẫn chưa được rõ lai lịch cẩn nguyên bà chúa Xứ như thế nào. Chỉ được nghe nói bà là một vị thần mà trước đây, dân Khơ Me và dân Việt ở các vùng Châu Đốc, An Giang thờ phụng. Họ đã xây tượng bà đặt trên đỉnh núi Sam.

Vùng đất này từ trước là vùng đất thường xảy ra tranh chấp. Quân Xiêm thường kéo sang quấy nhiễu. Có lần, chúng tới núi Sam, thấy tượng bà thì nảy lòng tham, liền rủ nhau khiêng đi.

Mới nhắc lên, tượng còn thấy nhẹ, nhưng sau đó mỗi lúc một nặng dần, hàng trăm quân dùng đủ cách mà không sao nâng nổi. Chúng phải để tượng trong rừng và bỏ đi.

Dân Việt và Khơ Me địa phương đi tìm tượng của Bà đưa về lập đền thờ cúng. Lúc đầu, họ cũng không sao khiêng được vì sức nặng của tượng. Nhưng sau đó, được sự mách bảo, họ chọn lấy 40 nàng con gái đồng trinh tắm rửa sạch sẽ vào chấp kiệu, thì tượng thờ trở nên nhẹ khiêng được xuống chân núi. Miếu thờ được dựng lên ở đó luôn.

Người địa phương tôn bà là bà Chúa Xứ, vì họ tin rằng bà là người thần trời sai xuống bảo vệ xứ này không cho bọn ngoại bang đến xâm chiếm. Có lần Thoại Ngọc Hầu (dưới triều Minh Mệnh) đánh nhau với quân Xiêm đã nhờ bà phù hộ nên giành được chiến thắng. Chính vợ của Thoại Ngọc Hầu đã cùng dân làng xây lại miếu bà cho được khang trang hơn. Nhân dân còn kể rằng có một vài tên giặc Xiêm lén vào miếu trộm đồ thờ hoặc xâm phạm tượng bà thì đều bị bà hiển linh trừ phạt ngay tức khắc.

Việc cúng lễ bà chúa Xứ ở Châu Đốc tiến hành vào những ngày 24, 25 và 26 âm lịch, thường gọi là lễ Vía Bà. Một hình thức độc đáo là những người đến lễ có thể vay tiền bà về làm ăn! Khách hành hương đến cúng, ngoài lễ vật vật còn cúng cả tiền. Số tiền ấy những người nghèo khổ có thể xin vay bằng cách nhận một số ít (thường là ít vì chỉ có ý nghĩa tinh thần) gói lại trong tờ giấy đỏ, mang đến vái trước tượng! Người ta tin tiền vay bà sẽ mang lại may mắn cho mình trong việc làm ăn! Vay năm nay thì năm sau mang đến trả ...

112. BÀ CHÚA VÓT

Vạn Vót là một xóm làm nghề chài lưới, hoặc buôn bán trên sông nước, kèm thêm nghề đan lát. Có câu ca dao cổ trẻ em thường hay hát:

*Đồn rằng vạn Vót vui thay
Trên thì vạn Thúng, dưới may vạn Thuyền*

Vạn Thúng là xóm chài thạo nghề đan thúng rổ rá; Vạn Thuyền là xóm chài chuyên về nghề buôn bán xuôi ngược đò giang. Vạn Vót đông đúc trù phú nhờ có hai nghề ấy. Công lao mở mang ra làng xóm, khai dân lập ấp từ xưa thuộc về một người đàn bà, được tôn là bà chúa Vót.

Hồi vùng đất này còn hoang vu, chưa có mấy gia đình sinh cơ lập nghiệp, có hai ông bà nhà kia sinh được một cô gái rất xinh đẹp và chăm làm lụng. Càng lớn lên, cô càng nổi tiếng. Nhiều người xa gần rắp tâm hỏi cô làm vợ, nhưng cô đều từ chối.

Một ngày kia, nhà vua, không ai nhớ là vua triều đại nào, xa giá di qua vùng đất ấy. Đám rước vua đi qua nào ngai nào kiệu, cờ quạt tán lọng, kèn trống rầm rộ, ai cũng ùa chạy ra xem, và bị cuốn theo với cảnh rộn ràng tấp nập. Nhưng cô gái trên kia hôm ấy đang cắt cỏ trên cánh đồng cạnh đường cái quan, vẫn cứ mặc cho xe ngựa rập rình. Khi kiệu đi qua cô vẫn không hề nhìn lên, đôi tay vẫn thoăn thoắt giặt liềm vơ cỏ. Cô hát lên một câu, giọng rất đàng hoàng, trong trẻo:

Tay cầm bán nguyệt xênh xang

Một trăm thức cỏ lai hàng tay ta¹

Câu hát thật ngang nhiên, tự đắc. Nói chuyện cắt cỏ mà như nói về một vị nữ tướng, nữ vương. Quân lính ngạc nhiên. Tiếng hát vọng xa, và kiệu nhà vua cũng từ từ dừng lại. Nhà vua vén rèm lên trông, nhác thấy cô gái có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Trên không trung, một đám mây hồng che mái đầu của cô, cô nhích gót đến đâu thì mây nhích theo đến đó. Vua đoán đây là một kỳ nữ. Và như thế là lệnh "nhà vua" ban xuống. Cô gái được tuyển vào cung.

1. Câu hát này thường được ghép cho nhiều người như cho Ý Lan phu nhân (theo thần tích), cho Đặng Thị Huệ (theo sách *Bà Chúa Chè* của Nguyễn Triệu Luật), cho Dương Văn Nga (sách Lê Hoàn của ty văn hóa Thanh Hóa) v.v.. Các dị bản tư liệu văn học dân gian thường có tình trạng áy.

Tuy nhà vua rất yêu dấu nàng cung phi mới này, nhưng các bà hoàng và phi tần thấy một cô gái quê mùa bỗng dung tranh mất phần ân sủng thì đâm ra ghen ghét. Họ tìm cách gài chuyện, dèm pha, ganh tị. Có người còn bàn đến cách hâm hại cô. Cô gái biết vậy, nên chỉ ít lâu, xin với nhà vua trở về làng xóm thân yêu của mình, nhà vua dành chiêu ý.

Cô gái trở về, nhân dân thấy cô đã làm vợ vua, nên gọi là bà Chúa. Bà bỏ tiền ra chiêu mộ dân chúng và cùng bà con chăm lo một nghề thủ công mới. Đó là nghề vót tre, vót nan, đan thúng mủng, rổ rá, đan cả loại thuyền thúng, thuyền nan để làm phương tiện đi lại, hoặc chuyên chở khoai lúa ở những nơi đồng trũng, có nhiều kinh rạch. Lâu dần, nghề này trở nên phát đạt. Làng được gọi tên là Vạn Vót, tên chữ là Đặc Đạt, nay là xã Hoằng Đạt tỉnh Thanh Hóa. Bà chúa trong một ngày hội thuyền nan tổ chức trên sông, bà đang đứng và ngắm quang cảnh vui vẻ của vạn chài thì bỗng nhiên có đám mây vàng hạ xuống, đón bà lên không trung. Nhân dân liền lập đền thờ, tôn bà là bà Chúa Vót.

113. NGÔ THỊ NUƯƠNG NUƯƠNG

Bốn xóm ấy ngày nay được ghép chung thành một xã, nhưng trước đây là bốn thôn riêng biệt. Đó là các thôn Đồng, thôn Phú Vinh, thôn Thanh Ngoạn, thôn Hòa Diêm. Mỗi thôn đều thờ thành hoàng riêng, nhưng trong dân gian lại thường gọi ghép làm một là bốn ông Trường, Vũ, Chung, Minh, lần lượt giống với bốn thôn kể trên.

Dân địa phương cho biết rằng, sở dĩ họ gọi cùng lợn như vậy vì bốn ông đều là anh em sinh tư, con một bà mẹ hiền đức tiếng tăm khắp vùng. Mọi người đều nhớ tên bà là Ngô Thị Nương.

Bà vốn không phải người nguyên quán vùng này. Từ ba bốn đời trước, gia đình di cư đến đã trở thành người bản địa. Ngô

Thị Nương lúc nhỏ hiền lành xinh đẹp. Cha mẹ nàng gả nàng cho một chàng trai nghèo trong xóm.

Vợ chồng ăn ở với nhau được nửa năm thì đất nước có giặc. Bọn giặc cực kỳ hung dữ, tràn vào quê hương làng mạc, phá phách làng xóm, tàn hại dân lành. Nhà vua ta phải ra lệnh mộ binh giết giặc. Chồng Ngô Thị Nương ứng tuyển và được vào quân ngũ. Nhờ có sức khỏe và thông minh, ông đánh nhiều trận, lập nhiều chiến công, chẳng bao lâu đã được phong làm tướng, cầm đầu một đội lính chặn giặc. Giặc tàn bạo tìm cách tiêu diệt ông. Chúng đem cả một đại đội binh mã trùng trùng điệp điệp vây kín quân ta, trong ngoài không thông tin tức với nhau được. Thời gian càng kéo dài, lương càng bị cạn, quân sĩ càng hao hụt. Vị tướng hết sức cầm cự, nhưng tình cảnh khốn đốn càng tăng thêm.

Tin nguy cấp truyền đi khắp nơi, về cả vùng đất quê nhà. Bà Ngô Thị Nương rất nóng lòng sốt ruột. Đúng vào lúc ấy, bà có mang đã đủ tháng đủ ngày, sắp đến kỳ sinh nở. Lo lắng thương nhớ chồng đang ở giữa vòng vây, lại lúng túng vì trời mưa, một đêm mưa gió bà Ngô Thị Nương đã từ giã đời khi cho lọt lòng bốn cái bọc, mỗi bọc có một quả trứng. Cả gia đình và xóm làng kinh ngạc, mỗi người mỗi việc lo lắng ma chay và áp ủ cho bốn cái trứng được an toàn để chờ xem sự thay.

Cũng chính vào lúc ấy, ở ngoài chiến trường, giữa lúc cầm cự với giặc, chồng bà Ngô Thị Nương đang tựa lưng vào một gò đất cùng với những quân sĩ thân tín chờ mở một đường máu thoát ra. Ông bỗng thiếp đi mấy phút. Bên tai văng vẳng có một hồi chuông rồi vọng lên mấy tiếng quen thuộc. Ông nghe rõ là tiếng người vợ yêu quý ở quê nhà: "Xin lang quân mau mau đánh ra, có thiếp dẫn đường". Ông bàng hoàng chợt tỉnh, vội vàng sắp đặt lại đội ngũ rồi nhảy lên ngựa, thúc quân tiến ra. Bỗng nhiên, trước mắt ông xuất hiện một bầy ong lớn có đến vài vạn con, bay vù vù, tràn sang hướng quân giặc đang bao bọc. Ông nhanh trí nghĩ ngay rằng có lẽ lời báo mộng vừa rồi liên quan đến đàn ong này, liền hô quân theo đàn ong mà xông lên. Quả

nhiên đàn ong ào ào bay sang trận địa bên kia, lao vào đốt giặc. Ông đốt vào mắt, vào tai, vào cầm, vào gáy. Ông lồng vào trong tay áo, cắn cả vào cổ tay, cánh tay. Lũ giặc bất ngờ nháo nhác, gơm rơi giáo rụng, hàng ngũ hỗn loạn, tan tác bỏ chạy. Viên tướng giặc chỉ huy cũng hoảng loạn, bị ngay một nhát kiếm của chồng bà Ngô Thị Nương, đầu lia khỏi cổ. Thế là lũ giặc thua đau. Vòng vây bị giãn ra quân ta thắng một trận rất lớn. Phía ngoài, viện binh ta lại thừa thế xông vào, cả lũ giặc bị tiêu diệt. Trận đó cũng là trận đánh quyết định. Quân ta hát khúc khải hoàn, giặc không còn dám bén mảng đến nữa.

Thắng trận về, chồng bà Ngô Thị Nương được nhà vua ban thưởng. Ông xin về quê thăm vợ, mới biết vợ ông đã mất. Bốn cái trứng dạo nọ được bà con chăm sóc, nở ra thành bốn đứa con trai. Ông liền đặt tên là Trường, Vũ, Chung, Minh, có nghĩa là tiếng chuông vang lên giữa chiến trường. Trở về triều, ông cứ thực tâu trình lên. Nhà vua cảm động, phong cho bà vợ ông hai chữ Nương Nương. Từ đó cái tên Ngô Thị Nương Nương trở thành một duệ hiệu để thờ cúng. Bốn người con trai sau này lớn lên cũng theo cha vào quân ngũ, lập được nhiều chiến công. Họ trở về khai dân lập ấp thành ra bốn thôn như đã nói trên kia. Các thôn ấy đời đời kết nghĩa ăn chạ với nhau, và cùng thờ bà Ngô Thị Nương Nương. Hằng năm, họ có chung một ngày tế là ngày mồng 5 tháng 1 âm lịch.

114. TRUYỆN BÀ VẠN

Ngày trước, ở làng Nguyệt Ao, huyện Thiên Lộc (Hà Tĩnh) có người con gái tên là Vạn, nổi tiếng nết na, tài sắc một vùng. Nàng Vạn kết duyên với một chàng trai có sức khỏe tuyệt vời và tài cung kiếm vô địch. Đôi vợ chồng trẻ ăn ở thuận hòa, làm lụng chăm chỉ, nên trong họ ngoài làng thảy đều quý mến.

Lúc nàng Vạn có thai, sắp sinh con đầu lòng, thì trong nước gặp loạn lạc. Vâng lệnh triều đình, chồng nàng phải ra cầm

quân dẹp giặc. Trước ngày lên đường, chàng trao thanh gươm quý của mình lại cho vợ và dặn:

- Sau này, nếu sinh con trai, thì nhà chịu khó thương nuôi con khôn lớn, dạy con nén người, cho con rèn luyện kiềm cung để theo bước cha, dẹp loạn cứu dân giúp nước. Tên con, tôi đã khắc lên chuôi gươm này...

Người chồng đi được ít lâu, thì quân giặc tràn đến, xây đồn dựng ải trong vùng. Tướng giặc thấy Vạn có nhan sắc, liền ép nàng lấy hắn nếu không sẽ bị giết chết. Mấy lần, nàng toan tự vẫn để trọn lòng chung thủy. Nhưng nghĩ đến giọt máu của chồng nàng dành phải cắn răng chịu nhục.

Nàng nhận lời lấy tướng giặc, nhưng buộc hắn phải đảm bảo vẹn toàn cái thai và cho đứa bé sau này, nếu không nàng thả chịu chết. Tướng giặc mê nhan sắc của nàng nên ưng thuận. Đến ngày mãn nguyện khai hoa, nàng Vạn sinh đứa con trai bụ bẫm, khát khỉnh, giống cha như đúc. Mừng rằng đã bảo toàn được đứa con, nàng càng chịu nhẫn nhục, luôn hết sức tìm cách chiêu chuộng, làm cho tên tướng giặc vui lòng.

Đứa bé lớn lên, khôi ngô tuấn tú, nên cũng được tướng giặc mến, truyền dạy võ nghệ cho cậu. Chẳng bao lâu cậu đã trở thành viên tướng trẻ tài năng xuất chúng.

Năm ấy, quân triều kéo về trong vùng dẹp giặc. Nghe tiếng đồn và nhìn cờ hiệu, nàng Vạn biết rằng vị tướng cầm quân triều chính là chồng mình. Nàng vô cùng mừng rỡ, thấy rằng đã đến lúc công trả nghĩa đền với chồng. Nhưng thấy tướng giặc sai con trai sửa soạn giao phong với tướng triều thì nàng hết sức lo sợ, làm sao cho cha con nhận ra nhau?

Nàng bèn gọi con trai đến một nơi kín đáo trao cho thanh gươm và kể lại chuyện xưa mà mười mấy năm trời mình phải chôn chặt trong lòng. Người con trai nghe mẹ nói, vừa kinh ngạc, vừa cảm động đến ứa nước mắt.

- Ngày mai ra trận, đánh nhau vài hiệp, con giả vờ thua, bỏ

chạy, cha con ắt đuổi theo. Con tháo thanh gươm này vất lại phía sau, cha con sẽ nhận ra và sẽ có kế...

Người con trai làm đúng theo lời mẹ dặn. Quả nhiên cha con nhận ra nhau. Vị tướng của triều đình không ngờ rằng viên tướng giặc trẻ tuổi vô nghệ cao cường kia, lại chính là con trai mình. Ông vô cùng xúc động, nhưng không có thì giờ để hỏi cặn kẽ ngọn ngành. Nghe con trai cho biết vợ còn sống thì chàng yên tâm, bèn vội cùng con định kế trừ giặc.

Viên tướng trẻ trở về, đem chuyện gặp cha nói cho mẹ hay, rồi đến trước tướng giặc tạ tội, hứa ngày hôm sau sẽ xin lập công chuộc tội. Tướng giặc vốn quý mến cậu, vui lòng tha thứ, và nói hết với cậu mưu lược của hắn sẵn sàng đối phó với quân triều. Nhưng mờ sáng hôm sau, khi quân triều tấn công vào trại giặc, thì người con trai cũng từ trong đánh thốc ra. Bị nội công ngoại kích quân giặc trả tay không kịp, phút chốc tên tướng giặc đã bị chém đầu.

Giặc tan, người con trai dẫn cha đi gặp mẹ, nhưng tìm kiếm khắp nơi vẫn không thấy đâu. Khi vào đến hậu đường thì nàng đã thất cổ tự vẫn. Trong tà áo của nàng còn buộc một phong thư gửi cho chồng.

Thư kể lại đầu đuôi tình cảm của nàng và nói rằng: "Sở dĩ thiếp chịu khổ nhục, sống đến ngày nay là chỉ vì phải bảo toàn giọt máu của chàng. Giờ cha con đã gặp nhau, thế là đã toại nguyện. Riêng thiếp, nghĩ rằng không còn mặt mũi nào gặp lại chồng con...".

Hai cha con đau đớn, vật vã, khóc than thảm thiết, quân sĩ và dân làng kéo đến vây quanh, ai nấy đều thương tiếc người đàn bà tiết liệt.

Sau khi chôn cất nàng Vạn, nhân dân lập miếu thờ bên bờ sông Vĩ, miếu ấy gọi là đền bà Vạn. .

115. BÀ SỞ

Ở xã Hoàng Anh, huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa) ngày nay, có một ngôi đền thờ một vị nữ thần. Thần không có duệ hiệu và không được vua chúa nào phong sắc, nhưng nhân dân hàng đời vẫn rất trân trọng, hương khói phụng thờ. Câu chuyện của thần như sau:

Xưa kia xã này hẵn hoang vu, nhà ở thưa thớt, người gọi là trại, người gọi là sở. Cái tên sở được phổ biến hơn, dần dần thành tên làng Sở. Đất làng rất hẹp chỉ loanh quanh có dăm bảy mẫu trồng trọt và một thửa cho dân làng làm nhà cửa mà thôi. Năm tháng qua đi, các gia đình sinh con đẻ cháu thêm nhiều mà vẫn cứ chen chúc nhau trong một xóm hẹp. Việc cày cấy trồng trọt cũng bị hạn chế. Luôn luôn cứ xảy ra những chuyện cãi cọ tranh chấp nhau về chuyện lấn bờ rào, hoặc cây vườn bên này đâm cành ngọn sang vườn bên kia.

Đằng sau làng lại là một khu rừng rậm rạp có nhiều thú dữ. Người ta sợ thú dữ đã dành mà cũng sợ... ma nữa! Ma ở đâu thì chẳng biết, nhưng tiếng đồn đại đã làm nhiều người không dám vào kiểm cui hay săn thú.

Lúc bấy giờ, ở làng Sở có một người đàn bà góa cũng có con có cháu. Bà đã hỏi chuyện, bà với con cháu vào rừng kiếm thêm đất trong rừng, nhưng ai cũng gạt đi. Nói mấy cũng chẳng ai nghe, bà quyết tâm làm theo ý riêng mình. Một buổi sáng, bà gọi một đứa cháu trai còn bé nhưng có vẻ lanh lợi, hai bà cháu cõm nước no nê rồi rủ nhau vào rừng. Bà cầm con dao đi trước, vai khoác một bì trấu. Bà dặn cháu rằng, nếu đi vào sâu mà bà cháu lạc nhau thì bà sẽ rắc trấu vào vết chân đã đi qua cho cháu theo tìm. Hai bà cháu loay hoay trong rừng suốt buổi. Chẳng thấy ma mà cũng không gặp thú dữ. Rắn rết kiến sâu thì nhiều, nhưng thấy người chúng đều bỏ tránh. Chim bay tán loạn. Bà cầm dao phát trước, cháu theo sau gạt quang con đường lá quấn bụi rậm. Bà bảo cháu: như thế này là có cơ mở ra được một đám vườn đầy cháu à !

Quá trưa, hai bà cháu nghỉ một chốc. Bà lai bảo cháu chạy về gọi thêm người nhà và báo tin cho xóm giềng hay. Có đông người phát thì nhanh, mau được việc.

Đứa cháu vâng lời, chạy về gọi bố mẹ và bà con chung quanh. Kẻ dao, người cuốc kéo nhau vào chỗ hẹn. Vào đến đó, họ không thấy bà đâu nữa. Chắc rằng bà đã tiếp tục công việc. Nhìn dưới đất họ thấy trấu rắc theo một vệt dài. Mọi người theo vết trấu ấy mà đi, đi đến đâu phát quang đến đấy. Đi suốt tối ngày mà vẫn không gặp bà ở đâu cả. Họ quay về lo lắng. Sáng mai, tất cả lại kéo nhau vào rừng, rồi hôm sau, hôm sau nữa. Vẫn không thấy bà đâu cả. Nhưng vết trấu rắc vẫn đương còn. Mà có điều lạ là hôm trước thấy vệt trấu rắc đi về phía đông thì hôm sau lại thấy quanh sang phía tây. Rồi vết trấu rẽ ngang, rẽ dọc. Cố tìm cho được bà bằng cách đi theo vết trấu, họ vẫn cứ phạt cây dọn cỏ, cuối cùng làm quang cả đám rộng trong khu rừng. Vẫn không tìm thấy bà cụ ở đâu. Người ta tin rằng bà đã hóa. Con cháu than khóc. Dân làng làm lễ để cúng vọng bà. Họ cho bà là người nhà trời, sai xuống chỉ vẽ cho dân làng khai phá đất đai. Rừng đã quang, nhiều nhà vào trong đó ở. Theo từng vết trấu, có chỗ họ đắp thành đường, ngăn thành vườn ruộng, có chỗ vết trấu lại như chỉ rõ cho mọi hướng đường cày. Làng Sở đang hép đất, thế là dần dần thành một làng có diện tích rộng, kéo dài sang đất làng Phùng Phường (tức là Phùng Đuệ bây giờ). Khu rừng, ngày nay đã hoàn toàn mất hẳn.

Nhớ ơn bà, nhân dân lập đền thờ. Không biết gọi tên bà là gì, mọi người đều nhất trí lấy tên làng để gọi bà. Vì vậy, ngày nay chỉ nghe nói là bà Sở.

116. SỰ TÍCH CÂY ĐA THẦN

Theo sự tích, ngài là Thiên thần. Vốn từ cổ xưa, làng này vẫn có một cây đa cổ thụ, nhưng cũng không ai biết rằng nó có từ thời nào mà quanh năm xanh tốt, cành lá xum xuê.

Ngay cả khi mùa đông giá lạnh khô khan, nhiều loài thảo mộc đều bị cằn cỗi, mà riêng nó vẫn cứ tươi tốt. Vậy nên thôn dân đã mệnh danh cho đó là "Cây thần". Trong làng xóm, hễ ai có việc gì tới kêu cầu cũng được ứng nghiệm. Linh thiêng là vậy, nhưng chưa được xây dựng miếu vú bao giờ, mãi tới giờ Ngọ ngày 15 tháng 8 năm Lê Thái Hoà thứ 4 (1446), người trong thôn bỗng trông thấy một người diện mạo dị thường đứng trên ngọn cây, tay cầm khay ngọc, miệng cười mỉm mà không nói gì. Dân thôn kéo tới bái lạy cầu xin tới trãm lạy; bấy giờ người ấy mới bảo: "Ta thừa truyền ý chỉ của trời, sao không sớm dựng miếu vú thờ phụng để được hưởng phúc lộc?" Thôn nhân đáp rằng: "Chưa biết duệ hiệu sao dám xây từ vú". Người ấy bèn nói: "Hãy lập đàn tràng, hễ trông thấy hiệu giáng xuống tất đấy là hiệu". Sớm hôm sau nhân dân tới sắp đặt lễ vật, bỗng thấy hiển hiện một đoá bạch ngân hoa từ trên không trung liệng xuống dưới, bay nhập vào trong đàn. Kịp khi có gió bay nhập vào cây cổ thụ, khí thơm toả ngát mãi không ngừng. Nhân dân theo đó lấy bốn chữ Bạch Hoa Tiên chúa để làm tự hiệu, kiến lập miếu vú, thờ cúng muôn ngàn năm. Tới tháng 3 năm Cảnh Trị 2 (1664), trong thôn có nhà bị trộm lấy hết cả đồ đạc có tới vài trãm thứ, dò la mất hơn trãm hôm mà không có kết quả. Tài chủ ngược mặt lên cầu xin, đêm ấy thấy bắt được trộm, kéo về buộc dưới gốc cây, tài chủ đi tới nhiều nơi đền miếu cúng xin hoàn trả nguyên như số đã vay ngày trước. Vua nói: "Đêm kia Hoàng Thái hậu trông thấy Bạch Y Tiên chúa cưỡi con ngựa trắng từ trên trời giáng xuống trước điện chỉ thị rằng: Có người hàm oan, quê tại thôn Cổ Ninh, phải phóng thích người ấy ngay". Về sau cây thần thụ bị gió táp quật đổ, thôn dân đến đông đủ, chong cây ba bốn ngày không chuyển động chút nào. Dân thôn quay về. Duy còn hai ba ông già tại đó. Nghe trong miếu có nhiều người cười nói, lại phát hào quang khí phóng ra bay vù vù trông như tên bắn lửa. Lão ông nhìn thấy mà kinh dị, mãi tới sáng hôm sau lại trông thấy Thần thụ làng mình cành lá xum

xuê hệt như ngày trước vậy. Bởi linh đức thần thiêng liêng, nên các triều đế vương đều có phong sắc cho thần và mệnh danh cho thần là Bạch Hoa Tiên chúa.

117. SỰ TÍCH ĐÌNH LÀNG MỄ TRÌ, HOÀI ĐỨC, HÀ ĐÔNG

Theo sự tích Ngài, tự nhiên ở cánh đồng thấy có một cái trứng nở ra rắn, hiện hình linh thiêng, cầu gì được vậy, dân làng bèn xây bệ lên thờ. Có một đêm, nhân cái cánh đồng sâu ở đấy, Ngài bèn đào hẵn thành cái đầm, rộng sâu ngót một trăm mẫu. Nền đền chỉ gồm có bốn quầy đất, ba quầy thì gánh đi thoát, còn một quầy đánh đứt quang bỏ trên bờ đầm. Gần đền bấy giờ, một bên thành cái đống đất nhón, thường bấy giờ gọi là gò đống. Còn ba gánh một bên đem bỏ ở xứ đồng làng Mọc bấy giờ, thường thường gọi là Bảy đống. Lại khi bấy giờ một làng vẫn chia ra làm hai thôn, thờ cúng chung nhau một cái đình, lợp bằng cỏ gianh, gần đền đầm ấy, xảy ra hai thôn cãi nhau, ganh ty về việc thờ cúng. Đến sáng, dân làng ra thì thấy mất đình, chỉ có nền tro lại không còn thứ gì, mà các thứ đều mang dồn hết cả xuống giếng gần đấy, dân làng không ai dám mang lên thứ gì. Sau hai thôn phải làm riêng đình thờ ở nơi khác. Hiện cái nền ấy bấy giờ gọi là Bãi Nền Đình, mà cái giếng cái đền ấy tự bấy giờ đến nay, giờ không mưa làm lễ cầu đảo, tát giếng thấy cạn hổ đến bốn cái cột ở dưới giếng, thì giờ hay mưa. Khi năm xưa, tát cạn giếng hổ cột và chiêng. Có một người con giai họ Ngô, chạy xuống đầm chuông, lén bờ tự nhiên hộc máu ra chết. Sau có lời nguyền rằng khi tát người họ Ngô không được ra. Còn ngày sinh ngày hóa công nghiệp công đức của Ngài không ai biết.

118. PHẬT SAY LÀNG THỤY

Thụy Khuê có tên cũ là phường Thụy Chương, được đổi

thành Thụy Khuê từ thời Tự Đức, vì kiêng tên miếu hiệu của Thiệu Trị, mất năm 1847.

Thụy Chương lấy tên một cung điện xây từ thời Trần, xưa kia dùng làm nơi triều đình làm lễ khánh hạ. Năm 1337 điện bị sét đánh nên hư hại nặng. Năm 1397 Hồ Quý Ly đã rờ điện này đem vào Tây đô¹. Nên cõi của điện Thụy Chương được nhân dân dùng để lập đền thờ Linh Lang vương.

Thụy Chương xưa có nghề dệt vải nhỏ và lụa như được ghi trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi. Nghề này đã định đốn từ lâu. Thời cuối Lê đầu Nguyễn, phường Thụy Chương nổi tiếng về nghề nấu rượu, có loại rượu ngon, ướp hương sen, sản phẩm ở hồ Tây. Đây là một đặc sản đã gây niềm tự hào của địa phương được ghi lại trong mấy câu thơ cổ:

*Bạch tửu y thuỷ nhưỡng bạch liên
Trường an phong vị hưng phiêu nhiên
Tâm thường Mai trạm lưu phàm phẩm
Phức úc hà hương mãn tửu diên.*

(Ai đem rượu trắng ướp sen trắng
Phong vị Tràng An hương đậm đà
Rượu trạm Hoàng Mai sao sánh được
Tiệc hoa nâng chén ngát hương hoa).

Nghề rượu của làng Thụy còn được ghi lại trong ca dao, như câu:

*Làng Võng bán lợn bán gà
Làng Thụy nấu rượu la cà cả đêm.*

Cũng vì tại đây có nghề nấu rượu mà có truyền thuyết *Phật say làng Thụy*. Tương truyền xưa kia ở làng này về phía ven hồ có một chùa cổ bị đổ nát, chỉ còn lại một pho tượng Phật được

1. Xem *Đại Việt sử ký* và *Việt sử thông giám cương mục*.

tạo với một hình thái độc đáo: tay chống gậy, chân dang bước chập choạng như say rượu. Chùa ở làng nấu rượu, nên tượng Phật được coi như Phật say. Pho tượng "Phật say" được kể trong 8 cảnh đẹp Hồ Tây. Danh hiệu này càng lôi cuốn nhiều người đến lễ, dân làng có, dân thập phương cũng đông, người hay uống rượu, khách làm nghề buôn rượu làng Thụy; rượu lẽ đặt ngổn ngang ở bệ thờ, Phật không say cũng phải say, Phật đã say càng say thêm. Ngắm tượng Phật, cống Quỳnh (tức Trạng Quỳnh) từng đem nậm đến và làm đùa bốn câu thơ:

*Ông đứng chi mà đứng mãi đây?
Dèn dèn ngỡ tỉnh hóa ra say.
Tòa sen la liệt bao be rượu,
Tôi chỉ xin ông một nậm đây¹.*

Nói xong Trạng Quỳnh rót đầy rượu vào nậm rồi đi ra. Bài thơ có giọng châm biếm sâu cay, nhắc lại bản chất của Phật theo đúng nghĩa của tên gọi, là giác ngộ, là thức tỉnh, hoàn toàn trái ngược với trạng thái say mê.

119. ĐÌNH VÀ LĂNG THÁI TẾ

Tại thôn Vĩnh Phúc có đình và lăng Thái Tế, vị đung sĩ làm nghề thuyền chài ở Lê Mật (huyện Gia Lâm) đã có công thành lập 13 trại gồm toàn bộ khu vực tổng Nội, huyện Vĩnh Thuận cũ, tức miếu Vĩnh Phúc, Đại Yên, Thủ Lệ, Giảng Võ, Ngọc Hà, Hữu Tiệp hiện nay. Truyền thuyết được lưu hành rộng rãi ở khu vực này và ở thôn Lê Mật, Gia Lâm, và cũng ghi trong *Lịch*

1. Doãn Kế Thiện trong *Cố tích danh thắng Hà Nội*, có chép bốn câu thơ này như sau:

*Ông đứng chi mà đứng mãi đây?
Dập dèn như tỉnh lại như say
Vãi nào đã chuốc cho ông rượu
Còn có cho vay một nậm đây.*

triều hiến chương loại chí (Dư địa chí) cũng như trong thần tích địa phương. Một công chúa nhà Lý đi thuyền trên sông bị đắm thuyền và chết đuối, người ta cho rằng do loài yêu quái dưới sông. Vua môt người lặn xuống tìm xác và có hậu thưởng. Nhiều người đã nhận làm việc này nhưng đều mất tích hoặc thất bại. Một người đánh cá họ Hoàng ở thôn Lệ Mật, huyện Gia Lâm đã dũng cảm lặn xuống sông giao chiến với thủy quái vớt được xác công chúa lên bờ. Vua thưởng cho tước, lộc người này từ chối chỉ xin đưa dân nghèo đói ở làng mình sang khai khẩn khoảng đất ở phía tây thành Thăng Long. Vua y cho. Vì dũng sĩ này đã lập thành 13 trại ở đây gọi là "Kinh quán" (quê ở kinh đô) để đổi lập với "Cựu quán" (quê cũ tức Lệ Mật), ông được gọi là Thái tể và được thờ ở đình Thái tể thôn Vĩnh Phúc và ở đình Lệ Mật. Hàng năm cứ ngày 23 tháng 3 dân 13 trại lại về "Cựu quán" để làm lễ. Đình còn giữ lại một số câu đối ghi lại câu chuyện này. Tí như câu:

*Đoạn giao dũng quán quán luân, Lý triều thiên vạn niên nhi hậu;
Được mã ân lưu quyết áp, Long thành thập tam trại do truyền.*

(Chém loài giao anh dũng vượt người thường, sau triều Lý muôn ngàn đời còn dậy tiếng;

Tung vỏ ngựa công ơn lưu ấp cũ, cạnh thành Rồng mười ba trại vẫn ghi danh).

Một câu ca dao lưu truyền vùng 13 trại và Lệ Mật cũng nhắc lại tích này và thể hiện mối tình quê hương thắm thiết của nhân dân Việt Nam, dù chuyển cư đã bao nhiêu đời vẫn không quên làng mạc cũ:

*Nhớ ngày hăm ba tháng ba
Dân trại ta vượt Nhị hà thắm quê
Kinh quán cựu quán đè huề
Hồ Tây cá nhảy đi về trong mây.*

Câu thứ tư nhắc lời một truyền thuyết. Khá cảm động về lòng biết ơn lúc công chúa nhà Lý đã hiển linh hàng năm đưa cá

từ hồ Tây về giếng nước ở trước đình Lê Mật, và vào ngày giỗ này dân làng đã cho đánh cá lên làm món cá gỏi dâng lễ cúng vị dung sĩ họ Hoàng. Một câu đố ở miếu cạnh giếng này cũng nhắc lại công ơn tụ tập dân làng sang Kinh thành và chuyện đền ơn của công chúa cho cá bay từ hồ Tây về giếng:

Đức trạch trường lưu viên trạch nhạn

Anh linh nấm trước tĩnh phi ngư.

(Ôn đức dồi dào, tường đồng vui nhộn đậu

Linh thiêng vang rộn, giếng nhộn nhịp cá bay).

120. NGỌC HÀ, NÚI SƯA VÀ CHUYỆN HUYỀN THIÊN HẮC ĐẾ

Ngọc Hà là một trong 13 trại do dung sĩ họ Hoàng ở Lê Mật thiết lập. Ngọc Hà có nghề trồng hoa lâu đời. Năm 1516 khi Trần Cao chiếm giữ kinh thành sau khi Lê Chiêu Tông trốn vào Tây kinh, Trần Chân một đô lực sĩ được phong tước Thiết sơn hà đã tập hợp binh sĩ đóng binh ở chợ Hoàng hoa chống lại. "Chợ Hoàng hoa" là tên cũ làng Ngọc Hà. Ngọc Hà còn một tên cũ nữa là Trại Hàng hoa. Hồi đầu thời kỳ Pháp thống trị, bọn thực dân đã lấy đất của Ngọc Hà và Yên Biểu để xây tòa Toàn quyền, chỗ ở riêng của Toàn quyền, và thiết lập một khu vườn công to nhất Hà Nội thời này, trong đó có nuôi nhiều thú. Vườn được gọi là "Bách thú" và cũng gọi là "Trại Hàng hoa" theo tên cũ. Nay là vườn Bách thảo.

Trong vườn Bách thảo có một gò nhỏ thường có nhiều người nhâm với núi Nùng, nhưng đúng ra là núi Sưa, tên chữ là Sư Sơn, cũng gọi là Xuân Sơn, thuộc địa phận thôn Xuân Biểu. Trên núi có miếu thờ thần Huyền thiên Hắc đế. Truyền thuyết kể rằng thần Hắc đế là một em bé sống dưới triều Lý, được mẹ cầu mong ở chùa Một Cột rồi sinh ra. Em bé người da rất đen, có sức khỏe dị thường, tính nết bướng bỉnh, năm lên 8 tuổi trèo lên cây Sưa ở gò Sưa, bị ngã chết và được táng ở nơi này. Khi

vua Lý vào đánh quân Chiêm xâm lấn bờ cõi, thần đã báo mộng xin âm phù. Tại chiến trường, thần đã hóa thành đám mây đen bao phủ mặt nước, làm nổi cơn dông đánh chìm thuyền giặc. Sau cuộc khải hoàn, vua phong là Huyền thiên Hắc đế. Một đôi câu đối ở đình Ngọc Hà còn ghi lại sự tích của thần:

*Nhất trụ mộng sinh, dương thác Sư sơn truyền ngọc phả;
· Cửu thiên phu thốn, âm phù Lý thất thiếp hà ba.*

(Chùa Một Cột ứng mộng ra đời, sống gửi núi Sưa,
tích truyền sách ngọc;

Mây chín tầng buông là xuống thấp, âm phù nhà Lý, nước lặng sóng yên)

Nhân vật Huyền thiên Hắc đế có nhiều di tích ở khu vực này. Đền Cát Triệu ở thôn Hữu Tiệp thờ mẹ sinh của thần. Đình Ngọc Hà, đình Hữu Tiệp thờ thần làm Thành hoàng. Miếu núi Sưa dựa trên lăng của thần.

121. PHƯỜNG KHÁN XUÂN VÀ NÚI KHÁN SƠN

Như trên đã nói, núi Sưa trong vườn Bách thảo chính là núi Xuân (Xuân Sơn) xưa kia thuộc phường Khán Xuân. Phường Khán Xuân chính là sinh quán của Hồ Xuân Hương "bà chúa thơ Nôm", có lẽ vì sinh tại phường này, nên thành tên: Hương Xuân hoặc Hương của phường Khán Xuân.

Tên phường là Khán Xuân vì ở gần núi Khán. Khán Sơn là tên một núi nhỏ ở phía tây hoàng thành.

Lê Thánh Tông thường ngự du tại đây, dùng nơi này làm đài quan sát những quân sĩ tập luyện, nên thành tên núi là Khán Sơn. Đến đầu năm Vĩnh Tộ (1619-1620) thời Lê Thần Tông dựng chùa Khán Sơn. Năm 1649 Lê Thần Tông nhường ngôi cho con trưởng (sau là Chân Tông) rồi đi tu tại chùa Khán Sơn. Chân Tông chết, Thần Tông lại lên ngôi vua lần thứ 2. Sau này

chùa Khán Sơn có tượng thờ Lê Thần Tông (tượng tạc vào năm Dương Đức, 1672-1674).

Chùa Khán Sơn xưa có nhiều nhà sư danh tiếng trụ trì. Khoảng niên hiệu Dương Hòa (1635-1643) có nhà sư nổi danh là Chuyết công đến trụ trì ở chùa này, và giảng kinh cho Thái hậu, mẹ vua nghe. Được một thời gian, ông lấy cớ bị bệnh xin từ về tu ở chùa Ninh Phúc tức chùa Nhạn Tháp (Bắc Giang). Khi già từ chùa Khán Sơn ông đã ngâm câu kệ:

Hữu bệnh thả quy Ninh phúc ẩn;

Vô duyên bất hội Khán Sơn xuân.

(Có bệnh hãy về nơi ẩn chùa Ninh Phúc;

Vô duyên không gặp mùa xuân ở Khán Sơn).

Chùa Khán Sơn sau cũng bị đổ nát, tượng Lê Thần Tông được dời về chùa Huy Văn trong ngõ ở phố Hàng Bột hiện nay, tại đây còn giữ được bài vị Thần Tông.

Núi Khán nằm trong thành Thăng Long được xây dưới triều Gia Long, và về phía tây bắc. Khoảng giữa thế kỷ thứ XIX một số văn nhân đã vận động xây dựng tại núi Khán một tòa nhà đặt tên "Khán Sơn đình" làm nơi hội họp và bàn luận văn thơ. Khi khánh thành, nhiều nhà văn học quen biết đương thời như Nguyễn Văn Siêu, Đặng Tá, Nguyễn Văn Lý... đã có những bài thơ vịnh mừng, được tập hợp trong sách nhan đề "Khán Sơn đình thi tập". Nhưng chẳng bao lâu sau khi thành Hà Nội - tức thành Thăng Long cũ bị phá hủy, thì núi Khán cùng đình Khán Sơn cũng chịu chung một số phận.

122. SỰ TÍCH HÒN NÚI ĐẤT, HÒN SANG, HÒN SẮM, NÚI HÒN QUẢI VÀ DÒNG SÔNG

Thuở ấy, khi loài người chưa xuất hiện trên trái đất, mọi sự sắp đặt và tạo dựng nên đất đai, sông núi đều do các vị thần lo toan cả.

Lúc đó, nhiều chỗ đất dai còn rất gồ ghề, ngón ngang sỏi đá. Một ngày kia có một vị thần, không rõ từ đâu tới. Thần cao lớn dị thường. Đôi chân khổng lồ của thần bước một bước dài hàng trăm dặm. Khi qua vùng này thấy đất dai gồ ghề, không đẹp mắt, Thần bèn tìm cách san bằng, rồi dùng quang gánh để gánh đất đổ những chỗ trũng. Khi gánh tới gánh cuối cùng, trên đường đi về phía hòn Hèo¹, Thần vô ý làm rớt xuống một hòn đất lớn. Gánh bị gồng, Thần bèn với tay lấy bớt ở đầu gánh kia một hòn khác ném đi. Rồi Thần gánh đi thêm một quãng nữa và đổ chỗ đất đá còn lại bên vệ đường.

Chỗ hòn đất do Thần vô ý làm rơi xuống đã tạo thành hòn núi Đất². Chỗ hòn đất do Thần ném xuống cho cân bằng hai đầu gánh đã tạo thành hòn Sang³. Còn chỗ đất còn lại trong gánh Thần đổ xuống bên vệ đường chính là hòn Sầm⁴.

Sau khi đã tạo ra được một dải đồng bằng và một loạt núi như núi Sầm, hòn Sang, hòn Đất..., vị Thần khổng lồ ấy bèn nghĩ ngay đến việc khơi một con nước từ trên núi chảy qua đồng bằng ấy ra biển.

Thế là Thần vào rừng bắt một đôi trâu lớn và dêo một chiếc cày to để khơi nguồn nước chảy. Thần cày một rãnh sâu từ trên xuống. Đến chỗ giáp hòn Sang, Thần phải cày quanh một đoạn dài theo thế núi, khi đường cày đã ăn gần ra biển thì trời cũng đã xế trưa, nắng gắt. Thấy trâu mệt mỏi, khát nước, Thần tháo quái cho trâu đi uống nước. Đôi trâu uống nước no nê rồi bỏ đi không trở lại nữa.

1. Hòn Hèo: một hòn núi khá cao ở địa phận giáp giới giữa các xã Ninh Đà, Ninh Thọ, Ninh Giang, huyện Ninh Hòa, Phú Khánh. Ở đây đã từng là nơi hoạt động của du kích cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

2. Hòn núi Đất hiện ở gần cầu núi Đất, xã Ninh Hà, huyện Ninh Hòa.
3. Hòn Sang hiện ở cạnh cầu Cháy, xã Ninh Lạc, huyện Ninh Hòa.
4. Hòn Sầm nay thuộc xã Ninh Giang, huyện Ninh Hòa.

Biết mất trâu, vị Thần bèn tháo cái quái cày ném đi, định bụng dùng cày để khơi tiếp nguồn nước thông ra biển, nhưng không thể cày khi không có trâu kéo, Thần dẹp cày sang một bên rồi dùng tay moi nốt chỗ đất còn lại cho xong việc để ra đi.

Cái quái cày Thần ném đi, sau thành một hòn núi. Vì có hình thù như cái quái cày nên người đời sau đặt luôn cho cái tên là hòn Quái¹.

123. NGƯA BẠCH TRUNG THÀNH HAY SỰ TÍCH ĐÈO CỔ MÃ

Ngày xưa ngày xưa, một vị tướng nọ có một con ngựa quý nổi tiếng, lông trắng như tuyết. Giống ngựa bạch ấy to, khỏe, ngày phi ngàn dặm mà tính tình hiền lành, lại rất trung thành với chủ. Vị tướng đó rất quý con ngựa của mình. Lúc trận mạc hay khi thái bình, đi đâu người và ngựa cũng không rời nhau nửa bước.

Một lần cất quân đi dẹp loạn phương xa, nhà vua cử vị tướng nọ mang quân ra trận. Trong một trận giao chiến, vị tướng chẳng may bị trúng tên, ngã ngựa mà chết. Con ngựa bạch thấy chủ mình bị hại, tung vó hí vang thảm thiết và cứ chạy quanh xác chủ mà không chịu bỏ đi. Bọn giặc thấy giống ngựa quý liền hò reo vây bắt. Nhưng hễ đứa nào đến gần đều bị ngựa xoay mình đá chết. Giận vì không bắt sống được ngựa bạch, viên tướng giặc liền cho quân vác đao chém. Đau quá, ngựa bạch hí vang trời lồng lên rồi phi thẳng về hướng Nam, nhưng do mang nhiều vết thương, máu chảy đầm đìa, ướt đẫm cả bộ lông trắng. Vượt qua cái truông cao vút, đến địa phận Tuy An, đầu ngựa đã rơi xuống đất mà bốn vó vẫn phi nước đại. Dân trong

1. Hòn Quái: thuộc địa phận xã Ninh Hà, huyện Ninh Hòa, tỉnh Phú Khánh ngày nay.

làng cho đó là một điểm lạ bèn rước đầu ngựa về chôn cất tử tế và lập miếu thờ tại đó.¹

Chạy đến gần địa phận Vạn Ninh thì cái cổ ngựa rơi tiếp, nhưng ngựa vẫn chạy một quãng xa nữa và lao xuống biển sâu.

Cổ ngựa rơi xuống đã hóa thành một cái đèo, người đời sau gọi là đèo Cổ Mã để tưởng nhớ con ngựa bạch trung thành.

124. ĐƯỜNG CÂY QUAN TRẠNG

Từ bao nhiêu đời nay, nhân dân làng Phong Trạch, xã Phú Điền, Nam Sách vẫn tự hào về đường cây quan Trạng quê mình. Suốt từ kinh đô về đây là một con đường to rộng, hai bên đều có cây xanh, tán lá che rợp lòng đường. Người làm ruộng hoặc đi chợ búa mỗi khi nghỉ dưới tán cây tránh nắng trưa hè đều tự hào nhớ về quan Trạng.

Quan Trạng ở đây là Trạng Xác, quê ở Phong Trạch. Tại đây còn di tích về Trạng, ngoài đường cây nói trên còn có cánh đồng Đầu, nơi Trạng "đong" quân trước khi ra trận.

Tương truyền, ngày Xác còn bé, đang tuổi ăn chơi, chưa đi học, đã có người rủ đi thi. Đó là một anh học trò người vùng Thanh Nghệ. Anh nầm mộng thấy thần cho biết muốn đỗ cao, phải mời Xác ở làng Phong Trạch cùng đi thi. Anh tìm đến quê Xác, thấy Xác đang cùng bạn bè chơi đánh trận giả. Xác làm tướng, còn lại đều là quân. Xác đã dàn quân, đánh cho quân bên kia thua liểng xiểng. Anh hỏi Xác có biết chữ không. Xác trả lời: "Nhà nghèo, mô cõi cha, Xác còn đi cắt cỏ chăn trâu cho nhà giàu để đỡ đần mẹ". Anh học trò thất vọng: "Nếu Xác đi thi khóa này thì Xác đỗ trạng, mà tôi cũng đỗ. Thế này thì tôi hỏng mất". Quả nhiên khoa thi ấy, anh ta bị trượt. Còn Xác thì từ đó mới

1. Nhân dân địa phương nói miếu thờ đầu ngựa nằm về phía tây bắc ngọn Chóp Chài (tại thôn Phú Lương, xã An Phú, huyện Tuy An ngày nay).

bắt đầu đi học. Xác học rất thông minh, học một hiểu mười, học một ngày bằng người khác học một tháng. Mà Xác vẫn vừa học, vừa luyện tập võ nghệ. Xác giỏi cả vân lẩn võ.

Năm sau, vẫn định ninh lời thần bảo mộng, anh học trò Thanh Nghệ lại tìm đến Phong Trạch. Anh hết sức ngạc nhiên thấy Xác đã cao lớn khác thường, lại tinh thông kinh sách. Hai người cùng về kinh ứng thí. Anh học trò Thanh Nghệ đã lọt vào bảng vàng, nhưng vẫn đứng sau Xác. Xác đỗ trạng nguyên. Mọi người gọi là trạng Xác từ đó.

Vừa khi nước có giặc, vua với trạng Xác cầm quân đi dẹp giặc. Trạng chiêu mộ binh sĩ. Người khắp nơi đổ về Phong Trạch xin được đầu quân. Quân đông quá, đêm không xuể nên Trạng chỉ ra một cánh đồng, dùng làm "đầu" để "đóng" quân, từ đó mà phiên ra có ngù. Cánh đồng Đầu cũng mang tên như vậy và còn lại đến đời nay.

Dẹp xong giặc, Trạng Xác không ham quyền cao chức trọng, mà chỉ một mực xin về quê phụng dưỡng mẹ già. Vua đành phải chiêu lòng Trạng. Vua hạ chiếu cho các hạt phải tu sửa con đường từ kinh đô về Phong Trạch, hai bên đường trồng cây, các đoạn dừng chân phải có cây to để che mát quân lính của Trạng.

Vài năm sau, trong triều có bọn gian thần lộng hành, giặc giã nổi lên, trăm dân khổn khổ. Trạng Xác vẫn giữ vẹn lòng trung quân, liền dây binh về phò vua, cứu nước. Quân các nơi lại đổ về đồng Đầu theo Trạng. Trạng xuất quân dẹp các đám giặc để dân được yên, trên đường tiến về kinh thành.

Ở trong triều, bọn gian thần biết thế nào Trạng Xác cũng đến nơi này hỏi tội chúng. Chúng bàn nhau: Phải cho thày địa lý đến quê Trạng Xác, vừa lung lạc bà mẹ già mà Trạng rất yêu kính, vừa tìm cách triệt long mạch để Trạng không còn dát phát nữa. Quả nhiên, thầy địa lý đã làm bà mẹ Trạng lo âu, hoảng hốt. Thầy nói:

- Quan Trang mệnh yếu, ra trận kỳ này khó mà bảo toàn. Muốn quan Trạng tai qua nạn khói thì phải có đủ tiền lầm lẽ.

Khóm tre trên bờ ao nhà Trạng kia, chúng tôi chọn cây dài nhất để chè lạt, tiễn xâu đầy lạt thì mới đủ sắm lễ... Chúng tôi hẹn tuần đầu tháng tới, sẽ đến nhận xâu tiền làm lễ cầu an cho quan Trạng.

Bà mẹ nghe nói, không còn bụng dạ nào mà lo tính được nữa. Đêm ấy, bà đem nước sôi, tưới vào gốc tre, để cho chết hết các cây to cao, chỉ còn lại vài cây cành ngắn thấp, cho đủ với số tiền có hạn xâu vào đó nộp thầy địa lý. Hôm sau, cả bụi tre chết, chỉ còn ló thơm vài gốc bên ngoài, bà mẹ hí hửng nhưng có biết đâu thâm ý của gian thần: long mạch nhà Trạng đã bị triệt từ lúc đó!

Bà mẹ đột ngột qua đời. Rồi Trạng Xác cũng vì thương mẹ, ma sinh bệnh, chẳng bao lâu cũng ốm chết.

Mặc dù Trạng Xác không còn nữa nhưng cho đến ngày nay, đường cây quan Trạng vẫn cứ đời đời xanh tươi và là niềm tự hào của dân làng Phong Trạch.

125. ĐÌNH NHÂN LÝ

Đình Nhân Lý (còn gọi là đình Sì) thuộc thị trấn Nam Sách là di tích lịch sử văn hóa, nơi thờ "Thượng đẳng phúc thần tối linh sùng vân mậu công Đào Tuấn Lương", đồng thời là một kiến trúc dân gian nổi tiếng.

Đào Tuấn Lương là vị tướng có công giúp Lý Bí đánh giặc Lương lập nên triều đại Vạn Xuân. Ông được thờ ở năm làng trong khu vực trung tâm huyện Nam Sách là Nhân Lý, Bạch Đa, Cẩm Lý, Lang Khê, Đồng Khê. Song đình Nhân Lý là nơi đặc sắc nhất.

Đình tọa lạc trên một khu đất rất đẹp, dáng con rùa thần soi bóng ba hồ (tiền tam tinh), lưng dựa vào hai gò cao (hậu nhì bối), chung quanh có năm con sông nhỏ đổ về (ngũ long hội thủy). Những đêm quang mây, đứng từ giữa sân đình mà ngắm thì thấy trước và sau đình rực sáng những chùm sao quý (tiền ngũ nhạc, hậu thất tinh).

Định cấu trúc trong chữ *vương* ngoài chữ *quốc*, vững chãi, đường bộ. Hậu cung nhà đại báu và tiền sảnh tạo nên ba cung *khuyết* - cửa ra vào nơi tôn nghiêm. Mái hậu cung theo dáng cung điện, ngói mũi hài, đắp "lân phượng trào nguyệt", tầng thông gió mái hai tầng. Khu hậu cung dài 12 mét, rộng 7 mét, dùng gạch làng Cậy (Bình Giang) xây và lát nền, tường có in hoa văn màu men lam đời Lý - Trần. Các đao hình cong vút, chạm trổ "lân, phượng, long hí thủy" cùng những con nghê lớn đăm chiêu, tư lự. Tường bao quanh bằng gạch đất nung, cầu kết bằng các chất liệu dân giã như mít, cát... Khung cảnh ấy, kiến trúc ấy, kể từ lần trùng tu thứ nhất năm 1703 đến 1713, còn bảo tồn cho đến ngày nay, đã mang một giá trị lịch sử vô cùng quý giá.

Song cái làm cho mọi người ngạc nhiên là nghệ thuật điêu khắc dân gian trong đình hết sức độc đáo. Nhiều mảng kiến trúc công phu lâu đời từ ngày khởi dựng vẫn còn được giữ nguyên vẹn. Các vật liệu gỗ để đỡ mái đình, từ xà chéo, độn hoành, đầu dư đều có thể coi là những tác phẩm điêu khắc, 18 đầu dư là 18 đầu rồng ẩn mây. Xà chéo lên nóc là xà hình đóng trúc có mây trườn từ thấp lên cao. Các xà nhỏ' đều có đàn sóc leo chạy, sóc lớn sóc con quay lại với nhau gọi đàn sống động. Những thanh gỗ đỡ hoành khắc "Hổ phù tảng vân" đầy khí lực.

Trong đình có nhiều bức điêu khắc gỗ hiếm thấy ở các nơi khác. "Ngưu long" là bức độc nhất vô nhị. Con trâu có cách điêu móng vuốt bay lên tao ngộ với rồng giữa lớp mây giăng. Nhiều bức "tứ quý", "tứ linh" dân gian hóa theo chiêu ước lè long - mã (đầu rồng mình ngựa).

Có lẽ sự tài hoa tập trung nhất ở hai vách gỗ vào nhà đại báu. Năm lớp khắc lồng đan trên một phiến gỗ lim cực lớn. Mé phải khắc theo chủ đề "khuyến thiện", rồng chúa che chở đàn nghê và rồng con. Mé trái lại theo chủ đề "vạn vật dī hoà" cảnh sum vầy những con vật hoang dã, rồng, cọp, báo đùa vui với sóc, nai, nghê... Bàn tay tài hoa bậc thầy của người thợ thủ công đã phả

sức sống vào thớ gỗ, đường nét tinh tế đều có thần, có hồn như giữa đời thường. Các lớp được bài trí phân minh, sống động, duyên dáng. Các con vật quần tụ trong môi giao cảm đầm thắm. Con nào con nấy thần thái khoáng đạt, sung mãn, như một sự mong mỏi được sống giữa cộng đồng yên vui hòa thuận. Trong đình còn có nhiều câu đối ghi công đức người xưa. Nội dung câu đối đã hay, cách khắc chữ lại có nhiều dụng công theo nghệ thuật câu đối hài hòa, làm tăng thêm giá trị của khu kiến trúc dân gian cùng nghệ thuật điêu khắc thủ công tinh tế của người xưa truyền lại.

126. LỄ RƯỚC 'XÔNG HỆ' Ở ĐÌNH VẠN NIÊN

Hằng năm trước đây, cứ vào trung tuần tháng giêng âm lịch, nhân dân thị trấn Nam Sách lại mở hội đình Vạn Niên kéo dài một tuần lễ. Đó là những ngày hội văn hóa - thể thao sôi nổi, vui vẻ, thể hiện tấm lòng người dân hướng về tổ tiên và những người có công với nước.

Hội đình Vạn Niên là dịp để người dân thị trấn tưởng nhớ công lao của đại tướng quân Nguyễn Quý Minh và một người dân là ông lão cất vó ở giếng Nghè đã giúp Nguyễn Quý Minh đánh tan giặc ở trận cầu Giao, bến Vạn (đều thuộc thị trấn Nam Sách) ngày trước.

Truyện kể rằng, Nguyễn Quý Minh quê ở Kiệt Đặc (huyện Chí Linh), nhà nghèo, cha mẹ mất sớm, chịu khó học hành đỗ đại khoa, được vua cử cầm quân đánh giặc, lập công lớn. Lần ấy, ông đem quân về vùng Thanh Lâm, để dẹp giặc giữ yên quê nhà. Nhưng giặc dựa vào địa thế đầm lầy, hoang vu, lau lách, vẫn không suy suyển. Đang lúc chưa tìm ra kế hay thì Nguyễn Quý Minh thấy ở ven sông, chỗ giếng Nghè bấy giờ, có một ông lão cất vó bè, sống trong túp lều đơn sơ. Nguyễn Quý Minh liền vời ông lão lại hỏi:

- Ông có kế gì giúp ta phá tan giặc dã?

Lạ kỳ thay, khi được gặp tướng quân, ông lão không còn vẻ

già nua, chật chạp mà trở nên con người khác hẳn, tháo vát tinh nhanh. Ông xoa đám đất trước mặt, vẽ hình trại giặc, chỉ rõ đường tiến, đường thoái của chúng, rồi đặt ngón tay vào các vị trí ác hiểm, nơi phục binh táo bạo, bất ngờ, chắc thắng. Nghe xong kể sách của người cất vó bè, Nguyễn Quý Minh chắp tay vái ông lão một cái, rồi về bản doanh ra lệnh xuất quân. Theo mưu kế của ông lão, Nguyễn Quý Minh đã đánh thắng giòn giã hai trận cầu Giao, bến Vạn Giặc tan. Ông về kinh tâu vua xin trọng thưởng cho ông lão cất vó ở giếng Nghè, song đến lúc này thì không thấy ông đâu cả.

Sau này, đại tướng quân Nguyễn Quý Minh được vua phong sắc thờ làm Thành hoàng làng Vạn Niên.

Tục truyền, có một chiếc sập đá trôi theo sông Kinh Thầy, dạt đến Nghè thì đậu lại. Trên sập có đài đá. Trong đài có bốn câu thơ:

*Nguyễn Quý Minh thi Kiệt Đặc nhân
Lê triều anh dũng đại tướng quân
Linh ứng Vạn Niên Thành hoàng vị
Dực bảo trung hưng thương đẳng thần.*

(Nguyễn Quý Minh là người làng Kiệt Đặc
Được triều Lê phong là anh dũng đại tướng quân
Linh ứng là Thành hoàng làng Vạn Niên
Sắc phong Thượng đẳng thần dực bảo trung hưng).

Thần sắc của Thượng đẳng thần được rước về đình Vạn Niên thờ. Còn tại Nghè, nơi có đài đá, sập đá thì nhân dân lập đền thờ ông lão cất vó bè quê mình. Nay vẫn còn sập đá dài 5 mét ở đó.

Trong hội đình Vạn Niên thì lễ rước "xông hê" là công phu nhất, hấp dẫn nhất. Chuẩn bị cho ngày lễ rước, làng phải bình chọn một vị trưởng lão cao niên, có dung mạo đĩnh đạc và cũng phải có uy tín để đóng "anh dũng đại tướng quân". Sau một tuần ăn chay kiêng kỵ, ông được nhập vai với đầy đủ trang phục

chiến trường: mũ trụ, áo giáp, chân quấn xà cạp, đì hia đen, sau lưng phái hai lá cờ lệnh, tay cầm trống khẩu.

Trước lễ rước là ngày "tập ngoi". Người ta xếp đinh hương, treo cờ thần, rước long đình, hương án, ngựa thần từ đình trong ra đình ngoài. Ngày lễ rước là một cuộc biểu dương lực lượng bằng một loạt tiết mục mà chủ thể là "xông hệ" (có nghĩa là "xông lên, hệ!" đầy dũng khí). Vị lão tướng cưỡi ngựa thật, có một tiểu đồng giữ cương. Lão tướng đánh trống khẩu phát lệnh. Cả đoàn quân diễu hành. Đội quân trẻ có ông lão cất vó đi theo, ai cũng ăn vận theo kiểu lính trận thời xưa, quấn khăn đầu rùi nhiều tím, thắt lưng xanh dỏ, tay cầm gươm có tua màu, múa võ theo nhịp trống. Đoàn rước đi tới đâu, các nhà hai bên đường đều làm lễ bái vọng. Đi đầu là cờ, trống, bát âm, thanh la, nǎo bạt, chiêng đồng khênh trên giá. Âm thanh rộn rã, khí thế tung bừng. Tiếp đó là đội gươm đao, bát bửu, tượng bạch mã oai phong, hùng tráng. Uy nghiêm nhất là đội khiêng kiệu bát cổng, trên là long đình sơn son thếp vàng như có vị thần thiêng liêng dang ngự, trông coi công việc của muôn dân.

Đoàn rước tới Nghè thì dừng lại. Các bô lão vận lễ phục trang trọng làm lễ phong sắc, tế ba tuần rượu tưởng nhớ công ơn của người kéo vó đã có công góp vào sự nghiệp phá tan quân giặc, giữ gìn cuộc sống bình yên.

Sau đó đoàn rước quay về sân đình để tổ chức "xông hệ". Tại đây, vị lão tướng xuống ngựa, tay cầm trống khẩu điều khiển đoàn quân sắp hàng theo thế trận trên sân. Theo trống lệnh, quân khi tiến, khi lùi, dứt một động tác lại hô lớn: "Xông hệ!". Lại lúc sang tả, lúc sang hữu, thét vang "Xông hệ?". Tiếp tục các bài võ, phát cờ, múa gươm, khí thế ngút trời, là lúc vị tướng cầm trống khẩu chuyển sang thúc trống đánh trận. Pháo nổ vang, khói mù mịt. Đoàn quân nhất loạt vung gươm đao xông vào, miệng thét theo nhịp "xông hệ" dũng mãnh, cho đến khi đoạt được "thành" của quân giặc. Khi quân ta đã toàn thắng thì lão tướng đánh trống thu quân. Các đội tế nam, nữ với trang phục

lễ hội đẹp nhất trình diễn màn tế an vị, trong tiếng đàn, nhịp trống của đội bát âm dân giã, nhịp nhàng, khỏe khoắn.

127. TÍCH CÂY MÍA VÀ LỄ CHIÊU HỒN

Ngày xưa, có một người bộ hành lạc lõng trên đường thiên lý đã nhiều ngày nay đói khát đuối sức. Vừa may, người bộ hành đến một vườn mía, trông trước nhìn sau chẳng thấy chủ vườn ở đó, mới bẻ mía ăn đỡ lòng, đoạn lấy một xâu tiền đem buộc vào cây mía rồi ra đi.

Một lát sau, chủ vườn ra vườn thấy mất một cây mía lại chợt thấy xâu tiền kẽm buộc vào cây mía kế bên, lấy ra đếm thì thấy hơn giá tiền một cây mía quá nhiều. Chủ vườn mía nghĩ rằng có kẻ đã ăn mía trả tiền, nhưng số tiền còn thừa, phải kiểm cho được người ăn mía mà trả lại không thì chủ vườn chẳng yên lòng. Nghĩ như vậy rồi, chủ nhà vườn mía mới đi tìm người bộ hành.

Xế chiều, người chủ vườn gặp người bộ hành nằm chết trên đường, nghĩ thương tình, người chủ vườn mới vác người bộ hành đến một cái chùa gần đó, kể hết sự tình cho sư ông nghe và nhờ sư ông tụng kinh siêu độ.

Nhà sư liền lấy cây mía buộc tiền vào rồi đặt lên đòn, đoạn đọc kinh cứu khổ, gọi là lễ truy linh hay lễ chiêu hồn.

Cuộc lễ vừa xong, hồn người bộ hành bỗng trở về nhập với xác giúp người sống lại.

Vì truyện tích này mà từ đó về sau, mỗi khi có lễ chiêu hồn các pháp sư hay thầy sãi đều dùng cây mía có buộc xâu tiền kẽm để làm đồ tế lễ.

128. ĐỐNG CÁP

Làng Uông Hạ tục gọi là làng Dụ có cốt đất trũng nhất xã Minh Tân và là một trong những cái rốn nước ở huyện Nam

Sách. Nằm ở góc phía tây nam huyện, làng thấp hẳn xuống so với các làng khác, nhìn ra đê sông Thái Bình thì thấy đê cao sừng sững như dải núi chắn quanh làng. Đã có câu "Trăm cái tội không bằng cái lội làng Uông", ai cũng phải thừa nhận là đúng.

Áy thế nhưng ở cái làng trũng ấy lại có khu đồng linh thiêng ít nơi có được. Đó là Đồng Cáp. Đồng Cáp cao và to. Giữa đồng là lăng Thành hoàng. Chung quanh, đồng xoai xoải ra tứ phía, tịnh không có một ngôi mộ nào khác. Không ai dấp nhưng Đồng Cáp mỗi năm một cao, không ai cuốc đất vặt bờ mà Đồng Cáp mỗi năm một rộng. Mùa lụt bốn bề nước ngập trắng xóa, Đồng Cáp vẫn cao như quả đồi, dân làng kéo nhau ra đó để tránh thủy tai. Họ thấp hương khấn vái Thành hoàng cho dân làng được yên...

Chả là Đồng Cáp, cũng như làng Dọ, vốn nằm trên phần đất địa đầu huyện Nam Sách, nơi tiếp giáp với bên kia sông Thái Bình là đất thuộc lỵ sở Mao Điền, dẫn tới kinh đô. Vào thời xa xưa, giặc tàn bạo tràn sang xâm chiếm nước ta. Kinh thành thất thủ. Giặc thừa thế, đánh qua Mao Điền, rồi định qua làng Dọ tiến về phủ Nam Sách, về Vạn Kiếp. Trước họa xâm lăng, dân chúng nỗi dậy phò vua diệt giặc. Ở làng Dọ, nghĩa binh do đích thân Thành hoàng đứng ra thống lĩnh. Vũ khí của nghĩa binh chỉ là gậy gộc, dao, búa, giáo, mác, câu liêm và mọi thứ có thể đánh giặc. Đồng Cáp là nơi đặt đại bản doanh của nghĩa quân.

Một ngày kia, quân giặc qua Mao Điền, vượt qua sông Thái Bình đặt chân lên làng Dọ. Gần Đồng Cáp có một bà già bán nước cho khách qua đường, đồng thời là tai mắt của nghĩa binh ngày ngày ngồi đó. Thấy bọn ngoại bang còn đang dò đường tìm lối, bà ra hiệu. Hiệu được truyền đến Thành hoàng đang điêu binh. Thành hoàng ra lệnh, các toán nghĩa binh mật phục đồng loạt xông lên. Nhiều tên giặc bị câu liêm, dây cáp căng săn quật ngã. Riêng tên tướng giặc vốn là người nham hiểm. Nó hóa

trang là tên lính hầu, tìm cách tiến đến bên Thành hoàng làng Dụ. Chỉ một loáng sơ xuất, nhát dao quân thù đã phạt đứt phăng đầu của Thành hoàng. Giặc hí hùng, tướng đã chặt đầu thủ lĩnh thì nghĩa binh sê tan. Mà thực tế, đội tinh binh làng Dụ lúc ấy cũng đang sững sờ, chờ đợi... Nhưng kia, Thành hoàng bị rơi thủ cấp mà vẫn vững vàng trên yên ngựa. Ông cúi xuống đất, tay nhặt đầu của mình lắp ngay vào cổ. Thành hoàng lại vỗ ngựa, xông tới giao chiến mãnh liệt hơn trước. Nghĩa quân xông lên vây chặt, dân chúng trong vùng reo hò, bọn giặc lo sợ, vội bơi qua sông chạy trốn để bảo toàn tính mạng.

Trận đấu xuất quân toàn thắng. Dân làng Dụ bàn nhau về chuyện ly kỳ: Thành hoàng bị chém đầu rời khỏi cổ mà vẫn chỉ huy đánh tan quân giặc, làm cho ai nấy đều thán phục và tin tưởng.

Trận đánh sau gay go gấp bội. Giặc từ bên kia sông sang vây kín làng. Câu chuyện đầu rơi chắp lại vẫn nguyên lành trước đây, nay một lần nữa nghĩa binh và dân làng lại được thật mực sở thị. Một tên giặc lại lén chém ngang cổ, làm đầu ngài rơi xuống đất, vậy mà Thành hoàng vẫn ngồi yên trên mình ngựa, một tay giương cao cờ, tay kia vung dao. Bọn giặc co rúm lại, vô cùng khiếp dǎm. Rồi kia, Thành hoàng đã lại cúi xuống nhặt đầu mình chắp vào cổ, trở lại vị tướng nguyên lành, oai phong lẫm liệt.

Sau hai trận thất bại liên tiếp, giặc tập trung quân mở trận thứ ba, quyết lấy đầu Thành hoàng, phá tan pháp thuật kỳ lạ của ngài. Một buổi chiều, với số quân lính đông gấp bội, chúng vượt sông sang làng Dụ. Lại một lần nữa, Thành hoàng tả xung hữu đột cùng các nghĩa binh diệt giặc giữ làng. Giặc vây kín Thành hoàng, ngài vẫn xoay người từ phía chống chơi, gươm giáo vun vút sáng loáng chung quanh. Nhưng do quân giặc đông, nên tên tướng giặc đã lại vung dao thừa cơ chém đầu ngài rơi xuống đất. Chỉ chờ có vậy tướng giặc thúc ngựa xốc tối, định cướp đầu ngài mang đi. Nhưng nhanh như cắt, Thành hoàng vỗ ngựa, xoay người,

cúi mình nǎm vào tóc, nhắc đầu lên, biến đầu ngài thành một vũ khí phi thường. Đầu ngài đã nện thẳng vào đầu tên tướng giặc, như một quả chùy nghìn cân, làm nó đổ phịch xuống, chết dí dưới đất. Quân giặc khiếp đảm, nhiều đứa ngã lăn xuống sông, tranh nhau chạy trốn hòng bảo toàn mạng sống. Nhưng thật không may cho Thành hoàng, đầu ngài vung ra quá đà, đã tuột khỏi tay mà rơi văng xuống giữa dòng sông. Dòng sông từ thương cổ đến giờ nước vẫn trong xanh, lúc này bỗng đỏ và cuồn cuộn chảy. Từ đó trở đi, nước sông Thái Bình ở đoạn này luôn luôn cuộn sóng, nước đỏ phù sa chảy mãi ra biển Đông.

Quân giặc mất chủ tướng như rắn mất đầu. Nghĩa binh thưa thắng xông lên theo Thành hoàng tiêu diệt những tên giặc còn ẩn nấp quanh vùng.

Trận đánh đã giành thắng lợi hoàn toàn. Thành hoàng không đầu vẫn ngồi yên trên lưng ngựa, tay đao, tay cờ. Nghĩa binh và dân làng sắp hàng hai bên vái lạy ngài. Ngài thúc ngựa đi trong vầng hào quang. Con ngựa đưa ngài từng bước lên đỉnh Đống Cáp. Và ngài rời ngựa, nằm xuống giữa đống. Mặt đống tự nhiên hé ra vừa đủ để đón nhận người anh hùng làng Dọ, rồi từ từ khép kín.

Nhớ ơn ngài, dân làng xây lăng giữa Đống Cáp để thờ ngài. Đống Cáp là nơi dân làng tụ họp mỗi khi có điều vui, trú thân khi có mùa nước lớn... Không một dòng họ nào được đặt phần mộ trên Đống Cáp. Đống Cáp ngày một cao, một to, một rộng, linh thiêng, huyền bí...

129. THẦN ĐỘC CƯỚC VÀ ĐÊN ĐỘC CƯỚC

Chúa biển phương Bắc khét tiếng tham lam độc ác. Hắn ôm mộng lớn: muốn cai quản muôn loài. Vì vậy hắn thường xuyên sai bọn thủy quái, yêu ma mò vào đánh phá vùng biển Sầm

Sơn giàu có. Chúng đánh phá cả trên cạn lẫn dưới nước, gây nhiều tội ác đối với dân lành. Mỗi lần chúng đến là nhà cửa, làng xóm bị tàn phá trơ trụi. Người già thì bị chúng chặt đầu. Trẻ con bị chúng ăn thịt. Của cải, vàng bạc châu báu chúng cướp hết đem đi.

Dân vùng biển Sầm Sơn đã anh dũng đánh bại chúng nhiều lần...

Một hôm trời đang quang, mây đen bỗng từ hố phía ùn ùn kéo đến. Quân giặc hung ác ầm ầm tiến đến. Trống đồng vang vang thúc giục mọi người vào cuộc chiến đấu giữ làng. Dân làng ai nấy gươm giáo sẵn sàng chiến đấu. Trời đen kịt. Gió thét. Mưa gào! Sóng biển cuồn cuộn đổ liên hồi vào chân núi. Bỗng một tiếng nổ long trời lở đất, làm mọi người giật mình hồi hộp. Núi Sầm Sơn nứt ra một khe lở lớn. Một luồng ánh sáng xanh từ trong khe núi phut lên trời làm cho mây đen tan ra từng mảng. Trời đất sáng bừng lên. Gió ngừng thổi, mưa ngừng rơi. Sóng bể ngừng vỗ.

Một chàng trai mặt mũi khôi ngô tuấn tú, thân hình vạm vỡ, lưng thắt dải lụa hồng, hai tay cầm hai thanh đoản kiếm từ trong khe núi bước ra. Chàng ung dung đi thẳng lên đỉnh núi. Bóng chàng cao lồng lộng, oai phong lẫm liệt vô cùng. Mắt chàng rực lửa căm thù, đăm đăm nhìn về phía biển Đông chờ đợi. Lũ thủy quái yêu ma la hét ầm ī, mặt đầy sát khí ô ạt tiến thẳng vào bờ. Đứa nhe nanh, đứa giơ vuốt. Chúng đông như kiến vỡ tổ, đếm không thể hết. Chàng vươn vai, tay vung kiếm lao thẳng vào quân giặc mà đâm chém. Hai lưỡi đoản kiếm lướt nhanh trên mặt biển đến nỗi người ta chỉ nhìn thấy hai vệt sáng trên mặt nước. Lũ thuồng luồng, ba ba, cá mập, bạch tuộc đi đâu chết không kịp ngáp. Thân chúng bị chặt đứt ra từng khúc, trôi lênh láng trên biển. Bọn yêu ma vẫn liều chết xông lên. Chàng càng đánh càng hăng. Chàng như một mãnh hổ xông xáo chém giết lũ giặc dữ. Chúng tiến đến đâu xác đổ chồng chất lên nhau đến đáy. Máu chúng đỏ ngầu loang trên mặt

nước. Lũ sóng sót xô đẩy, dâng đập lên nhau mà chảy. Chàng tráng sĩ cất tiếng hô vang. Gió từ bốn phía ù ù thổi tới. Mưa tuôn xối xả. Sóng biển dâng lên cuồn cuộn phảng xác giặc ra biển, tẩy sạch mùi tanh hôi. Trời sáng bừng lên. Dân làng đổ ra đứng chật cả bãi cát và hai bên sườn núi, reo hò mừng chiến công của chàng tráng sĩ. Tráng sĩ giơ tay vẫy chào dân làng rồi đi thẳng vào khe núi. Cuộc sống của dân làng vùng Sầm Sơn trở lại yên vui.

*

Thua đau, chúa biển phương Bắc rất ấm ức. Hắn quyết định tiến đánh lần thứ hai. Lần này hắn đưa số quân đi đánh gấp mười lần trước. Toàn là bọn yêu ma sùng sở, thủy quái gian ác nhất vùng. Chúng chia làm hai mũi: một tiến đánh trên cạn, một tiến đánh trên biển. Ở trên cạn, bọn yêu ma đi đến đâu, là ở đó dân lành đều rơi, máu chảy. Ở dưới nước, bọn thủy quái quấy đảo xua đuổi tôm cá, lật thuyền, nhai nuốt thịt người. Tráng sĩ lại xuất hiện. Chàng lại một phen nữa ra tay cứu vớt dân lành. Để tiêu trừ tuyệt nọc được cả bọn giặc trên can lắn bọn ngoài biển khơi chàng liền xé thân làm đôi. Một nửa thân chấn giữ ngoài biển, một nửa thân chấn giữ trên đất liền. Nửa thân của chàng bay lướt trên mặt biển, tay vung đoản kiếm chém bọn thủy quái. Đầu chúng rớt như sung rụng. Nửa thân trên cạn chấn trụ vững trên đất tay vươn dài chém bọn yêu ma. Lưỡi kiếm của chàng bay đến đâu, thân yêu ma đổ vật ra đến đấy. Rốt cuộc bọn giặc trên cạn cũng như dưới nước không đứa nào chạy thoát.

Chúa biển phương Bắc được tin bại trận tức đến điên người. Hắn ôm đầu vật vã, hộc máu tươi mà chết.

Cũng như lần trước, dân lành lại kéo ra chật bãi biển, và chân núi reo hò đón chào tráng sĩ. Lạ thay, không thấy tráng sĩ trở về. Người ta chỉ thấy hai áng mây hồng một từ mặt biển, một từ chân núi bay lên trời. Hai đám mây nhập lại thành một giống hình một vị tướng đang bay. Đám mây lượn một vòng trên

dẫu mọi người rồi bay thẳng về phía mặt trời rực rỡ. Vết tích duy nhất chàng tráng sĩ để lại chỉ là dấu một bàn chân.

Trống đồng lại vang lên hùng tráng mừng chiến thắng. Cuộc sống của dân lành trở lại bình yên, người người vui mừng khôn xiết. Dân lành lại ra khơi, họ đánh bắt được tôm cá nhiều hơn xưa. Để ghi nhớ công ơn chàng, dân lành vùng Sầm Sơn đã lập đền thờ chàng ngay trên đỉnh núi, đền thờ ấy gọi là đền Độc Cước. Câu chuyện về thánh Độc Cước ở vùng biển Sầm Sơn còn lưu truyền mãi đến ngày nay.

130. SỰ TÍCH NÚI SẦM SƠN

Ngày xưa ngày xưa, trên bãi biển này, người ở còn rất thưa thớt. Họ sống trong những lều cổ gianh ven biển và chuyên sống bằng nghề mò cua bắt cá. Mấy hôm liền chúa biển vì giận vợ, nên nổi cơn thịnh nộ. Chúa sai thần sóng làm mưa, làm gió dữ dội. Mọi người không thể ra khỏi lều được. Thức ăn trong mọi lều cũng đã cạn hết. Người già trẻ con người nào cũng đói lả. Thấy dân làng nằm chờ chết, người con gái đứng đầu trong làng không yên tâm. Nàng đang bụng mang dạ chửa, nhưng vẫn quyết đội mưa, rẽ gió ra biển thăm dò tình hình. Nàng ra đến biển thì thần sóng như một dãy núi khổng lồ đang ập tới. Nàng quay đầu chạy về định báo cho dân làng đi ẩn náu. Nhưng không kịp nữa rồi! Lũ hung thần ập tới. Nàng đã nằm sấp xuống duỗi dài người ngăn sóng che chở cho dân làng. Từng đợt sóng tung bọt trắng xóa đổ lên người nàng, tưởng chừng như thân thể nàng tan ra từng mảng. Lạ lùng thay nước dâng lên đến đâu thì thân thể nàng cũng dài ra và cao lên đến đó. Thần sóng tức giận gầm thét đến khản cổ mà không thể vượt qua được người nàng. Trời đất bỗng tối xâm lại. Mưa gào, gió thét, sóng đổ àm àm... Và đột nhiên trời sáng bừng lên. Sóng đã yên biển lặng. Dân làng ra biển đi tìm người con gái thân yêu của quê hương. Kỳ lạ thay, chỗ người con gái nằm ngăn sóng thần

đã biến thành dãy núi hùng vĩ. Nàng hóa thân thành dãy núi đứng sừng sững ngăn sóng che chở cho xóm làng.

Cuộc sống trở lại bình yên. Dân làng đưa những chiếc lều cỏ về dựng quây quần dưới chân núi.

Thấy vùng biển này dễ làm ăn sinh sống, người nhiều nơi kéo đến ở ngày một đông. Từ đó bãi biển dưới chân núi này trở thành nơi sầm uất. Người đời đã đặt tên cho dãy núi là núi Sầm, tức là núi Sầm Sơn ngày nay.

131. NÚI TRƯỜNG LỆ

Thời ấy ở vùng biển Sầm Sơn có một đôi vợ chồng trẻ, đẹp sống với nhau rất hạnh phúc.

Người chồng có tài bơi lặn và cũng là người đánh bắt cá giỏi nhất vùng. Vợ chàng vừa xinh đẹp lại vừa siêng năng. Nàng hát rất hay, đến nỗi mỗi khi tiếng hát của nàng cất lên chim phải ngừng hót, hoa ngừng nở. Tóc nàng dài, uốn lượn như dải mây bay. Mắt sáng trong, long lanh như ngọc.

Một hôm, hai vợ chồng người đánh cá đang kéo lưới trên bờ biển, trời bỗng đổ mưa bất ngờ làm ướt cả quần áo của họ. Mây tan, mưa tanh họ đốt lửa hơ quần áo. Người vợ vừa lấy củi ném vào đống lửa vừa nướng cá cho chồng ăn. Nàng cất cao tiếng hát. Tiếng hát du dương trầm bổng của nàng không may lọt đến tai thủy cung. Thủy thần ngự ngay lên mặt biển để xem xét. Thoạt nhìn thấy nàng, tim Thủy thần tưởng như ngừng đập. Hắn quyết định dâng nước lên bắt nàng về làm vợ.

Thủy Thần vừa biến đi thì sóng to gió lớn nổi lên ầm ầm, cuốn cả hai vợ chồng người đánh cá vào lòng biển.

Bọn tay sai Thủy Thần dẫn hai người vào thủy cung. Thủy Thần buộc tội vợ chồng chàng là ăn trộm cá của hắn. Hắn sai ngay bọn dao phủ rách bụng moi gan chàng. Vợ chàng đau đớn

vật và kêu oan. Lưỡi dao của bọn hung thần vừa rạch lồng ngực chàng ra thì trái tim rực máu hồng của chàng biến thành một cục lửa lớn đến đậu trên vai nàng. Thủy Thần và bọn tay sai hết sức kinh ngạc và hoảng sợ. Mắt nàng sáng lên, hai tay run run đỡ lấy cục lửa hồng hình tim người áp vào ngực mình. Cục lửa vụt bay khỏi ngực nàng và biến vào lòng biển. Xác chàng đã bị bọn hung thần quăng ra khỏi thủy cung làm mồi cho cá mập.

Thủy Thần sai bọn dàn em đem nàng giam vào một ngôi nhà đẹp đẽ. Nàng được tắm rửa sạch sẽ và mặc quần áo đẹp. Ngày hai bữa cơm ngon, canh ngọt do kẻ hầu dem đến tận nơi. Nàng vẫn cứ câm lặng. Nàng khóc suốt ngày suốt đêm. Nước mắt của nàng nhiều đến nỗi tràn cả thủy cung. Nước mắt của nàng hòa vào nước biển làm cho biển cả ngày một mênh mông. Thủy Thần nhiều lần gặp nàng dụ dỗ. Có lần hắn doạ giết nàng, nàng vẫn cứ lặng im không nói. Thời gian vùn vụt trôi đi, tim nàng hồn như đã héo lại vì thương nhớ chồng.

Một ngày kia nàng nhận lời làm vợ Thủy Thần. Thủy Thần vui mừng khôn xiết. Hắn ra lệnh cho bọn tay sai treo đèn, kết hoa, bày tiệc cưới.

Đêm tân hôn, Thủy Thần đã chết dưới lưỡi dao trong sáng của nàng. Sáng hôm sau cả thủy cung náo động, khi biết tin Thủy Thần đã chết. Bọn tay chân của Thủy Thần đã đưa nàng ra hành hình. Xác nàng cũng bị quăng ra ngoài thủy cung làm mồi cho cá. Biết chuyện, loài cá vô cùng thương tiếc và cảm phục nàng. Cá Voi cùng bạn bè đã dùu xác nàng về bờ biển quê hương của nàng. Cảm thương trước mối tình chung thủy của vợ chồng người đánh cá, cá Voi khóc sướt mướt. Nước mắt cá Voi tuôn ra, phun lên mặt nước, như muốn cùng san sẻ nỗi buồn với mọi người.

Hôm sau dân vùng biển Sầm Sơn đang kéo lưới, thấy có xác người trôi dạt vào bờ biển liền ra xem. Nhận ra đó là xác vợ người đánh cá bị Thủy Thần bắt đi ngày trước, ai nấy đều không cầm được nước mắt. Họ trở về nhà lấy hòm ván và loan

báo cho cả dân làng biết ra đưa nàng về nơi an nghỉ cuối cùng. Khi trở lại, ai nấy đều bàng hoàng, vì xác nàng không còn nữa mà một ngôi mộ có hình dáng người con gái nằm nghiêng, mặt quay về phía có cục lửa đi lên từ lòng biển, hiện lên trước mắt họ. Từ đó mỗi khi đi làm về, ai cũng tự giác đắp lên ngôi mộ một hòn đất. Ngày qua tháng lại ngôi mộ cứ lớn dần rồi trở thành một dãy núi dài nối tiếp núi Sầm Sơn đổ về phía Nam.

Từ đó, ngày ngày trên bầu trời có một cục lửa khổng lồ bay từ đông sang tây tỏa ánh sáng và hơi ấm xuống mặt biển. Khi cục lửa mới từ phía đông đi lên thì nước biển với dàn, cục lửa đi về phía tây thì nước biển lại dâng lên. Tục truyền rằng cục lửa ấy chính là trái tim chàng trai đánh cá, hàng ngày đi từ đông sang tây để được gặp lại vợ mình. Còn nước biển chính là nước mắt của vợ chàng không bao giờ cạn vì nhớ thương cách trở. Người đời đã đặt tên cho dãy núi - mộ nàng - là núi Trường Lệ.

132. SỰ TÍCH NÚI SẦM VÀ NÚI NHẠN

Tục truyền rằng, vào thời xa xưa, vùng đất Tuy Hòa là vùng trơ trọi. Quanh năm suốt tháng chỉ có tiếng gió gào thét, và dòng sông Ba đến mùa lụt lại dâng nước ngập trắng đồng bãi. Ngọc hoàng Thượng để thấy vậy liền sai các vị thần xuống trần để tạo lập lại đất đai, sông núi ở đây.

Ban đầu, các nàng tiên lấy đá xếp thành một dãy núi nhỏ ở phía bắc của vùng đất Tuy Hòa¹. Cùng tham gia công việc dựng núi, đào sông của các nàng tiên nữ còn có những ông Khổng Lồ to lớn dị thường. Những đôi gánh của họ có thể gánh được hai quả núi nhỏ. Khi những ông Khổng Lồ bước giẫm vào đâu thì đất trzęt xuống thành hồ, ao và chỗ đất trồi lên thành gò đống tới đây.

Tiên nữ và các ông Khổng Lồ mải miết công việc. Họ đang

1. Núi này nằm ở xã Bình Kiến, thị xã Tuy Hòa ngày nay.

đắp tiếp một dãy núi và tạo một ngọn núi cao vút có hình như cánh buồm của con thuyền đang lướt sóng¹, thì trên thiêng đình nổi lên tiếng nhạc, tiếng sáo du dương. Ngọc hoàng mở yến tiệc cho các tiên nữ vào hội. Các tiên nữ liền bỏ dở công việc đắp núi, cùng các ông Khổng Lồ về thiêng đình dự yến tiệc. Nhưng có một ông Khổng Lồ quá chén đêm trước, khi gánh hai tảng đất bị trượt chân ngã sóng soài. Hai đầu gánh đất văng ra hai nơi, đất đá văng lên cao và rơi xuống đánh sầm một tiếng như sét nổ, tạo thành hai ngọn núi cách nhau khá xa. Ngọn núi thứ nhất được gọi là núi Sầm², ngọn núi thứ hai nhỏ hơn rơi xuống cạnh sông Chùa, dáng núi cao vút lên, nhìn từ xa như cánh của một con chim nhạn sắp bay lên³. Cái tên "Núi Nhạn, sông Đà" cũng có từ đó.

133. SỰ TÍCH HANG THUÔNG LUÔNG⁴

Tục truyền rằng bên núi Tống Đạt có một cái hang sâu thăm thẳm, ở đó có một con thuồng luồng khổng lồ. Nó thường bò vào các xóm để bắt người và gia súc ăn thịt. Để tránh tai họa dân quanh vùng phải cất chòi để ở, nhưng vẫn không tránh khỏi tai họa vì thuồng luồng thường xuất hiện bất ngờ ngay khi dân chúng đang làm rẫy.

Lúc bấy giờ ở một làng Thượng cách đó khá xa có một người nghèo tên là Chăm Mùng, góa vợ, chỉ có một đứa con trai. Ông Chăm Mùng bắn ná rất giỏi. Dân chúng Vân Hòa bèn thỉnh cầu ông Chăm Mùng về trừ quái vật và trả ơn bằng cách cấp ruộng đất cho cha con ông sinh sống.

1. Ngọn núi đó ngày nay gọi là núi Chóp Chài, thuộc địa phận Tuy Hòa.

2. Núi Sầm thuộc địa phận Tuy Hòa.

3. Núi đó sau này gọi là núi Nhạn, thuộc địa phận Tuy Hòa.

4. Hang Thuồng luồng, núi Tống Đạt thuộc địa phận huyện Tây Sơn (cũ), nay là thôn Vân Hòa, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa.

Ông Chăm Mùng nhận lời. Rồi hai cha con ông đến Vân Hòa dựng một cái chòi ở gần hang thuồng luồng. Hàng ngày cha con ông đun sôi sẵn một nồi dầu đậu phụng thật to, chờ hễ thấy thuồng luồng chui ra là giội dầu đậu phụng xuống làm cho nó bị thương, rồi bắn tên độc hạ sát. Song thật quái lạ, từ khi có ông Chăm Mùng đến ở, thuồng luồng không dám quấy phá nữa. Dân chúng quanh vùng được yên ổn làm ăn. Thấy vậy, ông Chăm Mùng mới rời chòi vào khu rừng ở gần đó săn bắn hươu, nai, chim, chồn làm vui.

Một hôm ông Chăm Mùng đi săn vắng nhà. Đến gần trưa, đứa con trai ở nhà nhóm lửa nấu cơm. Nồi cơm đang sôi thì con thuồng luồng bỗng xuất hiện, há hốc cái miệng đỏ ối, rướn cổ lên chòi như muốn nuốt chửng đứa bé. Hoảng hốt, thằng bé bụng cá nồi cơm đang sôi liêng vào miệng con thuồng luồng, rồi kêu cứu inh ỏi. Vừa may lúc đó ông Chăm Mùng về gần đến nhà. Nghe tiếng kêu cứu, ông chạy vội tới. Thấy thuồng luồng đang giẫy giụa, ông lập tức bồi thêm mấy mui tên độc, kết liễu đời con quái vật hung ác.

Từ đó, dân chúng Vân Hòa thoát khỏi nạn thuồng luồng. Họ hết lòng cảm tạ cha con ông Chăm Mùng và giết trâu bò, gà vịt khao ông rất linh đình.

Ít lâu sau, đứa con trai ông Chăm Mùng bị bệnh rồi chết. Buồn rầu vì thương nhớ con, lại thêm tuổi già kéo đến, ông Chăm Mùng lâm bệnh nặng rồi qua đời.

Dân chúng Vân Hòa vừa thương tiếc vừa nhớ ơn ông nên hàng năm, vào những ngày lễ, ngày Tết dân làng đều sửa soạn lễ vật riêng của gia đình mình để cúng cha con ông Chăm Mùng. Họ cầu mong linh hồn ông luôn giúp dân làng yên ổn làm ăn. Tục cúng cha con ông Chăm Mùng ngày nay vẫn còn ở Vân Hòa. Còn từ đó, họ đặt tên cho cái hang sâu là hang thuồng luồng để ghi nhớ chiến công của cha con ông Chăm Mùng.

134. MÚA BÔNG ĐÁNH BỆT

Quan Thượng Rồng tên là Trần Cảnh, người làng Điện Trì, Quốc Tuấn, Nam Sách từng hai lần vào triều làm Tể tướng. Ông được coi là nhà nông học, viết sách *Minh nông chiêm phả*, dạy dân cấy lúa trồng màu.

Khi về quê, thấy làng xóm bị chiến tranh tàn phá, đồng ruộng hoang vu, bãi rậm như rừng, hổ cọp thường về bắt người, bắt trâu, quan Thượng Rồng cho lính tập dượt "đánh cọp" để xua thú dữ, bảo vệ dân làng và tài sản.

Từ đó mà hội xuân năm nào cũng có tiết mục *múa bông đánh bẹt* (dân làng gọi chyện đi là "bẹt", không dám động đến tên "cọp").

Tiết mục "múa bông đánh bẹt" như sau: Trai tráng tổ chức làm hai phe. Một phe hóa trang thành cọp vẫn, đầu đội hình đầu cọp để múa như múa sư tử đêm rằm trung thu. Một người giữ đầu cọp, dưới thân và đuôi vải lại là một người khác. Hai người phải luyện tập thành thạo như một con cọp, biết diễn đủ các động tác rình, vờn, vồ, đuổi, chạy... Cọp do người đóng mà uyển chuyển dũng mãnh như cọp thật, làm ai cũng phải sợ. Trong màn diễn, cọp "vồ", cọp "tha" người, y như thật, vê nén bức tranh buồn thảm thời trước. Còn phe kia là lính triều đình, có đủ áo mán cung nỏ, do một vị tướng cầm quân. Trong lính triều đình có một người cầm côn dài bện bông tẩm dầu.

Hai bên dàn trận múa bông, đánh bẹt vô cùng huyễn ảo. Đến cao trào, đèn nến tắt hết, vị tướng phát lệnh thì toàn bộ gia đình, sĩ tốt nhất té nỗi lửa, cây bông thành ngọn đuốc. Cọp sợ nhất lửa, nhì nước. Đoàn quân dũng mãnh cầm vũ khí, quây lại, nhử cọp, đấu giáo, cốt để xua cọp về rừng.

Cuối cùng, màn múa bông đánh bẹt kết thúc thắng lợi. Các chi các giáp đều có tiền thưởng, quà thưởng, có khi cả mâm xôi thủ lợn, cho trai đình diễn trò. Không khí lễ hội ngày xuân càng thêm tưng bừng, ý vị.

135. SỰ TÍCH GHÈNH BỢ

Cách đây đã lâu lắm, chẳng nhớ rõ năm nào, tháng nào nữa, ở một làng nọ có một người đàn bà góa chồng không con cái.

Một hôm, trong lúc đi làm cỏ dâu, bà thấy có một bước chân to đến kỳ lạ như chẳng phải chân người. Thấy hay hay, bà liền ướm thử chân vào. Ngờ đâu ít ngày sau bà thụ thai. Bà rất lo bị dân làng cười chê nhưng bà cũng mừng vì sắp có con.

Ngày qua tháng lại, thời gian trôi nhanh, đến kỳ sinh nở bà khấp khởi mừng thầm, nhưng lạ thay bà lại đẻ ra ba con rắn. Đã vậy, dân làng, người nói thế này, kẻ nói thế kia, nhưng ai cũng bảo rằng đó là yêu quái, phải đem chôn ngay để tránh hậu họa. Tuy sợ hãi nhưng vì cũng là tình mẹ con nên bà không nỡ giết chúng. Ba con rắn lớn nhanh như thổi và lúc nào cũng quấn quýt quanh bà.

Một hôm, bà đi làm cỏ dâu. Ba con rắn cũng đi theo.

Trong lúc làm cỏ, vì sơ ý, bà đã xén đứt đuôi con rắn út. Thế là ba con rắn hoảng sợ bỏ đi mỗi con một ngả. Nhưng ít lâu sau con rắn thứ nhất lại quay về với mẹ. Về sau, con rắn này chết, được thờ và gọi là ông Dài.

Con rắn thứ hai đã đến ở gành (ghềnh) Bà Triệu.

Riêng con rắn út bị cụt đuôi (dân ở đây thường gọi là ông Cụt) đến ở gành (ghềnh) Bợ, bên xã Tòng Bạt, Sơn Đà, huyện Bất Bạt cũ, thuộc một đoạn sông Đà.

Con rắn này khá dữ tợn. Từ khi nó đến ở gành Bợ thì nước ở đây tự nhiên réo lên ầm ầm, thuyền bè đi lại rất khó khăn. Vào những hôm trời tròn, ông Cụt lại nổi lên. Đầu ông Cụt nhô lên cao ba bốn thước, to như cái thúng cái lớn. Ông Cụt nổi sóng đánh đắm thuyền qua lại.

Theo lệ thường, ngày xưa, cứ mỗi năm ông Cụt bắt một người để ăn thịt. Vì vậy gành Bợ đã nổi tiếng là một gành hung dữ trên sông Đà. Người ta đã có câu: "Nhất thác Bờ, nhì gành Bợ". Thác Bờ là thác hiểm trở ở vùng Đà Bắc, Hòa Bình

cũ, còn gành Bợ thì ở Sơn Đà, Tòng Bạt, Bất Bạt cũ thuộc tỉnh Sơn Tây xưa.

136. ÔNG CÀO GÒ ĐỒNG

Lũ lụt ập đến bát ngát, nước ngập mênh mông khắp chốn. Biết bao người bị trôi giật đắm đuối. Thuở ấy, ở Liễu Đôi có một chàng đồ khỏe, kiếm được một chiếc thuyền, chàng vội vã chèo thuyền đi cứu người thân trôi dạt. Trên đường đi, chàng gặp biết bao nhiêu người sắp chết đuối, nhưng chàng vẫn làm ngơ, chỉ chăm chăm tìm cứu người thân.

Với chiếc thuyền không, chàng đã đi khắp cánh đồng, sóng to, gió lớn, chèo chống suốt ngày đêm mà vẫn không tìm thấy người thân. Đến khi hai tay rã rời thì một cơn sóng bạc đầu xô đến, nhấn chìm thuyền và hất chàng xuống nước.

Chàng ra sức vùng vẫy, ngoi bơi, nhưng sức cùng lực kiệt rồi!... Chàng xuôi tay toan phó thân cho sóng nước, bỗng một người con gái lướt tới, đưa cánh tay phúc đức ra cắp lấy ngang lưng chàng mà bơi đi. Không biết người này đã phải bơi qua bao nhiêu cánh đồng, vượt qua bao nhiêu sóng gió, hiểm nguy mới đưa chàng lên được một mảnh đất cao. Nhưng vì suốt ngày lặn lội cứu mang cho hàng trăm người rồi nên khi vừa cứu được chàng thì nàng cũng kiệt sức mà tắt thở.

Chàng trai hồi tỉnh và hiểu rõ sự tình. Lúc đó chàng mới tỉnh ngộ ra rằng: Nếu ai cũng như mình thì mình làm sao thoát nạn được?

Hối hận về thái độ bất nhân của mình, hổ thẹn và xót xa trước cái chết của người cứu mạng, chàng vùng đứng dậy, lao xuống đồng, dè sóng dữ, vượt hiểm nguy, ra tay cứu nạn. Càng hăng hái cứu người bao nhiêu thì chàng càng thấy khỏe mạnh ra bấy nhiêu. Nhưng người bị đắm đuối trôi dạt nhiều quá, dùi vớt không xuể, chàng bèn ngụp lặn, cào đất đắp lên giữa đồng

rộng mênh mông những gò, những đống cao cho người ta trú bám. Những gò đống chàng vừa cào đắp xong đã có bao nhiêu người bám lấy, bò lên và thoát chết.

Chàng lầm lũi hết cánh đồng này sang cánh đồng khác, xong đống này sang đống khác, hùng hục đào mãi, đắp hoài, cho đến đống thứ chín mươi chín thì chàng kiệt sức lăn ra chết. Xác chàng lại đè sóng mà trôi đến mô đất có thi hài cô gái nọ. Sóng lặng, gió ngơi, những người được cứu nạn xót xa, thương tiếc vì thấy ân nhân của mình đều đang độ trẻ trung, nếu sống thì thật xứng đôi vừa lứa, nên họ vớt xác chàng lên, đặt cạnh xác cô gái và để đầu chàng gói lên cánh tay cô gái như kiểu vợ gói tay cho chồng. Không ngờ, vừa làm thế xong, cả hai người bỗng đều sống lại. Mọi người vui mừng rước chàng trai và cô gái về, tác hợp nên vợ chồng, sống thì tết, chết thì thờ.

Ngày nay đền thờ hai người không tìm thấy nữa, nhưng suốt một dải từ Liễu Đôi, Liêm Sơn xuống Mua, Đức (nay thuộc xã Tiêu Động - Bình Lục) cho tới Thành Cách (nay thuộc Ý Yên) người ta còn thấy rải rác những gò, đống to cao, nổi lên giữa những cánh đồng rộng lớn, ấy là công lao của người xưa cào, đắp nên, để làm chỗ trụ bám cho muôn đời con cháu khi lụt lội.

137. CÂU LÀNG SẢI

Cô gái ấy là người làng Sải (nay thuộc xã Liêm Sơn) quanh năm làm nghề mò cua bắt ốc. Lam lũ, đói nghèo, không được học chữ nhưng cô lại rất yêu thơ, rất thích ca hát, ham đắt vè và kể chuyện.

Dù nắng, dù mưa, khi dầm mình dưới bùn nước đầm sâu mò cua, bắt ốc, cô vẫn tay làm miệng hát. Rách rưới quá không dám đi đâu, nhưng đêm đêm cô vẫn tới những chỗ hội hè đình đám, nương nhờ bóng đêm, nghe lỏm người ta bình thơ văn, đắt chuyện kể, ca hát và vận vè. Nghe rồi, cô nhẩm cho kỹ thuộc

lòng mới thôi. Cô luôn luôn thiết tha khao khát sao cho có nhiều truyện, nhiều bài để có cái mà kể, mà ca hát cho vui ruộng, vui đồng, vui bờ tre giếng nước...

Thấy thế, trời thương lấm, bèn ban thưởng cho cô. Một hôm, cô hụp lặn dưới nước mò cua, vừa nhô lên đã thấy một cái cầu rất đẹp. Trên cầu có một ông tiên râu tóc bạc phơ, đang vẫy cô lên. Cô rửa tay chân bước lên cầu. Ông tiên đưa cô một viên ngọc có mùi thơm nức và bảo:

- Con mê chữ, thích thơ, ham ca vè đến nỗi trời cao cũng động lòng. Nay con ngậm viên ngọc này thì con sẽ được toại nguyện.

Nói rồi ông tiên biến mất. Cô gái bỏ viên ngọc vào miệng thì quả nhiên thấy lòng dạ sáng ra. Trong người cô có bao nhiêu là thơ ca, chuyện kể, hò vè nói ra không bao giờ hết. Viên ngọc có phép nhiệm màu làm cô no cả đời, không phải ăn uống gì, lại có quần áo đẹp để cô đi kể chuyện, nói vè thỏa thích. Thế là từ đấy đêm đêm cái cầu hàng mấy dặm dài lại hiện ra, để cô đi trên đó mà đọc ca, vè, truyện, thơ, làm khuây khỏa mọi nỗi buồn lo, vất vả cho tất cả bà con, làng nước cả vùng. Miệng cô xinh đẹp, hương ngọc tỏa ra theo hơi thở cô ngào ngạt, giọng hát lời ca của cô ngọt ngào ấm áp, làm say lòng muôn người. Cô đọc, cô hát suốt ngày này sang đêm khác mà nguồn thơ, nguồn truyện vẫn không ngưng, không cạn.

Khách văn chương, người mê ca vè, truyện, hát, đổ đến ngày càng đông. Những ai được cô thở cho một chút hương ngọc thì lòng dạ cũng sáng ra, làm thơ làm văn, đối ứng cũng nhanh giỏi hơn. Có biết bao nhiêu người đã được cái may mắn ấy.

Bởi thế, dần dà nhiều người bước cả lên cầu, lấn nhau đến thật gần cô, để mong hít thở lấy được chút hương ngọc vô cùng quý giá nhiệm màu ấy. Tất nhiên trong bọn có cả những kẻ phàm phu tục tử, tham lam quá đáng. Lại nữa, các chàng trai chưa vợ thì không phải xán lại gần cô chỉ vì có yêu lời ca tiếng hát mà thôi.

Ở đời, phàm trai gái khi đã phải lòng thì say mê khó dứt.

Thành ra, có đến hàng trăm chàng trai từ mọi vùng, bỏ cả cấy cày đồng áng, ngày đêm luẩn quẩn quanh cầu, không chịu trở về làm lụng gì nữa. Bởi vậy, cái cầu cứ lún xuống và thụt dần lại.

Thế rồi, cô đành phải kén chọn lấy một tám chồng để thiêng hả khỏi phải mất công mất việc.

Mỗi chàng trai đến cầu hôn đều phải qua tuyển chọn bằng cách thử tài: cặp một thanh gươm vào nách, miệng thì đọc vè nỗi hai đêm liền. Trăm chàng vào cuộc nhưng cứ rơi rớt dần. Có người chỉ mới một buổi, hai buổi đã hết vè. Có người đọc được một ngày một đêm, hoặc có người đọc được hơn thế, nhưng mãi đọc lại bỏ rơi mất gươm. Chỉ có một chàng ở Liễu Đôi là đọc thông được hai đêm liền, miệng không lúc nào ngừng và thanh gươm vẫn cặp chặt ở nách. Biết đây là người tài hoa, lại chí khí, cô chọn lấy làm chồng. Từ đó, hai vợ chồng sóng đôi đi khắp vùng, vợ đọc vè, truyền dạy ca vè; chồng thì múa gươm, dạy võ cho mọi người. Do đó mà đất Liễu Đôi có truyền thống đã sành văn lại giỏi võ.

Khi hai người thoát trần, cầu thiên tiên không hiện ra nữa. Dân làng Sải lần theo vết cũ, dựng một chiếc cầu, ghép bằng năm mươi phiến đá lớn thật đẹp để lưu truyền sự tích người xưa.

Sau này người từ phương đến vui Hội vật võ, thường lên cầu ngoạn cảnh lấy may, rồi để lại lời ca, ca ngợi:

Đầm cầu mặt nguyệt trong xanh

Cầu Sải mươi ngũ bức mành trải ngang.

Còn vè nỗi đêm bắt đầu từ thuở ấy, dần dần trở thành một tục lệ của đất này: thi đọc vè từ đêm này sang đêm khác, có giải.

138. GÒ CON NGƯA

Thuở ấy, đất Vạn Kiếp còn là một khu rừng già, núi non hiểm trở. Cọp bao lần theo dấu chân người ra tận đồng kiếm ăn.

Một hôm có con cọp đói nầm giữa lùm cây rình mồi. Ở bìa rừng, một cụ già đi tới không biết. Nhưng khi cọp vừa lao vút ra vồ thì bất ngờ một hòn đá cạnh sắc từ đâu bay tới đúng giữa mắt làm cho cọp mất đà vồ hụt. Rồi một người đàn ông ào đến như cơn lốc, cầm thân cây đánh nhau với cọp.

Con thú rừng dữ tợn bỏ mồi, quay lại định xé xác đối thủ, nhưng nó bị choáng, cú hộc lên, cuối cùng bị cú đá vào ức, lăn ra chết tươi.

Ông già may mắn thoát chết áy họ Vũ, người làng Kim Điền. Còn người giết cọp không ai rõ tên. Dân làng chỉ biết lơ mơ. Chàng từ Kinh Bắc đến. Có người nói rằng, chàng là con một người họ Nguyễn chuyên nghề săn bắn đã chết sớm. Một tên chúa đất thấy vợ người thợ săn có nhan sắc đã ép về làm người hầu. Mẹ chàng đã chết vì những năm tháng bị dày vò, dày dọa. Lần lên, biết chuyện, chàng đã giết chúa đất, bỏ làng trốn lên đây để trả thù cho mẹ.

Người Kim Điền gọi chàng là chàng Nguyễn. Nguyễn to lớn, có sức khỏe, lại thạo nghề cung tên. Tính nết hiền hòa, ai cũng mến phục. Lần áy đi chợ về, gặp cọp vồ người. Nguyễn đã mưu mẹo giết được cọp.

Cảm mến tài trọng nghĩa khí, già Vũ đã gả con gái duy nhất cho chàng.

Từ đó, cuộc sống gia đình già Vũ thêm ấm cúng. Rể săn bắn, con gái cùi canh.

Bỗng biên cương có giặc. Ngựa lưu tinh liên tiếp báo tin về kinh đô. Nhà vua sai sứ giả tìm người tài ra đầu quân.

Một ngày kia, Nguyễn nói với vợ:

- Biên thùy đã đèn bóng giặc, đất nước lâm cảnh chiến chinh. Làm trai phải biết xông vào khói lửa trừ gian tặc. Chuyến này, tôi sẽ...

Người vợ rân rấn nước mắt:

- Cha già đang ốm nặng, mà thiếp muốn có một đứa con...

Nguyễn cười:

- Tôi hiểu... Nhưng tôi đi, sẽ về, mình đừng lo. Với cha, tôi sẽ liệu.

Ông già Vũ thấy con rể đến bên giường, bắn khoăn có điều gì muốn nói. Ông mệt nhọc hỏi sẽ:

- Nguyễn đây ư? Hôm nay con có đi vào rừng không? Cha nóng ruột lắm.

- Thưa cha? Đã có lệnh động binh. Triều đình xuống chiếu với các công thần huân cựu trở lại vương triều. Sứ giả đã truyền lệnh hoàng thượng tuyển quân rồi chaạ. Con định thưa với cha con xin, nhưng...

Ông già Vũ đang mệt lịm, bỗng nhởn dậy:

- Có phải con lo cha già, vợ dại không con? Cha còn sống để chờ con về. Hãy đi đi!

Người con rể họ Vũ hâm hở lên đường, nhưng vẫn canh cánh bên lòng nỗi thương cha đang bệnh và người vợ trẻ cô đơn.

Vốn khỏe, thạo săn bắn, chàng Nguyễn được xung vào đội kỵ binh. Trong trận mạc, chàng đã tả xung hữu đột đánh giết giặc, lập nhiều công to, được phong tướng.

Giặc tan, triều đình truyền lệnh các tướng lĩnh thu quân về kinh đô mở hội mừng đất nước thái bình, báo công trạng phong tước hầu.

Bấy giờ, chàng Nguyễn đang truy đuổi giặc ở phía Đông Bắc. Nhận được quân lệnh, chàng cho quân sĩ dừng lại hồi kinh. Khi qua huyện nhà, chàng bỗng nhớ tới quê, chẳng rõ cha già sống chết ra sao? Và người vợ hiền mong anh đỏ mắt bảy nhiêu ngày binh đao khói lửa?

Nguyễn giao cho người phó tướng dẫn quân đi tiếp, còn mình tạt về thăm nhà, rồi phóng theo cung kẹp.

Chiều tối hôm sau, chàng đi qua một làng gần quê... Chợt nghe tiếng kêu khóc âm tròn. Chàng phóng ngựa tới. Thì ra đó

là đám tàn quân giặc trên đường chạy trốn đã vào làng cướp bóc, hãm hiếp dân lành. Chàng căm giận lao vào đám giặc. Lưỡi gươm vung lên, những tấm thân giặc bị quật đổ ngổn ngang trên mặt đất.

Tướng giặc đang hâm hiếp một người đàn bà, thấy chàng xông vào y giương cung bắn lén. Mũi tên căm trúng bả vai. Chàng rút phắt ra rồi xô ngựa đến, lao đúng mặt tên tướng.

Đám tàn quân bị giết sạch.

Chàng lại phóng tiếp về làng. Nhưng mũi tên tấm thuốc độc ngấm dần. Phi được tới giữa cánh đồng làng Kim Điền và làng Trại Bến thì chàng ngã ngựa. Con ngựa chiến thấy thế đi quanh thi thể chàng ba vòng như vĩnh biệt, rồi quỳ xuống bên cạnh, ứa nước mắt. Nước mắt ngựa chảy ra tràn cả đồng. Chỉ một đêm xác ngựa bị mồi đùn lên thành gò đất, cao tới gần hai thước.

Gò đất giống hệt hình ngựa, mãi tới nay vẫn còn.

Dù nước lũ từ sông Thương tràn vào, ngập hàng ba bốn tháng. Khi rút đi, bốn xung quanh trồng cây, nhưng gò đất không hề thay đổi hình dạng: bốn vó ngựa doai ra, đuôi vuốt dài, đầu quay về núi Đông Hoàn. Người ta gọi là gò con ngựa.

Các cụ già ở Kim Điền kể rằng: Trên gò con ngựa có táng một ngôi mộ. Đó chính là mộ chàng Nguyễn. Trải bao biến cố bãi biển nương dâu, nhưng ngôi mộ vẫn không mất. Chàng Nguyễn không biết rằng, khi chia tay vợ tòng chinh, chàng để lại một giọt máu duy nhất, để sau này trở thành dòng họ Nguyễn ở vùng quê này.

139. ĐÔI VOI ĐÁ Ở ĐÊN CAO

Đôi voi đá đặt ở phía trước sân chính điện. Voi được tạo trên hai phiến đá hoa cương, nét thời gian và rêu phong đã làm nên cổ kính. Đường chạm khắc nhẹ nhàng thanh thoát không tạo nét kỳ khu nhưng lại đặc tả được thần tượng và sức vóc, gợi sự

khỏe khoắn mà thâm trầm. Nghệ nhân chạm khắc chỉ đi những nét thoáng để tạo khối nhưng lại rất thành công ở cái vẻ tướng như đơn sơ ấy.

Ở nhiều đền thờ có bày voi. Voi đứng, voi đi, voi quỳ, voi phục nhưng voi ở đây có cả dáng đi và dáng đứng bởi cả khối đá bên dưới chỉ để gợi cảm, tạo bề sâu cho tác phẩm nên trong cái ẩn hiện ấy thể hiện rõ dáng động. Đó cũng là nét riêng hiếm thấy ở đền voi đá Đền Cao.

Chuyện kể rằng: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thắng lợi. Năm vị công thần họ Vương được phong *Phúc thần thương đảng*. Đền thờ được đặt ở Đền Cao. Từ đó về sau nhiều cuộc xâm lược của các triều đình phong kiến phương Bắc sang nước ta, có cuộc ngắn ngày có cuộc nhiều ngày. Giặc phương Bắc phá phách cả những quả núi mà chúng cho rằng đó là đất phát có vượng khí, nhất là có long mạch phát để phát vương.

Một lần chúng kéo đến phá hai đầu voi ở núi Bàn Cung (đào sạt hai đầu núi hình voi). Việc làm ngang ngược ấy đã động đến các thần ở Đền Cao, các thần đã ra tay trừng trị. Quân chúng đánh trận nào thua trận ấy, rồi ốm bệnh, rồi đánh lộn nhau, rồi đột tử chết không biết bao nhiêu mà kể...

Trong đội quân xâm lược có một pháp sư biết rõ sự này nên đã tâu trình với bản quốc. Chúng phải tặc đôi voi này mang sang để tạ thần Đền Cao và lui binh về nước.

Từ đó tương truyền rằng các đội quân xâm lược Nguyên, Minh, Thanh sau này đều tránh không dám đến vùng đất này.

Đôi voi đá bày ở trước chính điện từ thuở ấy.

140. CHUYỆN GIẾNG TIÊN

Từ ngày xưa ngày xưa, nhân dân thôn Tiên Kiều (xã Thanh Hồng) thường kể cho nhau nghe truyền thuyết về Giếng Tiên. Chuyện kể rằng về phía đông đình làng có một gò đất cao, cách

đây không xa có một ngôi nghè cổ và một giếng nước rất trong. Xung quanh là những cây cổ thụ, cành lá sum suê rủ bóng che cho ngôi nghè cổ kính. Một cây si rẽ chùm rêu mốc đan kín quanh nghè như một con rắn khổng lồ bò quanh miệng giếng. Một cành vụt vươn ra giữa lòng giếng, có những chùm rễ buông thõng, có cái uốn cong như cái thòng lọng trông thật kỳ quái. Hàng ngày, bà con vẫn ra giếng gánh nước về ăn và tắm giặt. Có những đêm trăng sao đầy trời, gió nồm nam mát rượi nghe trong không trung văng vẳng những tiếng đùa ríu rít hòa với những âm thanh như đàn sáo réo rắt quyện với mùi hương thoang thoảng bay. Người ta cho đó là những bầy tiên nữ rủ nhau xuống giếng tắm. Cái tên gọi "Giếng Tiên" cũng có từ đấy. Bỗng một đêm trời nổi cơn dông tố, sấm chớp đùng đùng, mặt giếng nổi sóng. Hôm sau nhân dân thấy có một xác người thiều nữ lủng lẳng dưới cành si, cổ bị cái thòng lọng của rễ si thít lại. Người thiều nữ ấy tên là Hoa, xinh đẹp nhất làng, con gái phú hộ Hùng. Ai nấy đều thương xót cho số phận của cô gái. Thế rồi, những năm sau mỗi khi thấy dông tố ở khu vực giếng nổi lên là lại thấy một thiều nữ nộp mạng như vậy. Từ đấy không ai dám bén mảng đến khu vực này và cũng không nghe thấy bầy tiên ríu rít xuống tắm như xưa. Người ta cho rằng Giếng Tiên đã bị hung thần chiếm đoạt. Cây si chính là hung thần. Đêm đêm người ta còn nghe thấy những tiếng quái đản phát ra từ cây si: "Cổ... cổ... cổ..." nghe rung rợn. Dân làng ai cũng nghĩ phải chặt cây si lấp giếng để tránh tai họa. Chưa kịp hành động thì một đêm dông tố lại nổi lên và lại xảy ra vụ nộp mình của cô con gái ông xã Trạch. Sáng ra nhìn thấy con gái mình lủng lẳng dưới cành si. Phần vì thương con, phần vì uất giận, tay cầm con dao sắc, xã Trạch nghiến răng nói to: "Có giỏi thì bắt tao đây, cổ, cổ, cổ này!" Vừa nói ông vừa cầm dao phát luôn chùm rễ si có thòng lọng rơi xuống. Từ rễ si chảy ra những giọt máu rơi xuống giếng, nước giếng bị loang đỏ. Từ đấy lệ nộp mạng gái đẹp chấm dứt. Dân làng lấp giếng và đào một giếng khác hình bán nguyệt ra trước cửa đình làng như hiện nay. Từ khi lấp Giếng Tiên, con

gái làng Tiên Kiều không còn đẹp như xưa nữa. Người ta cho rằng con gái làng Tiên Kiều xưa đẹp là nhờ có Giếng Tiên.

141. ĐỒNG NỐI

Ở huyện Nam Sách, đoạn dốc Lă, có một cái đồng Nối (Núi). Mọi gò đống khác thường bị mưa gió bào mòn, nhưng đống Nối thì cứ ngày một cao, một to ra. Hôm thì có mấy hòn đất vông cày đắp vào. Hôm lại thấy có mấy viên gạch bồi lên. Ai đi đến gần đống Nối cũng có cảm tưởng như được chiêm ngưỡng một cái gì đó thiêng liêng mà gần gũi. Đồng Nối như một nhân chứng, như có tâm linh với người dân huyện trũng này.

Ngày xưa thì cả huyện khổ sở về nạn úng lụt. Cứ đến mùa mưa, là nước từ Lục Đầu Giang đổ xuống. Nước cuồn cuộn trôi vào xóm làng, đồng ruộng. Nước réo lên. Người lớn, trẻ con phải tìm mọi chỗ tránh lũ lụt. Tiếng kêu khóc thát thanh vang lên khắp chốn.

Giữa lúc tình hình mười phần nguy ngập ấy, có một người trai tráng khỏe mạnh nhất làng đã ra đứng ở ngay đầu dốc Lă để quan sát bốn bên. Anh ta cầm cái bắp cày xuống dòng nước, vừa để vịn đứng cho vững, vừa để tính toán xem mực nước nông sâu ra sao, để kêu gọi bà con ra chống lụt. Từ cái bắp cày cầm đó, nước đổ thương nguồn về tự nhiên lượn lờ quay tròn, lắng lại. Rồi tự nhiên một mảng đất nhô lên. Chẳng bao lâu, đã hình thành cả một chiếc đống cao lớn. Nước càng đổ về xối xả, đống càng to, càng rộng, vững chãi như bức tường thành. Bà con đang lánh nạn gần đó liền chở bè, chở mảng, mang đồ ăn vật dụng, gia súc, thóc giống ra. Anh thanh niên đứng đó, giang tay đón bà con, chuyển cả bồ to, cót lớn, cả thuyền khoai, bè củi cho người lên đống an toàn. Người ta gọi đó là đống Nối.

Từ trên đống cao đó, chàng trai tổ chức cho mọi người đóng cọc đắp đê chắn ngang con sông dữ. Hàng trăm con người đào đắp suốt ngày đêm. Đất ở đống Nối được chuyển ra. Cứ càng

đào đất mang đi, đống Nồi lại cao thêm, đùn lên nhiều đất mới. Con đê chấn ngang dòng sông đã hình thành. Lòng dân vui mừng khôn xiết. Lại đào dắp tiếp. Trong đồng, nước đang tiêu về phía nam, làng mạc ruộng đồng đã nhô lên khỏi làn nước dữ.

Việc làm của chàng trai dốc Lã theo bước Sơn Tinh đã bị con cháu của Thủy Tinh căm giận. Rằm tháng bảy đã đến. Lợi dụng con nước trở mặn, dòng nước dữ từ mạn ngược chảy về, đến đoạn đê chấn ngang này thì gầm lên vật vã. Nước xối vào ngang đoạn đê. Chàng trai lại ra đứng nơi đầu sóng ngọn gió để chiến đấu chống giặc nước. Nước tức giận tung ngọn sóng lớn, làm đê vỡ. Trên trời mây đen. Dưới đất, sóng cuốn bật chàng trai lên cao. Chàng mắc vào đám mây, chung quanh là sấm ầm ầm, sét đánh xanh lẹt. Chàng không nao núng, mà nhìn xuống dòng nước hung dữ. Chàng đã kịp nhận ra một điều: Nếu dắp ngang sông, con đê chấn nước, tất sẽ tức nước vỡ bờ. Böyle giờ phải lấy đất từ đống Nồi dắp con đê cong, hai mé đông và tây huyệt thì đê vòng xuống, để nước Lục Đầu về rẽ làm hai ngả. Từ trên mây cao, chàng nhảy xuống đống Nồi. Chàng lại hô hào bà con vào trận chiến đấu mới: đào đất dắp đê vòng cung, mũi cao nhất của đê là ở làng Ninh Xá, một mé xoải theo Hiệp Cát mở ra sông Thái Bình, còn mé kia vòng qua Nam Hưng, Nam Tân vào sông Kinh Thầy. Từ đó, hai con sông lớn Thái Bình, Kinh Thầy chảy vòng chung quanh huyện Nam Sách, không tràn vào nội đồng làm ngập lụt như trước.

Cuộc chiến đấu chống giặc lụt thành công của Nam Sách khởi đầu từ đống Nồi. Cho nên đống Nồi ngày nay vẫn còn mãi trong lòng dân và luôn luôn được bà con giữ gìn như một chứng tích huy hoàng.

142. SỰ TÍCH SÔNG KINH THÀY

Ngày xưa ngày xưa, ở một làng nọ, có hai vợ chồng già rồi mà vẫn không có lấy mụn con để nối dõi tông đường. Người chồng

than trách kiếp trước ăn ở thế nào nên trời không ban phúc cho. Còn người vợ thì đi hết chùa này đến nọ cúng bái cầu mong.

Một hôm đi chợ, bà gặp một cụ già ăn xin. Mái tóc của bà cụ đã trääng hết. Bà liền cho cụ một cái bánh to và một tấm áo mới. Bà lão ăn xin ăn bánh xong liền bảo: "Ta là tiên đây. Nhà ngươi hãy nghe ta, sáng mai vào núi ngắt lấy một bông hoa đem về. Người sẽ được toại nguyện. Khi đẻ con nhớ đặt tên nó là Kinh Thày". Nói xong, bà lão biến mất.

Sớm hôm sau, bà vào núi theo lời bà tiên dặn. Bà gặp một cây hoa chỉ có một bông, mùi thơm ngào ngạt. Bà liền ngắt đem về gối đầu giường. Ít lâu sau, bà có mang, cũng là lúc người chồng qua đời. Bà đẻ được một đứa con trai khôi ngô tuấn tú và đặt tên cho con là Kinh Thày. Kinh Thày sống với mẹ được hai mùa lúa thì mẹ mất. Chàng được một người đạo sĩ đem về nuôi dạy. Không bao lâu, Kinh Thày đã lớn khỏe và giỏi cung tên. Con chim nhỏ bay cao đến đâu cũng bị chàng bắn trúng mõ. Con sóc nhanh thế nào cũng không thoát khi chàng đã giương cung. Chàng còn được dạy cả phép thổi gió, rời núi, đào sông...

Một hôm, đạo sĩ bảo Kinh Thày: "Ta biết phuơng Bắc có một con rồng đen đang phá phách. Nay con đã lớn khôn, con hãy ra tay trừ yêu quái". Nói rồi đạo sĩ đưa cho chàng thanh gươm thần.

Kinh Thày bịn rịn chia tay đạo sĩ, mang gươm thần và nhẫn phuơng Bắc thẵng tiến. Chàng đi đến vùng Kinh Môn thì thấy xóm làng vắng tanh, ruộng nương xơ xác hoang vu. Chàng vào mấy làng tìm mà chẳng gặp ai. Sang một làng khác, chàng mới gặp được một người đàn bà. Chàng hỏi tại sao dân làng vắng lặng. Người đàn bà ấy trả lời:

- Ở đây có một con quái vật rất hung dữ. Mỗi ngày nó bắt một người để ăn thịt. Dân làng sợ hãi, nhiều người đã bỏ đi.

Kinh Thày nghe vậy, ruột nóng như lửa. Chàng bảo:

- Hiện nay nó ở đâu? Tôi sẽ đi giết nó trừ tai họa cho dân làng.

Người đàn bà buôn râu đáp:

- Hiện nay dân làng đang thiếu nước vì nó đã lấp hết sông rồi. Muốn gặp nó phải làm cho dân làng có nước để uống và nấu cơm. Khi nào thấy khói, nó mới đến.

Kinh Thày liền đốt một đống lửa thật to, to đến nỗi lửa cháy làm ao hồ cạn nước. Dân làng thấy thế liền ra dập lửa để giữ nước uống. Kinh Thày ngăn không được bèn dùng phép dựng một bức tường cao ngăn dòng người.

Lửa vẫn cháy. Khói bốc cao hơn ngọn núi che kín cả ánh mặt trời. Kinh Thày vừa lau mồ hôi xong thì từ phía Bắc, con rồng đen đã lao đến. Gió ầm ầm, cây cối nghiêng ngả. Kinh Thày vung gươm lên. Đường gươm dựng thành cầu vòng sáng rực. Chàng vung gươm bốn phía. Gió tắt ngấm. Rồng đen bị nhốt trong lồng sáng: Nó giãy giua, phun lửa tứ tung. Lửa cháy quanh thân chàng. Người chàng đỏ rực như sắt nung. Kinh Thày gọi cơn mưa đến. Mưa sập xuống ầm ầm. Nước mưa xối vào mắt rồng đen. Nó xót nháu nghiên lại. Chưa kịp mở mắt thì Kinh Thày đã rút cung bắn. Mỗi phát hàng nghìn mũi tên. Những mũi tên quần lén vì rồng đen có bộ vảy rắn như sắt. Kinh Thày bèn xoay mưa thốc từ đuôi rồng lên. Rồng quay chiêu nào, mưa xoay chiêu ấy. Mỗi hạt mưa mạnh như nhát dao làm xèo hết bộ vảy rồng đen. Nó quay dữ dội để cup lại nhưng không được. Hàng nghìn mũi tên đã cắm vào trong các vảy của rồng đen. Rồng đen phá được lồng tung hàng vạn rắn độc để đánh lại chàng. Chàng vung gươm chặt rắn rết. Chặt đến ngày thứ ba, chàng đã mệt lử, cổ rát khô thì tự nhiên một quả đào bay đến. Chàng ăn xong quả đào thì sức lực thấy dư thừa. Kinh Thày tiếp tục đánh rồng đen. Đến ngày thứ năm thì chàng bắn trúng mắt nó. Rồng đen gục xuống, chàng nhanh như cắt chém đứt đầu nó, chém thân nó thành hai khúc nữa.

Đến đây, chàng mệt lả, ngồi nghỉ và ngủ thiếp đi. Tỉnh dậy chàng thấy dân làng vây kín xung quanh. Bà con mang đến cho chàng nhiều thức ăn nhưng toàn là thức ăn nướng vì không có nước.

Chàng nhớ ra là rồng đen đã lấp hết sông ngòi. Chàng vươn vai, lấy tay làm mai đâm xuống đất, xé ra thành dòng sông lớn vòng vèo để cho làng nào cũng được uống.

Từ đó dân các làng đặt tên cho dòng sông ấy là sông Kinh Thầy để nhớ công ơn chàng.

Còn con quái vật ngã xuống nằm thành một dải núi dọc huyện Kinh Môn ngày nay. Trên đỉnh núi An Phụ cao nhất là mặt rồng. Hai mắt nó thành hai cái giếng. Mắt bị bắn nên nước giếng đục quanh năm.

143. CÂU GIẢI YẾM

Xưa ở đất Phượng Vĩ¹ có một cô gái mồ côi cha mẹ từ nhỏ, nhà rất nghèo. Hàng ngày cô gái đi mò cua bắt ốc nuôi thân. Ở ngoài đồng sâu nước cả đã quen, nên cô tài bơi lặn lạ lùng. Cô lặn từ đầm này sang đầm nọ như con cá, con tôm. Phận cô nghèo, cái yếm che ngực cũng chẳng có. Tối về một mình trong căn lều không đèn dom. Sáng ra lại dìm mình dưới đầm nước sâu. Mùa lụt năm ấy cô dùng tài bơi lặn cứu cho bao nhiêu người bị nạn.

Đêm về mệt quá, cô nằm lặn ra lều mà ngủ. Nửa đêm thức giấc, cô thấy căn lều sáng rực lên thì bàng hoàng e thẹn, đưa tay ấp vào ngực. Một ông tiên hiện ra, đưa cô một cái yếm điêu và nói:

- Con là người có công đức, ta thưởng cho cái yếm này để hộ thân và cứu nạn.

Thế là từ khi có yếm thần mặc vào, cô trở thành người con gái đẹp lạ lùng và có sức mạnh thần kỳ. Cô đào ao, đắp đường, làm nhà, vác thuyền, cày ruộng... nhanh như gió. Thấy cô đẹp thì trâm nơ đến nhẽm nhẹ dập dùi. Có kẻ cậy quyền thế, sai quân đến cướp cô. Nhưng hễ bàn tay nào động đến người cô thì rung rời đổ đốt.

1. Phượng Vĩ nay thuộc xã Liêm Túc.

Thuở ấy, có nạn ngoại xâm. Cô gái kết nghĩa vợ chồng với một vị tướng cùng đi đánh giặc. Ra trận bao giờ cô cũng mang theo một chiếc màn quây. Lúc gần giáp địch, cô quây màn, cởi yếm ném ra thành một cái cầu lớn. Cô ngồi trong màn, cầm lấy một đầu dải yếm bên này như cầm giữ mố cầu cho chắc chắn. Cái cầu cứ mọc dài ra đến tận nơi quân giặc đóng. Quân sĩ và chồng cô cứ việc leo lên cầu, xông tới địch mà đánh. Quân sĩ đặt chân lên cầu này thì có sức khỏe vô địch, cầm kiếm, giáo nhẹ như cầm cái tên. Một người có thể quật ngã hàng trăm, hàng ngàn tên giặc. Ai nhỡ bị trúng tên đạn giặc, ngã gục xuống cầu, chỉ một lúc lại tỉnh dậy lành lặn, chiến đấu được như thường.

Quân ta đánh hàng trăm trận như thế. Trận nào cũng thắng to. Giặc kinh hoàng mỗi khi thấy chiếc cầu mọc ra, sững sững trước mặt chúng. Quân ta thắng trận trở về thì hai bên cầu lại mọc lên muôn nghìn hoa đẹp. Tướng sĩ ngắt hoa xem, nhìn vào hoa lại thấy hiện lên cả cha mẹ, vợ con, làng xóm... Họ không nhớ vợ, nhớ con, lo lắng về nhà cửa nữa, nên càng đánh hăng. Xong trận, cái cầu lại trở lại nguyên hình cái yếm mặc trên tấm ngực nở nang của nàng.

Trong quân sĩ những người thân cận của tướng quân thường được trò chuyện với cô. Đặc biệt có một gã trai trẻ thổi sáo hay đến mê hồn. Cô thường gọi gã trai này đến thổi sáo cho nghe. Một hôm trong trận chiến kịch liệt, quân ta từ trên cái cầu thần kỳ đang đổ xuống đánh giặc thì gã trai trẻ nọ lén về, lấy tiếng sáo để mê hoặc cô. Nhân lúc cô sơ hở, nó r้าย mạnh cây sáo, một con dao bắn ra, xuyên suốt cổ cô. Tay cô rời ra, không cầm nổi một đầu của cái cầu dải yếm. Giặc hò nhau đánh trả quyết liệt, rồi kéo được cái cầu về phía chúng. Trận ấy quân ta thua to.

Lại nói, gã gian tặc kia đã cam tâm hàng giặc, kể lại cho giặc biết phép thần kỳ của cái cầu, giặc mừng lắm. Chúng thi nhau leo lên cầu để lấy sức mạnh. Nhưng chúng có ngờ đâu, khi leo lên cầu, chúng đều trở thành những con tinh khuyển hai đầu, đuổi cắn nhau ầm ầm. Do thế mà quân ta đánh bại được chúng.

Đất nước thanh bình, trăm nơi đến thăm cầu. Trai gái đặt chân lên cầu thì phải lòng nhau, nắm cổ tay nhau, mỗi bước đi lại thương nhau gấp bội. Vì tướng quân, chồng của cô, cũng đeo kiêm lên cầu. Chàng cứ loanh quanh từ đầu nọ sang đầu kia mong tìm gặp lại cô. Tháng này qua năm khác, chàng cứ ngắn ngơi đi mãi, tìm hoài trên cái cầu ân ái cũ, nhưng bóng dáng cô vẫn biệt tăm. Cái cầu cứ lún dần, lún dần, và khi chàng gục xuống thì cái cầu cũng biến mất, để lại mặt đất một cái hồ rộng, nước trong xanh. Từ mặt hồ, vô vàn con bướm bay lên như những đóa hoa trắng muốt.

Cái hồ ấy được gọi là hồ Giải Yếm¹. Con gái đến đâu vỡ ở hội Liễu Đôi thường ra nhúng giải yếm xuống nước hồ, truyền rằng, làm thế thì sức lực sẽ được tăng lên gấp bội khi vào cuộc đấu.

144. CỐ GHÉP

Ngày xưa, ở dưới chân núi Hồng Lĩnh về phía đông nam, có một xóm nhỏ mấy gia đình đánh cá. Họ luôn năm sống giữa những tiếng gầm thét của sóng biển. Nhưng không may, một ngày kia, một trận bão lớn đã cuốn đi khá nhiều nhân mạng cùng thuyền mảng và lưới chài xuống thủy phủ. Những người sống sót hết đường sinh nhai, đành rủ nhau ngày ngày lên núi kiếm củi đem về bán ở chợ. Đó là nghề ít vốn nhất nhưng lại là nghề mệt nhọc nhất đối với họ, vì sườn núi phía họ ở mộc dựng đứng như bức tường, muôn leo núi với gánh củi trên vai không thể không đi đường vòng ngoắt ngoéo qua bao nhiêu thòn xóm khác. Thành ra, rừng thì rất gần nhưng đường lại quá xa. Cho nên mọi người ước làm sao có một con đường từ xóm thẳng lên núi để đi được nhanh chóng.

Bấy giờ trong xóm có một ông lão nhà nghèo sống với vợ con trong một túp lều. Người ta gọi ông là cố Dương, là vì hễ gặp

1. Hồ Giải Yếm ở phía đông Liễu Đôi, nay không còn nữa.

việc gì khó khăn, bất kỳ việc của ai, ông đều ra đường lấy và quyết làm kỳ được. Thấy việc trèo núi phải đi đường vòng rất xa, cố Đương cho là việc vô lý hết sức. Thường những lúc rảnh rỗi, ông vẫn một mình lần mò bám đá leo cây để tìm một con đường đi kiếm củi gần nhất.

Nhưng mỗi khi đứng trước sườn núi cheo leo ông vẫn bức mình, nghẽn bụng: - "Nếu không ghép đá thành bậc thang thì đừng có hòng vượt lên khỏi mấy cái dốc này!". Ông đem ý ấy hỏi vợ. Vợ ông cho là việc rõ đại. Ông hỏi thử một vài người làng, họ đều lắc đầu bảo:

- Không được đâu cố Đương ạ! Chúng ta còn phải lo miếng ăn hàng ngày đã chứ!

Cố Đương trầm ngâm bảo họ:

- Cứ mỗi lần phải đi "năm xóm cây đa, ba xóm cây thị" để vào nơi lấy củi, tôi lại muốn lộn tiết lên được!

Năm tuần trăng trôi qua. Nghề kiếm củi đã trở nên nghề chính của mấy gia đình đánh cá thất bại kia. Họ đã yên tâm với nghề nghiệp mới. Chỉ trừ có cố Đương là chưa thật yên tâm. Một hôm cố bảo vợ:

- Từ ngày mai trở đi, bà gắng đi kiếm củi một mình. Còn tôi, tôi sẽ tìm cách trổ một con đường mới lên núi. Ngày nào tôi làm xong, hai vợ chồng mình tha hồ đi củi.

Người vợ vốn biết tính chồng hễ nói là làm, nhưng lần này thì bà hết sức can ngăn:

- Ông đừng có địch với vua, đừng có đùa với trời. Già kề miệng lỗ rồi chứ còn trẻ trai gì nữa đâu!

Nhưng cố Đương an ủi:

- Bà đừng lo! Biển kia rất rộng người ta cũng vượt được. Dãy Giang Màn rất cao người ta cũng trèo qua. Bạt núi này thành đường thực ra không khó. Một mình tôi cũng làm được. Bà hãy chịu khó ít lâu. Mai kia ta sẽ đi đốn củi gấp đôi gấp ba hôm nay, lúc ấy cả xóm chúng ta sẽ sung sướng.

- Ông định ghép bao lâu thì xong?

- Không nói trước được. Một năm chưa xong thì hai, hai năm chưa xong thì bốn. Nếu tôi chết đi mà vẫn chưa làm xong thì sẽ có người khác tiếp tục ...

Thế là từ hôm đó, cố Đương ngày ngày mang một mo cơm lên núi. Ông bạt đất. Ông nhổ cây. Ông khiêng đá. Và ông ghép đá thành con đường tam cấp hướng thẳng lên núi. Công việc biết bao nặng nề! Nhưng quả không có gì cản được cái chí con chim hồng chim hộc. Ông càng làm càng khỏe, càng nhọc càng hăng. Cứ thế trong năm sáu tuần trăng, ông vẫn sớm đi tối về như không biết mỏi là gì. Người vợ không nhịn được nữa, một hôm kêu lên:

- Tôi gì để cho mình ông đầu tắt mặt tối, cả nhà ông nheo nhóc rách rưới như thế. Ốc mang mình ốc chưa nổi lại còn mang cả cọc! Đường làm thành thì ai cũng đi, đâu có riêng mình ông. Thôi! Từ nay ông đi đâu thì đi, đừng có về nhà này làm gì nữa.

Nghe nói thế, cố Đương lựa lời dỗ dành vợ. Nhưng người đàn bà cố tình làm cho chồng nản chí. Bà ta nhất định không nuôi báo cô ông nữa.

Từ đấy ông thôi không về nhà, dựng một túp lều ngay bên chõ mình làm việc. Hết ghép được đến đâu ông lại dời lều đến đó. Thấy ông đói, những con vượn mang hoa quả đến cho ông. Thấy ông đuối sức những con bò rừng, những con nai ghé sừng nạy những tảng đá giúp ông. Rồi những con chim thay nhau ca hát suốt ngày để cho ông quên mệt. Về sau có mấy người trong xóm cũng tình nguyện đến làm với ông. Thấy thế, cố Đương như tăng thêm sức mạnh, càng miệt mài với công việc.

Cứ như thế, sau năm lần sim có quả, cố Đương đã mở được một con đường truông ngắn nhất từ xóm mình thông lên đến những đỉnh cao trên dãy Hồng Lĩnh. Ông đã ghép đá thành tam cấp của ba dốc núi khó đi nhất. Dân xóm lên núi xuống núi rất tiện và từ đó họ có thể trong một ngày kiếm được mấy lền củi.

Ngày nay, ở phía Nam Hồng Lĩnh chõ giáp giới hai huyện

Nghi Xuân và Can Lộc có một cái truông gọi là truông Văn hoặc gọi là truông Ghép. Cái tên cũ Đương người ta quen gọi là cũ Ghép.

145. PHÁN THÚ

Quê Thú ở làng Um từ khi còn nhỏ. Thú đã có tướng mạo kỳ dị, khác hẳn người thường. Da Thú đen bóng. Mắt Thú sáng ngời, lồi to và xéch ngược. Trần Thú rất cao, lại nổi nốt lạ. Sống mũi Thú thẳng, to, đè xuống đôi môi vuông và dày. Thú ít cười, nhưng khi cười thì tươi lắm.

Thú thường chơi bời với trẻ chăn trâu trong làng suốt ngày. Khắp đồng trên, đồng dưới, khắp núi Dành bến Hậu, không chỗ nào là Thú không đến: khi thì tập trận giả, khi lại săn thú, bẫy chim, mò cua, bắt cá. Nắng mưa dầu dãi, vốn đã đen, nay Thú lại càng đen hơn. Tuy vậy, do có tài, nên Thú được bọn trẻ trong làng rất quý mến và tín phục, không việc gì là chúng không rủ Thú cùng nhau tham dự.

Lớn lên, Thú được cha mẹ cho theo thầy học chữ. Thú học ít, mà nhớ nhiều. Bài khó đến mấy Thú cũng chỉ đọc qua một lần là đã thuộc lòng. Các sách kinh sử chẳng bao lâu Thú đã nhập tâm hết. Thầy dạy của Thú thấy vậy nhiều lần đã phải thốt ra trước lớp:

- Học trò của ta, sau này chỉ có Thú là hơn cả.

Thế rồi, Thú đi thi. Mọi bài thi của Thú đều được quan trường phê chữ "ưu". Chẳng bao lâu sau, Thú đã được nhà vua cất nhắc cho làm quan Phán. Từ đó, mỗi lời vua ban xuống các quan đều truyền qua Thú mà phát ra, mọi sớ, biểu của các quan tâu lên, đều qua Thú, được trình cho vua biết. Thú thường được gọi bằng cái tên húy "Phán Thú" là từ đó ấy.

Phán Thú rất sắc sảo và cương trực. Những việc làm ngang trái của các quan, tỉ như việc ăn tiền hối lộ, tâu man công việc... đều bị Thú nói toạc ra trước sân rồng. Vì thế, một số quan lại có

chức có quyền nhưng không lợi dụng được để vơ vét của cải, hoặc chiếm lòng vua, rất oán ghét Phán Thú. Họ đêm ngày họp nhau lại tìm cách trả thù ông quan Phán cương trực mà vẫn chưa được. Nay với cả vua những cuộc ngài quá ăn chơi xa xỉ, Thú đều lựa lời can ngăn, những ý đồ có phương hại đến dân đến nước, Thú đều kiên trì khuyên ngài từ bỏ. Được bầy tôi như vậy, vua mừng lắm. Ngài thường nói với các quan:

- Phán Thú là một bê tôi trung thành, các quan nên lấy đó làm gương.

Bấy giờ, trong triều đình có một viên tể tướng tâm địa rất đen tối. Vì muốn lấn quyền vua nhưng còn e Phán Thú, nên y rắp tâm tìm cách hại ông bằng được. Hắn biết vua tin yêu Phán Thú vì Phán Thú là một trung thần. Hắn còn biết đôi lúc tỏ ra ngài ngại Phán Thú bởi ông có bộ mặt đen sì, kỳ dị, bởi ông có tiếng nói sang sảng, vang vọng như tiếng chuông đồng... Chờ đến một hôm được vua gọi vào gặp riêng, hắn liền cố nán lại, rồi mang những nét kỳ dị của Phán Thú ra dèm pha với vua. Vua không biết thâm ý của tể tướng, nhà vua cứ nói hết lòng mình với hắn:

- Bấy lâu nay ta vẫn tin dùng Phán Thú vì đó là một người tận tâm với ta. Song lẽ, những khi nhìn bộ mặt đen sì, dữ tợn của Phán Thú, nhiều khi nghe Phán Thú tâu bày, ta bỗng giật nảy mình mà không biết duyên cớ làm sao. Chuyện ấy khanh nghĩ thế nào, hãy nói cho ta rõ.

Chỉ chờ có thể, tể tướng liền nhếch mép, vểnh bộ râu chuột ra vẻ suy nghĩ rồi chậm rãi tâu bày để còn dò ý vua:

- Muôn tâu thánh thượng, thần xin cúi đầu thưa rằng: Nhiều người, trong đó có thần đây, bấy lâu nay vẫn coi Phán Thú như một kẻ trung. Nay nghe bê hạ nói ra điều đó, thần mới giật mình nghĩ lại đôi điều thần vẫn ngờ về Phán Thú đó ạ.

Vua sững sốt hỏi ngay:

- Khanh ngờ sao?

Vân ra chiêu suy nghĩ, tể tướng rũ tay áo thụng rồi chắp tay trước bụng cúi đầu cung kính:

- Dạ, nếu thánh thượng không vội, hãy cho thần về quê Phán Thú dò xét xem sao, lúc đó tâu bày với bệ hạ cũng chưa muộn.

Nói đoạn, y đảo mắt trước mắt sau, rồi dẫu đôi môi nhọn, mỏng quẹt nói nhỏ với vua điều gì đó. Sau đấy y lại nói to:

- Dạ, lúc ấy thánh thượng ra lệnh cũng chưa muộn ạ.

Vua ngẩn người, mặt biến sắc, ngài quát lớn:

- Thật là nuôi ong tay áo! Người hãy đi ngay cho ta việc này.

Mấy ngày sau, viên tể tướng trở về. Y lén vào cung, y quỳ gối, dập đầu xuống đất, miệng nói liên hồi:

- Muôn tâu thánh thượng? Nguy rồi, nguy rồi!

Vua luống cuống vội hỏi:

- Nguy sao, nói ngay? Nguy sao, khanh?

Tể tướng vẫn dập đầu lia lịa, mồm lắp bắp:

- Dạ! Dạ! Đất quê Phán Thú là đất "Tiếm quốc" ạ.

Vua sững sờ ngồi phịch xuống ngai:

- Đất nhà Phán Thú là đất "Tiếm quốc"? Phán Thú muốn chiếm đoạt giang sơn này của ta ư! Không! Vua bỗng thét lên - Phán Thú là kẻ trung thành. Người hãy nói lại cho ta nghe đi. Đúng không? Không đúng là chém đầu người trước.

Tể tướng run bần người, ngồi nhuhn như bún. Trong khi dập đầu xuống đất, hắn chợt liếc trộm vua, rồi nói rất nhanh:

- Xin thánh thượng soi xét. Bây giờ Phán Thú còn là kẻ trung thành, nhưng đất nhà Phán Thú là đất đoạt bá tranh ngôi. Điểm ấy nay chưa ứng song sau tất sẽ ứng. Xin bệ hạ hãy tin lời thần, hậu họa đó ạ.

Bây giờ vua mới không còn nghi ngờ gì nữa, ngài liền hỏi tể tướng cách trừ họa Phán Thú tranh ngôi. Tên gian thần như được cởi tấm lòng, hắn nhuhn chân đến bên vua nói nhỏ điều gì đó. Rồi, y xoa xoa hai tay, nhéch đôi râu chuột: "Dạ, dạ, cứ thế!"

Triệt mạch! Bệ hạ sê yên tâm mà các bá quan vẫn không hề hay biết".

Thế là, ngay tức khắc, hắn linh lệnh vua xuống các làng quê vùng Yên Thế hạ gọi đủ 300 người đưa về quê Phán Thú đào hào "triệt mạch". Tên gian thần chỉ muốn đào trong một vài ngày là xong, nên hắn dùng roi ra lệnh, bắt ba trăm trai tơ không lúc nào được dừng tay cuốc thuổng. Nhưng, kỳ lạ thay, hào cứ vừa đào được thành hình thì mạch đất lại đùn lên lấp kín. Ba bốn ngày đã trôi qua mà công việc vẫn chẳng khép kín được chút nào. Tên gian thần càng lồng lộn. Tức thì, hắn cho người đi lùng sục khắp trong các làng khuân về hàng đống than tro và phân gà. Từ đó, đào được đến đâu, hắn cho đổ luôn các thứ bẩn thỉu xuống đáy. Mạch đất thôi không đùn lên nữa. May mắn sau, một con hào sâu lút đầu người, chạy vắt từ đồi làng Chùa, qua ao Cua, về đến ao Niêng, đã được hoàn tất.

Xong việc, tên gian thần vội hí hả về triều báo cho vua biết. Ngay ngày hôm sau, nhà vua đã thông cáo trước triều đình lệnh cho Phán Thú về quê ưu trí, khiến người người hết sức ngạc nhiên vì chẳng hiểu tại sao lại đột ngột có chuyện ấy.

Phán Thú lặng lẽ nhận lệnh.

Từ đó, con người cương trực không còn ở bên vua nữa. Bọn gian thần được dịp mặc sức lộng quyền, dối vua lừa dối. Triều đình chẳng mấy chốc rối loạn. Bấy giờ, vua mới thấy trong lòng trống trải. Hình ảnh Phán Thú, bề tôi trung thành, lại hiện lên khiến vua dần vặt suốt đêm ngày.

Biết vua ngày thêm râu ria vì mất người ngay thẳng, một viên quan đại thần trung trực đã gặp vua, để hỏi rõ duyên do. Được vua kể lại sự tình, viên đại thần kia liền xin vua cho lập tức về dò xét lại quê Phán Thú. Khi trở về, viên đại thần tâu rằng:

- Muôn tâu thánh thượng, thần đã xem xét rất kỹ. Mảnh đất quê nhà Phán Thú là vùng Yên Thế hạ phì nhiêu, có sông Thương vòng quanh trong mát, có núi đồi nhấp nhô, có cây

xanh, hoa tươi bốn mùa, có đồng quê hai mùa lúa chín, có xóm thôn khói tỏa êm đềm, khắp nơi trai gái, già trẻ đều cần cù, chịu khó, ai ai cũng biết điều hơn lẽ thiêt... Đây chính là mảnh đất "Phù quốc" chứ đâu phải là đất "Tiếm quốc". Thần trộm nghĩ đã có kẻ vì tư thù Phán Thú, đã đem chuyện dị đoan mà đặt chuyện. Cúi mong bệ hạ soi xét, kéo để oan cho một trung thần.

Vua giật mình. Ngài lập tức sai người đòi ngay tên tể tướng gian thần kia đến khảo xét. Mới qua một đòn, hắn đã phải nhận hết tội đặt điều xằng bậy cho Phán Thú. Tức thì, vua hạ lệnh cho dao phủ dẫn tên gian thần ra pháp trường chặt đầu vì y đã do tư thù mà mưu hại người trung.

Sau đó, vua cho người về quê Phán Thú vời ông ra làm quan như trước. Nhưng khi quan quân tới nơi, cũng là lúc Phán Thú vừa qua đời.

Vua thương tiếc bế tội trung hiếu, bèn cho người về cử lễ tang và làm chay cho Phán Thú.

Sau này, trên chính mảnh đất gia đình Phán Thú ở, nhân dân đã lập một ngôi chùa để đời đời làm chay cho ông. Ngôi chùa đó đến nay vẫn còn, dân gian thường gọi là chùa Thú.

146. CHUYỆN SÓNG THẦN Ở PHÁ TAM GIANG

Trước đây, ở cửa biển về phía đông bắc tỉnh Thừa Thiên có ba ngọn Sóng Thần, tục gọi là Sóng Ông, Sóng Bà và Sóng Con. Hàng ngày, cả ba lượn sóng thần quái này hiện lên nhặt chìm thuyền qua lại, sát hại không biết bao nhiêu mạng người. Sự kinh khủng, hãi hùng lan rộng trong giới ngư phủ và cả giới thương hồ vượt biển hàng ngày. Bởi vậy mới có câu hát nói lên sự kinh sợ đó:

*Thương em anh cũng muốn vô,
Sợ truồng nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.*

Phá Tam Giang tức là chỗ Sóng Thần thường hiện ra gieo rắc tai họa kinh khủng cho mọi người. Thời kỳ này, ghe thuyền đều lảng tránh việc qua lại trên phá Tam Giang.

Sóng Thần không những hoành hành dưới biển mà còn tràn lên bờ làm sập nhà cửa, phá hại mùa màng ở các làng xung quanh phá Tam Giang. Dân chúng trong vùng đều hãi hùng kinh sợ kêu ca với quan địa phương. Quan địa phương dâng sớ về Huế xin triều đình tìm cách trừ khử Sóng Thần.

Lúc bấy giờ nhằm triều vua Tự Đức, nhà vua xem sớ xong lấy làm tức giận quyết tự tay trừ hại cho dân lành. Nhà vua mới đích thân cầm quân đến nơi quyết hạ cho được Sóng Thần.

Một cỗ đại bác được đem bố trí tại khuỷu sông, họng súng day thẳng ra biển nhằm ngay chỗ Sóng Thần thường nổi lên. Nhà vua tướng tượng đó là một hung thần khát máu chỉ biết có giết chóc sát hại, nên truyền đúc đầu đạn đại bác bằng đồng để bắn Sóng Thần.

Chuẩn bị đâu đó hoàn bị rồi, trước khi tấn công, nhà vua có đọc lời truyền cáo cảnh cáo Sóng Thần như vậy:

- "Trẫm vâng mạng Trời làm vua nước Nam, thấy ngươi cũng thuộc hàng thủy thần ở trong đất nước của trẫm, lại ngang nhiên làm điều bạo ngược, vô cớ làm hại đến dân của trẫm, nghịch với đạo Trời, bất tuân phép nước. Vậy trẫm phải ra lệnh cho nhà ngươi từ đây dẹp thói hung hăng, dứt điều tàn bạo, xa lánh chốn này. Trẫm kỳ hạn cho nhà ngươi một ngày để suy nghĩ, nếu biết phải quay mà hồi cải thì trẫm cũng rộng lòng mà tha thứ các tội đã qua. Bằng không, bấy giờ đừng có trách trẫm sao không ra ân trước".

Nhà Vua vừa dứt lời, mặt nước ở phá Tam Giang bỗng nhiên sôi sục, nước tỏa màu xanh đen cuồn cuộn biểu lộ sự tức giận của Sóng Thần. Suốt ngày đó chưa xảy ra chuyện gì. Nhà vua nhận thấy, có lẽ Sóng Thần không dám xuất hiện giao chiến

giữa ban ngày, đợi đêm tối mới ra oai hành hung tác quái. Bởi vậy nhà vua cho canh tuần khắp nơi rất là nghiêm nhặt. Tất cả quân sĩ phải sẵn sàng chờ lệnh.

Quả nhiên, màn đêm vừa buông xuống, mảnh trăng lưỡi liềm ló ra, thì mặt phá Tam Giang bát đầu lao xao nổi sóng. Gió thổi mỗi lúc một mạnh, dần dần chuyển thành tiếng gầm thét ghê hồn. Khí lạnh dùng dùng dâng lên, làm cho ai nấy rùng mình. Rồi trong phút chốc mặt biển chuyển động ba đào. Từng lượn sóng khổng lồ ập tiến tới chỗ nhà vua và quân sĩ. Nhờ ánh trăng le lói, nhà vua nhận thấy một ngọn sóng lớn như hòn núi nhỏ đen ngòm tiến về phía mình.

Tức thì, nhà vua hạ lệnh bắn đại bác vào ngọn sóng thẳn lớn nhất. Một tiếng nổ long trời lở đất, đạn đại bác trúng ngay vào đầu Sóng Thần, cả ngọn núi nước đang sôi réo sùng sục vùng tan dì, đổ ập xuống tai bời. Tiếp theo hai phát thần công nổ lên, hai ngọn sóng còn lại xô nhau chạy trốn ra biển xa.

Luôn trong mấy ngày mặt phá Tam Giang đỏ ngầu màu máu. Người ta đồn rằng Sóng Ông đã bị hạ, còn Sóng Bà và Sóng Con thì trốn chạy không biết đến cửa biển nào.

Từ đó đến sau, Sóng Thần hết còn hoành hành trên mặt biển nữa, ghe thuyền đi lại bình an.

147. ĐỊA DANH CAO LÃNH

Hồi trước có vợ chồng Đỗ Công Tường, tục danh là Lãnh, từ miền Trung đến đây lập nghiệp. Sau mấy năm chí thú làm ăn, gia tư ông Lãnh là một trong những người đủ sống. Tình hình ông Lãnh chính trực ngay thẳng nên được dân làng cử làm chức câu đương để phân xử những vụ tố tụng trong làng.

Ông bà trồng một vườn quýt. Hàng xóm thường đến đây tụ

tập để đổi khác, lâu ngày chỗ ấy thành chợ. Đó là chợ Cao Lãnh ngày nay.

Đến năm Canh Thìn (1820), nạn dịch tả hoành hành rất dữ. Dân chúng trong làng bị bệnh chết rất nhiều. Xóm làng, chợ búa trở nên vắng vẻ, ám đạm. Thuở ấy chưa có thuốc men như bây giờ. Người ta cho rằng dịch tả là do trời đất, thần thánh quở phạt. Ông Lãnh cũng không suy tư gì hơn quan niệm đương thời nên ông lập bàn thờ giữa sân chợ để khấn vái xin trời đất thần thánh giúp dân thoát khỏi tình cảnh chết chóc bệnh hoạn. Điều đáng nói là hai ông bà nguyệt thế mạng để cầu cho dân chúng thoát cảnh đau thương. Cúng xong ông bà ăn chay ba bữa từ mồng 6 đến mồng 8 tháng 6. Đến sáng mồng 9 thì bà Lãnh bị mắc bệnh đến tối thì qua đời. Dương lo việc an táng cho bà, thì ông Lãnh lại phát bệnh và đến 2 giờ khuya mồng mười rạng ngày mười một thì ông qua đời. Nhân dân trong làng lo việc chôn cất ông bà xong thì bệnh tả cũng dứt luôn. Dân chúng trở lại cuộc sống an lành như cũ. Do vậy, dân chúng cho rằng nhờ vợ chồng ông Lãnh thế mạng nên cứu được chúng dân. Sau đó, dân làng lập miếu ngay trên ngôi mộ của hai ông bà, tại làng Mỹ Trà bên bờ mé kinh Thầy Khâm để thờ phụng gọi là miếu ông Chủ Chợ.

Chợ vườn quýt từ đây được gọi theo tên ông. Vì tên tục ông là Lãnh lại làm chức câu đương, nên dân chúng thường gọi ông là Câu Lãnh và chợ được gọi là chợ Câu Lãnh. Chợ Câu Lãnh ngày càng thịnh. Người đến mua bán lại đọc trêch Câu Lãnh thành Cao Lãnh và tên Cao Lãnh được dùng từ đó đến nay.

148. SỰ TÍCH RẠCH BÀ HÉT

Ngày ấy, Nguyễn Ánh rước quân Xiêm về xâm lấn đất Gia Định. Lớp lớp quân lính và thuyền bè kéo về đóng chật vùng sông Tiền.

Nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy từ Quy Nhơn kéo về đóng ở Mỹ Tho để đánh đuổi quân giặc. Quân ta không đông nhưng giỏi. Người đi chật đất, giáo gươm sáng trời nhưng hàng lối trật tự và im lặng. Hai bên bờ sông Tiền gần với Rạch Gầm, Xoài Mút được Nguyễn Huệ chọn làm nơi giấu quân và trận địa quyết chiến với giặc. Từ Mỹ Tho, nghĩa quân cho thuyền lên nơi giặc đóng quân khiêu chiến đánh nhau một lát rồi bỏ chạy. Nước sông đang ròng, giặc cho thuyền đuổi theo ào ào như tên bắn, cả đội quân giặc lao theo hòng tiêu diệt nghĩa quân Tây Sơn. Giặc Xiêm tới trận địa mai phục thì cũng là lúc nước ròng. Lệnh giao chiến truyền đến các thuyền của Tây Sơn, tiếng la ó đồng thanh thình lình vang lên nghe như sấm động. Từ hai bên bờ sông, súng lớn của Tây Sơn trút đạn như mưa xuống tàu giặc. Quân Xiêm hồn bay phách lạc không còn bụng dạ nào nghĩ đến giao tranh. Quân Xiêm lớp trúng tên trúng đạn, lớp ngã xuống sông chết đuối, lớp đầu hàng. Một số chiến thuyền của chúng chạy ra được khỏi vùng giao tranh. Ra khỏi vùng Rạch Gầm, Xoài Mút, từ mé bờ Phú Túc, một đoàn chiến thuyền có cẩm cờ đỏ của Tây Sơn xuất hiện. Đi trên chiếc thuyền đầu tiên là một nữ tướng, trông thật oai phong lẫm liệt. Đứng ở mũi thuyền nữ tướng la hét thật dữ dội, vang động cả một vùng sông nước. Quân giặc lại thêm một lần khiếp đảm, sợ hãi đến mất mặt. Không còn cách nào, quân giặc đầu hàng nghĩa quân.

Đời sau, con rạch nơi người nữ tướng giấu thuyền giấu quân được gọi là rạch Bà Hét.

149. NÚI BÀ ĐÔI OM

Thuở xa xưa, đất An Giang là chiến trường chinh chiến liên miên. Đời ông đến đời cha, đời con sang đời cháu, rồi đến chít

chắt, và mãi mãi về sau, thế hệ này sang thế hệ khác, người An Giang xưa luôn luôn phải cầm gươm đánh giặc giữ nước, giữ làng.

Quân giặc từ xa, khi thì cưỡi ngựa cưỡi voi, lúc đi thuyền chiến tràn sang quấy nhiễu chém giết, cướp phá nước ta. Giặc tới đâu, ở đó cửa nhà tan nát, lửa khói mịt trời, máu đỏ đất dai. Người An Giang thời ấy, ai cầm được giáo gươm đều tranh nhau đi đánh giặc, không đợi lệnh vua, không chờ cờ tướng. Phụ nữ, người già, trẻ em khi giặc đến, lẩn tránh lên núi vào rừng.

Trai tráng ra đi chiến trận không sợ đầu rơi, coi thường làn tên mũi đạn. Người vợ ở nhà một lòng một dạ nuôi con, nuôi mẹ, chờ chồng.

Ở làng kia - bấy giờ ta gọi Thới Sơn - có đôi vợ chồng trẻ vừa sinh được đứa con trai. Đứa con no tròn bụ bẫm, suốt ngày chơi giỡn, vợ chồng người ấy rất đỗi vui mừng. Sáng sớm, hai vợ chồng khi xuống ruộng lúc lên nương. Cậu bé ở nhà, ngoan ngoãn trong vòng tay, trong tiếng ru ngọt dịu của bà. Mỗi chiều về, sau một ngày cuốc, cà vát vả, nhìn con nhoen miệng cười, vợ chồng quên hết mệt nhọc cả ngày.

Thình lình giặc đến. Lần này chúng đến rất đông. Bóng giặc đen đặc cả đường bộ lẫn đường sông. Chúng đánh dẹp cả đất Chân Lạp để lấy lối đi. Trai tráng trong làng ùn ùn kéo nhau đánh giặc. Người chồng từ giàa già đình cầm kiếm lên đường. Anh bịn rịn ôm con và tì tê dặn vợ ở nhà chịu khó cố gắng nuôi mẹ, nuôi con.

Chồng đi rồi, người đàn bà tần tảo ấy đưa mẹ và con vào một hang núi xa tránh giặc. Sáng xuống đồng chăm sóc lúa, chiều lên rẫy vun vén gốc khoai. Người vợ vắng chồng ấy - cũng như tất cả những người đàn bà có chồng đi chinh chiến nơi xa - chắt chiu con cá, củ khoai nuôi mẹ, nuôi con. Hôm nào không rau, không cá, mẹ con bà cháu cùng nhau củ mì đỡ lòng. Đêm đến

chị đội cà om¹ xuống làng lấy nước cho mẹ uống, tắm giặt cho con. Mỗi chuyến đi chỉ đội được một cà om nước, lò dò từng bước ngược lên triền đá, hẻm núi cheo leo. Mỗi đêm, phải đội nước nǎm bấy lần như vậy mới đủ nước dùng cho con, cho mẹ, cho bà. Trên núi đôi nơi cũng có giếng nước mưa, nhưng dân làng bảo nhau để dành khi thắt ngặt. Ấy là lúc giặc đến chiếm làng.

Năm ấy han hán kéo dài, ròng rã mấy tháng hè trời chưa đổ một cơn mưa. Các khe suối cạn khô, giặc lại chiếm làng ở mãi không đi. Cả làng trông nhờ vào mấy giếng nước con trên núi. Những bô lão trong làng phải đứng ra phân phổi nước uống nước ăn. Chuyện tắm giặt đã đến bước ngặt nghèo. Mỗi gia đình chỉ được múc một hoặc hai cà om nước trong ngày, theo số người nhiều ít.

Mỗi khi đội nước về, chén nước đầu tiên chị dành cho mẹ, chén kế cho con. Còn chị, khi nào khát lấm mải hớp một hai ngum cho đỡ cháy lòng.

Giếng trên núi không còn một giọt nước, mẹ và con đã khát mấy hôm rồi. Mẹ không còn thở ra hơi, con khóc không ra tiếng, môi chị cũng khô rom. Nhìn mẹ, nhìn con lòng chị đau như ai cắt ruột. Ngày ngày khi trời gần khuất bóng, chị vác cà om ra bãi đánh cá ngồi chờ đêm xuống liền mò về xóm đội nước lên núi cứu mẹ, cứu con. Đêm nào chị cũng lần dò từng bước trong màn tối kín bụng, chân đi xiêu ngã, người chị nhẹ tênh như chiếc lá, lúc nào cũng chực quy xuống đường. Nhưng đã nhiều đêm rồi chị chưa mang được cho mẹ cho con một giọt nước. Khi vừa đến bìa làng giặc đã rộ lên, đèn đuốc sáng choang, chị phải lùi vào lùm cây tránh giặc. Khi lấy được nước, mới đi được một quãng đường, giặc đuổi theo, chị phải vứt cà om chạy trốn.

1. Một loại đồ dùng đựng nước của đồng bào ở vùng núi An Giang, làm bằng đất nung, hình dáng giống trái bầu tròn.

Một buổi hoàng hôn, chị tựa lưng vào tảng đá, đầu đội cà om, chờ đêm xuống lẩn bước về làng. Chợt nghe tiếng chiêng vang dội xa xa, chị đưa đôi mắt nhò nhè nhìn về phía khói lửa và cát bụi tung mù. Trong hai hố mắt lõm sâu úa ra giọt nước. Chị biết nơi đó người chồng thân yêu của chị và trai tráng trong làng đang liều thân đọ kiếm với quân thù. Từng lúc chị nghe được tiếng chiêng khua, ngựa hí và cả tiếng quân reo theo gió bay về với chị. Chị thấy cả bóng chồng dũng mãnh bay tới vung gươm chém xả địch quân.

Chị đứng lặng im trong bóng hoàng hôn, không biết đến những tiếng ríu rít của đàn chim về núi và khói bụi nơi kia tan mờ lúc nào. Thịnh lành trời nổi cơn giông. Gió vun vút. Mây đen cuồn cuộn kín mít bầu trời. Một lúc, mây đen mây trắng loãng ra, cơn mưa ào ào đổ xuống. Mưa mịt mù, bầu trời trắng xóa nước mưa. Mưa dữ như đê vỡ đập tràn. Núi rừng mêt dạng trong màn mưa. Suối ầm ầm chảy, nước băng băng vượt qua ghềnh đá, chồm lên đá tảng đá triển ào ạt tuôn xuống xóm làng. Cỏ cây vật vờ trong nước. Người ngựa của giặc chết chìm chết nổi, trôi dạt xuống tận đồng xa.

Khi trời vừa đổ mưa, người đàn bà đứng bên tảng đá hết sức vui mừng, chị gào rất to: Nước! Nước! Mưa! Chị kêu rất lớn không rõ kêu ai, chị cảm ơn ai. Hai tay run run bưng cà om đưa ra phía trước hứng lấy nước mưa. Một chút nữa thôi, mẹ và con hết khát. Mẹ sẽ uống no nê, con sẽ tắm tha hồ. Cà om nước đã tràn đầy. Chị há mồm nuốt ừng ực từng ngụm nước mưa. Đưa cà om nước lên đầu, chị toan quay vào hang. Nhưng đôi chân không nhắc lên nổi. Người chị chực ngã về phía trước. Chị tựa sát vào vách đá, tay giữ chặt cà om nước tràn đầy. Không sao nhắc lên một bước, chân tay cứng ngắc như tượng gỗ trong chùa. Chị muốn kêu lên, nhưng hai hàm răng nghiến chặt vào nhau, không thể nào há ra được. Một niềm đau đớn cùng cực lan khắp thân người lạnh cứng như băng của chị. Chị đứng im,

càng tựa sát người vào đá cố giữ cà om nước tràn đầy đừng rời khỏi đôi tay.

Chị đứng như thế cho đến lúc tạnh hòn cơn mưa dai khùng khiếp chưa thấy bao giờ. Chị đứng như thế cho đến khi dân làng kéo đến cứu sống người mẹ và đứa con của chị. Chị đứng như thế cho đến khi người chồng hân hoan mang lá cờ chiến thắng ghim đầy tên nhọn trở về. Và chị đứng mãi mãi như thế trên triền núi nhỏ xã Thới Sơn, mắt nhìn ra đồng bâi bao la cho đến bây giờ.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU.....	5
1. SỰ TÍCH CỔ ĐÔ VIỆT THƯỜNG.....	7
2. HÙNG VƯƠNG CHỌN ĐẤT ĐÓNG ĐÔ	8
3. TRUYỀN MỘC TINH.....	10
4. TRUYỀN NGƯ TINH	12
5. HẠT LÚA THẦN.....	13
6. BÀ TỔ NGHÈ DỆT LÚA.....	14
7. VUA HÙNG ĐI SĂN	15
8. VUA HÙNG DẠY DÂN CẤY LÚA	16
9. CHÀNG ÚT SOI.....	17
10. ĐỊNH THIÊN TÍCH	17
11. SỰ TÍCH HÁT XOAN.....	18
12. RAU CÂN VÀ TỤC THỜ CƠM SỐNG	19
13. HỘI HÁT HUÂY DÔ	19
14. ĐẤP THÀNH NGĂN NƯỚC	20
15. BA CHÀNG QUAN LANG ĐI SĂN (<i>Sự tích núi Nghĩa, núi Văn, núi Nôn</i>)	20

264	<i>Tinh hoa văn học dân gian người Việt</i>
16. MỤ GIA	22
17. BÀ TĂNG MÁ	23
18. VUA BÀ	25
19. THÁNH MẪU THƯỢNG NGÀN	29
20. RỪNG MỌC TỪ VỒ ĐẬP ĐẤT	30
21. CHÙA TRẦN QUỐC	31
22. THẦN TRẦN VŨ	32
23. TRUYỆN CON TRÂU VÀNG Ở HUYỆN TIỀN DU	36
24. TRUYỆN HỒ TÂY	37
25. SỰ TÍCH NÚI CÁNH DIỀU	38
26. NHÀ SƯ CHÙA AN NINH VỚI VỊ TƯỚNG QUÂN	42
27. TRUYỆN THẦN SÓNG BẠCH HẠC	46
28. ĐỐNG CHẢI ĐẦU (<i>Hay sự tích Đồng Giải</i>)	48
29. NÀNG LIÊN HƯƠNG (<i>Hay sự tích làng Chanh, làng Đùng, làng Truật</i>)	48
30. VUA LÊ ĐẠI HÀNH VỚI VÙNG SÔNG NHUẾ	51
31. SỰ TÍCH XÃ QUÁN TRIỀU	52
32. TRUYỆN HỒ TỊNH	53
33. SỰ TÍCH CHÙA MỘT CỘT	54
34. SỰ TÍCH MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA	55
35. TRUYỆN CHÙA YÊN LĂNG	55
36. SỰ TÍCH CÁC THẦN Ở ĐÊN CAO	56

<i>Truyền thuyết Địa danh - Phong tục</i> - Quyển 5.....	265
37. SỰ TÍCH LÀNG NGHĨA TRANG.....	59
38. TRUYỀN THUYẾT ĐỐNG CAO	60
39. TRUYỀN VỊ THẦN Ô CHẦM LÂN ĐÀM	61
40. TRUYỀN VỊ THẦN LÀNG BỐ BÁI	62
41. TRUYỀN CHÙA BỐI KHÊ	63
42. SỰ TÍCH HỒ GUƠM	65
43. NÚI ÔNG TRẠNG VÀ CÁNH ĐỒNG NGÔ NGĀ	67
44. HĂM MỐT LÊ LAI, HĂM HAI LÊ LỢI, HĂM BA GIỔ MỤ HÀNG DẦU	68
45. VIỆN CHÂU LÂM VÀ CHÙA BÀ ĐANH	71
46. THÀNH LỤC NIÊN	72
47. CÁNH ĐỒNG MÃU HẬU	74
48. CÁNH ĐỒNG AO VOI	76
49. SÔNG CẦU CHÀY CHÓ CHẠY ĐÚT ĐUÔI	79
50. SỰ TÍCH NÚI MỤC	80
51. SỰ TÍCH NÚI DẦU	82
52. SỰ TÍCH NÚI SẬU	84
53. ĐỐNG CẨM	85
54. CỐM LÀNG THẠC	88
55. SỰ TÍCH THẦN NÚI TAM ĐẢO	90
56. SỰ TÍCH ĐỀN TRẤN VÔ	91
57. SỰ TÍCH SÔNG ĐỘC	93

266	<i>Tinh hoa văn học dân gian người Việt</i>	
58.	TRUYỆN ÔNG SƯ TIÊN NÚI NUA	94
59.	TRUYỆN LẠ NÚI NUA	97
60.	SỰ TÍCH ĐÀM ĐỔ LÂM	99
61.	TRUYỆN THỦY THẦN SÔNG KIM TUNG.....	100
62.	SỰ TÍCH SUỐI RẮN	103
63.	TRUYỆN ĐỀN THỜ TRƯƠNG BA.....	104
64.	TRUYỆN NGỌC NỮ	107
65.	TRUYỆN LÁI BUÔN PHƯƠNG BẮC GIẤU VÀNG.....	112
66.	TRUYỆN THÁY ĐỊA LÝ TẢ AO	115
67.	DẬT SỰ ÔNG TIÊN HỌ PHẠM	117
68.	TRUYỆN THÀNH ĐẠO TỬ.....	118
69.	CHUÔNG VÀNG, CHUÔNG ĐỒNG.....	120
70.	TRẠNG CHIẾU	121
71.	TRẠNG VẬT	122
72.	TRUYỆN BÃI TỰ NHIÊN CÙNG ĐÀM NHẤT DA.....	125
73.	ĐỀN THANH TƯƠNG HÀU	125
74.	SỰ TÍCH CHÙA NHƯ PHƯỚC.....	126
75.	TRUYỀN THUYẾT TƯỢNG NGHÈ	127
76.	SỰ TÍCH SÔNG DÙNG	128
77.	SỰ TÍCH MIẾU BÀ CHÚA NGựa	130
78.	SỰ TÍCH HÒN ĐÁ NÚI LA HÁN	130
79.	TRUYỀN NGÔI ĐỀN THIÊNG XÃ BỘ ĐẦU.....	131

<i>Truyện thuyết Địa danh - Phong tục</i> - Quyển 5.....	267
80. TRUYỆN NGÔI ĐỀN THIÊNG Ở THANH HOA	133
81. CHÚ VOI QUÈ HÓA NÚI.....	134
82. SỰ TÍCH VÙNG ĐẤT LA HAI	135
83. QUÁN CHÁO	136
84. SỰ TÍCH TÁI SINH.....	137
85. ÔNG ĐỒNG ĐỒNG KHÊ VÀ SỰ TÍCH GIẾNG LĂN	143
86. CÁ VOI	145
87. TRUYỆN NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG	146
88. TRUYỆN VỀ VÙNG ĐẤT ĐẠI LÃNH	148
89. SỰ TÍCH ĐÌNH MÈ	148
90. BÀ CHÚA VĨNH	150
91. HAI ANH EM HỌ QUÁCH	153
92. CẦU CHẸM VÀ KHỐI VÀNG CỦA BÀ CỐNG KỶ	154
93. ĐỀN MUỐI.....	155
94. CHUYỆN CON GIẢI THÂN Ở KHÊ HẠ	157
95. TRUYỀN THUYẾT VỀ THIÊN YA NA	159
96. BA ÔNG THỢ THỔ (<i>Hay là sự tích Tục chạy hối loan</i>).....	162
97. ÔNG TÀ GIÁM ĐÀN	165
98. ÔNG THẮP ĐÈN, ÔNG ĐÁNH CHIÊNG, ÔNG CHIÊNG LỆNH	168
99. ÔNG TRẠNG VẬT	172
100. MAY ÁO CHỒNG BẰNG HƠI THỎ ÁM	174

268.....	<i>Tinh hoa văn học dân gian người Việt</i>
101. ÔNG THẦN ĐỒ	177
102. CHÀNG ĐÁNH GIẶC BẰNG CÁI MÓNG TAY	181
103. ÔNG RÚT SUỜN	182
104. ÔNG MỎ BỤNG	183
105. BÀ ÁO THE	184
106. NÀNG NUÔI CON Ở TRONG BỤNG NGỌC	185
107. NÀNG TRĂM SẮC	186
108. NÀNG VÚ THÚNG	187
109. MỘT GIỌT MÁU ĐÀO	188
110. BÀ ĐÊNH - LINH SƠN THÁNH MẪU	190
111. BÀ CHÚA XÚ	191
112. BÀ CHÚA VỐT	192
113. NGÔ THỊ NƯƠNG NƯƠNG	194
114. TRUYỀN BÀ VẠN	196
115. BÀ SỞ	199
116. SỰ TÍCH CÂY ĐA THẦN	200
117. SỰ TÍCH ĐÌNH LÀNG MẼ TRÌ, HOÀI ĐỨC, HÀ ĐÔNG	202
118. PHẬT SAY LÀNG THỦY	202
119. ĐÌNH VÀ LÀNG THÁI TẾ	204
120. NGỌC HÀ, NÚI SỮA VÀ CHUYỆN HUYỀN THIỀN HẮC ĐẾ	206
121. PHƯỜNG KHÁN XUÂN VÀ NÚI KHÁN SƠN	207

<i>Truyền thuyết Địa danh - Phong tục</i> - Quyển 5.....	269
122. SỰ TÍCH HÒN NÚI ĐẤT, HÒN SANG, HÒN SẦM, NÚI HÒN QUẢI VÀ DÒNG SÔNG.....	208
123. NGƯA BẠCH TRUNG THÀNH HAY SỰ TÍCH ĐÈO CỐ MÃ.....	210
124. ĐƯỜNG CÂY QUAN TRẠNG.....	211
125. ĐÌNH NHÂN LÝ.....	213
126. LỄ RUỐC "XÔNG HỆ" Ở ĐÌNH VẠN NIÊN.....	215
127. TÍCH CÂY MÍA VÀ LỄ CHIÊU HỒN	218
128. ĐỐNG CÁP	218
129. THẦN ĐỘC CƯỚC VÀ ĐỀN ĐỘC CƯỚC	221
130. SỰ TÍCH NÚI SẦM SƠN	224
131. NÚI TRƯỜNG LỆ.....	225
132. SỰ TÍCH NÚI SẦM VÀ NÚI NHẠN	227
133. SỰ TÍCH HANG THUÔNG LUÔNG	228
134. MÚA BÓNG ĐÁNH BÊT	230
135. SỰ TÍCH GHÈNH BỘ	231
136. ÔNG CÀO GÒ ĐỐNG	232
137. CẦU LÀNG SÀI	233
138. GÒ CON NGƯA	235
139. ĐÔI VOI ĐÁ Ở ĐÊN CAO	238
140. CHUYỆN GIẾNG TIÊN	239
141. ĐỐNG NỐI	241

270.....	<i>Tinh hoa văn học dân gian người Việt</i>
142. SỰ TÍCH SÔNG KINH THÀY	242
143. CẦU GIẢI YẾM	245
144. CỐ GHÉP	247
145. PHÁN THÚ	250
146. CHUYÊN SÓNG THẦN Ở PHÁ TAM GIANG	254
147. ĐỊA DANH CAO LÃNH	256
148. SỰ TÍCH RẠCH BÀ HÉT	257
149. NÚI BÀ ĐỘI OM	258

TRUYỀN THUYẾT
ĐỊA DANH – PHONG TỤC
VÀ TRUYỀN THUYẾT KHÁC

Quyển 5



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ

Biên tập nội dung:

BAN BIÊN TẬP

Kỹ thuật vi tính:

NGUYỄN HẰNG

Sửa bản in:

PHẠM HÀ

Trình bày bìa:

NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.020 cuộn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty Cổ phần in
và thương mại Đông Bắc.

Số đăng ký KHXB: 136 – 2009 / CXB / 35 – 14 / KHXH.

Số QĐXB: 23 / QĐ - NXB KHXH ngày 18/02/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2009.

Sách Phát hành Kỷ niệm 10 năm thành lập
Nhà sách **Thăng long**



101101093

